

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 41/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2026

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: 5
	Ngày: 25/01/2026

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định:

1. Chi tiết nội dung thuộc thẩm quyền của Chính phủ được quy định tại khoản 5 Điều 21; Điều 24; khoản 5 Điều 25; khoản 2 và khoản 4 Điều 28; Điều 32; khoản 5 Điều 34; khoản 2, khoản 3 và khoản 6 Điều 35; khoản 5 Điều 38; khoản 1 và khoản 3 Điều 44; khoản 1 Điều 48; khoản 2 Điều 50; khoản 3 Điều 51; khoản 2 Điều 53; khoản 7 Điều 56; Điều 63; khoản 4 Điều 64; khoản 1 Điều 66; Điều 68; khoản 4 Điều 69; Điều 72; khoản 2 Điều 89 Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật Thủy sản).

2. Quy định về giám sát viên trên tàu cá Việt Nam hoạt động khai thác ở vùng biển Việt Nam; cấp phép xuất khẩu loài thủy sản có tên trong Danh mục loài thủy sản cấm xuất khẩu hoặc Danh mục loài thủy sản xuất khẩu có điều kiện nhưng không đáp ứng điều kiện vì mục đích nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế; kiểm soát tàu nước ngoài khai thác, vận chuyển, chuyển tải thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác cập cảng Việt Nam; kiểm soát thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác được vận chuyển bằng tàu công ten nơ nhập khẩu vào Việt Nam; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc kiểm soát tàu nước ngoài khai thác, vận chuyển, chuyển tải thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác cập cảng Việt Nam

và kiểm soát thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác được vận chuyển bằng tàu công ten nơ nhập khẩu vào Việt Nam; kích thước tối thiểu được phép khai thác của loài thủy sản sống trong vùng nước tự nhiên; trách nhiệm của các bộ, ngành có liên quan và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động thủy sản hoặc có liên quan đến hoạt động thủy sản trong nội địa, đảo, quần đảo và vùng biển của Việt Nam; tổ chức, cá nhân Việt Nam hoạt động khai thác thủy sản ngoài vùng biển Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nuôi trồng thủy sản là hoạt động kiểm soát, quản lý quá trình nuôi, trồng các loài sinh vật thủy sinh trong môi trường nhất định nhằm tạo ra sản phẩm phục vụ nhu cầu của con người.

2. Nuôi trồng thủy sản thâm canh là hình thức nuôi với mật độ thả giống cao, sử dụng hoàn toàn thức ăn thủy sản và áp dụng các biện pháp kỹ thuật để tối đa hóa năng suất, sản lượng trên đơn vị diện tích hoặc thể tích nuôi.

3. Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh là hình thức nuôi với mật độ thả giống thấp hơn so với hình thức thâm canh, kết hợp sử dụng thức ăn tự nhiên và thức ăn thủy sản, áp dụng các biện pháp kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, sản lượng trên đơn vị diện tích hoặc thể tích nuôi.

4. Giá thể trong nuôi trồng thủy sản là vật liệu hoặc cấu trúc được sử dụng trong khu vực nuôi nhằm tạo bề mặt bám, cung cấp nơi sinh sống, trú ẩn và phát triển cho loài thủy sản nuôi.

5. Tuyến bờ là đường gấp khúc được tạo bởi các đoạn thẳng nối liền từ điểm 01 đến điểm 18. Tọa độ các điểm từ điểm 01 đến điểm 18 được xác định bởi kinh độ và vĩ độ quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

6. Tuyến lộng là đường gấp khúc được tạo bởi các đoạn thẳng nối liền từ điểm 01' đến điểm 18'. Tọa độ các điểm từ điểm 01' đến điểm 18' được xác định bởi kinh độ và vĩ độ quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

7. Hệ thống giám sát hành trình tàu cá là hệ thống được tích hợp bởi thiết bị lắp đặt trên tàu cá kết nối với trung tâm dữ liệu giám sát hành trình tàu cá để quản lý, giám sát hành trình, hoạt động của tàu cá.

8. Thiết bị giám sát hành trình tàu cá là thiết bị đầu cuối lắp đặt trên tàu cá để nhận, lưu trữ và truyền phát các thông tin liên quan đến quá trình hoạt động của tàu cá; được kích hoạt, cài đặt để truyền dữ liệu về phần mềm giám sát hành trình tàu cá.

9. Dữ liệu giám sát hành trình tàu cá là dữ liệu về vị trí tàu cá, hành trình tàu cá đã được cập nhật, lưu trữ tại phần mềm giám sát hành trình tàu cá do cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý.

10. Chuyển tải thủy sản là hoạt động chuyển thủy sản, sản phẩm thủy sản khai thác từ tàu này sang tàu khác.

11. Tàu hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản bao gồm: tàu thăm dò, tìm kiếm, dẫn dụ nguồn lợi thủy sản, tàu vận chuyển (chuyển tải, chế biến) thủy sản, sản phẩm thủy sản (trừ tàu chở thủy sản, sản phẩm thủy sản bằng công ten nơ).

12. Khai thác thủy sản bất hợp pháp là hoạt động khai thác thủy sản được thực hiện bởi tàu cá Việt Nam hoặc tàu cá nước ngoài trong vùng biển thuộc quyền tài phán của một quốc gia mà không được phép, trái với luật pháp và quy định của quốc gia đó; hoạt động của tàu cá treo cờ của quốc gia đã ký kết thỏa ước với tổ chức quản lý nghề cá khu vực nhưng trái với các biện pháp bảo tồn và quản lý có tính chất ràng buộc của tổ chức đó; hoặc hoạt động vi phạm các quy định của luật pháp quốc tế và các nghĩa vụ quốc tế liên quan.

13. Khai thác thủy sản không báo cáo là hoạt động khai thác thủy sản không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ cho cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam theo quy định của pháp luật; hoặc hoạt động trong khu vực thuộc thẩm quyền của tổ chức quản lý nghề cá khu vực liên quan mà không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ theo quy trình, thủ tục báo cáo của tổ chức đó.

14. Khai thác thủy sản không theo quy định là hoạt động khai thác thủy sản được thực hiện trong khu vực quản lý của tổ chức quản lý nghề cá khu vực bởi tàu cá không quốc tịch, tàu cá của quốc gia không thành viên hoặc thực thể khác theo cách thức trái với các biện pháp bảo tồn và quản lý của tổ chức đó; hoặc hoạt động khai thác tại vùng biển hoặc đối với loài thủy sản chưa có quy định bảo tồn, quản lý cụ thể nhưng được thực hiện trái với trách nhiệm quốc gia về bảo tồn nguồn lợi sinh vật biển theo luật pháp quốc tế.

15. Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá là khu vực chuyên dụng dành cho tàu cá neo đậu tránh trú bão, bao gồm: Kết cấu hạ tầng khu tránh trú bão, cơ sở dịch vụ hậu cần khu tránh trú bão, vùng nước đậu tàu, luồng vào khu tránh trú bão và khu hành chính.

a) Kết cấu hạ tầng khu tránh trú bão bao gồm: đê, kè chắn sóng, ngăn sa bồi; luồng lạch; neo đậu tàu (các trụ, phao neo tàu, xích neo, rùa neo); hệ thống phao tiêu, biển báo; hệ thống chiếu sáng; hệ thống thông tin liên lạc;

b) Cơ sở dịch vụ hậu cần khu tránh trú bão bao gồm: cơ sở cung ứng dịch vụ thiết yếu tối thiểu (nước ngọt, lương thực thực phẩm, thông tin liên lạc, y tế, vật tư, sửa chữa nhỏ, cứu nạn, giải quyết sự cố) phục vụ ngư dân và tàu cá đảm bảo giải quyết các yêu cầu cấp thiết và sự cố tai nạn;

c) Vùng nước đậu tàu là vùng nước trước cầu cảng, vùng nước bố trí neo đậu tàu, luồng vào khu neo đậu tàu và vùng nước dành cho cung ứng, dịch vụ hậu cần;

d) Luồng vào khu tránh trú bão là luồng nối từ vùng nước mà tàu hoạt động đến vùng nước đậu tàu;

đ) Khu hành chính bao gồm: các kết cấu hạ tầng, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, điều hành hoạt động của khu tránh trú bão (nhà lưu trú, điều hành, bảo vệ; hệ thống đường giao thông nội bộ; hệ thống điện, nước, xử lý nước thải, phòng cháy, chữa cháy; trang thiết bị).

16. Trung tâm nghề cá lớn là khu vực gắn với ngư trường khai thác thủy sản có lợi thế về kinh tế, xã hội, tài nguyên, nguồn nguyên liệu, hạ tầng kỹ thuật, có ranh giới và quy chế hoạt động riêng, làm đầu mối sản xuất, thương mại, dịch vụ hậu cần nghề cá trong thể liên hoàn, liên kết để giảm chi phí, tăng sức cạnh tranh, bao gồm: các khu chức năng đặc thù, các cơ sở chuyên ngành.

a) Khu chức năng đặc thù bao gồm: các khu vực chế biến thủy sản; sửa chữa, sản xuất ngư lưới cụ, đóng, sửa tàu thuyền cung cấp máy móc, trang thiết bị cho tàu cá thiết bị hàng hải, thông tin liên lạc; khu neo đậu tránh trú bão; cơ sở đăng kiểm tàu cá; cơ quan kiểm ngư vùng, cầu cảng neo đậu của tàu, thuyền kiểm ngư; trung tâm cứu hộ, cứu nạn;

b) Cơ sở chuyên ngành của trung tâm nghề cá lớn bao gồm cơ sở đào tạo, nghiên cứu, tài chính, trung tâm hội chợ triển lãm phục vụ hoạt động thủy sản.

17. Đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình tàu cá là đơn vị được cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo công khai theo quy định.

18. Tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản là phương tiện thủy do cơ sở nuôi trang bị dùng để vận chuyển dụng cụ, vật tư, trang thiết bị, thủy sản nuôi trồng giữa bờ và khu vực nuôi trồng thủy sản hoặc thực hiện một số công đoạn khác phục vụ nuôi trồng thủy sản. Tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản có chiều dài lớn nhất từ 06 mét trở lên phải đăng ký và có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên phải đăng kiểm theo quy định áp dụng đối với tàu cá.

19. Thức ăn thủy sản tự chế biến trong nuôi trồng thủy sản là loại thức ăn được cơ sở nuôi trồng thủy sản tự phối trộn và chế biến từ các nguồn nguyên liệu sẵn có tại địa phương hoặc từ các phụ phẩm thủy sản, nông sản và thực phẩm; chỉ được sử dụng tại cơ sở nuôi trồng thủy sản mà không lưu thông trên thị trường.

20. Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh là Chi cục được giao quản lý nhà nước về thủy sản, kiểm ngư hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường (đối với địa phương không có Chi cục quản lý nhà nước về thủy sản, kiểm ngư).

Điều 4. Quy định chung về thực hiện thủ tục hành chính trong Nghị định này

1. Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính thông qua các cách thức sau đây:

- a) Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa;
- b) Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật đến Bộ phận Một cửa;
- c) Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.

2. Hình thức hồ sơ:

- a) Trường hợp nộp hồ sơ theo cách thức quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này: Các thành phần hồ sơ là bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y hoặc bản sao chứng thực. Tổ chức, cá nhân có thể nộp bản sao y và mang bản chính đến đối chiếu tại thời điểm nộp hồ sơ thay vì nộp bản sao chứng thực trong trường hợp nộp hồ sơ theo cách thức quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;
- b) Trường hợp nộp hồ sơ theo cách thức quy định tại điểm c khoản 1 Điều này: Các thành phần hồ sơ là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc bản gốc, bản chính được scan theo quy định.

3. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính, phương thức nộp phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính khác, cách thức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thực hiện theo quy định của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

5. Trường hợp hồ sơ là bản bằng chữ nước ngoài phải có bản dịch ra tiếng Việt được chứng thực theo quy định.

6. Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hồ sơ đã nộp.

7. Trường hợp thiên tai, dịch bệnh không thể tổ chức kiểm tra, đánh giá thực tế tại cơ sở để cấp giấy phép, giấy chứng nhận, văn bản chấp thuận, kiểm tra hoặc kiểm tra duy trì điều kiện của cơ sở:

a) Cơ quan có thẩm quyền áp dụng hình thức đánh giá trực tuyến khi cơ sở đáp ứng yêu cầu về nguồn lực, phương tiện kỹ thuật thực hiện; cơ sở cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan bằng bản giấy hoặc bản điện tử cho cơ quan có thẩm quyền hoặc tạm hoãn hoặc gia hạn có thời hạn giấy phép, giấy chứng nhận, văn bản chấp thuận, thời hạn kiểm tra hoặc kiểm tra duy trì;

b) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức đánh giá sự phù hợp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin, tài liệu, hình ảnh, hồ sơ cung cấp cho cơ quan cấp phép. Việc kiểm tra, thẩm định đánh giá thực tế sẽ được thực hiện sau khi các địa phương kiểm soát được thiên tai, dịch bệnh theo quy định của pháp luật; thực hiện thu hồi ngay giấy phép và xử lý vi phạm đối với trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật;

c) Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn nội dung nghiệp vụ, kỹ thuật để thực hiện các biện pháp trong trường hợp cần thiết tại điểm a và điểm b khoản này.

8. Trong Nghị định này có nội dung quy định khác với quy định nêu tại khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 5 Điều này thì thực hiện theo quy định đó.

Chương II

QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN LỢI THỦY SẢN

Điều 5. Chức năng, nhiệm vụ của Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản

1. Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản có chức năng hỗ trợ cho các chương trình, dự án, hoạt động phi dự án về lĩnh vực bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản không nằm trong kế hoạch ngân sách trên phạm vi toàn quốc.

2. Nhiệm vụ của Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản bao gồm:

a) Vận động, tiếp nhận và quản lý nguồn đóng góp tự nguyện, tài trợ, từ thiện, ủy thác của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước;

b) Tổ chức thẩm định, quyết định hỗ trợ, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu kết quả chương trình, dự án, hoạt động phi dự án do Quỹ hỗ trợ;

c) Thực hiện quy định về tài chính, kế toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và pháp luật có liên quan;

d) Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

đ) Thực hiện nhiệm vụ khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Điều 6. Cơ cấu tổ chức của Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản

1. Tên gọi của Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản được quy định như sau:

- a) Quỹ ở trung ương là Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản Việt Nam (sau đây gọi là Quỹ trung ương);
- b) Quỹ cấp tỉnh là “Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản tỉnh [tên tỉnh, thành phố]” (sau đây gọi là Quỹ cấp tỉnh).

2. Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản hoạt động kiêm nhiệm và được quy định như sau:

- a) Quỹ trung ương: Bộ máy quản lý Quỹ sử dụng công chức, viên chức, người lao động thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường, do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định;
- b) Quỹ cấp tỉnh: Bộ máy quản lý Quỹ sử dụng công chức, viên chức, người lao động thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Điều 7. Cơ chế hoạt động của Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản

1. Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng và Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ trung ương có trách nhiệm sau đây:

- a) Quản lý và sử dụng nguồn tài chính theo quy định tại Điều 8 Nghị định này;
- b) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng nguồn kinh phí do Quỹ trung ương hỗ trợ;
- c) Hướng dẫn, trao đổi kinh nghiệm về nghiệp vụ quản lý và hoạt động của Quỹ;
- d) Hỗ trợ kinh phí, kỹ thuật cho Quỹ cấp tỉnh, Quỹ cộng đồng thông qua các chương trình, dự án, hoạt động phi dự án (nếu có).

3. Quỹ cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:

- a) Quản lý và sử dụng nguồn tài chính theo quy định tại Điều 8 Nghị định này;
- b) Hỗ trợ kinh phí, kỹ thuật cho Quỹ cộng đồng thông qua các chương trình, dự án, hoạt động phi dự án;

c) Tiếp nhận, quản lý, sử dụng các nguồn tài chính, hỗ trợ kỹ thuật từ Quỹ trung ương (nếu có);

d) Chịu sự kiểm tra, giám sát của Quỹ trung ương đối với nguồn vốn do Quỹ trung ương hỗ trợ.

Điều 8. Quản lý, sử dụng tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản

1. Nguồn tài chính hình thành Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Luật Thủy sản; được quản lý theo quy định pháp luật về quản lý quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản ở trung ương được chi cho các hoạt động chủ yếu sau đây:

a) Tổ chức tuyên truyền, giáo dục; phổ biến, nhân rộng các điển hình về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên phạm vi toàn quốc;

b) Phục hồi hệ sinh thái, tái tạo nguồn lợi thủy sản; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, tạo sinh kế bền vững trên phạm vi toàn quốc;

c) Thực hiện các chương trình, dự án, hoạt động phi dự án khác do tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài ủy thác trên phạm vi toàn quốc;

d) Hoạt động bộ máy, chuyên môn nghiệp vụ của Quỹ theo quy định hiện hành;

đ) Hỗ trợ kinh phí cho Quỹ cấp tỉnh, Quỹ cộng đồng.

3. Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản ở cấp tỉnh được chi cho các hoạt động chủ yếu sau đây:

a) Các hoạt động được quy định tại điểm a, b, c, d khoản 2 Điều này trên địa bàn tỉnh, thành phố;

b) Hỗ trợ kinh phí cho Quỹ cộng đồng.

4. Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, tổ chức cộng đồng trong nước có chương trình, dự án, hoạt động phi dự án theo nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản hỗ trợ theo phương thức hỗ trợ toàn bộ hoặc một phần kinh phí để thực hiện chương trình, dự án hoặc hoạt động phi dự án được quy định tại khoản 2 Điều này.

6. Xây dựng kế hoạch thu, chi tài chính, báo cáo quyết toán tài chính hằng năm:

a) Kế hoạch thu, chi tài chính của Quỹ được trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt đối với Quỹ cấp trung ương, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đối với Quỹ cấp tỉnh;

b) Báo cáo quyết toán tài chính của Quỹ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

Chương III NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Mục 1 QUẢN LÝ GIỐNG THỦY SẢN

Điều 9. Điều kiện cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản

1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 Luật Thủy sản được quy định cụ thể như sau:

a) Hệ thống xử lý nước cấp, nước thải và hệ thống ao, bể, lồng bè bảo đảm yêu cầu kiểm soát chất lượng và an toàn sinh học; khu sinh hoạt bảo đảm tách biệt với khu vực sản xuất, ương dưỡng;

b) Trang thiết bị bảo đảm yêu cầu về kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học; thiết bị thu gom và xử lý chất thải không ảnh hưởng xấu đến khu vực sản xuất, ương dưỡng.

2. Hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học quy định tại điểm c khoản 1 Điều 24 Luật Thủy sản phải bao gồm các nội dung: Nước phục vụ sản xuất, ương dưỡng; giống thủy sản trong quá trình sản xuất; vệ sinh, thu gom và xử lý nước thải, chất thải; tiêu hủy xác động vật thủy sản chết hoặc nhiễm các bệnh phải tiêu hủy; kiểm soát giống thủy sản thoát ra môi trường bên ngoài, động vật gây hại xâm nhập vào cơ sở; thức ăn, thuốc, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.

Điều 10. Cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản và quy định về duy trì điều kiện cơ sở

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản và kiểm tra duy trì điều kiện cơ sở như sau:

a) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện; kiểm tra duy trì điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản đối với cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, đối với cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ;

b) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản; kiểm tra duy trì điều kiện cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản trên địa bàn, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này;

c) Trường hợp cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản có điều chỉnh đối tượng dẫn đến thay đổi thẩm quyền quản lý theo quy định tại điểm a sang quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thì thực hiện thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản tại cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh. Sổ Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản cấp lại thực hiện như cấp mới.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản theo Mẫu số 01.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản theo Mẫu số 02.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản gồm:

a) Đơn đề nghị theo Mẫu số 01.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi đối với trường hợp thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân.

4. Trình tự cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản:

a) Trình tự cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện:

Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đến cơ quan được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính.

Trong thời hạn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền tại khoản 1 Điều này thực hiện việc kiểm tra điều kiện của cơ sở theo Mẫu số 03.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp cơ sở đáp ứng điều kiện, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 04.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp cơ sở không đáp ứng điều kiện, trong thời hạn tối đa 90 ngày cơ sở phải thực hiện khắc phục và gửi báo cáo kết quả khắc phục đến cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận. Nếu thấy cần thiết, cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra nội dung đã khắc phục. Trường hợp cơ sở đáp ứng điều kiện, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 04.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

b) Trình tự cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện:

Khi thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 25 Luật Thủy sản hoặc điểm c khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này đến cơ quan được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 04.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp lại Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

5. Nội dung kiểm tra điều kiện cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản:

a) Kiểm tra hồ sơ đăng ký cấp, cấp lại Giấy chứng nhận;

b) Kiểm tra thực tế tại địa điểm sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Thủy sản và Điều 9 Nghị định này.

6. Kiểm tra duy trì điều kiện:

a) Việc kiểm tra duy trì điều kiện cơ sở được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 12 tháng và tối đa là 15 tháng tính từ ngày cơ sở được chứng nhận đủ điều kiện lần đầu hoặc ngày kiểm tra duy trì trước đó theo quy định.

Trường hợp cơ sở đã được tổ chức đánh giá sự phù hợp cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo quy định của pháp luật, việc kiểm tra duy trì điều kiện cơ sở được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 24 tháng và tối đa là 30 tháng tính từ ngày cơ sở được chứng nhận đủ điều kiện lần đầu hoặc ngày kiểm tra duy trì trước đó theo quy định.

b) Cơ quan kiểm tra thông báo thời gian kiểm tra duy trì điều kiện cho cơ sở trước 05 ngày làm việc và kiểm tra duy trì điều kiện cơ sở theo các nội dung quy định tại Mẫu số 03.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp cơ sở đáp ứng đủ điều kiện duy trì, sau 05 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra, cơ quan thẩm định thực hiện thông báo kết quả, thời gian duy trì điều kiện đến cơ sở được kiểm tra.

Trường hợp cơ sở thực hiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản trên thực tế nhưng duy trì không đầy đủ điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 24 Luật Thủy sản, khoản 2 Điều 9 Nghị định này, cơ sở thực hiện khắc phục và báo cáo kết quả khắc phục tới cơ quan kiểm tra trong thời hạn 30 ngày. Sau 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả khắc phục, cơ quan kiểm tra thông báo kết quả, thời gian duy trì điều kiện đến cơ sở.

c) Trong thời gian duy trì, trường hợp cơ sở không có nhu cầu duy trì điều kiện theo quy định, phải thông báo đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này để thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận và công khai trên trang thông tin của cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận.

7. Khi phát hiện cơ sở vi phạm một trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 25 Luật Thủy sản, cơ quan có thẩm quyền xử lý như sau:

a) Cơ sở không duy trì điều kiện theo quy định tại một trong các điểm a, b, d khoản 1 Điều 24 Luật Thủy sản và khoản 1 Điều 9 Nghị định này, cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và ban hành Quyết định thu hồi hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản và công khai trên trang thông tin của cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

b) Cơ sở thực hiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản trên thực tế nhưng không duy trì hoặc duy trì không đầy đủ và không có khả năng khắc phục điều kiện tại điểm c khoản 1 Điều 24 Luật Thủy sản, khoản 2 Điều 9 Nghị định này, cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và ban hành Quyết định thu hồi hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản và công khai trên trang thông tin của cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

c) Cơ sở vi phạm quy định tại điểm a hoặc điểm c khoản 4 Điều 25 Luật Thủy sản, cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định và ban hành Quyết định thu hồi hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản và công khai trên trang thông tin của cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

8. Cơ sở có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản khi tham gia sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản do cơ sở khác công bố tiêu chuẩn áp dụng:

a) Sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản phải phù hợp với điều kiện ghi trong Giấy chứng nhận và có văn bản thỏa thuận giữa hai bên về đối tượng, số lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng, thời gian thực hiện;

b) Thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại điểm b, c, đ, e, g và h khoản 2 Điều 26 Luật Thủy sản. Thực hiện ghi chép, lưu giữ hồ sơ trong quá trình sản xuất, ương dưỡng và giao một bản sao cho cơ sở có giống thủy sản công bố tiêu chuẩn áp dụng để lưu giữ phục vụ truy xuất nguồn gốc.

9. Cơ sở có giống thủy sản công bố tiêu chuẩn áp dụng khi sản xuất, ương dưỡng tại cơ sở khác có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại các điểm a, d và g khoản 2 Điều 26 Luật Thủy sản và thực hiện lưu giữ hồ sơ trong quá trình sản xuất, ương dưỡng.

10. Cơ sở ương nuôi giống thủy sản không thuộc phạm vi điều chỉnh tại khoản 11 Điều 3 Luật Thủy sản phải đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 24 Luật Thủy sản và được cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản khi có nhu cầu (trừ giống thủy sản bố mẹ).

Điều 11. Điều kiện cơ sở khảo nghiệm giống thủy sản

1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 28 Luật Thủy sản phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Trường hợp khảo nghiệm giai đoạn sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản phải đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 Luật Thủy sản và khoản 1 Điều 9 Nghị định này;

b) Trường hợp khảo nghiệm giai đoạn nuôi thương phẩm phải đáp ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Luật Thủy sản và Điều 19 Nghị định này.

2. Điều kiện về an toàn sinh học, bảo vệ môi trường theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 28 Luật Thủy sản yêu cầu khu nuôi khảo nghiệm phải có biện pháp ngăn cách với khu sản xuất giống, nuôi trồng thủy sản thương phẩm khác.

Điều 12. Nội dung, trình tự, thủ tục khảo nghiệm giống thủy sản

1. Thẩm quyền phê duyệt đề cương, công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có địa điểm tiến hành hoạt động khảo nghiệm.

2. Hồ sơ đề nghị khảo nghiệm giống thủy sản bao gồm:

a) Đơn đăng ký khảo nghiệm giống thủy sản theo Mẫu số 05.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Đề cương khảo nghiệm theo Mẫu số 06.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Trình tự thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị phê duyệt đề cương khảo nghiệm giống thủy sản đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính;

b) Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tiến hành thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra điều kiện cơ sở khảo nghiệm theo Mẫu số 07.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đề cương khảo nghiệm theo Mẫu số 08.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này và cấp phép nhập khẩu giống thủy sản cho tổ chức, cá nhân để phục vụ khảo nghiệm (nếu là sản phẩm nhập khẩu) nếu hồ sơ và điều kiện cơ sở khảo nghiệm đạt yêu cầu, đồng thời gửi Quyết định phê duyệt đề cương khảo nghiệm về Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Trường hợp không đạt yêu cầu phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

4. Nội dung khảo nghiệm giống thủy sản: Căn cứ đặc điểm sinh học từng loài thủy sản và mục đích sử dụng để xây dựng đề cương khảo nghiệm nhằm xác định tính khác biệt, tính ổn định, tính đồng nhất về năng suất, chất lượng, khả năng kháng bệnh và đánh giá mức độ xâm hại của loài khảo nghiệm.

5. Kiểm tra khảo nghiệm:

a) Cơ quan kiểm tra: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính;

b) Nội dung kiểm tra: Theo nội dung đề cương khảo nghiệm giống thủy sản đã được phê duyệt.

6. Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản:

a) Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả khảo nghiệm, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính tổ chức đánh giá kết quả khảo nghiệm và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản theo Mẫu số 09.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không công nhận phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

b) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định công nhận giống thủy sản đã khảo nghiệm, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính thông báo công khai quyết định công nhận trên Cổng hoặc Trang thông tin điện tử, đồng thời gửi Quyết định công nhận giống thủy sản đã khảo nghiệm về Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Mục 2

THỨC ĂN THỦY SẢN, SẢN PHẨM XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Điều 13. Điều kiện cơ sở sản xuất thức ăn, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

1. Nhà xưởng, trang thiết bị quy định tại điểm c khoản 1 Điều 32 Luật Thủy sản được quy định cụ thể như sau:

a) Có nhà xưởng kết cấu vững chắc, nền không đọng nước, liên thông và một chiều từ nguyên liệu đến thành phẩm; tường, trần, vách ngăn, cửa bảo đảm yêu cầu về kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học; khu chứa trang thiết bị, nguyên liệu vật liệu, thành phẩm bảo đảm không nhiễm chéo lẫn nhau;

b) Trang thiết bị tiếp xúc với nguyên liệu, thành phẩm bảo đảm yêu cầu về kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học; thiết bị thu gom và xử lý chất thải không gây ô nhiễm môi trường khu vực sản xuất. Trường hợp cơ sở sản xuất sinh khối vi sinh vật để sản xuất chế phẩm sinh học, vi sinh vật phải có thiết bị tạo môi trường, lưu giữ và nuôi cấy vi sinh vật.

2. Hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 Luật Thủy sản phải được xây dựng và áp dụng cho từng loại sản phẩm và bao gồm các nội dung: nước phục vụ sản xuất; nguyên liệu, bao bì, thành phẩm; quá trình sản xuất; tái chế; lưu mẫu; kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh thiết bị; kiểm soát động vật gây hại; vệ sinh nhà xưởng, thu gom và xử lý chất thải.

Điều 14. Cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản và quy định về duy trì điều kiện cơ sở

1. Thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản như sau:

a) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra, cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận và kiểm tra duy trì cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài;

b) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh kiểm tra, cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận và kiểm tra duy trì đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản trên địa bàn, trừ các cơ sở sản xuất quy định tại điểm a khoản này.

c) Trường hợp cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản có thay đổi hoạt động đầu tư dẫn đến thay đổi thẩm quyền quản lý theo quy định tại điểm a sang quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc ngược lại thì thực hiện thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quản lý mới. Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản cấp lại thực hiện như cấp mới.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất theo Mẫu số 10.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản thuyết minh điều kiện cơ sở sản xuất theo Mẫu số 11.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất theo Mẫu số 10.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi đối với trường hợp thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân trong Giấy chứng nhận.

4. Trình tự cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản:

a) Trình tự cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản:

Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này đến cơ quan được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính.

Trong thời hạn 09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện việc kiểm tra điều kiện của cơ sở sản xuất và lập biên bản kiểm tra theo Mẫu số 12.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp kết quả kiểm tra điều kiện cơ sở đạt yêu cầu, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 13.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp cơ sở không đáp ứng điều kiện, trong thời hạn tối đa 90 ngày cơ sở phải thực hiện khắc phục và gửi báo cáo kết quả khắc phục đến cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận. Nếu thấy cần thiết, cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra nội dung đã khắc phục. Trường hợp cơ sở đáp ứng điều kiện, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 13.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

b) Trình tự cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản:

Khi thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 34 Luật Thủy sản hoặc điểm c khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này đến cơ quan được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính;

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 13.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Nội dung kiểm tra điều kiện cơ sở sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản:

a) Kiểm tra hồ sơ đăng ký cấp, Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản;

b) Kiểm tra thực tế về điều kiện cơ sở tại địa điểm sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản theo quy định tại Điều 32 Luật Thủy sản và Điều 13 Nghị định này.

6. Kiểm tra duy trì điều kiện:

a) Việc kiểm tra duy trì điều kiện cơ sở được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 12 tháng, tối đa là 15 tháng tính từ ngày cơ sở được chứng nhận đủ điều kiện lần đầu hoặc ngày kiểm tra duy trì trước đó theo quy định.

Trường hợp cơ sở đã được tổ chức đánh giá sự phù hợp cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo quy định của pháp luật, việc kiểm tra duy trì điều kiện cơ sở được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 24 tháng tối đa là 30 tháng tính từ ngày cơ sở được chứng nhận đủ điều kiện lần đầu hoặc ngày kiểm tra duy trì trước đó theo quy định.

b) Cơ quan kiểm tra thông báo thời gian kiểm tra duy trì điều kiện cho cơ sở trước 05 ngày làm việc và kiểm tra duy trì điều kiện của cơ sở theo Mẫu số 12.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp cơ sở đáp ứng đủ điều kiện duy trì, sau 05 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra, cơ quan kiểm tra thực hiện thông báo kết quả, thời gian duy trì đến cơ sở được kiểm tra.

Trường hợp cơ sở thực hiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản trên thực tế nhưng duy trì không đầy đủ điều kiện quy định tại đ khoản 1 Điều 32 Luật Thủy sản và khoản 2 Điều 13 Nghị định này, cơ sở thực hiện khắc phục và báo cáo kết quả khắc phục tới cơ quan kiểm tra trong thời hạn 30 ngày. Sau 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả khắc phục, cơ quan kiểm tra thông báo kết quả, thời gian duy trì điều kiện đến cơ sở.

c) Trong thời gian duy trì điều kiện, trường hợp cơ sở không có nhu cầu duy trì điều kiện theo quy định, phải thông báo đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này để thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản hoặc điều chỉnh nội dung Giấy chứng nhận và công khai trên trang thông tin của cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận.

7. Khi phát hiện cơ sở vi phạm một trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Luật Thủy sản, cơ quan có thẩm quyền xử lý như sau:

a) Trường hợp cơ sở không duy trì điều kiện theo quy định tại một trong các điểm a, b, c, d, e khoản 1 Điều 32 Luật Thủy sản và khoản 1 Điều 13 Nghị định này, cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm và ban hành Quyết định thu hồi hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản và công khai trên trang thông tin của cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận.

b) Trường hợp cơ sở thực hiện sản xuất nhưng không duy trì hoặc duy trì không đầy đủ mà không có khả năng khắc phục điều kiện tại điểm đ khoản 1 Điều 32 Luật Thủy sản và khoản 2 Điều 13 Nghị định này, cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm và ban hành Quyết định thu hồi hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản và công khai trên trang thông tin của cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận.

c) Trường hợp cơ sở vi phạm quy định tại điểm a hoặc điểm c khoản 4 Điều 34 Luật Thủy sản, cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định và ban hành Quyết định thu hồi hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản và công khai trên trang thông tin của cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận.

8. Cơ sở có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản khi tham gia một, một số hoặc toàn bộ quá trình sản xuất sản phẩm do cơ sở khác công bố tiêu chuẩn áp dụng:

a) Sản xuất sản phẩm phải phù hợp với điều kiện ghi trong Giấy chứng nhận. Trước khi sản xuất phải thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường và cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh để giám sát, quản lý;

b) Thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại điểm a, e khoản 1 Điều 37 Luật Thủy sản. Thực hiện ghi chép, lưu giữ hồ sơ trong quá trình sản xuất và giao một bản sao cho cơ sở có sản phẩm công bố tiêu chuẩn áp dụng để lưu giữ phục vụ truy xuất nguồn gốc;

c) Cơ sở có sản phẩm công bố tiêu chuẩn áp dụng, khi sản xuất tại cơ sở khác có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại điểm b, d, đ, e khoản 1 Điều 37 Luật Thủy sản và thực hiện lưu giữ hồ sơ trong quá trình sản xuất, ghi nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật về ghi nhãn hàng hóa.

9. Cơ sở không thuộc phạm vi chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất nguyên liệu thức ăn thủy sản bao gồm: cơ sở sản xuất ban đầu (cơ sở trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, thu hái, đánh bắt, khai thác); sản xuất thức ăn thủy sản tự chế biến.

10. Nguyên liệu dùng để tự chế biến thức ăn thủy sản phải có nguồn gốc rõ ràng, không bị ô nhiễm, hư hỏng và phải nằm trong Danh mục hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, nguyên liệu sản xuất thức ăn được phép sử dụng trong nuôi trồng thủy sản tại Việt Nam; không sử dụng thủy sản mắc bệnh làm thức ăn thủy sản tự chế.

Điều 15. Kiểm tra chất lượng thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản nhập khẩu

1. Cơ quan kiểm tra chất lượng thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản nhập khẩu: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Nội dung, trình tự và thủ tục kiểm tra chất lượng thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản nhập khẩu theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3. Lấy mẫu kiểm tra chất lượng thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản thực hiện theo tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Trường hợp chưa có tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định về lấy mẫu, thực hiện lấy mẫu theo phương pháp ngẫu nhiên.

4. Thử nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản do phòng thử nghiệm đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định hoặc đã đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp chưa có phòng thử nghiệm được chỉ định (đối với trường hợp thử nghiệm để phục vụ hoạt động kiểm tra nhà nước) hoặc đã đăng ký hoạt động (đối với trường hợp thử nghiệm phục vụ hoạt động của tổ chức, cá nhân) về thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản thì thực hiện tại phòng thử nghiệm được chỉ định hoặc đã đăng ký hoạt động theo quy định trong lĩnh vực thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón nếu có phương pháp thử phù hợp. Trường hợp các phương pháp thử chưa được chỉ định hoặc chưa được thống nhất, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định phương pháp thử được áp dụng.

Điều 16. Điều kiện cơ sở khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35 Luật Thủy sản phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Trường hợp khảo nghiệm trong giai đoạn sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản phải đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 Luật Thủy sản và khoản 1 Điều 9 Nghị định này;

b) Trường hợp khảo nghiệm trong giai đoạn nuôi thương phẩm phải đáp ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Luật Thủy sản và khoản 1, khoản 2 Điều 19 Nghị định này.

2. Điều kiện về an toàn sinh học, bảo vệ môi trường quy định tại điểm c khoản 2 Điều 35 Luật Thủy sản yêu cầu khu nuôi khảo nghiệm phải có biện pháp ngăn cách với các khu sản xuất giống, nuôi trồng thủy sản thương phẩm khác.

Điều 17. Trình tự, thủ tục khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

1. Thẩm quyền phê duyệt đề cương, công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có địa điểm tiến hành hoạt động khảo nghiệm.

2. Hồ sơ đăng ký khảo nghiệm gồm:

a) Đơn đăng ký khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 14.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Đề cương khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 15.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Bản thuyết minh điều kiện cơ sở khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 16.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị phê duyệt đề cương khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính;

b) Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tiến hành thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra điều kiện cơ sở khảo nghiệm theo Mẫu số 17.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đề cương khảo nghiệm theo Mẫu số 18.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này và cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản cho tổ chức, cá nhân để phục vụ khảo nghiệm (nếu là sản phẩm nhập khẩu) nếu hồ sơ và điều kiện cơ sở khảo nghiệm đạt yêu cầu, đồng thời gửi Quyết định phê duyệt đề cương khảo nghiệm về Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Trường hợp không đạt yêu cầu phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

4. Kiểm tra khảo nghiệm:

a) Cơ quan kiểm tra: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính;

b) Nội dung kiểm tra: theo nội dung đề cương khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đã được phê duyệt.

5. Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

a) Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả khảo nghiệm, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức đánh giá kết quả khảo nghiệm và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 19.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không công nhận phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

b) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính thông báo công khai quyết định công nhận trên Cổng hoặc Trang thông tin điện tử, đồng thời gửi Quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm về Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 18. Nội dung khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

1. Nội dung khảo nghiệm thức ăn thủy sản:

a) Kiểm tra thành phần, chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn công bố áp dụng và quy chuẩn kỹ thuật tương ứng trước khi tiến hành khảo nghiệm;

b) Đánh giá đặc tính, công dụng của sản phẩm: Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển; tỷ lệ nuôi sống qua các giai đoạn phát triển của đối tượng khảo nghiệm; hệ số chuyển hóa thức ăn; các chỉ tiêu kỹ thuật khác nêu trong hồ sơ sản phẩm;

c) Đánh giá độ an toàn đối với sức khỏe con người, đối tượng nuôi và môi trường trong quá trình sử dụng: Dư lượng kháng sinh, hóa chất độc hại trong thủy sản khảo nghiệm và môi trường (nêu cụ thể trong đề cương khảo nghiệm); đánh giá biến động các chỉ tiêu môi trường.

2. Nội dung khảo nghiệm sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản gồm:

a) Kiểm tra thành phần, chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn công bố áp dụng và quy chuẩn kỹ thuật tương ứng trước khi tiến hành khảo nghiệm;

b) Đánh giá đặc tính, công dụng của sản phẩm thông qua đánh giá sự biến động các chỉ tiêu vật lý, hóa học và sinh học trong môi trường nuôi; các chỉ tiêu kỹ thuật khác nêu trong hồ sơ sản phẩm;

c) Đánh giá độ an toàn đối với sức khỏe con người, đối tượng nuôi và môi trường trong quá trình sử dụng: Tồn dư thành phần của sản phẩm trong môi trường và trong động vật khi thu hoạch đối với sản phẩm có thành phần là hóa chất; dư lượng kim loại nặng trong môi trường, trong động vật khi thu hoạch; tỷ lệ sống và tốc độ sinh trưởng của đối tượng nuôi.

Mục 3 NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Điều 19. Điều kiện cơ sở nuôi trồng thủy sản

Cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Luật Thủy sản được quy định chi tiết như sau:

1. Cơ sở vật chất:

a) Nơi chứa chất thải phải riêng biệt với nơi chứa, nơi xử lý thủy sản chết và tách biệt với khu vực nuôi, không làm ảnh hưởng đến môi trường;

b) Trường hợp cơ sở nuôi trồng thủy sản có khu chứa trang thiết bị, dụng cụ, nguyên vật liệu phải bảo đảm yêu cầu bảo quản của nhà sản xuất, nhà cung cấp; cơ sở nuôi trồng thủy sản có khu sinh hoạt, vệ sinh phải bảo đảm nước thải, chất thải sinh hoạt không làm ảnh hưởng đến khu vực nuôi;

c) Đối với nuôi trồng thủy sản trong ao (đầm/hầm), bể: Bờ ao (đầm/hầm), bể làm bằng vật liệu không gây ô nhiễm môi trường, không gây độc hại cho thủy sản nuôi, không rò rỉ nước. Trường hợp cơ sở nuôi trồng thủy sản thâm canh, bán thâm canh phải có hệ thống xử lý nước cấp, nước thải riêng biệt; nơi chứa bùn thải phù hợp;

d) Đối với nuôi trồng thủy sản bằng lồng bè, đăng quảng (sau đây được gọi là nuôi lồng bè): Khung lồng, phao, lưới, đăng quảng, giá thể phải làm bằng vật liệu không gây ô nhiễm môi trường, không gây độc hại cho thủy sản nuôi và không để thủy sản nuôi sống thoát ra môi trường; có thiết bị cảnh báo cho hoạt động giao thông thủy.

2. Trang thiết bị sử dụng trong nuôi trồng thủy sản phải làm bằng vật liệu không gây ô nhiễm môi trường, không gây độc hại đối với thủy sản nuôi.

Điều 20. Cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân

1. Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản khi có yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận bao gồm:

- a) Đơn đề nghị theo Mẫu số 20.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;
- b) Bản thuyết minh cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở nuôi theo Mẫu số 21.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;
- c) Sơ đồ vị trí đặt lồng bè/Sơ đồ khu vực nuôi.

3. Trình tự cấp Giấy chứng nhận:

a) Cơ sở có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính;

b) Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện kiểm tra thực tế tại cơ sở theo Mẫu số 22.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp kết quả kiểm tra đạt yêu cầu, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 23.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu, trong thời hạn tối đa 30 ngày cơ sở phải thực hiện khắc phục và gửi báo cáo kết quả khắc phục đến cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận. Nếu thấy cần thiết, cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra nội dung đã khắc phục. Trường hợp cơ sở đáp ứng điều

kiện, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 23.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

4. Thời hạn của Giấy chứng nhận: 24 tháng.

5. Thu hồi Giấy chứng nhận:

a) Giấy chứng nhận bị thu hồi khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: Bị tẩy, xóa, thay đổi nội dung của Giấy chứng nhận hoặc cơ sở không còn đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 38 Luật Thủy sản hoặc có hành vi vi phạm khác mà pháp luật quy định phải thu hồi Giấy chứng nhận;

b) Thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận: Cơ quan nào có thẩm quyền cấp thì có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận;

c) Khi phát hiện cơ sở vi phạm một trong các trường hợp quy định tại điểm a khoản này, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 24.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này và thông báo thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng.

6. Trường hợp giấy chứng nhận bị mất hoặc hư hỏng, tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận sao y giấy chứng nhận.

Điều 21. Cấp, cấp lại, thu hồi Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực

1. Thẩm quyền cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp, cấp lại Giấy xác nhận đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh cấp, cấp lại Giấy xác nhận đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý từ 02 xã, phường trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp, cấp lại Giấy xác nhận đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý từ 02 tỉnh, thành phố trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Hình thức nuôi trồng thủy sản lồng bè phải đăng ký bao gồm nuôi trồng thủy sản bằng lồng, giàn treo, đăng quảng trên bãi triều, trên biển, sông, hồ và đầm phá tự nhiên.

3. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp theo Mẫu số 25.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Sơ đồ mặt bằng vị trí ao/lồng nuôi có xác nhận của chủ cơ sở.

4. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 26.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Sơ đồ mặt bằng vị trí ao/lồng nuôi có xác nhận của chủ cơ sở (đối với trường hợp thay đổi quy mô sản xuất); trường hợp thay đổi chủ cơ sở phải có giấy tờ chứng minh sự thay đổi.

5. Trình tự, thủ tục cấp, cấp lại Giấy xác nhận:

a) Chủ cơ sở nuôi trồng thủy sản gửi hồ sơ đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp tỉnh hoặc Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, người, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này căn cứ quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về phát triển nuôi trồng thủy sản tại địa phương đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để thẩm định, cấp Giấy xác nhận theo Mẫu số 27.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp Giấy xác nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6. Đề nghị cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Thay đổi, bổ sung thông tin của chủ cơ sở nuôi;

b) Thay đổi quy mô sản xuất, đối tượng nuôi;

c) Di chuyển lồng bè nuôi từ địa phương này sang địa phương khác. Trường hợp cấp lại Giấy xác nhận do di chuyển lồng bè nuôi, tổ chức, cá nhân phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đã cấp Giấy xác nhận trước đó để cập nhật và quản lý.

7. Thu hồi giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản:

a) Giấy xác nhận bị thu hồi khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: Giấy xác nhận bị tẩy, xóa, sửa chữa nội dung; cơ sở ngừng hoạt động sản xuất nuôi trồng thủy sản trong thời gian từ 24 tháng trở lên; cơ sở có hành vi vi phạm pháp luật khác mà pháp luật quy định phải thu hồi Giấy xác nhận hoặc cơ sở đề nghị trả lại Giấy xác nhận;

b) Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận thì có thẩm quyền thu hồi Giấy xác nhận theo Mẫu số 28.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

8. Cơ sở nuôi trồng thủy sản không thuộc đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 38 Luật Thủy sản được cấp, cấp lại Giấy xác nhận theo quy định tại Điều này khi có nhu cầu.

Điều 22. Phương án, dự án nuôi trồng thủy sản trên biển

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản lập dự án nuôi trồng thủy sản trên biển, trừ trường hợp cá nhân thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản thì lập phương án nuôi trồng thủy sản trên biển.

2. Phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển phải đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Đáp ứng quy định về điều kiện theo quy định tại Điều 38 Luật Thủy sản và Điều 19 Nghị định này;

b) Sự phù hợp về quy mô sản xuất, loài thủy sản nuôi, trồng và công nghệ nuôi, trồng;

c) Có giải pháp phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố môi trường và dịch bệnh trong quá trình nuôi trồng thủy sản;

d) Tính khả thi về kinh tế, kỹ thuật, bảo đảm hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường và phát triển bền vững.

Điều 23. Xác định đối tượng được miễn tiền sử dụng khu vực biển để nuôi trồng thủy sản

1. Trường hợp được miễn tiền sử dụng khu vực biển theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản được xác định như sau:

a) Đối tượng là cá nhân Việt Nam thường trú trên địa bàn cấp xã đang hoạt động khai thác thủy sản sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét chuyển đổi nghề sang nuôi trồng thủy sản;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cá nhân Việt Nam thường trú căn cứ Giấy đăng ký tàu cá, Giấy phép khai thác thủy sản đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 12 mét; đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 06 mét, căn cứ tài liệu thống kê, theo dõi tàu cá do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật về khai thác thủy sản để xem xét, quyết định.

2. Trường hợp được miễn tiền sử dụng khu vực biển theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản được xác định như sau:

a) Đối tượng là cá nhân Việt Nam thường trú trên địa bàn cấp xã, trực tiếp tham gia vào hoạt động nuôi trồng thủy sản trong thời gian tối thiểu 24 tháng liên tục tính đến thời điểm đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản và có thu nhập từ hoạt động nuôi trồng thủy sản chiếm trên 50% tổng thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cá nhân Việt Nam thường trú trên địa bàn tổ chức xác minh theo quy định của pháp luật để xem xét, quyết định.

Chương IV KHAI THÁC THỦY SẢN

Mục 1 QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VIỆT NAM KHAI THÁC THỦY SẢN TRÊN CÁC VÙNG BIỂN

Điều 24. Vùng khai thác thủy sản

Vùng biển khai thác thủy sản theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Luật Thủy sản được quy định cụ thể như sau:

1. Vùng khai thác thủy sản trên biển bao gồm:

a) Vùng ven bờ được giới hạn bởi mép nước biển dọc theo bờ biển và tuyến bờ. Đối với các đảo, vùng ven bờ là vùng biển được giới hạn bởi ngân nước thủy triều trung bình nhiều năm quanh bờ biển của đảo đến 06 hải lý;

b) Vùng lộng được giới hạn bởi tuyến bờ và tuyến lộng;

c) Vùng khơi được giới hạn bởi tuyến lộng và ranh giới phía ngoài của vùng biển được phép khai thác.

2. Vùng khơi gồm 06 khu vực như sau:

a) Khu vực 1 là vùng phía Bắc vĩ tuyến 17°00'N;

b) Khu vực 2 là vùng từ vĩ tuyến 14°00'N đến vĩ tuyến 17°00'N;

- c) Khu vực 3 là vùng từ vĩ tuyến $10^{\circ}00'N$ đến vĩ tuyến $14^{\circ}00'N$;
- d) Khu vực 4 là vùng phía Nam vĩ tuyến $10^{\circ}00'N$ và phía Đông kinh tuyến $108^{\circ}00'E$;
- đ) Khu vực 5 là vùng phía Nam vĩ tuyến $10^{\circ}00'N$, từ kinh tuyến $105^{\circ}00'E$ đến kinh tuyến $108^{\circ}00'E$;
- e) Khu vực 6 là vùng phía Tây kinh tuyến $105^{\circ}00'E$.

3. Ủy ban nhân dân hai tỉnh, thành phố ven biển tiếp giáp nhau căn cứ vào đặc điểm cụ thể về địa lý của vùng biển ven bờ và vùng lòng để hiệp thương xác định và công bố ranh giới vùng khai thác thủy sản vùng ven bờ và vùng lòng giữa hai tỉnh, thành phố.

Điều 25. Quản lý hoạt động của tàu cá trên các vùng biển Việt Nam

1. Đối với tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản:

- a) Tàu có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên hoạt động tại vùng khơi, không được hoạt động tại vùng ven bờ và vùng lòng;
- b) Tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét hoạt động tại vùng lòng, không được hoạt động tại vùng khơi và vùng ven bờ;
- c) Tàu có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét hoạt động tại vùng ven bờ không được hoạt động tại vùng lòng và vùng khơi.

2. Đối với tàu hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản:

- a) Tàu có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên hoạt động chuyển tải thủy sản tại vùng khơi, không được hoạt động chuyển tải thủy sản tại vùng lòng và vùng ven bờ;
- b) Tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét hoạt động chuyển tải thủy sản tại vùng lòng, không được hoạt động chuyển tải thủy sản tại vùng ven bờ và vùng khơi;
- c) Tàu có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét hoạt động chuyển tải thủy sản tại vùng ven bờ, không được hoạt động chuyển tải thủy sản tại vùng lòng và vùng khơi.

3. Chuyển đổi hạn ngạch Giấy phép khai thác thủy sản vùng khơi

- a) Tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép khai thác thủy sản vùng khơi khi thực hiện chuyển quyền sở hữu tàu cá giữa các tỉnh, thành phố phải đảm bảo không tăng tổng số hạn ngạch Giấy phép khai thác thủy sản vùng khơi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường giao.

Việc chuyển đổi hạn ngạch Giấy phép khai thác giữa các nghề trong tổng số hạn ngạch giấy phép đã được giao do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định, đảm bảo theo quy định của pháp luật, định hướng phát triển nghề khai thác thủy sản của địa phương theo hướng chỉ cho chuyển đổi sang nghề thân thiện với nguồn lợi thủy sản.

b) Tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép khai thác thủy sản vùng khơi thực hiện chuyển quyền sở hữu tàu cá cho tổ chức, cá nhân tại tỉnh, thành phố khác được cơ quan có thẩm quyền nơi tàu cá chuyển đi đồng ý chuyển hạn ngạch giấy phép, xóa đăng ký tàu cá, trả hồ sơ gốc cho chủ tàu cá mới, đồng thời gửi thông báo theo Mẫu số 01.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đến cơ quan có thẩm quyền nơi chủ tàu cá mới cư trú hoặc đặt trụ sở để đăng ký tàu cá và Bộ Nông nghiệp và Môi trường để phối hợp quản lý hạn ngạch. Chủ tàu cá mới có trách nhiệm thực hiện đăng ký tàu cá và đề nghị cấp Giấy phép khai thác thủy sản tại cơ quan có thẩm quyền nơi cư trú hoặc đặt trụ sở theo quy định.

4. Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét trở lên phải vào cảng để bốc dỡ sản phẩm.

Điều 26. Quy định về quản lý hệ thống giám sát hành trình tàu cá

1. Mỗi tàu cá chỉ được lắp đặt tối đa 02 thiết bị giám sát hành trình tàu cá. Trường hợp tàu cá lắp đặt 02 thiết bị giám sát hành trình thì hệ thống giám sát hành trình tàu cá chỉ ghi nhận tín hiệu của 01 thiết bị trong cùng một thời điểm.

2. Thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá phải đáp ứng các yêu cầu theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Yêu cầu đối với phần mềm giám sát hành trình tàu cá tại đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá:

a) Có khả năng kết nối, tiếp nhận thông tin dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá;

b) Bảo đảm kết nối liên tục để truyền đầy đủ thông tin, dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá đến phần mềm giám sát hành trình tàu cá do cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý;

c) Tiếp nhận các thông tin từ phần mềm giám sát hành trình tàu cá để truyền dẫn đến thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá theo định dạng của phần mềm giám sát hành trình tàu cá do cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý;

d) Bảo đảm bảo mật dữ liệu theo quy định của pháp luật;

đ) Bảo đảm ghi nhận và xử lý thông tin từ Hệ thống giám sát hành trình tàu cá do cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý; lưu trữ toàn bộ hành trình tại Hệ thống giám sát hành trình tàu cá của đơn vị cung cấp và có thể đồng bộ khi có yêu cầu từ chủ tàu hoặc cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong tất cả trường hợp (bao gồm thông tin của thiết bị giám sát hành trình tàu cá thứ hai nếu có).

4. Tính năng của phần mềm giám sát hành trình tàu cá do cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý:

a) Phải tương thích với các hệ điều hành Microsoft Windows, Android, iOS; có giao diện tiếng Việt trực quan. Quản lý toàn bộ thông tin tàu cá lắp thiết bị giám sát hành trình; có khả năng đồng bộ dữ liệu với cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia và chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu cho cơ quan quản lý nhà nước tại trung ương và địa phương để quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động của tàu cá trên biển, đảo, ra vào cảng; không được can thiệp để chỉnh sửa dữ liệu hành trình tàu cá;

b) Phải hiển thị vị trí tàu cá theo thời gian thực, thời gian, vận tốc, hướng di chuyển, tín hiệu báo động, thời gian cập nhật dữ liệu gần nhất, thông tin thời tiết, thông tin ngư trường, trạng thái hoạt động của thiết bị giám sát hành trình tàu cá; gửi thông tin đến thiết bị giám sát hành trình tàu cá thông qua phần mềm giám sát hành trình tàu cá tại đơn vị cung cấp thiết bị; hiển thị các thiết bị giám sát hành trình theo mã số khai báo; không đồng thời ghi nhận tín hiệu của 02 thiết bị giám sát hành trình tàu cá trong cùng một thời điểm;

c) Phải thể hiện đầy đủ Sơ đồ nghề cá trên biển theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

d) Có chức năng truy cập, tìm kiếm, lập bảng biểu, báo cáo, thống kê các dữ liệu theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về cung cấp, quản lý và sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình tàu cá; tạo khu vực để quản lý tàu cá và gửi cảnh báo tự động khi tàu ra, vào khu vực;

đ) Kết nối, truyền dẫn thông tin với phần mềm giám sát hành trình tàu cá của đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá; phân cấp quyền sử dụng cho các tổ chức, cá nhân được quyền sử dụng dữ liệu giám sát hành trình tàu cá.

5. Quản lý hệ thống giám sát hành trình tàu cá

a) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm xây dựng, tổ chức thực, vận hành Hệ thống giám sát hành trình tàu cá; xử lý dữ liệu hành trình tàu cá phục vụ công tác quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; thống nhất quản lý Hệ thống giám sát hành

trình tàu cá và dữ liệu giám sát hành trình tàu cá; quản trị hệ thống và cấp quyền khai thác, sử dụng dữ liệu giám sát hành trình tàu cá cho các cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản tại địa phương, cơ quan, tổ chức cảng cá đã được công bố mở cảng, lực lượng thực thi pháp luật về thủy sản; theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh quy định tại điểm b khoản này; kiểm tra, giám sát việc thực hiện trách nhiệm của các đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình tàu cá.

b) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản các tỉnh, thành phố có tàu cá tổ chức trực vận hành 24/7, khai thác, xử lý dữ liệu giám sát hành trình tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên do địa phương quản lý, tàu cá của địa phương khác khi cập và rời cảng cá tại địa phương để phục vụ công tác quản lý tàu cá, truy xuất nguồn gốc, xử lý vi phạm, thẩm định và chi trả chính sách theo quy định.

c) Cơ quan kiểm ngư, cảnh sát biển, bộ đội biên phòng, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản địa phương có tàu cá và cơ quan khác có liên quan có trách nhiệm cử và gửi thông tin đầu mối tiếp nhận thông tin giám sát hành trình tàu cá về cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản các tỉnh, thành phố có tàu cá khác để tiếp nhận thông tin, phối hợp quản lý tàu cá.

d) Chủ tàu cá được cung cấp thông tin giám sát hành trình của tàu cá của mình từ cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh nơi đăng ký tàu cá.

đ) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh có trách nhiệm quản lý, kiểm tra việc lắp đặt, tháo gỡ thiết bị, kích hoạt dịch vụ giám sát hành trình tàu cá; cung cấp thông tin giám sát hành trình tàu cá theo đề nghị của chủ tàu cá.

e) Thuyền trưởng hoặc chủ tàu cá phải bảo đảm thiết bị giám sát hành trình tàu cá hoạt động liên tục 24/7 khi hoạt động trên biển, đảo (nơi không có cảng cá) và neo đậu tại bờ, đảo (nơi có cảng cá).

Trong trường hợp chủ tàu có nhu cầu tạm ngừng dịch vụ truyền dữ liệu thiết bị giám sát hành trình trong thời gian không đi khai thác từ 03 tháng trở lên thì phải thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh nơi đăng ký tàu cá. Trong thời gian tạm ngừng dịch vụ, chủ tàu phải sử dụng các thiết bị thông tin liên lạc khác để báo cáo vị trí tàu cá neo đậu tại bờ định kỳ 07 ngày/lần cho cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh nơi đăng ký tàu cá để quản lý.

Trường hợp tàu cá mất tín hiệu từ thiết bị giám sát hành trình trên biển hoặc đảo (nơi không có cảng cá), chủ tàu cá hoặc thuyền trưởng phải sử dụng các thiết bị thông tin liên lạc khác để báo cáo vị trí tàu cá về cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh (qua bộ phận trực, vận hành Hệ thống giám sát hành trình tàu cá) không quá 06 giờ/lần kể từ thời điểm tàu cá mất tín hiệu từ

thiết bị giám sát hành trình (thời điểm mất tín hiệu được tính từ khi Hệ thống giám sát hành trình tàu cá không nhận được tín hiệu của chu kỳ tiếp theo), đồng thời ghi lại vị trí tàu cá để nộp cho cơ quan quản lý tại cảng khi tàu cập cảng phục vụ công tác xác minh, xử lý vi phạm (nếu có). Chủ tàu cá hoặc thuyền trưởng thực hiện các giải pháp khắc phục tình trạng tàu cá mất tín hiệu từ thiết bị giám sát hành trình, trường hợp không khắc phục được thì phải đưa tàu cá về bờ trong thời hạn 10 ngày kể từ thời điểm tàu cá mất tín hiệu từ thiết bị giám sát hành trình.

Trường hợp tàu cá mất tín hiệu từ thiết bị giám sát hành trình tại bờ hoặc đảo (nơi có cảng cá), thuyền trưởng hoặc chủ tàu phải sử dụng các thiết bị thông tin liên lạc để báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh nơi đăng ký tàu cá định kỳ 24 giờ/lần.

Thuyền trưởng tàu cá phải chấp hành nghiêm cảnh báo của thiết bị giám sát hành trình tàu cá; không được đưa tàu cá vượt qua ranh giới vùng được phép khai thác thủy sản trên biển.

g) Tàu cá nước ngoài hoạt động khai thác thủy sản trong vùng biển Việt Nam phải lắp thiết bị giám sát hành trình tàu cá đảm bảo phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, quản lý, sử dụng hệ thống và dữ liệu giám sát hành trình tàu cá quy định tại Điều này.

h) Dữ liệu giám sát hành trình tàu cá (bao gồm cả dữ liệu được đồng bộ lại) được sử dụng làm căn cứ pháp lý để quản lý hoạt động của tàu cá, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý các tranh chấp nghề cá trên biển, xác nhận, chứng nhận thủy sản từ khai thác, thực hiện chính sách trong lĩnh vực thủy sản.

6. Trách nhiệm của đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình tàu cá:

a) Chỉ được cung cấp thiết bị giám sát hành trình sau khi được cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường đánh giá, thông báo bằng văn bản và công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

b) Khi lắp đặt thiết bị giám sát hành trình lên tàu cá, phối hợp với chủ tàu khai báo thông tin theo Mẫu số 02.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Lắp đặt thiết bị giám sát hành trình tại vị trí cố định chắc chắn trên bộ phận gắn liền với thân tàu cá, có bảng hướng dẫn sử dụng (trên bảng có các thông tin tối thiểu: số điện thoại hỗ trợ 24/7, địa chỉ liên hệ của đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình tàu cá); thực hiện kẹp chì cố định thiết bị trên tàu khi lắp đặt;

c) Cập nhật, quản lý thông tin về tàu, chủ tàu, mã thiết bị giám sát hành trình tàu cá, mã kẹp chì lên phần mềm giám sát hành trình tàu cá của đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình và tự động truyền các thông tin đến phần

mềm giám sát hành trình tàu cá do cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý; chịu trách nhiệm về tính chính xác các thông tin trước khi cập nhật vào phần mềm giám sát hành trình tàu cá của đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình tàu cá; có trách nhiệm thông báo cho chủ tàu cá trước 30 ngày về việc thiết bị giám sát hành trình tàu cá hết hạn dịch vụ;

d) Phối hợp xử lý sự cố kỹ thuật của thiết bị trong thời hạn tối đa 48 giờ kể từ thời điểm nhận được yêu cầu của chủ tàu cá; phối hợp trong quá trình xử lý vi phạm khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; xử lý sự cố truyền tín hiệu do đơn vị mình cung cấp; cung cấp thông tin cho cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản khi có yêu cầu;

đ) Trong thời hạn 10 ngày kể từ thời điểm nhận được yêu cầu của chủ tàu cá, thuyền trưởng hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan, đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình tàu cá có trách nhiệm gửi văn bản tới cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường để đồng bộ lại dữ liệu giám sát hành trình tàu cá chưa được gửi theo thời gian thực đến phần mềm giám sát hành trình tàu cá do cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý;

e) Phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ vệ tinh đảm bảo việc kết nối dữ liệu giữa thiết bị giám sát hành trình tàu cá đến phần mềm giám sát hành trình tàu cá của đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình tàu cá;

g) Chịu trách nhiệm duy trì kết nối giữa phần mềm giám sát hành trình tàu cá của đơn vị cung cấp và phần mềm thiết bị giám sát hành trình tàu cá do cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý;

h) Chịu trách nhiệm đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định đối với thiết bị giám sát hành trình tàu cá.

7. Trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ vệ tinh cho thiết bị giám sát hành trình tàu cá

a) Đảm bảo việc duy trì dịch vụ vệ tinh đến thiết bị giám sát hành trình tàu cá và từ thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá đến hệ thống giám sát hành trình tàu cá của đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình tàu cá;

b) Phối hợp với đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình tàu cá đảm bảo việc kết nối dữ liệu giữa thiết bị giám sát hành trình tàu cá đến phần mềm giám sát hành trình tàu cá của đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình tàu cá;

c) Kịp thời khắc phục sự cố kết nối vệ tinh đến thiết bị giám sát hành trình tàu cá và ngược lại; phối hợp trong quá trình xử lý vi phạm khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

8. Lưu trữ và bảo mật dữ liệu:

a) Thời gian lưu trữ dữ liệu giám sát hành trình tàu cá tối thiểu là 36 tháng; các máy chủ lưu trữ, xử lý dữ liệu của đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình tàu cá đều phải được đặt tại Việt Nam;

b) Các dữ liệu được lưu trữ trong máy chủ của đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình tàu cá phải đảm bảo không bị xóa, không bị thay đổi trong suốt thời gian lưu trữ theo quy định;

c) Dữ liệu truyền dẫn giữa thiết bị giám sát hành trình tàu cá với phần mềm giám sát hành trình tàu cá của đơn vị cung cấp thiết bị phải được mã hóa để đảm bảo tính bảo mật thông tin trong quá trình truyền dẫn; dữ liệu giám sát hành trình tàu cá khi kết nối với các phần mềm chuyên ngành khác phải được mã hóa theo quy định;

d) Đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình tàu cá có trách nhiệm bảo mật dữ liệu, cung cấp dữ liệu chính xác; chỉ được cung cấp dữ liệu giám sát hành trình tàu cá theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản khi có sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

9. Quản lý, lắp đặt, tháo gỡ thiết bị giám sát hành trình

a) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm quản lý việc lắp đặt, tháo gỡ thiết bị giám sát hành trình tàu cá đối với trường hợp quy định tại điểm g khoản 5 Điều này.

b) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh xây dựng và ban hành quy trình lắp đặt, tháo gỡ thiết bị giám sát hành trình tàu cá; quản lý việc lắp đặt, tháo gỡ thiết bị giám sát hành trình tàu cá.

c) Khi lắp đặt thiết bị, kích hoạt dịch vụ giám sát hành trình tàu cá, chủ tàu phải báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh theo Mẫu số 02.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này để kiểm tra, xác thực trên hệ thống giám sát hành trình tàu cá.

d) Khi tháo gỡ thiết bị giám sát hành trình tàu cá, thay thế kẹp chì, chủ tàu phải thông báo cho cơ quan quản lý nơi tiến hành tháo gỡ, thay thế để giám sát và lập biên bản theo Mẫu số 03.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Sau khi lập biên bản, chủ tàu có trách nhiệm gửi 01 bản đến cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh nơi đăng ký tàu cá để quản lý trong trường hợp thiết bị giám sát hành trình tàu cá được tháo gỡ tại tỉnh, thành phố khác.

đ) Thiết bị giám sát hành trình khi lắp đặt trên tàu cá phải được kẹp chì theo mẫu của đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình tàu cá đã được cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo. Mỗi kẹp chì chỉ sử dụng cho một thiết bị giám sát hành trình tàu cá tại thời điểm lắp

đặt. Mỗi kẹp chì phải có mã số độc lập bao gồm thông tin bằng chữ là tên viết tắt của đơn vị cung cấp và các số tự nhiên. Khi thay thế kẹp chì, đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình tàu cá phải cập nhật mã số kẹp chì mới lên hệ thống để quản lý.

Điều 27. Điều kiện cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản

1. Tổ chức, cá nhân khai thác thủy sản bằng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét trở lên được cấp Giấy phép khai thác thủy sản khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Có Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá;
- b) Trong hạn ngạch Giấy phép khai thác thủy sản đối với khai thác thủy sản trên biển và không thuộc Danh mục nghề cấm khai thác;
- c) Có Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá còn hạn đối với tàu cá phải đăng kiểm;
- d) Có thiết bị giám sát hành trình tàu cá đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên;
- đ) Trường hợp cấp lại do giấy phép hết hạn phải đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm a, b, c, d khoản này và tàu cá không thuộc danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp do Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố.

2. Đối với tỉnh, thành phố không có biển nhưng có tàu cá hoạt động trên biển, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hiệp thương với tỉnh, thành phố có biển để cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản đối với tàu cá hoạt động tại vùng ven bờ và vùng lộng.

Điều 28. Cấp, cấp lại, thu hồi Giấy phép khai thác thủy sản đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoạt động khai thác thủy sản trong vùng biển Việt Nam

1. Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh cấp, cấp lại, thu hồi Giấy phép khai thác thủy sản đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoạt động khai thác thủy sản trong vùng biển Việt Nam.

2. Trình tự, thủ tục, thành phần hồ sơ cấp Giấy phép khai thác thủy sản:

- a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác thủy sản theo Mẫu số 04.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính;
- b) Cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định của pháp luật, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ được tiếp nhận đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép khai thác thủy sản theo Mẫu số 06.KT Phụ lục II ban hành kèm

theo Nghị định này. Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng quy định của pháp luật, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ được tiếp nhận đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản để tổ chức, cá nhân biết (nêu rõ nội dung chưa đáp ứng);

c) Thời hạn của Giấy phép khai thác thủy sản không quá thời hạn còn lại của hạn ngạch kể từ ngày cấp.

3. Trình tự, thủ tục, thành phần hồ sơ cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản:

a) Khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 50 Luật Thủy sản, tổ chức, cá nhân nộp Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản theo Mẫu số 05.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính;

b) Cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định của pháp luật, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ được tiếp nhận đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép khai thác thủy sản theo Mẫu số 06.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng quy định của pháp luật, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ được tiếp nhận đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản để tổ chức, cá nhân biết (nêu rõ nội dung chưa đáp ứng);

c) Thời hạn của giấy phép cấp lại thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 4 Điều 50 Luật Thủy sản không quá thời hạn còn lại của hạn ngạch kể từ ngày cấp hạn ngạch; thời hạn của giấy phép được cấp lại thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều 50 Luật Thủy sản bằng thời hạn còn lại của giấy phép đã được cấp.

4. Tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép khai thác thủy sản phải thực hiện đúng nội dung ghi trong Giấy phép khi tàu cá hoạt động trên biển, khi có nhu cầu tiếp tục khai thác thủy sản phải đề nghị cấp Giấy phép khai thác thủy sản theo quy định trước tối thiểu 30 ngày so với ngày Giấy phép đang sử dụng hết hạn.

5. Thu hồi Giấy phép khai thác thủy sản:

a) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác thủy sản là cơ quan thực hiện việc thu hồi giấy phép;

b) Giấy phép khai thác thủy sản bị thu hồi khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c khoản 5 Điều 50 Luật Thủy sản hoặc không còn đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định này. Quyết định thu hồi Giấy phép khai thác thủy sản theo Mẫu số 07.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này được gửi tới tổ chức, cá nhân có Giấy phép, các cơ

quan, tổ chức có liên quan và cập nhật vào phần mềm cơ sở dữ liệu chuyên ngành thủy sản trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định thu hồi.

Điều 29. Giám sát viên trên tàu cá Việt Nam hoạt động khai thác ở vùng biển Việt Nam

1. Giám sát viên trên tàu cá Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Là công dân Việt Nam;
- b) Có đủ sức khỏe và kỹ năng làm việc trên tàu cá dài ngày trên biển;
- c) Có chứng chỉ, chứng nhận hoàn thành lớp đào tạo hoặc bồi dưỡng hoặc tập huấn nghiệp vụ giám sát hoạt động khai thác thủy sản.

2. Quyền và trách nhiệm của giám sát viên:

a) Được bố trí điều kiện làm việc, ăn, nghỉ trên tàu cá trong suốt thời gian làm việc;

b) Được đảm bảo về chi phí đi lại, công tác phí, lương, phụ cấp, bảo hiểm và các chế độ, khoản chi phí khác theo quy định hiện hành đối với trường hợp do cơ quan nhà nước cử; được thanh toán các chi phí theo Hợp đồng đối với trường hợp được thuê để thực hiện nhiệm vụ giám sát trên tàu cá;

c) Được tiếp cận, sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị của tàu mà giám sát viên cần để thực hiện nhiệm vụ;

d) Được tiếp cận hồ sơ của tàu, gồm: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, Giấy phép khai thác thủy sản, sổ danh bạ thuyền viên, nhật ký khai thác và các tài liệu liên quan;

đ) Được tiếp cận các thiết bị hàng hải, hải đồ, radio, máy đo độ sâu, dò cá, ra đa, định vị, máy thông tin liên lạc và các trang thiết bị khác; được tiếp cận boong tàu trong quá trình thu, thả ngư cụ và tiếp cận các mẫu vật thủy sản để thu thập và lấy mẫu;

e) Được tiếp cận với trang thiết bị y tế và thiết bị vệ sinh; sử dụng lương thực, thực phẩm, chỗ ở tương tự với tiêu chuẩn dành cho thuyền viên làm việc trên tàu;

g) Tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ giám sát viên trên tàu cá;

h) Thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng hoặc theo phân công của cơ quan nhà nước cử;

i) Tuân thủ các quy tắc ứng xử, bảo mật thông tin liên quan đến hoạt động

của tàu cá, thuyền viên, chủ tàu và số liệu, thông tin thu thập được;

k) Bảo đảm sự độc lập, khách quan và công bằng khi thực hiện nhiệm vụ giám sát viên trên tàu cá;

l) Thường xuyên trao đổi với thuyền trưởng về các vấn đề và nhiệm vụ có liên quan.

3. Quyền của chủ tàu và thuyền trưởng:

a) Được thông báo trước ít nhất 07 ngày về việc bố trí giám sát viên làm việc trên tàu cho chuyến biển sắp tới đối với trường hợp giám sát viên do cơ quan nhà nước cử; được phổ biến quyền và nghĩa vụ thực hiện chương trình giám sát viên trên tàu cá;

b) Được yêu cầu giám sát viên tuân thủ các quy tắc chung của tàu và quy định của pháp luật;

c) Thuyền trưởng được xem và nhận xét về báo cáo của giám sát viên, có quyền bổ sung thêm ý kiến, thông tin đối với báo cáo của giám sát viên.

4. Trách nhiệm của chủ tàu và thuyền trưởng:

a) Tiếp nhận, bố trí chỗ làm việc, ăn, nghỉ và tạo điều kiện cho giám sát viên làm việc trên tàu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cử theo Kế hoạch thực hiện Chương trình giám sát viên trên tàu cá do Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt; phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản địa phương về việc triển khai giám sát viên trên tàu cá trước khi ký hợp đồng với giám sát viên tàu cá để biết, theo dõi và quản lý;

b) Phân công một thuyền viên đi cùng giám sát viên khi giám sát viên thực hiện nhiệm vụ tại các khu vực nguy hiểm;

c) Thông báo cho thủy thủ đoàn về thời gian giám sát viên lên tàu, phổ biến quyền và trách nhiệm của họ khi giám sát viên thực hiện nhiệm vụ trên tàu;

d) Hỗ trợ giám sát viên lên và xuống tàu an toàn tại địa điểm và thời gian đã được thông báo hoặc thỏa thuận;

đ) Thông báo cho giám sát viên ít nhất mười lăm phút trước khi bắt đầu thả hoặc thu lưới;

e) Cho phép và hỗ trợ giám sát viên tiếp cận đầy đủ hồ sơ của tàu bao gồm: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, Giấy phép khai thác thủy sản, sổ danh bạ thuyền viên và sổ nhật ký khai thác nhằm mục đích kiểm tra và ghi chép thông tin về tàu cá và chuyến biển;

g) Cho phép giám sát viên tiếp cận không gian, sản phẩm khai thác, các

thiết bị hàng hải, hải đồ, máy thông tin liên lạc và các thiết bị, thông tin khác liên quan đến hoạt động đánh bắt để tạo điều kiện thuận lợi cho giám sát viên thực hiện các nhiệm vụ thu thập dữ liệu khoa học, mẫu vật, ghi chép các thông tin khác liên quan;

h) Không đe dọa, can thiệp, hối lộ làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ giám sát của giám sát viên;

i) Chi trả kinh phí theo hợp đồng đã ký với giám sát viên hoặc một số khoản chi phí để thực hiện Chương trình giám sát viên trên tàu cá do Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt.

5. Bộ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng Chương trình khung và tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng giám sát viên tàu cá; xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình giám sát viên tàu cá hằng năm hoặc từng giai đoạn theo yêu cầu quản lý hoặc yêu cầu của thị trường nhập khẩu. Chương trình giám sát viên bao gồm các nội dung cơ bản như sau: mục tiêu, nội dung thực hiện (nghề khai thác cần giám sát, số chuyến biển, khu vực thực hiện), sản phẩm giao nộp và kinh phí thực hiện.

Điều 30. Điều kiện tàu cá hoạt động khai thác thủy sản ngoài vùng biển Việt Nam

1. Thiết bị giám sát hành trình, thông tin liên lạc theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 53 Luật Thủy sản phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên phải lắp đặt thiết bị giám sát hành trình tự động truyền thông tin, dữ liệu qua hệ thống thông tin vệ tinh, không thuộc danh sách tàu cá vi phạm quy định khai thác bất hợp pháp;

b) Tàu cá phải trang bị, lắp đặt thiết bị thông tin liên lạc, hàng hải trên tàu bao gồm: Máy thu phát vô tuyến điện thoại sóng cực ngắn (VHF) có bộ phận gọi chọn số và thu trực canh (DSC) trên kênh 70 hoặc 16; máy thu phát vô tuyến điện (MF/HF); máy thu tự động thông báo hàng hải và thời tiết (NAVTEX), phao chỉ báo vị trí khẩn cấp (EPIRB).

2. Điều kiện khác theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 53 Luật Thủy sản bao gồm:

a) Có mã số của Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO) theo quy định trong trường hợp tàu cá đi khai thác tại vùng biển thuộc quyền của quản lý của tổ chức nghề cá khu vực hoặc tại vùng biển của quốc gia, vùng lãnh thổ khác có yêu cầu;

b) Có giám sát viên theo quy định của Tổ chức quản lý nghề cá khu vực hoặc quốc gia ven biển;

c) Thuyền viên và người làm việc trên tàu cá phải có Giấy chứng nhận

hoàn thành lớp bồi dưỡng quản lý nghề cá tại vùng biển quốc tế do cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp đối với trường hợp cấp giấy phép đi khai thác tại vùng biển do Tổ chức quản lý nghề cá khu vực quản lý.

Điều 31. Cấp văn bản chấp thuận cho tàu cá khai thác thủy sản ở vùng biển của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ khác hoặc cấp phép cho tàu cá đi khai thác tại vùng biển thuộc thẩm quyền quản lý của Tổ chức quản lý nghề cá khu vực

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp văn bản chấp thuận cho tàu cá khai thác thủy sản ở vùng biển của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ khác hoặc cấp phép cho tàu cá đi khai thác tại vùng biển thuộc thẩm quyền quản lý của Tổ chức quản lý nghề cá khu vực là cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Hồ sơ cấp văn bản chấp thuận cho tàu cá bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp văn bản chấp thuận theo Mẫu số 08.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này hoặc Giấy đăng ký cấp phép theo Mẫu số 09.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao hợp đồng hợp tác khai thác thủy sản tại vùng biển của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ khác đối với trường hợp cấp văn bản chấp thuận; hợp đồng phải được cơ quan có thẩm quyền của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó phê duyệt và văn bản phê duyệt phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định;

c) Danh sách, ảnh và số hộ chiếu của thuyền viên, người làm việc trên tàu cá;

d) Bản chụp bằng hoặc chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng;

đ) Bản chụp giấy chứng nhận đã qua lớp bồi dưỡng quản lý nghề cá tại vùng biển quốc tế đối với trường hợp cấp giấy phép đi khai thác chịu sự quản lý của Tổ chức quản lý nghề cá khu vực.

3. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này đến cơ quan được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường giao tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính;

b) Cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này thẩm định hồ sơ trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng quy định, cơ quan có thẩm quyền có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. Trường hợp hồ sơ đáp ứng quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp Văn bản chấp thuận theo Mẫu số 10.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này hoặc giấy phép theo Mẫu số 11.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị

định này; danh sách thuyền viên và người làm việc trên tàu cá theo Mẫu số 12.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Sau khi cấp văn bản chấp thuận hoặc giấy phép, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày cấp, cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này thông báo theo Mẫu số 13.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tàu đi khai thác thủy sản ở vùng biển của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ khác và các Bộ: Quốc phòng, Công an, Ngoại giao biết để phối hợp theo dõi và quản lý.

5. Khi nhận được văn bản chấp thuận hoặc giấy phép và các giấy tờ có liên quan, tổ chức, cá nhân phải nộp bản chính Giấy phép khai thác thủy sản hoạt động trong vùng biển Việt Nam đã được cấp cho cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

6. Tổ chức, cá nhân còn có nhu cầu nhận lại Giấy phép khai thác thủy sản, gửi văn bản đề nghị đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này trả lại Giấy phép khai thác thủy sản mà tổ chức, cá nhân đã nộp.

Mục 2

QUẢN LÝ TÀU NƯỚC NGOÀI HOẠT ĐỘNG THỦY SẢN TRONG VÙNG BIỂN VIỆT NAM

Điều 32. Cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi Giấy phép đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài có tàu hoạt động thủy sản trong vùng biển Việt Nam

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi Giấy phép đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài có tàu hoạt động thủy sản trong vùng biển Việt Nam là cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép bao gồm:

a) Đơn đề nghị kèm theo danh sách thuyền viên, người làm việc trên tàu cá theo Mẫu số 14.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao chứng thực các giấy tờ, văn bản quy định tại Điều 55 Luật Thủy sản.

3. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 15.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Báo cáo về việc thay đổi tàu cá hoặc thay đổi nghề (nếu có).

4. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép gồm:

- a) Đơn đề nghị gia hạn theo Mẫu số 16.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;
- b) Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá;
- c) Báo cáo tình hình hoạt động của tàu cá trong thời gian được cấp Giấy phép;
- d) Nhật ký khai thác thủy sản (đối với tàu hoạt động đánh bắt nguồn lợi thủy sản).

5. Trình tự, thủ tục thực hiện cấp, cấp lại, gia hạn Giấy phép hoạt động trong vùng biển Việt Nam

a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp, cấp lại, gia hạn Giấy phép hoạt động trong vùng biển Việt Nam gửi hồ sơ tương ứng theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này đến cơ quan được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường giao tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính;

b) Trường hợp cấp, cấp lại: Sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường lấy ý kiến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng về danh sách thuyền viên và người làm việc trên tàu. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng phải có ý kiến trả lời bằng văn bản. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này xem xét cấp, cấp lại Giấy phép hoạt động thủy sản của tàu nước ngoài trong vùng biển Việt Nam theo Mẫu số 17.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp, cấp lại Giấy phép phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do;

c) Trường hợp gia hạn: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này gia hạn Giấy phép hoạt động thủy sản của tàu nước ngoài trong vùng biển Việt Nam theo Mẫu số 18.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không gia hạn Giấy phép phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do;

d) Sau khi cấp, cấp lại, gia hạn Giấy phép hoạt động thủy sản của tàu nước ngoài trong vùng biển Việt Nam, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh nơi có tàu đến hoạt động thủy sản ở vùng biển Việt Nam và Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam biết để phối hợp theo dõi và quản lý theo Mẫu số 21.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

6. Thu hồi Giấy phép hoạt động trong vùng biển Việt Nam

Khi phát hiện vi phạm một trong các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 56 Luật Thủy sản, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi Giấy phép hoạt động thủy sản và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 33. Quy định tàu nước ngoài vào cảng cá, rời cảng cá hoặc neo đậu trong vùng nước cảng cá

1. Tàu nước ngoài khi vào, rời cảng cá hoặc neo đậu trong vùng nước cảng cá Việt Nam phải treo Quốc kỳ Việt Nam trên đỉnh cột cao nhất của tàu và treo cờ quốc gia mà tàu đăng ký ở cột thấp hơn.

2. Thực hiện khai báo và chấp hành việc thanh tra, kiểm tra, kiểm soát của các lực lượng chức năng theo quy định của pháp luật.

Chương V
QUẢN LÝ TÀU CÁ, TÀU CÔNG VỤ

Điều 34. Phân loại cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá

Cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá được phân loại như sau:

1. Cơ sở loại I: đóng mới, cải hoán tất cả các loại tàu cá theo vật liệu vỏ.
2. Cơ sở loại II: đóng mới, cải hoán tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 24 mét theo vật liệu vỏ.
3. Cơ sở loại III: đóng mới, cải hoán tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 15 mét theo vật liệu vỏ.

Điều 35. Điều kiện cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá vỏ thép

1. Có nhà xưởng, trang thiết bị, nhân lực tối thiểu theo Mục 1 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này.
2. Có giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương (đối với cơ sở loại I, loại II); có quy trình công nghệ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu cá (đối với cơ sở loại III).

Điều 36. Điều kiện cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá vỏ gỗ

1. Có nhà xưởng, trang thiết bị, nhân lực tối thiểu theo Mục 2 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này.
2. Có giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương (đối với cơ sở loại I); có quy trình công nghệ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu cá (đối với cơ sở loại II, loại III).

Điều 37. Điều kiện cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá vỏ vật liệu mới

1. Có nhà xưởng, trang thiết bị, nhân lực tối thiểu theo Mục 3 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Có giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương (đối với cơ sở loại I, loại II); có quy trình công nghệ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu cá (đối với cơ sở loại III).

Điều 38. Cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá là cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh.

2. Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá:

a) Đơn đề nghị theo Mẫu số 01.TC Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản thuyết minh điều kiện cơ sở theo Mẫu số 02.TC Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá:

a) Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03.TC Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đã cấp.

4. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có địa điểm đóng mới, cải hoán tàu cá của cơ sở) giao tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này kiểm tra, đánh giá thực tế điều kiện cơ sở theo Mẫu số 04.TC Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp hồ sơ và điều kiện cơ sở đạt yêu cầu, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá theo Mẫu số 05.TC Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp cơ sở không đáp ứng đủ điều kiện, cơ sở thực hiện khắc phục và gửi thông báo bằng văn bản đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại

khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 ngày làm việc.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo khắc phục, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, đánh giá điều kiện cơ sở. Trường hợp cơ sở đáp ứng điều kiện, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá theo Mẫu số 05.TC Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

5. Trình tự, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá

a) Khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 64 Luật Thủy sản, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có địa điểm đóng mới, cải hoán tàu cá của cơ sở) giao tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính;

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này xem xét hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá theo Mẫu số 05.TC Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này.

6. Thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá

Khi phát hiện cơ sở vi phạm một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 64 Luật Thủy sản, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã cấp và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 39. Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuyền viên tàu cá

1. Điều kiện của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuyền viên tàu cá:

a) Là cơ sở có chức năng đào tạo, bồi dưỡng được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Có chương trình, giáo trình đào tạo, bồi dưỡng theo quy định; thiết lập và duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tiêu chuẩn tương đương.

2. Quyền và nghĩa vụ của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuyền viên tàu cá:

a) Được thu phí đào tạo, bồi dưỡng theo quy định;

b) Gửi thông báo bằng văn bản theo Mẫu số 06.TC Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này về cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ

Nông nghiệp và Môi trường ít nhất 30 ngày trước khi tham gia hoạt động đào tạo, bồi dưỡng thuyền viên tàu cá;

c) Bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu quy định;

d) Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng thuyền viên tàu cá theo chương trình khung do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành.

Điều 40. Phân loại cơ sở đăng kiểm tàu cá và quy định về đăng kiểm tàu công vụ thủy sản

1. Cơ sở đăng kiểm tàu cá được phân loại như sau:

a) Loại I: Đăng kiểm tất cả các loại tàu cá;

b) Loại II: Đăng kiểm tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 24 mét;

c) Loại III: Đăng kiểm tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 15 mét.

2. Quy định về đăng kiểm tàu công vụ thủy sản:

a) Tổ chức quản lý tàu công vụ thủy sản được lựa chọn cơ sở đăng kiểm tàu cá theo quy định tại khoản 1 Điều này hoặc các tổ chức đăng kiểm khác để thực hiện đăng kiểm tàu công vụ thủy sản;

b) Việc giám sát an toàn kỹ thuật, môi trường, chất lượng tàu công vụ thủy sản thực hiện theo quy định về đăng kiểm do tổ chức đăng kiểm đã lựa chọn áp dụng.

Điều 41. Điều kiện cơ sở đăng kiểm tàu cá

1. Đối với cơ sở đăng kiểm tàu cá loại I:

a) Được cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập (đối với trường hợp là cơ sở đăng kiểm sự nghiệp công lập) hoặc được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã; cơ sở đăng kiểm tàu cá phải độc lập về pháp lý, độc lập về tài chính với tổ chức, cá nhân kinh doanh tàu cá, đóng mới, cải hoán tàu cá, thiết kế tàu cá;

b) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật đáp ứng yêu cầu: có thiết bị nhập và lưu trữ dữ liệu; có thiết bị được kết nối mạng và truyền dữ liệu với các cơ quan liên quan về hoạt động đăng kiểm tàu cá của cơ sở; có dụng cụ, trang thiết bị phục vụ kiểm tra kỹ thuật theo Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Có hợp đồng lao động thời hạn từ 12 tháng trở lên hoặc hợp đồng lao

động không xác định thời hạn theo quy định của pháp luật với đăng kiểm viên trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành kỹ thuật liên quan: vỏ tàu thủy, máy tàu thủy, điện, khai thác thủy sản, nhiệt lạnh hoặc chế biến thủy sản; trong thời gian thực hiện hợp đồng với cơ sở đăng kiểm, đăng kiểm viên không hợp đồng lao động có thời hạn từ 03 tháng trở lên với đơn vị sử dụng lao động khác; trong đó có ít nhất 01 đăng kiểm viên hạng I và 02 đăng kiểm viên hạng II;

d) Thiết lập và duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.

2. Đối với cơ sở đăng kiểm tàu cá loại II:

a) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a, b, d khoản 1 Điều này;

b) Có hợp đồng lao động thời hạn từ 12 tháng trở lên hoặc hợp đồng lao động không xác định thời hạn theo quy định của pháp luật với Đăng kiểm viên có trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành kỹ thuật liên quan: vỏ tàu thủy, máy tàu thủy, điện, khai thác thủy sản, nhiệt lạnh hoặc chế biến thủy sản; trong thời gian thực hiện hợp đồng với cơ sở đăng kiểm, đăng kiểm viên không hợp đồng lao động có thời hạn từ 03 tháng trở lên với đơn vị sử dụng lao động khác; trong đó có ít nhất 02 đăng kiểm viên hạng II.

3. Đối với cơ sở đăng kiểm tàu cá loại III:

a) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này;

b) Có hợp đồng lao động thời hạn từ 12 tháng trở lên hoặc hợp đồng lao động không xác định thời hạn theo quy định của pháp luật với đăng kiểm viên trình độ cao đẳng trở lên thuộc các chuyên ngành kỹ thuật liên quan: vỏ tàu thủy, máy tàu thủy, khai thác thủy sản; trong thời gian thực hiện hợp đồng với cơ sở đăng kiểm, đăng kiểm viên không hợp đồng lao động có thời hạn từ 03 tháng trở lên với đơn vị sử dụng lao động khác; trong đó có ít nhất 01 đăng kiểm viên hạng II;

c) Thiết lập và duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương; hoặc có quy trình kiểm tra, giám sát kỹ thuật tàu cá phù hợp với quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu cá.

Điều 42. Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá

1. Thẩm quyền cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá:

a) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá đối với cơ sở đăng kiểm tàu cá thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý;

b) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá đối với cơ sở đăng kiểm tàu cá trên địa bàn quản lý trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá theo Mẫu số 07.TC Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Hồ sơ quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.

3. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá gồm Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 11.TC Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá:

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá đến cơ quan được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này kiểm tra thực tế theo Mẫu số 08.TC Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp hồ sơ và điều kiện cơ sở đạt yêu cầu, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá theo Mẫu số 09.TC Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp điều kiện cơ sở không đạt yêu cầu, cơ sở thực hiện khắc phục và gửi thông báo bằng văn bản đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 05 ngày làm việc. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo khắc phục, cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá theo Mẫu số 09.TC Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp thì phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do;

c) Cơ sở đăng kiểm trang bị và áp dụng dấu kỹ thuật, ấn chỉ nghiệp vụ đăng kiểm tàu cá theo Mẫu số 10.TC Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này trong công tác đăng kiểm tàu cá.

5. Trình tự, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá

a) Khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật Thủy sản, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá đến cơ quan được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này thẩm định và xem xét, quyết định cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá theo Mẫu số 09.TC Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp lại thì phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

Điều 43. Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá Việt Nam

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá Việt Nam là cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh.

2. Hồ sơ đề nghị cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá Việt Nam gồm tờ khai theo Mẫu số 12.TC Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Trình tự, thủ tục cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá Việt Nam

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính;

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này căn cứ hạn ngạch Giấy phép khai thác thủy sản và tiêu chí đặc thù của địa phương để thẩm định hồ sơ, xem xét cấp văn bản chấp thuận theo Mẫu số 13.TC Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp văn bản chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Chủ tàu cá phải hoàn thành thủ tục đăng ký tàu cá trong thời hạn 06 tháng đối với trường hợp cải hoán, thuê, mua hoặc trong thời hạn 12 tháng đối với trường hợp đóng mới kể từ ngày văn bản chấp thuận có hiệu lực.

5. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hoàn thành giấy tờ mua bán, thuê tàu trần, nhập khẩu, tặng cho, thừa kế, trúng đấu giá tàu cá, tổ chức, cá nhân đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký tàu cá làm thủ tục cấp đăng ký theo quy định.

6. Không chấp thuận đóng mới, cải hoán tàu cá làm nghề lưới kéo, nghề lưới rê thu ngừ (trừ trường hợp tàu cá làm nghề lưới kéo, nghề lưới rê thu ngừ cải hoán sang làm nghề khác); không chấp thuận cải hoán tàu cá đang làm nghề khác sang làm nghề lưới kéo, nghề lưới rê thu ngừ.

Điều 44. Xuất khẩu tàu cá

1. Tàu cá được xuất khẩu khi được cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh nơi tàu cá đăng ký cấp Giấy chứng nhận ghi rõ lý do xóa đăng ký tàu cá để xuất khẩu.

2. Việc xuất cảnh tàu cá trong trường hợp tàu cá được vận chuyển bằng tàu chuyên dụng thực hiện theo quy định của pháp luật về xuất khẩu hàng hoá.

3. Việc xuất cảnh tàu cá trong trường hợp tàu cá tự di chuyển đến quốc gia nhập khẩu thực hiện theo quy định của pháp luật về hàng hải.

Điều 45. Các trường hợp xóa đăng ký tàu cá

1. Tàu cá bị phá hủy, phá dỡ hoặc chìm đắm không thể trục vớt.

2. Tàu cá vi phạm khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định ở vùng biển của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ khác hoặc vùng biển thuộc thẩm quyền quản lý của Tổ chức quản lý nghề cá khu vực bị bắt giữ, tịch thu và phá hủy.

3. Tàu cá được cơ quan đăng ký tàu cá thông báo tới chủ tàu cá, thông tin tìm kiếm trên phương tiện truyền thông 06 tháng nhưng không có thông tin.

4. Tàu cá được bán, tặng, cho, thừa kế, xuất khẩu, viện trợ.

5. Theo đề nghị của chủ tàu cá.

Chương VI KIỂM NGƯ

Điều 46. Tổ chức Kiểm ngư

1. Kiểm ngư trung ương được tổ chức như sau:

a) Cục Thủy sản và Kiểm ngư là cơ quan trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Cục Thủy sản và Kiểm ngư có các phòng chuyên môn, các Chi cục Kiểm ngư Vùng và Trung tâm phục vụ hoạt động Kiểm ngư;

b) Chi cục Kiểm ngư Vùng có các phòng chuyên môn, đội tàu Kiểm ngư và Trạm Kiểm ngư;

c) Cục Thủy sản và Kiểm ngư và các Chi cục Kiểm ngư Vùng có tư cách pháp nhân, có trụ sở, con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước;

d) Trạm Kiểm ngư thuộc Chi cục Kiểm ngư Vùng có con dấu riêng để giao dịch hành chính và thực hiện nhiệm vụ xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

2. Kiểm ngư tỉnh, thành phố có biển là tổ chức hành chính thuộc cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh, do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập.

3. Phạm vi hoạt động của Kiểm ngư.

a) Kiểm ngư trung ương tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, điều tra, xử lý vi phạm pháp luật, áp dụng các biện pháp ngăn chặn hành vi vi phạm và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều 88 Luật Thủy sản trong hoạt động khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại vùng khơi.

Căn cứ yêu cầu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định việc Kiểm ngư trung ương tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, thực thi pháp luật tại vùng bờ, vùng lồng và cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão tàu cá;

b) Kiểm ngư tỉnh, thành phố có biển tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm pháp luật, áp dụng các biện pháp ngăn chặn hành vi vi phạm và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều 88 Luật Thủy sản trong hoạt động khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại nội địa, vùng ven bờ, vùng lồng, cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá thuộc địa bàn quản lý.

4. Đối với các tỉnh, thành phố không có biển, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản hoặc cơ quan, lực lượng thực thi pháp luật tuần tra, kiểm tra, kiểm soát hoạt động khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn.

Điều 47. Nguồn kinh phí bảo đảm cho hoạt động Kiểm ngư

1. Nguồn ngân sách nhà nước bảo đảm cho hoạt động kiểm ngư theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành:

a) Ngân sách trung ương bảo đảm kinh phí cho hoạt động của Kiểm ngư trung ương, gồm: vốn đầu tư phát triển; chi thường xuyên;

b) Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí cho hoạt động của Kiểm ngư tỉnh, thành phố có biển, gồm: vốn đầu tư phát triển; chi thường xuyên.

2. Các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

Điều 48. Nội dung chi hoạt động Kiểm ngư

1. Chi cho hoạt động bộ máy Kiểm ngư thực hiện theo quy định của Chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

2. Nội dung chi cho hoạt động Kiểm ngư từ nguồn ngân sách nhà nước cấp duy trì hằng năm:

a) Chi trực đường dây nóng đảm bảo xử lý các vụ việc phát sinh đột xuất của hoạt động nghề cá trên biển giữa Việt Nam với các nước láng giềng và các nhiệm vụ trực khác được cấp có thẩm quyền giao;

b) Chi hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết, huấn luyện, bồi dưỡng, tập huấn về nghiệp vụ chuyên ngành Kiểm ngư;

c) Chi nguyên, nhiên vật liệu cho tàu Kiểm ngư thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm tra, kiểm soát; thực hiện công tác phòng chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn và khắc phục các sự cố trên biển; phối hợp cùng lực lượng liên quan tuần tra, kiểm tra, xử lý tàu cá nước ngoài vi phạm vùng biển Việt Nam, ngăn chặn tàu cá Việt Nam vi phạm vùng biển nước ngoài; tham gia bảo vệ chủ quyền trên vùng biển, đảo Việt Nam theo quy định;

d) Chi mua bảo hiểm cho đội tàu Kiểm ngư bao gồm (bảo hiểm con người làm việc trên tàu Kiểm ngư, bảo hiểm tàu, xuồng Kiểm ngư); các loại thuế, phí khác theo quy định;

đ) Chi thu thập, mua tin từ cộng tác viên, xử lý thông tin, tài liệu, vật chứng liên quan đến nghiệp vụ Kiểm ngư; chi hoạt động xác minh, điều tra, trưng cầu giám định về các nội dung liên quan đến nghiệp vụ Kiểm ngư;

e) Chi thuê vị trí cập tàu và khu vực neo đậu cho đội tàu Kiểm ngư và tàu thuyền vi phạm bị lực lượng Kiểm ngư tạm giữ để xử lý;

g) Chi phí sửa chữa định kỳ, đột xuất tàu, xuồng Kiểm ngư;

h) Chi mua sắm phương tiện, tàu, xuồng Kiểm ngư, vũ khí quân dụng, công cụ hỗ trợ, các trang thiết bị chuyên dùng, trang phục cho lực lượng Kiểm ngư; mua sắm vật tư, thiết bị tiêu hao, thuốc, thiết bị y tế phục vụ sơ cứu trên các tàu, xuồng Kiểm ngư;

i) Chi xây dựng quản lý cơ sở dữ liệu và duy trì vận hành hệ thống thông tin về Kiểm ngư;

k) Chi tuyên truyền, đưa tin nóng trên truyền hình, phổ biến, giáo dục pháp luật về Kiểm ngư; thiết kế, in ấn biểu mẫu chuyên ngành Kiểm ngư;

l) Chi thưởng đột xuất cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc khi tham gia tuần tra, kiểm tra, kiểm soát đảm bảo thực thi pháp luật về thủy sản và tham gia đấu tranh bảo vệ chủ quyền trên biển;

m) Các khoản chi khác có liên quan đến hoạt động Kiểm ngư.

Chương VII

MUA, BÁN, SƠ CHẾ, CHẾ BIẾN, XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU THỦY SẢN, SẢN PHẨM THỦY SẢN

Điều 49. Cấp phép xuất khẩu loài thủy sản có tên trong Danh mục loài thủy sản cấm xuất khẩu hoặc Danh mục loài thủy sản xuất khẩu có điều kiện nhưng không đáp ứng điều kiện vì mục đích nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường có thẩm quyền cấp phép xuất khẩu loài thủy sản có tên trong Danh mục loài thủy sản cấm xuất khẩu hoặc Danh mục loài thủy sản xuất khẩu có điều kiện nhưng không đáp ứng điều kiện vì mục đích nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế.

2. Hồ sơ đề nghị cấp phép xuất khẩu gồm:

a) Đơn đề nghị cấp phép xuất khẩu theo Mẫu số 29.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Tài liệu chứng minh xuất khẩu loài thủy sản vì mục đích nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế.

3. Trình tự thực hiện cấp phép xuất khẩu:

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến cơ quan được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường giao giải quyết thủ tục hành chính;

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường giao giải quyết thủ tục hành chính xem xét nội dung hồ sơ, trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp phép theo Mẫu số 30.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp nội dung hồ sơ không đạt phải trả lời tổ chức, cá nhân bằng văn bản nêu rõ lý do.

Điều 50. Kiểm soát tàu nước ngoài khai thác, vận chuyển, chuyển tải thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác cập cảng Việt Nam

1. Thẩm quyền công bố, đưa ra khỏi danh sách cảng chỉ định:

a) Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng chỉ định và công bố danh sách cảng biển cho tàu nước ngoài khai thác, vận chuyển, chuyển tải thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác cập cảng để thực hiện hoạt động nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam và thông báo danh sách cảng được chỉ định cho Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên hợp quốc;

b) Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng đưa ra khỏi danh sách cảng chỉ định cho tàu nước ngoài khai thác, vận chuyển, chuyển tải thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác cập cảng để thực hiện hoạt động nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam trong trường hợp cảng không thực hiện đúng trách nhiệm của cảng chỉ định theo quy định của Hiệp định về Biện pháp quốc gia có cảng nhằm ngăn chặn, chống lại khai thác thủy sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên hợp quốc.

2. Đối tượng kiểm soát:

Tàu hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản, cung cấp nhân lực, nhiên liệu, ngư cụ và các trang thiết bị khác trên biển của nước ngoài cập cảng để sử dụng dịch vụ cảng; tàu nước ngoài khai thác, vận chuyển, chuyển tải thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác cập cảng để thực hiện hoạt động nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam.

3. Thông báo trước khi cập cảng:

Tổ chức, cá nhân có tàu nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều này phải thông báo trước khi cập cảng 72 giờ với cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo Mẫu số 20.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này kèm theo bản chụp các tài liệu quy định tại điểm b khoản 5 Điều này bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh (trường hợp tài liệu gốc không phải bằng tiếng Anh phải có bản dịch sang tiếng Việt hoặc tiếng Anh được chứng thực theo quy định).

4. Kiểm tra để quyết định cho tàu cập cảng hoặc từ chối cho tàu cập cảng:

Trong thời hạn 72 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu xin vào cảng, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra, xác minh thông tin về tàu có trong danh sách tàu khai thác thủy sản bất hợp pháp hoặc về sản phẩm thủy sản của tàu cá và thủy sản, sản phẩm thủy sản trên tàu có thuộc danh mục Công ước quốc tế về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp không để quyết định:

a) Cho phép tàu cập cảng và thông báo tới chủ tàu hoặc đại diện hợp pháp của chủ tàu, cảng vụ hàng hải nếu không vi phạm quy định về khai thác thủy sản hoặc hỗ trợ khai thác thủy sản bất hợp pháp không báo cáo và không theo quy định theo Mẫu số 21.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Từ chối cho tàu cập cảng và thông báo cho các cơ quan có thẩm quyền tại cảng, đồng thời gửi thông báo đến quốc gia tàu mang cờ, các quốc gia ven biển có liên quan, tổ chức quản lý nghề cá khu vực và tổ chức có liên quan nếu phát hiện một trong các trường hợp sau đây:

Tàu đồ nằm trong danh sách tàu khai thác thủy sản bất hợp pháp được công bố bởi quốc gia ven biển, các tổ chức quản lý nghề cá khu vực, các tổ chức quốc tế có liên quan;

Có yêu cầu từ quốc gia ven biển, các tổ chức quản lý nghề cá khu vực, các tổ chức quốc tế có liên quan.

5. Kiểm tra thực tế trên tàu khi tàu cập cảng:

a) Nguyên tắc kiểm tra: Đảm bảo công bằng, minh bạch, không phân biệt đối xử và không gây phiền hà trong quá trình kiểm tra; không làm ảnh hưởng đến chất lượng thủy sản trên tàu. Cán bộ kiểm tra phải có chuyên môn và am hiểu pháp luật về thủy sản; không can thiệp vào khả năng trao đổi thông tin của thuyền trưởng đối với các cơ quan chức năng của quốc gia mà tàu mang cờ, trên cơ sở phù hợp với pháp luật quốc tế; trong trường hợp cần thiết, có thể mời đại diện của quốc gia tàu mang cờ và chuyên gia quốc tế cùng tham gia kiểm tra;

b) Tài liệu phải cung cấp cho cán bộ kiểm tra: Giấy đăng ký tàu cá; Giấy phép khai thác thủy sản; Giấy phép chuyển tải, các báo cáo chuyển tải và thông tin của tàu tham gia chuyển tải (giấy phép khai thác, giấy phép chuyển tải, giấy đăng ký, khai báo của thuyền trưởng); sơ đồ bố trí hầm hàng; bản sao giấy phép nhập khẩu các loài thủy sản có nguồn gốc từ khai thác có tên trong danh mục của Công ước quốc tế về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (trường hợp có thủy sản có tên trong danh mục của Công ước quốc tế về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp); tài liệu liên quan đến thông tin khác quy định tại Mẫu số 20.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

6. Nội dung kiểm tra thực tế khi tàu cập cảng:

a) Kiểm tra tính chính xác của các thông tin đã khai báo theo Mẫu số 20.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này so với các hồ sơ lưu trữ trên tàu;

b) Kiểm tra khối lượng và thành phần loài thủy sản, sản phẩm thủy sản, ngư cụ và các trang thiết bị liên quan trên tàu với nội dung đã khai báo theo Mẫu số 20.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Tiến hành đối chiếu khối lượng bốc dỡ thực tế qua cảng với số lượng khai báo để chốt Biên bản theo Mẫu số 25.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

7. Quy trình kiểm tra thực tế khi tàu cập cảng:

a) Người kiểm tra xuất trình giấy tờ thể hiện công vụ trước thuyền trưởng;

b) Tiến hành kiểm tra theo nội dung quy định tại khoản 6 Điều này và thông tin trong Mẫu số 20.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Thuyền trưởng phải cung cấp thông tin đã khai báo và xuất trình tài liệu quy định tại điểm b khoản 5 Điều này và giấy tờ liên quan đến nội dung kiểm tra và thông tin đã khai báo trước khi cập cảng;

d) Lập biên bản kiểm tra theo Mẫu số 25.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

đ) Thông báo và xử lý kết quả kiểm tra theo quy định tại khoản 8 Điều này.

8. Thông báo và xử lý kết quả kiểm tra thực tế khi tàu cập cảng:

a) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc của Bộ Nông nghiệp và Môi trường từ chối không cho lên cảng thủy sản, sản phẩm thủy sản và đề nghị cơ quan có thẩm quyền cưỡng chế tàu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam (trừ trường hợp bất khả kháng vì yếu tố nhân đạo) và thông báo theo Mẫu số 21.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này đến cơ quan có thẩm quyền không cho sử dụng các dịch vụ tại cảng đồng thời thông báo cho quốc gia mà tàu mang cờ, quốc gia ven biển, Tổ chức quản lý nghề cá khu vực, Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên hợp quốc (FAO) và tổ chức quốc tế có liên quan, quốc gia mà thuyền trưởng của tàu cá đó là công dân về kết quả kiểm tra và biện pháp xử lý vi phạm nếu phát hiện một trong các trường hợp sau đây:

Thủy sản, sản phẩm thủy sản nhập khẩu được khai thác bằng tàu không có giấy phép hoặc giấy phép không hợp lệ hoặc không có giá trị theo quy định của quốc gia mà tàu đó mang cờ hoặc của quốc gia ven biển có thẩm quyền.

Thủy sản, sản phẩm thủy sản được nhập khẩu vận chuyển, chuyển tải bằng tàu không có giấy phép hoặc giấy phép không hợp lệ hoặc không có giá trị theo quy định của quốc gia mà tàu đó mang cờ hoặc của quốc gia ven biển có thẩm quyền.

Thủy sản, sản phẩm thủy sản nhập khẩu được khai thác bằng tàu không có giấy phép hoặc giấy phép không hợp lệ hoặc không có giá trị trong vùng nước thẩm quyền của tổ chức quản lý nghề cá khu vực.

Thủy sản, sản phẩm thủy sản nhập khẩu được vận chuyển, chuyển tải bằng tàu không có giấy phép hoặc giấy phép không hợp lệ hoặc không có giá trị trong vùng nước thẩm quyền của tổ chức quản lý nghề cá khu vực.

Có chứng cứ thủy sản, sản phẩm thủy sản nhập khẩu trên tàu được khai thác vượt quá hạn ngạch cho phép của quốc gia ven biển có thẩm quyền hoặc của tổ chức quản lý nghề cá khu vực.

Có chứng cứ thủy sản, sản phẩm thủy sản nhập khẩu trên tàu được khai thác trái với quy định của quốc gia ven biển có thẩm quyền hoặc trái với quy định về biện pháp quản lý và bảo tồn trong vùng nước thẩm quyền của tổ chức quản lý nghề cá khu vực hoặc có chứng cứ xác định tàu thực hiện hoặc hỗ trợ khai thác thủy sản bất hợp pháp theo quy định tại Điều 60 Luật Thủy sản.

Thủy sản, sản phẩm thủy sản nhập khẩu được khai thác bằng tàu nằm trong danh sách IUU của quốc gia mà tàu đó mang cờ hoặc của quốc gia ven biển có thẩm quyền hoặc của tổ chức quản lý nghề cá khu vực.

b) Biên bản kiểm tra theo Mẫu số 25.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này được lập thành 02 bản, thuyền trưởng và đơn vị kiểm tra mỗi bên giữ 01 bản.

c) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

Rút lại quyết định từ chối không cho thủy sản, sản phẩm thủy sản lên cảng hoặc yêu cầu cảng vụ hàng hải không cho sử dụng các dịch vụ tại cảng khi có đủ bằng chứng chứng minh các phát hiện nêu tại điểm a khoản này dựa trên những căn cứ không đầy đủ hoặc không chính xác hoặc các căn cứ đó không còn được áp dụng.

Thông báo cho chủ tàu hoặc đại diện hợp pháp của tàu, các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng, quốc gia mà tàu mang cờ, quốc gia ven biển, Tổ chức quản lý nghề cá khu vực, Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên hợp quốc và tổ chức quốc tế có liên quan, quốc gia mà thuyền trưởng của tàu cá đó là công dân về quyết định này.

9. Trường hợp nhận được yêu cầu của quốc gia treo cờ, quốc gia ven biển, Tổ chức quản lý nghề cá khu vực hoặc tổ chức quốc tế liên quan về việc thủy sản, sản phẩm thủy sản vi phạm khai thác bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định sau khi đã thông quan, thì cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo quy định.

10. Tiêu chuẩn, quyền của người kiểm tra:

a) Tiêu chuẩn:

Là công chức, viên chức đang công tác tại cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường được giao nhiệm vụ thực hiện nhiệm vụ kiểm soát tàu nước ngoài khai thác, tàu vận chuyển thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác cập cảng Việt Nam; có chuyên môn và am hiểu pháp luật về thủy sản; có kỹ năng kiểm tra theo yêu cầu và hiểu biết quy định của Hiệp định về các biện pháp quốc gia có cảng.

b) Quyền của người kiểm tra:

Yêu cầu thuyền trưởng, thuyền viên, chủ hàng và đại lý hàng hải cung cấp các tài liệu theo quy định.

Thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến tàu, thủy sản và sản phẩm thủy sản trên tàu để phục vụ kiểm tra.

Lên tàu và kiểm tra các khu vực trên tàu liên quan đến thông tin cần kiểm tra; tiếp cận hệ thống giám sát hành trình của tàu VMS và AIS (nếu có), ngư lưới cụ, sơ đồ bố trí hầm hàng và các trang thiết bị liên quan khác trên tàu.

Được tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ thực hiện Hiệp định về biện pháp quốc gia có cảng.

Được trao đổi với đầu mối quốc gia tàu mang cờ và các quốc gia, tổ chức quản lý nghề cá khu vực và các tổ chức quốc tế có liên quan để xác minh thông tin về tàu, thủy sản, sản phẩm thủy sản trên tàu.

Được đề xuất với đầu mối quốc gia về việc mời đại diện của quốc gia mà tàu mang cờ và các chuyên gia quốc tế tham gia kiểm tra trong trường hợp cần thiết; đề xuất thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành hoặc sử dụng phiên dịch (nếu cần thiết).

Yêu cầu tạm dừng việc bốc dỡ hoặc đề nghị cơ quan quản lý cảng ngừng cung cấp các dịch vụ cảng.

11. Trách nhiệm của người kiểm tra: Đảm bảo việc kiểm tra được tiến hành theo nguyên tắc quy định tại điểm a khoản 5 Điều này.

Điều 51. Kiểm soát thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác được vận chuyển bằng tàu công ten nơ nhập khẩu vào Việt Nam

1. Trước ít nhất 48 giờ khi lô hàng (trừ lô hàng mẫu có khối lượng dưới 50 kg, không dùng cho mục đích thương mại, không lưu thông trên thị trường) được vận chuyển cập cảng, tổ chức, cá nhân nhập khẩu thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác vào Việt Nam bằng tàu công ten nơ thực hiện khai báo và gửi hồ sơ cho cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường để thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản nhập khẩu không vi phạm quy định về khai thác bất hợp pháp và phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, hồ sơ khai báo bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh (trường hợp tài liệu gốc không phải bằng tiếng Anh phải có bản dịch sang tiếng Việt hoặc tiếng Anh được chứng thực theo quy định) bao gồm:

a) Thông tin về lô hàng theo Mẫu số 22.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao vận tải đơn đối với thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác nhập khẩu;

c) Bản sao văn bản chứng nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác của cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu cấp cho lô hàng hoặc giấy tờ thể hiện xác nhận hoặc chứng nhận thủy sản có nguồn gốc từ khai thác của cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu cấp cho lô hàng;

d) Trường hợp không có giấy tờ quy định tại điểm c khoản này, nộp bản sao Giấy phép khai thác thủy sản của tàu khai thác. Riêng đối với lô hàng cá cờ kiếm (*Xiphias gladius*) và các loài thuộc đối tượng kiểm tra theo Kế hoạch kiểm tra, kiểm soát thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam bằng tàu công ten nơ do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành thì nộp bản sao Giấy phép khai thác thủy sản của tàu khai thác và Giấy chứng nhận của thuyền trưởng (Captain's statement) tàu khai thác. Nội dung Giấy chứng nhận của thuyền trưởng thể hiện các thông tin về tàu khai thác đối với thủy sản, sản phẩm thủy sản nhập khẩu vào Việt Nam, gồm: tên tàu, số đăng ký tàu (IMO/hồ hiệu quốc tế/đánh dấu bên ngoài/số đăng ký RFMO nếu có), quốc gia treo cờ, số giấy phép khai thác thủy sản, loại ngư cụ, thời gian và khu vực khai thác; ngày, địa điểm cập bến đầu tiên của tàu, trong đó xác nhận thủy sản được khai thác tuân thủ đầy đủ luật pháp hiện hành, các biện pháp quản lý, bảo tồn. Giấy chứng nhận của Thuyền trưởng có chữ ký của thuyền trưởng tàu khai thác thủy sản.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện:

a) Tổng hợp thông tin khai báo do tổ chức, cá nhân cung cấp phục vụ việc kiểm tra, thanh tra sau nhập khẩu liên quan đến quy định chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định đối với các công ten nơ thủy sản, sản phẩm thủy sản khai thác nhập khẩu là các loài không thuộc đối tượng kiểm tra theo Kế hoạch kiểm tra, kiểm soát thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam bằng tàu công ten nơ do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành;

b) Tổ chức thẩm định hồ sơ khai báo xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản, sản phẩm thủy sản nhập khẩu không vi phạm quy định về khai thác bất hợp pháp đối với từng lô hàng cá cờ kiếm (*Xiphias gladius*) và các loài thuộc đối tượng kiểm tra theo Kế hoạch kiểm tra, kiểm soát thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam bằng tàu công ten nơ do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành. Nội dung thẩm định bao gồm: kiểm tra tính hợp lệ của thông tin, hồ sơ khai báo mà chủ hàng gửi theo quy định tại khoản 1 Điều này; kiểm tra đối chiếu với hạn mức đánh bắt của từng quốc gia, vùng đánh bắt và loài được phép đánh bắt theo quy định (nếu có thông tin).

Trường hợp thông tin khai báo, hồ sơ đạt yêu cầu, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành thông báo gửi chủ hàng trong thời hạn tối đa 48 giờ kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ khai báo hợp lệ, đồng thời gửi cơ quan Hải quan để phối hợp hoàn thiện thủ tục thông quan nhập khẩu theo Mẫu số 23.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp có dấu hiệu lô thủy sản nhập khẩu được khai thác, chuyển tải bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định theo thông tin, hồ sơ khai báo khi nhập khẩu, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo tới chủ hàng và cử kiểm tra viên đáp ứng quy định nêu tại khoản 10 Điều 50 Nghị định này phối hợp cơ quan Hải quan để tổ chức kiểm tra thực tế hàng hóa thủy sản trên công ten nơ để kiểm tra thực tế lô hàng và hoàn thiện Biên bản kiểm tra theo Mẫu số 24.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Trong trường hợp không xác định được thành phần loài thì tổ chức lấy mẫu để kiểm tra.

Xử lý kết quả kiểm tra:

Trường hợp kết quả kiểm tra thực tế phát hiện lô hàng nhập khẩu được khai thác bằng tàu nằm trong danh sách khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định của quốc gia mà tàu đó mang cờ hoặc của quốc gia ven biển có thẩm quyền hoặc của tổ chức quản lý nghề cá khu vực; hoặc được khai thác, vận chuyển, chuyển tải bằng tàu không có giấy phép hoặc giấy phép không hợp lệ hoặc không có giá trị theo quy định của quốc gia mà tàu đó mang cờ hoặc của quốc gia ven biển có thẩm quyền; hoặc được khai thác, vận chuyển, chuyển tải bằng tàu không có giấy phép hoặc giấy phép không hợp lệ hoặc không có giá trị trong vùng nước thẩm quyền của tổ chức quản lý nghề cá khu vực; hoặc có chứng cứ thủy sản, sản phẩm thủy sản trên tàu được khai thác vượt quá hạn ngạch loài khai thác của quốc gia ven biển, hoặc của các Tổ chức quản lý nghề cá khu vực; hoặc có chứng cứ thủy sản, sản phẩm thủy sản trên tàu được khai thác trái với quy định của quốc gia ven biển có thẩm quyền hoặc trái với quy định về biện pháp quản lý và bảo tồn trong vùng nước thẩm quyền của tổ chức quản lý nghề cá khu vực hoặc có chứng cứ xác định tàu thực hiện hoặc hỗ trợ khai thác thủy sản bất hợp pháp theo quy định tại Điều 60 Luật Thủy sản, cơ quan có thẩm quyền gửi thông báo tới chủ hàng, đồng gửi cơ quan Hải quan để tiến hành xử lý lô hàng theo quy định của pháp luật theo Mẫu số 23.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp kết quả kiểm tra thực tế đạt yêu cầu, cơ quan có thẩm quyền thông báo chủ hàng, cơ quan Hải quan để tiến hành thủ tục thông quan lô hàng nhập khẩu theo quy định.

3. Đối với trường hợp có yêu cầu của quốc gia treo cờ, quốc gia ven biển, các Tổ chức quản lý nghề cá khu vực và các tổ chức quốc tế liên quan về việc thủy sản, sản phẩm thủy sản được chuyên chở bằng tàu công ten nơ có nguồn gốc từ khai thác bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định:

a) Trường hợp hàng chưa vào cảng: cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với các cơ quan liên quan không cho bốc dỡ hàng;

b) Trường hợp hàng đã xuống cảng và đang chịu sự giám sát hải quan: cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với các cơ quan liên quan thông báo cho tổ chức, cá nhân nhập khẩu biết xử lý theo quy định và buộc tái xuất lô hàng;

c) Trường hợp hàng đã thông quan: Thực hiện theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản.

4. Đối với trường hợp nhận được thông tin của quốc gia treo cờ, quốc gia ven biển, các Tổ chức quản lý nghề cá khu vực, các tổ chức quốc tế về việc lô hàng thủy sản, sản phẩm thủy sản có dấu hiệu vi phạm hoặc qua kiểm tra thông tin thu nhận được xét thấy có dấu hiệu vi phạm về khai thác bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định:

a) Trường hợp hàng chưa vào cảng hoặc vào cảng nhưng chưa thông quan: cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. Trường hợp không phát hiện vi phạm, gửi kết quả kiểm tra cho chủ hàng để hoàn thiện thủ tục thông quan. Trường hợp phát hiện vi phạm buộc tái xuất lô hàng và xử lý theo quy định;

b) Trường hợp hàng đã thông quan: cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra. Trường hợp phát hiện vi phạm, thực hiện xử lý theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản.

5. Thực hiện xử lý kết quả kiểm tra, thanh tra sau nhập khẩu liên quan đến quy định chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định đối với các công ten nơ thủy sản khai thác nhập khẩu là các loài không thuộc đối tượng nằm trong Kế hoạch kiểm tra, kiểm soát thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam bằng tàu công ten nơ do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành thực hiện theo điểm b khoản 2 Điều này. Biên bản kiểm tra theo Mẫu số 24.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

6. Căn cứ vào tình hình thực tế, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch kiểm tra, kiểm soát thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam bằng tàu công ten nơ.

Điều 52. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc kiểm soát tàu nước ngoài khai thác, vận chuyển, chuyển tải thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác cập cảng Việt Nam và kiểm soát thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác được vận chuyển bằng tàu công ten nơ nhập khẩu vào Việt Nam

1. Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với các lực lượng có liên quan tại cảng thực hiện kiểm soát đối với thủy sản nhận có nguồn gốc từ khai thác;

b) Chủ trì xây dựng cơ chế hợp tác trao đổi thông tin với quốc gia ven biển về hạn ngạch cho phép đối với các loài khai thác nhập khẩu vào Việt Nam;

c) Tổ chức giám sát quá trình phân loại tại kho bảo quản đối với các loài cá ngừ được khai thác, vận chuyển, chuyển tải bằng tàu nước ngoài theo quy định tại Điều 51 Nghị định này; lấy mẫu kiểm tra khi có dấu hiệu nghi ngờ hoặc theo yêu cầu; lựa chọn doanh nghiệp để giám sát, theo yêu cầu thực tiễn hoặc ngẫu nhiên để phục vụ quản lý;

d) Xây dựng các biện pháp kiểm soát ngẫu nhiên tại các nhà máy nhập khẩu nhằm đảm bảo số lượng và chủng loại khai báo là chính xác phù hợp với hạn ngạch các loài đã cấp bởi quốc gia ven biển hoặc tổ chức quản lý nghề cá khu vực.

2. Doanh nghiệp khai thác cảng:

a) Bố trí nhân lực, địa điểm làm việc, phương tiện, trang thiết bị để cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức thực thi nhiệm vụ theo quy định;

b) Gửi báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường về sản lượng thực tế bốc dỡ qua cảng kèm theo các thông tin chi tiết về số xe, tên khách hàng, ngày cân, trọng lượng xe và hàng, trọng lượng xe không, trọng lượng hàng, mã số hầm hàng ngay sau khi kết thúc bốc dỡ.

3. Cảng vụ hàng hải tại các cảng cử người tham gia kiểm tra thực tế trên tàu khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

4. Thuyền trưởng, chủ tàu, chủ hàng, doanh nghiệp nhập khẩu thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác phải tuân thủ về kiểm tra, kiểm soát, cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của cán bộ kiểm tra, đoàn kiểm tra theo quy định của pháp luật; chủ hàng cung cấp các giấy tờ, tài liệu có liên quan để phục vụ cho công tác kiểm soát và quản lý theo chuỗi.

5. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật để kiểm tra, kiểm soát tàu, thủy sản và sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác cập cảng để thực hiện hoạt động nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam.

6. Doanh nghiệp nhập khẩu thủy sản:

a) Có trách nhiệm báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường về sản lượng thực tế, thành phần loài nhập khẩu sau khi phân loại với nội dung đã khai báo theo Mẫu số 20.KT Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này và bản sao tờ khai hải quan đã thông quan trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày bắt đầu bốc dỡ tại cảng;

b) Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của các giấy tờ, hồ sơ khai báo; cung cấp hồ sơ theo thông tin đã khai báo tại Mẫu số 22.KT Phụ lục II cho cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thanh tra, kiểm tra theo khoản 2 Điều 51 Nghị định này khi có yêu cầu;

c) Tạo điều kiện và thuận lợi cho cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong quá trình giám sát phân loại tại kho bảo quản.

7. Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường triển khai công tác kiểm tra tàu nước ngoài cập cảng khi có yêu cầu.

Chương VIII

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THỦY SẢN

Điều 53. Trách nhiệm của các bộ, ngành có liên quan

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

a) Tổ chức, triển khai thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Thủy sản;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ về thủy sản và kiểm ngư theo quy định của pháp luật trên phạm vi toàn quốc;

c) Chỉ đạo việc tổ chức thi hành pháp luật về thủy sản và kiểm ngư trên phạm vi toàn quốc theo quy định của pháp luật;

d) Xây dựng, chỉ đạo thực hiện tài liệu hướng dẫn kỹ thuật; quy trình kỹ thuật; giám sát, đánh giá trong lĩnh vực thủy sản;

đ) Tổ chức xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản; thống nhất quản lý hệ thống giám sát tàu cá trên toàn quốc; quy định quản lý kỹ thuật về hệ thống giám sát tàu cá;

e) Phân cấp, ủy quyền quản lý hoạt động thủy sản cho đơn vị trực thuộc và địa phương; giao cơ quan quản lý nhà nước thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và tổ chức, triển khai thực hiện Nghị định này theo thẩm quyền;

g) Tổ chức triển khai thực hiện dịch vụ công ích hậu cần nghề cá, quản lý, khai thác, duy tu cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá theo quy định của Chính phủ về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

h) Đề xuất cấp có thẩm quyền hoặc quyết định theo thẩm quyền phê duyệt chủ trương, bố trí ngân sách nhà nước đầu tư, tổ chức thực hiện các dự án phục vụ quản lý, phát triển bền vững ngành thủy sản theo quy định của pháp luật;

i) Đề xuất cấp có thẩm quyền hoặc quyết định theo thẩm quyền việc bố trí ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về thủy sản, kiểm ngư theo quy định của pháp luật.

2. Bộ Xây dựng:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, bảo vệ môi trường biển đối với các hoạt động của tàu cá, cảng cá;

b) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong quản lý hoạt động vận chuyển thủy sản, sản phẩm thủy sản qua cảng biển, dịch vụ hậu cần, tàu cá tại các cảng biển, cảng thủy nội địa thuộc quyền quản lý theo quy định của Hiệp định về Biện pháp quốc gia có cảng; xuất khẩu, nhập khẩu tàu cá.

3. Bộ Tài chính:

a) Quy định về phí, lệ phí theo quy định tại Nghị định này và pháp luật về phí, lệ phí trong lĩnh vực thủy sản;

b) Chỉ đạo Cục Hải quan không thông quan đối với lô hàng thủy sản, sản phẩm thủy sản khai thác bất hợp pháp trên cơ sở ý kiến của cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường; phối hợp với cơ quan có thẩm quyền kiểm soát nguồn gốc thủy sản từ khai thác nhập khẩu vào Việt Nam thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường có giải pháp kiểm soát nguồn gốc thủy sản từ khai thác nhập khẩu vào Việt Nam bằng tàu công ten nơ;

c) Giao Cục Hải quan định kỳ trước ngày 25 hằng tháng cung cấp thông tin, tài liệu về các lô hàng thủy sản có nguồn gốc từ khai thác nhập khẩu vào lãnh thổ Việt Nam cho cơ quan thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, phục vụ hoạt động kiểm tra, kiểm soát nguồn gốc. Nội dung cung cấp căn cứ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường và trên cơ sở các chỉ tiêu thông tin liên quan trên Hệ thống do cơ quan hải quan quản lý;

d) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong quản lý hoạt động vận chuyển thủy sản qua cảng biển, dịch vụ hậu cần, tàu cá tại các cảng biển theo quy định của Hiệp định về Biện pháp quốc gia có cảng.

4. Bộ Quốc phòng:

a) Chỉ đạo lực lượng bộ đội biên phòng chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản tại địa phương kiểm tra, kiểm soát hoạt động thủy sản trong khu vực biên giới biển; kiểm tra thiết bị giám sát hành trình tàu cá,

giấy đăng ký tàu cá, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, giấy phép khai thác thủy sản; kiểm soát thuyền viên ra, vào cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão theo quy định của pháp luật;

b) Chỉ đạo lực lượng cảnh sát biển tuần tra, kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động thủy sản theo quy định của pháp luật;

c) Chỉ đạo lực lượng hải quân, biên phòng, cảnh sát biển tuyên truyền, phổ biến pháp luật về thủy sản; đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn cho ngư dân hoạt động thủy sản trên các vùng biển theo quy định của pháp luật;

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý tàu cá, thuyền viên, người làm việc trên tàu cá nước ngoài hoạt động trong vùng biển Việt Nam và tàu cá Việt Nam hoạt động trên các vùng biển;

đ) Triển khai nhiệm vụ, quyền hạn khác liên quan đến lĩnh vực thủy sản theo quy định của pháp luật.

5. Bộ Công an:

a) Tổ chức nắm tình hình, phát hiện, điều tra xử lý hình sự, hành chính hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thủy sản theo chức năng, thẩm quyền;

b) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường rà soát, cập nhật thông tin tàu cá, ngư dân trên Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) phục vụ công tác quản lý trong lĩnh vực thủy sản;

c) Phối hợp với lực lượng chức năng tuần tra, kiểm soát, phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật thủy sản trên vùng biển Việt Nam và các vùng biển theo quy định của pháp luật để xử lý theo chức năng, thẩm quyền.

Điều 54. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Tổ chức, triển khai thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 102 Luật Thủy sản.

2. Tổ chức quản lý, kiểm tra, thanh tra, tuyên truyền, tập huấn, phổ biến pháp luật, hướng dẫn, bố trí nguồn lực thực hiện nội dung quản lý hoạt động thủy sản được giao trong Nghị định này.

3. Chỉ đạo cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai, thực hiện quy định được giao trong Nghị định này.

4. Tổ chức điều tra nguồn lợi và công bố hạn ngạch khai thác nguồn lợi thủy sản tại vùng bờ, vùng lồng do địa phương quản lý.

5. Bố trí lực lượng kiểm ngư địa phương thực hiện tuần tra, kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm tại nội địa, vùng ven bờ, vùng lồng, cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá và khu bảo tồn biển thuộc địa bàn quản lý.

6. Chỉ đạo, kiểm tra hoạt động của kiểm ngư địa phương; việc phối hợp hoạt động của kiểm ngư với cơ quan, lực lượng có liên quan trên địa bàn tỉnh; trang bị tàu và xuồng Kiểm ngư; vũ khí, công cụ hỗ trợ, phương tiện chuyên dùng; đồng phục, phù hiệu, cấp hiệu, cờ hiệu cho Kiểm ngư theo quy định của pháp luật.

7. Đề xuất cấp có thẩm quyền hoặc quyết định theo thẩm quyền phê duyệt chủ trương, bố trí ngân sách nhà nước đầu tư, tổ chức thực hiện các dự án phục vụ quản lý, phát triển bền vững ngành thủy sản theo quy định của pháp luật.

8. Đề xuất cấp có thẩm quyền hoặc quyết định theo thẩm quyền việc bố trí ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về thủy sản, Kiểm ngư theo quy định của pháp luật.

Chương IX **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 55. Điều khoản chuyển tiếp

1. Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ để giải quyết theo thủ tục hành chính trước ngày Nghị định này có hiệu lực mà chưa có kết quả giải quyết thủ tục hành chính thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận; trừ trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị thực hiện theo quy định của Nghị định này.

2. Văn bản, giấy phép, giấy chứng nhận, giấy xác nhận là kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành và chưa hết hiệu lực hoặc chưa hết thời hạn thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng theo thời hạn ghi trên văn bản, giấy phép, giấy chứng nhận, giấy xác nhận đó cho đến khi hết thời hạn.

Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu được sửa đổi, bổ sung, cấp lại văn bản, giấy phép, giấy chứng nhận, giấy xác nhận thì gửi văn bản đề nghị đến cơ quan, người có thẩm quyền tại Nghị định này giải quyết.

3. Giấy chứng nhận mã số nhận diện ao nuôi cá tra thương phẩm của các cơ sở nuôi cá tra tiếp tục được sử dụng và có giá trị tương đương với Giấy xác nhận đối tượng thủy sản nuôi chủ lực; trường hợp thay đổi thông tin trên Giấy chứng nhận, cơ sở nuôi cá tra thực hiện thủ tục đăng ký đối tượng thủy sản nuôi chủ lực theo quy định tại Nghị định này.

4. Thiết bị giám sát hành trình đã lắp đặt trên tàu cá trước ngày Nghị định số 37/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, chủ tàu cá phải cập nhật, bổ sung các tính năng kỹ thuật theo quy định của Nghị định này trước ngày 31 tháng 12 năm 2026.

5. Đối với tàu cá lắp đặt từ 03 thiết bị giám sát hành trình tàu cá trở lên trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục sử dụng thiết bị giám sát hành trình tàu cá thứ ba trở lên theo quy định tại Nghị định này đến

hết ngày 30 tháng 6 năm 2026. Khi tháo gỡ thiết bị giám sát hành trình tàu cá thứ ba trở lên, chủ tàu cá phải thực hiện việc khai báo theo quy định tại điểm d khoản 9 Điều 26 Nghị định này để xóa thông tin thiết bị đã tháo gỡ ra khỏi hệ thống giám sát hành trình tàu cá.

6. Các tỉnh, thành phố không có biển tiếp tục thực hiện rà soát, xác định số tàu cá hiện có và địa bàn hoạt động của các tàu cá, Giấy phép khai thác thủy sản đã cấp cho tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 15 mét trước ngày Nghị định này có hiệu lực gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố có biển nơi tàu cá hoạt động để hiệp thương đưa vào hạn ngạch Giấy phép khai thác vùng bờ và vùng lòng của tỉnh, thành phố có biển và phối hợp quản lý hoạt động của tàu cá.

Điều 56. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Quy định tại điểm c khoản 4 Điều 26 Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố Sơ đồ nghề cá trên biển.

3. Các Nghị định sau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thủy sản;

b) Nghị định số 12/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về ngưng hiệu lực thi hành Điều 63, điểm c khoản 1 Điều 64, điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 65 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

c) Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thủy sản;

d) Nghị định số 309/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thủy sản.

4. Bãi bỏ một số quy định, văn bản sau đây:

a) Chương IV và Phụ lục III Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

b) Mục 3 và Phụ lục II Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 57. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2b). 67

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

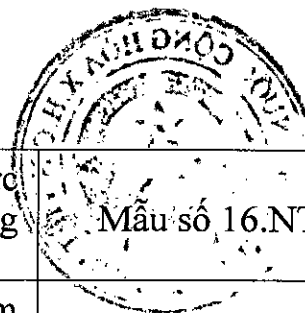


Trần Hồng Hà



Phụ lục I
MẪU TRONG LĨNH VỰC NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
(Kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP
ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

TT	Tên biểu mẫu	Ký hiệu
1.	Đơn đề nghị cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản	Mẫu số 01.NT
2.	Bản thuyết minh điều kiện cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản	Mẫu số 02.NT
3.	Biên bản kiểm tra điều kiện cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản	Mẫu số 03.NT
4.	Giấy chứng nhận và mẫu Quyết định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản	Mẫu số 04.NT
5.	Đơn đăng ký khảo nghiệm giống thủy sản	Mẫu số 05.NT
6.	Đề cương khảo nghiệm giống thủy sản	Mẫu số 06.NT
7.	Biên bản kiểm tra điều kiện cơ sở khảo nghiệm giống thủy sản	Mẫu số 07.NT
8.	Quyết định phê duyệt Đề cương khảo nghiệm giống thủy sản	Mẫu số 08.NT
9.	Quyết định công nhận giống thủy sản đã khảo nghiệm	Mẫu số 09.NT
10.	Đơn đề nghị cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	Mẫu số 10.NT
11.	Bản thuyết minh điều kiện cơ sở sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	Mẫu số 11.NT
12.	Biên bản kiểm tra điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	Mẫu số 12.NT
13.	Giấy chứng nhận và mẫu Quyết định cấp, cấp lại (hoặc thu hồi) giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	Mẫu số 13.NT
14.	Đơn đăng ký khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	Mẫu số 14.NT
15.	Đề cương khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	Mẫu số 15.NT



16.	Bản thuyết minh điều kiện cơ sở khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	Mẫu số 16.NT
17.	Biên bản kiểm tra điều kiện cơ sở khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	Mẫu số 17.NT
18.	Quyết định phê duyệt đề cương khảo nghiệm thức ăn, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	Mẫu số 18.NT
19.	Quyết định về việc công nhận thức ăn thủy sản/sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đã khảo nghiệm	Mẫu số 19.NT
20.	Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản	Mẫu số 20.NT
21.	Bản thuyết minh điều kiện cơ sở nuôi trồng thủy sản	Mẫu số 21.NT
22.	Biên bản kiểm tra điều kiện cơ sở nuôi trồng thủy sản	Mẫu số 22.NT
23.	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản	Mẫu số 23.NT
24.	Quyết định thu hồi giấy chứng nhận cơ sở nuôi trồng thủy sản	Mẫu số 24.NT
25.	Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè/đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	Mẫu số 25.NT
26.	Đơn đề nghị cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè/đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	Mẫu số 26.NT
27.	Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè/đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	Mẫu số 27.NT
28.	Quyết định thu hồi Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	Mẫu số 28.NT
29.	Đơn đề nghị cấp phép xuất khẩu loài thủy sản	Mẫu số 29.NT
30.	Giấy phép xuất khẩu loài thủy sản	Mẫu số 30.NT

Mẫu số 01.NT

TÊN CƠ SỞ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Cấp/cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất,
ương dưỡng giống thủy sản**

Kính gửi: (*)

1. Tên cơ sở:
- Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế (nếu có):
- Địa chỉ trụ sở:
- Số điện thoại: Email:
- Thông tin người đại diện pháp luật:
- Địa chỉ nơi sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản:
- Số điện thoại: Email:
2. Đăng ký công nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản:

TT	Loại thủy sản (tên tiếng Việt, tên khoa học)	Đăng ký		Hình thức sản xuất, công suất thiết kế	
		Sản xuất, ương dưỡng (đánh dấu X)	Ương dưỡng (đánh dấu X)	Sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ (triệu con/ năm hoặc kg/ năm)	Sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống bố mẹ) (triệu con/năm hoặc kg/năm)
1					
2					
...					

3. Hồ sơ và tài liệu kèm theo đơn này, gồm:

- Bản thuyết minh điều kiện cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản;
-

4. Đăng ký cấp lần đầu (hoặc thay đổi, bổ sung điều kiện sản xuất): ☐

5. Đăng ký cấp lại: ☐

Lý do cấp lại:

Chúng tôi cam kết thực hiện các quy định về điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản; duy trì và chấp hành việc kiểm tra duy trì điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản và nộp phí, lệ phí kiểm tra điều kiện và kiểm tra duy trì điều kiện theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Tại cơ sở.

....., ngày tháng năm

CHỦ CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: (*) Gửi cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường nếu cơ sở đăng ký kiểm tra là cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, đối với cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ; gửi cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh trên địa bàn nếu cơ sở đăng ký kiểm tra là cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH
Điều kiện cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản

1. Tên cơ sở:
- Địa chỉ trụ sở:
- Số điện thoại: Email:
- Địa chỉ nơi sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản:
- Số điện thoại: Email:
2. Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn (nếu có):

TT	Tên tiêu chuẩn được chứng nhận	Tên tổ chức chứng nhận	Hiệu lực của Giấy chứng nhận	Nội dung chứng nhận
1				
2				
3				

(Các hồ sơ liên quan được đánh giá thực tế tại cơ sở khi kiểm tra điều kiện)

3. Thuyết minh chi tiết về điều kiện cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản:

a) Địa điểm sản xuất, ương dưỡng (mô tả vị trí, diện tích, hiện trạng xung quanh):

b) Cơ sở sản xuất, trang thiết bị (mô tả trang thiết bị phục vụ sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản):

c) Hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học (mô tả quá trình kiểm soát, tiêu chuẩn áp dụng): nước phục vụ sản xuất, ương dưỡng; giống thủy sản trong quá trình sản xuất; vệ sinh, thu gom và xử lý nước thải, chất thải; tiêu hủy xác động vật thủy sản chết hoặc nhiễm các bệnh phải tiêu hủy; kiểm soát giống thủy sản thoát ra môi trường bên ngoài, động vật gây hại xâm nhập vào cơ sở).

d) Nhân viên kỹ thuật (mô tả số lượng, trình độ chuyên môn của người tham gia trực tiếp sản xuất, quản lý chất lượng):

4. Danh mục tài liệu gửi kèm theo thuyết minh gồm.

- Sơ đồ mặt bằng của cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (nếu có);
- Quy trình kỹ thuật sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản của cơ sở;

- Hồ sơ, tài liệu về hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học;
 - Tài liệu chứng minh nguồn giống hợp pháp của loài đăng ký nuôi đối với cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống loài thủy sản thuộc Phụ lục CITES (không bao gồm loài thủy sản thuộc Phụ lục I CITES nuôi vì mục đích xuất khẩu); loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm.
 - Hồ sơ nhân viên kỹ thuật;
 - Biên bản tự đánh giá của cơ sở để xác định sự phù hợp với các quy định điều kiện tương ứng (nếu có).
- (Hồ sơ minh chứng cung cấp cho Đoàn đánh giá tại cơ sở).

....., ngày tháng năm

CHỦ CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu nếu có)

Mẫu số 03.NT

CƠ QUAN CẤP TRÊN
CƠ QUAN KIỂM TRACỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN**Kiểm tra điều kiện cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản**

Số:/BB-GTS

I. THÔNG TIN CHUNG**1. Căn cứ kiểm tra, ngày kiểm tra:****2. Tên cơ sở kiểm tra:**

- Địa chỉ trụ sở:

- Số điện thoại:

- Email:

- Tên và số giấy đăng ký kinh doanh/giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập (nếu có):
.....

- Tên cơ quan cấp: Ngày cấp:

- Người đại diện pháp luật:

3. Địa điểm kiểm tra:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Email:

4. Thành phần cơ sở được kiểm tra:

- Ông/bà: Chức vụ:

- Ông/bà: Chức vụ:

5. Thành phần Đoàn kiểm tra:

- Ông/bà: Chức vụ:

- Ông/bà: Chức vụ:

6. Loài thủy sản sản xuất, ương dưỡng: (nêu cụ thể từng loài thủy sản, công suất thiết kế và loại hình sản xuất hay ương dưỡng)
.....
.....

7. Kết quả sản xuất, ương dưỡng (đối với kiểm tra duy trì)

8. Giấy chứng nhận hệ thống phù hợp tiêu chuẩn (nếu có):

TT	Tên tiêu chuẩn được chứng nhận	Tên tổ chức chứng nhận	Hiệu lực của Giấy chứng nhận	Nội dung chứng nhận
1				
2				
3				

II. NỘI DUNG KIỂM TRA

TT	Chỉ tiêu kiểm tra	Kết quả kiểm tra		Diễn giải kết quả kiểm tra, hành động và thời gian khắc phục lỗi
		Đạt	Không đạt	
I	KIỂM TRA LẦN ĐẦU HOẶC KHI CÓ THAY ĐỔI ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, ƯƠNG DƯỠNG			
1	Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ sản xuất phù hợp với loài thủy sản			
a	Hệ thống xử lý nước cấp, nước thải bảo đảm yêu cầu kiểm soát chất lượng và an toàn sinh học			
b	Hệ thống ao, bể, lồng bè bảo đảm yêu cầu kiểm soát chất lượng và an toàn sinh học			
c	Khu sinh hoạt bảo đảm không ảnh hưởng xấu đến khu vực sản xuất, ương dưỡng			
d	Trang thiết bị bảo đảm yêu cầu về kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học			
đ	Thiết bị thu gom và xử lý chất thải không ảnh hưởng xấu đến khu vực sản xuất, ương dưỡng			
2	Nơi cách ly theo dõi sức khỏe giống thủy sản mới nhập			
3	Nhân viên kỹ thuật được đào tạo về nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản hoặc sinh học			
4	Xây dựng hệ thống kiểm soát chất lượng, kiểm soát an toàn sinh học			
a	Nước phục vụ sản xuất, ương dưỡng			
b	Giống thủy sản trong quá trình sản xuất			
c	Vệ sinh, thu gom và xử lý nước thải, chất thải			
d	Xử lý động vật thủy sản chết hoặc nhiễm các bệnh phải tiêu hủy			
đ	Kiểm soát giống thủy sản thoát ra môi trường bên ngoài, động vật gây hại xâm nhập vào cơ sở			
e	Kiểm soát thức ăn, thuốc, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản			

TT	Chỉ tiêu kiểm tra	Kết quả kiểm tra		Diễn giải kết quả kiểm tra, hành động và thời gian khắc phục lỗi
		Đạt	Không đạt	
5	Trường hợp sản xuất giống thủy sản bố mẹ phải có giống thủy sản thuần chủng hoặc giống thủy sản được công nhận thông qua khảo nghiệm hoặc kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được công nhận hoặc được cơ quan có thẩm quyền cho phép.			
II	KIỂM TRA DUY TRÌ ĐIỀU KIỆN, NGOÀI CÁC CHỈ TIÊU TẠI MỤC I, PHẢI ĐÁNH GIÁ CÁC CHỈ TIÊU SAU			
6	Áp dụng kiểm soát chất lượng, kiểm soát an toàn sinh học			
a	Nước phục vụ sản xuất, ương dưỡng			
b	Giống thủy sản trong quá trình sản xuất			
c	Vệ sinh, thu gom và xử lý nước thải, chất thải			
d	Tiêu hủy xác động vật thủy sản chết hoặc nhiễm các bệnh phải tiêu hủy			
đ	Kiểm soát giống thủy sản thoát ra môi trường bên ngoài, động vật gây hại xâm nhập vào cơ sở			
e	Thức ăn, thuốc, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản			
Số chỉ tiêu đánh giá thực tế				
Số chỉ tiêu đạt/không đạt				

III. LẤY MẪU (kèm theo Biên bản lấy mẫu)

1. Thông tin về mẫu lấy (loại mẫu, số lượng mẫu; tình trạng bao gói, bảo quản mẫu, ...)

2. Chỉ định chỉ tiêu phân tích:

.....

IV. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA:

.....

V. Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ SỞ:

.....

CHỦ CƠ SỞ ĐƯỢC KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN KIỂM TRA CƠ SỞ SẢN XUẤT, ƯƠNG DƯỠNG GIỐNG THỦY SẢN

A. NGUYÊN TẮC KIỂM TRA

1. Ghi biểu mẫu kiểm tra

- Ghi đầy đủ thông tin theo quy định trong biểu mẫu.
- Thẩm tra và ghi thông tin chính xác.
- Nếu sửa chữa trên nội dung đã ghi trong Biên bản, phải có chữ ký xác nhận của Trưởng đoàn kiểm tra.

2. Nguyên tắc đánh giá

- Không được bổ sung hoặc bỏ bớt nội dung, mức đánh giá đã được quy định trong chỉ tiêu.
- Kết quả đánh giá của chỉ tiêu là “Đạt” hoặc “Không đạt”.
- Dùng ký hiệu X hoặc √ đánh dấu vào các vị trí mức đánh giá đã được xác định đối với mỗi chỉ tiêu.
- Phải diễn giải chi tiết chỉ tiêu đạt và không đạt; mỗi chỉ tiêu không đạt phải xác định thời hạn cơ sở phải khắc phục lỗi đó.
- Đối với đánh giá lần đầu: Xem xét các điều kiện cần có, đáp ứng yêu cầu theo từng tiêu chí đề cơ sở tiến tới đi vào hoạt động lần đầu (các điều kiện về phân cứng: cơ sở vật chất, trang thiết bị, khu cách ly, thiết bị thu gom xử lý chất thải, rác thải có đáp ứng đủ về số lượng, chủng loại, chất liệu để kiểm soát chất lượng an toàn sinh học; điều kiện về nhân sự; điều kiện về các quy định, quy trình kiểm soát chất lượng,...).
- Đối với đánh giá duy trì: Đánh giá kết quả vận hành của điều kiện đáp ứng yêu cầu trong quá trình sản xuất, ương dưỡng; sự tuân thủ của cơ sở theo các yêu cầu đã đặt ra (kiểm tra hiện trạng cơ sở hạ tầng; cách thức vận hành, sử dụng các trang thiết bị phục vụ quá trình sản xuất, ương dưỡng; các bằng chứng chứng minh về việc tuân thủ kiểm soát chất lượng giống, công bố, tiêu chuẩn cơ sở: áp dụng...).

3. Chỉ tiêu áp dụng

- Chỉ tiêu từ 01 đến 05 áp dụng với cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản đăng ký kiểm tra cấp Giấy chứng nhận lần đầu hoặc khi có thay đổi điều kiện sản xuất, ương dưỡng.
- Chỉ tiêu từ 01 đến 06 áp dụng với kiểm tra duy trì điều kiện cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản đã được Giấy chứng nhận.

- Đối với kiểm tra lần đầu hoặc có thay đổi điều kiện sản xuất, kiểm tra chỉ tiêu “Xây dựng hệ thống kiểm soát chất lượng, kiểm soát an toàn sinh học” là kiểm tra nội dung xây dựng hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học của cơ sở trong quá trình sản xuất, ương dưỡng.

- Đối với kiểm tra duy trì điều kiện sản xuất, kiểm tra chỉ tiêu “Áp dụng hệ thống kiểm soát chất lượng, kiểm soát an toàn sinh học” là đánh giá việc áp dụng hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học của cơ sở trong quá trình sản xuất trong thời gian duy trì.

B. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ TỪNG CHỈ TIÊU

1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ sản xuất phù hợp với loài thủy sản

a) Hệ thống xử lý nước cấp, nước thải bảo đảm yêu cầu kiểm soát chất lượng và an toàn sinh học

Yêu cầu: Hệ thống xử lý nước cấp riêng biệt với hệ thống thoát nước và hệ thống xử lý nước thải; hệ thống dẫn nước thải được xây đảm bảo chắc chắn, thoát nước, không ứ đọng, không gây ô nhiễm vào khu vực sản xuất, ương dưỡng.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trạng hệ thống xử lý nước cấp, nước thải và đối chiếu với mô tả trong Thuyết minh.

b) Hệ thống ao, bể, lồng bè bảo đảm yêu cầu kiểm soát chất lượng và an toàn sinh học

Yêu cầu: Hệ thống ao, bể, lồng bè phải có diện tích, thể tích phù hợp với quy trình sản xuất giống của từng loài thủy sản; hệ thống ao, bể, lồng bè phục vụ nuôi vỗ, sinh sản, ương nuôi ấu trùng không làm bằng vật liệu dễ bị gỉ sét, gây ảnh hưởng xấu đến giống thủy sản; dễ vệ sinh, khử trùng.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trường và đối chiếu với các tài liệu liên quan.

c) Khu sinh hoạt bảo đảm không ảnh hưởng xấu đến khu vực sản xuất, ương dưỡng

Yêu cầu: Khu sinh hoạt như nhà ở, văn phòng, nhà vệ sinh trong khu vực sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản phải bảo đảm có tường hoặc vách ngăn cách để không ảnh hưởng xấu tới hoạt động sản xuất, ương dưỡng. Đối với nhà vệ sinh không bị rò rỉ ảnh hưởng đến môi trường.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trường và đối chiếu với các tài liệu liên quan.

d) Trang thiết bị bảo đảm yêu cầu về kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học

Yêu cầu: Trang thiết bị phục vụ sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản làm bằng vật liệu phù hợp, chống thấm, không gỉ sét, không bị ăn mòn, không có khả năng thôi nhiễm ra các chất độc hại ảnh hưởng đến giống thủy sản; dễ dàng vệ sinh, khử trùng; sử dụng đúng mục đích đảm bảo không gây nhiễm chéo.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trường, xem xét tài liệu kỹ thuật liên quan đến bề mặt thiết bị, dụng cụ. Kiểm tra hồ sơ và các tài liệu về kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học.

đ) Thiết bị thu gom và xử lý chất thải không ảnh hưởng xấu đến khu vực sản xuất, ương dưỡng

Yêu cầu: Trang bị các loại thùng rác phù hợp để phân loại rác (rác thải sinh hoạt, tái chế và nguy hại), thùng chứa rác thải nguy hại cần có nắp đậy kín. Nơi chứa rác thải tách biệt với khu vực sản xuất. Nơi chứa rác thải nguy hại phải được để riêng, kín và có khóa.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trường và đối chiếu với các tài liệu liên quan.

2. Khu cách ly thủy sản mới nhập

Yêu cầu: Cơ sở có hoạt động nhập khẩu giống thủy sản phải có khu cách ly; khu cách ly phải tách biệt với khu vực sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản. Nước thải, chất thải của khu nuôi cách ly phải đảm bảo không ảnh hưởng tới khu sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trường và đối chiếu với các tài liệu liên quan.

Ghi chú: Tách biệt là sự ngăn cách không gian đảm bảo ngăn ngừa nguy cơ nhiễm chéo.

3. Có nhân viên kỹ thuật được đào tạo về nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản hoặc sinh học

Yêu cầu: Có văn bằng hoặc chứng chỉ liên quan về nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản, sinh học hoặc được đào tạo các khóa học liên quan đến lĩnh vực trên.

Phương pháp đánh giá: Xem xét văn bằng hoặc chứng chỉ liên quan về lĩnh vực nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản, sinh học.

4. Xây dựng hệ thống kiểm soát chất lượng, kiểm soát an toàn sinh học

a) Nước phục vụ sản xuất, ương dưỡng

Yêu cầu: Các yêu cầu về chỉ tiêu chất lượng nước và tần suất kiểm soát phải đạt yêu cầu chất lượng, an toàn phù hợp với loài thủy sản và phải được cụ thể bằng văn bản, được người có thẩm quyền phê duyệt.

Phương pháp đánh giá: Xem xét các văn bản quy định, tài liệu về kiểm soát chất lượng nước.

b) Giống thủy sản trong quá trình sản xuất, ương dưỡng

Yêu cầu: Các yêu cầu về quá trình sản xuất, ương dưỡng phải được cụ thể bằng văn bản và được người có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo các nội dung:

- Giống thủy sản thuộc Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam; loài thủy sản thuộc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) có nguồn gốc nuôi, trồng tại cơ sở đã đăng ký mã số với Ban Thư ký CITES; loài thủy sản thuộc Phụ lục II, III CITES, loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc hợp pháp theo quy định, trừ loài thuộc Phụ lục III Luật Đầu tư có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên.

- Quy trình sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản; việc kiểm soát chất lượng và an toàn sinh học trong từng công đoạn của quá trình sản xuất, ương dưỡng (nguồn gốc giống thủy sản; kiểm soát thời hạn sử dụng giống bố mẹ; kiểm soát các loại bệnh nguy hiểm; kiểm soát các sinh trưởng, phát triển).

Phương pháp đánh giá: Kiểm tra hồ sơ.

c) Vệ sinh, thu gom và xử lý nước thải, chất thải

Yêu cầu: Các yêu cầu và nội dung kiểm soát phải được cụ thể bằng văn bản và được người có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo các nội dung sau: Kiểm soát về vệ sinh, thu gom, chứa và xử lý chất thải, nước thải đảm bảo không ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trường và kiểm tra hồ sơ.

d) Tiêu hủy xác động vật thủy sản chết hoặc nhiễm các bệnh phải tiêu hủy

Yêu cầu: Các yêu cầu và nội dung kiểm soát phải được cụ thể bằng văn bản và được người có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo các nội dung sau: xác động vật thủy sản chết hoặc nhiễm các bệnh phải tiêu hủy đảm bảo không ảnh hưởng tới sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản; không ảnh hưởng đến môi trường và lây lan dịch bệnh.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trường và kiểm tra hồ sơ.

đ) Kiểm soát giống thủy sản thoát ra môi trường bên ngoài, động vật gây hại xâm nhập vào cơ sở

Yêu cầu: Các yêu cầu và nội dung kiểm soát phải được cụ thể bằng văn bản và được người có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo các nội dung sau: kiểm soát giống thủy sản thoát ra môi trường bên ngoài, động vật gây hại xâm nhập vào cơ sở để kiểm soát an toàn sinh học, không gây ảnh hưởng đến sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản; có biện pháp ngăn chặn phù hợp để giống thủy sản không thoát ra môi trường bên ngoài hay động vật gây hại xâm nhập vào cơ sở.

Phương pháp đánh giá: Kiểm tra các quy trình/quy định của cơ sở kết hợp với quan sát hiện trường.

e) Thức ăn, thuốc, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

Yêu cầu: Các yêu cầu và nội dung kiểm soát phải được cụ thể bằng văn bản và được người có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo các nội dung sau:

- Thuốc, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đảm bảo bảo quản, sử dụng đúng quy định của nhà sản xuất và quy định pháp

luật có liên quan; áp dụng biện pháp bảo quản và sự phù hợp để không gây ảnh hưởng đến chất lượng thuốc, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; không để nhiễm chéo. Không sử dụng thuốc, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản bị cấm sử dụng trong nuôi trồng thủy sản.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trường, kiểm tra hồ sơ. Đối chiếu với nhãn sản phẩm với cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản và danh mục thuốc thú y được phép sử dụng.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng; đánh giá sự phù hợp của hồ sơ lưu trữ.

5. Trường hợp sản xuất giống thủy sản bố mẹ phải có giống thủy sản thuần chủng hoặc giống thủy sản được công nhận thông qua khảo nghiệm hoặc kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được công nhận hoặc được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

Yêu cầu: Có hồ sơ chứng minh về nguồn gốc sản xuất thủy sản bố mẹ.

Phương pháp đánh giá: Kiểm tra hồ sơ đàn thủy sản bố mẹ.

6. Áp dụng hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học

Yêu cầu: Các yêu cầu trong kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học trong quá trình sản xuất, ương dưỡng tại mục I.4 được áp dụng và lưu trữ đầy đủ tại cơ sở sản xuất, ương dưỡng (gồm giống thủy sản tự công bố, giống thủy sản do cơ sở khác công bố nhưng được sản xuất, ương dưỡng tại cơ sở kiểm tra). Nội dung kiểm tra phải được ghi cụ thể theo từng chỉ tiêu trong biên bản kiểm tra theo hướng dẫn đánh giá đối với mục I.4.

Phương pháp đánh giá: Kiểm tra hồ sơ, tài liệu và kiểm tra hiện trường, cụ thể:

- Đối với hồ sơ, tài liệu về có tần suất kiểm soát trên hoặc bằng 03 tháng/lần (Thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, xử lý chất thải, ...) kiểm tra 100% hồ sơ trong thời gian duy trì.

- Đối với hồ sơ tài liệu có tần suất kiểm soát dưới 03 tháng/lần hoặc hồ sơ lô, thực hiện kiểm tra như sau: Kiểm tra tối thiểu hồ sơ, tài liệu của 03 lô sản xuất đối với cơ sở có thời hạn duy trì 12 tháng; kiểm tra tối thiểu hồ sơ, tài liệu của 05 ngày sản xuất (02 lô cho 12 tháng trước và 03 lô cho 12 tháng sau) đối với cơ sở có thời hạn duy trì 24 tháng.

- Trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm, có thể thực hiện kiểm tra hồ sơ của tất cả các lô giống thủy sản liên quan đến dấu hiệu vi phạm

Mẫu số 04.NT

I. MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, ƯƠNG DƯỠNG GIỐNG THỦY SẢN

CƠ QUAN CẤP TRÊN
CƠ QUAN CẤP GIẤY ⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN Đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản Số: GTSAABBBB ⁽³⁾

Tên cơ sở:

Địa chỉ trụ sở:

Số điện thoại: Email:

Địa chỉ sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản:

Được chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng ⁽²⁾

Hiệu lực Giấy chứng nhận đủ điều kiện: Không thời hạn.

Cấp lần đầu ngày; cấp lại hoặc thay đổi
lần thứ ngày .../.../... theo Quyết
định số .../...-... ngày.../.../... của (tên cơ
quan cấp)

....., ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Cơ quan quản lý về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường nếu là cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ hoặc là cơ sở sản xuất ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ; cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh nếu là cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (ngoại trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng thuộc thẩm quyền của cơ quan quản lý về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

(2) Được chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản:

Ghi cụ thể từng trường hợp

- Sản xuất giống thủy sản bố mẹ (ghi rõ tên loài thủy sản, kèm theo tên khoa học);
- Sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (ghi rõ tên loài thủy sản, kèm theo tên khoa học);
- Ương dưỡng giống thủy sản (ghi rõ tên loài thủy sản, kèm theo tên khoa học).

(3) Quy định cấp số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản:

- Mỗi số chỉ cấp duy nhất cho một cơ sở và cấp liên tiếp, lần lượt.

- Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất được thu hồi, số Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất không sử dụng để cấp cho cơ sở khác. Chỉ cấp lại cho cơ sở trước đó đã được cấp khi đủ điều kiện.

- Số Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất có cấu trúc như sau: **GTSAABBBB**

+ “**GTS**” thể hiện cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản.

+ “**AA**” gồm 2 chữ số la tinh thể hiện mã của cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản, cụ thể như sau:

++ Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường có mã số 00;

++ Các tỉnh, thành phố (theo Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam), cụ thể:

TT	Tên đơn vị hành chính	Mã số	TT	Tên đơn vị hành chính	Mã số
1	Thành phố Hà Nội	01	18	Tỉnh Hà Tĩnh	42
2	Tỉnh Cao Bằng	04	19	Tỉnh Quảng Trị	44
3	Tỉnh Tuyên Quang	08	20	Thành phố Huế	46
4	Tỉnh Điện Biên	11	21	Thành phố Đà Nẵng	48
5	Tỉnh Lai Châu	12	22	Tỉnh Quảng Ngãi	51
6	Tỉnh Sơn La	14	23	Tỉnh Gia Lai	52
7	Tỉnh Lào Cai	15	24	Tỉnh Khánh Hòa	56
8	Tỉnh Thái Nguyên	19	25	Tỉnh Đắk Lắk	66
9	Tỉnh Lạng Sơn	20	26	Tỉnh Lâm Đồng	68
10	Tỉnh Quảng Ninh	22	27	Tỉnh Đồng Nai	75

TT	Tên đơn vị hành chính	Mã số	TT	Tên đơn vị hành chính	Mã số
11	Tỉnh Bắc Ninh	24	28	Thành phố Hồ Chí Minh	79
12	Tỉnh Phú Thọ	25	29	Tỉnh Tây Ninh	80
13	Thành phố Hải Phòng	31	30	Tỉnh Đồng Tháp	82
14	Tỉnh Hưng Yên	33	31	Tỉnh Vĩnh Long	86
15	Tỉnh Ninh Bình	37	32	Tỉnh An Giang	91
16	Tỉnh Thanh Hóa	38	33	Thành phố Cần Thơ	92
17	Tỉnh Nghệ An	40	34	Tỉnh Cà Mau	96

+ “**BBBB**” gồm 4 chữ số từ 0001 đến 9999, là số thứ tự cơ sở được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản.

+ Các cơ sở thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất trước ngày 01/7/2025 giữ nguyên mã số Giấy chứng nhận trong suốt thời gian hoạt động của cơ sở (áp dụng với cả trường hợp cấp bổ sung, cấp lại). Từ ngày 01/7/2025 áp dụng theo mã số của tỉnh, thành phố hiện nay.

II. MẪU QUYẾT ĐỊNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, ƯƠNG DƯỠNG GIỐNG THỦY SẢN

CƠ QUAN CẤP TRÊN
CƠ QUAN CẤP GIẤY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-.....

....., ngày tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Cấp, cấp lại (hoặc thu hồi)* giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH CẤP.....

Căn cứ Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của;

Căn cứ Nghị định số/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

.....;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp, cấp lại (hoặc thu hồi)* giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản, cụ thể:

1. Tên cơ sở:.....
2. Địa chỉ trụ sở:
3. Địa chỉ sản xuất, ương dưỡng:
4. Số điện thoại: Email.....
5. Đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng (hoặc thu hồi Giấy chứng nhận số... ngày...tháng... năm)

*: Chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. ...; Thủ trưởng các đơn vị liên quan; tổ chức/cá nhân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: (*) Gạch bỏ nội dung không phù hợp với thực tế.

Phụ lục
NỘI DUNG CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT,
ƯƠNG DƯỠNG GIỐNG THỦY SẢN

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ.... ngày ... tháng ... năm ... của)

1. Số Giấy chứng nhận:
2. Cấp lần đầu (thay đổi, bổ sung) hoặc cấp lại:
3. Nội dung chứng nhận:

TT	Loài thủy sản (tên tiếng Việt, tên khoa học)	Hình thức sản xuất		Hình thức sản xuất, công suất thiết kế		Thời gian kiểm tra duy trì (tối thiểu 12 tháng hoặc 24 tháng)	Ghi chú
		Sản xuất, ương dưỡng (đánh dấu X)	Ương dưỡng (đánh dấu X)	Sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ (triệu con/năm hoặc kg/năm)	Sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống bố mẹ) (triệu con/năm hoặc kg/năm)		
1							
2							
...							

Mẫu số 05.NT

TÊN CƠ SỞ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

ĐƠN ĐĂNG KÝ KHẢO NGHIỆM GIỐNG THỦY SẢN

Kính gửi: (Tên cơ quan cấp phép).

Tên cơ sở đăng ký khảo nghiệm:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại:; Email:

Đề nghị (Tên cơ quan cấp phép) cho phép khảo nghiệm giống thủy sản, cụ thể như sau:

1. Tên tiếng Việt, tên tiếng Anh, tên khoa học của loài khảo nghiệm:
2. Cơ sở thực hiện khảo nghiệm:.....
3. Địa điểm thực hiện khảo nghiệm:
4. Thời gian dự kiến khảo nghiệm:.....
5. Hồ sơ đính kèm:.....

Chúng tôi xin cam kết thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật liên quan đến khảo nghiệm giống thủy sản.

....., ngày tháng..... năm.....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG KHẢO NGHIỆM GIỐNG THỦY SẢN

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Cơ sở đăng ký khảo nghiệm:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Số điện thoại:; Email:
2. Cơ sở thực hiện khảo nghiệm:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Số điện thoại:; Email:.....
3. Thời gian, địa điểm khảo nghiệm
 - a) Thời gian dự kiến.....
 - b) Địa điểm khảo nghiệm
4. Đơn vị kiểm tra, giám sát khảo nghiệm:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Số điện thoại:; Email:.....

II. THÔNG TIN ĐỐI TƯỢNG KHẢO NGHIỆM

1. Tên tiếng Việt, tên tiếng Anh, tên khoa học của loài khảo nghiệm:.....
2. Nguồn gốc xuất xứ của loài thủy sản khảo nghiệm:
3. Đặc điểm sinh học của loài thủy sản khảo nghiệm:
4. Giá trị kinh tế hoặc các giá trị khác như làm cảnh, giải trí... của loài thủy sản khảo nghiệm:
5. Hướng dẫn quy trình sản xuất (theo nhà sản xuất):.....
6. Các tài liệu khác liên quan đến đối tượng khảo nghiệm:

III. NỘI DUNG KHẢO NGHIỆM

1. Nội dung khảo nghiệm: Căn cứ đặc điểm sinh học từng loài thủy sản và mục đích sử dụng để xây dựng đề cương khảo nghiệm nhằm xác định tính khác biệt, tính ổn định, tính đồng nhất về năng suất, chất lượng, khả năng kháng bệnh và đánh giá tác hại của loài khảo nghiệm.
2. Phương pháp nghiên cứu và cách bố trí thí nghiệm
 - a) Phương pháp nghiên cứu:.....

b) Bố trí thí nghiệm:

3. Biện pháp kiểm soát an toàn sinh học, bảo vệ môi trường trong quá trình khảo nghiệm:.....

4. Kế hoạch triển khai:.....

5. Dự kiến kết quả đạt được:

IV. TIẾN ĐỘ KHẢO NGHIỆM

V. NHÂN LỰC THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM

ĐẠI DIỆN
CƠ SỞ YÊU CẦU KHẢO NGHIỆM
(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

ĐẠI DIỆN
CƠ SỞ THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM
(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

CƠ QUAN CẤP TRÊN
CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày tháng ... năm ...

BIÊN BẢN

Kiểm tra điều kiện cơ sở khảo nghiệm giống thủy sản

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Căn cứ kiểm tra, ngày kiểm tra:

2. Tên cơ sở kiểm tra

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Email:

- Tên và số giấy đăng ký kinh doanh/giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập/Mã số thuế:.....

Tên cơ quan cấp:Ngày cấp:

3. Địa điểm kiểm tra:

- Địa chỉ:

- Số điện thoại: Email:

4. Thành phần cơ sở được kiểm tra:

- Ông/bà: Chức vụ:

- Ông/bà: Chức vụ:

- Ông/bà: Chức vụ:

5. Thành phần Đoàn kiểm tra:

- Ông/bà: Chức vụ:

- Ông/bà: Chức vụ:

- Ông/bà: Chức vụ:

6. Loài thủy sản đăng ký khảo nghiệm:

II. NỘI DUNG KIỂM TRA:

TT	Nội dung cần kiểm tra	Kết quả kiểm tra		Diễn giải kết quả kiểm tra; hành động khắc phục các lỗi
		Đạt	Không đạt	
1	Có nhân viên kỹ thuật trình độ đại học trở lên về nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản hoặc sinh học			

TT	Nội dung cần kiểm tra	Kết quả kiểm tra		Diễn giải kết quả kiểm tra; hành động khắc phục các lỗi
		Đạt	Không đạt	
2	Có cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phù hợp với loài thủy sản khảo nghiệm			
a	Trường hợp khảo nghiệm giai đoạn sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản phải đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 Luật Thủy sản và khoản 1 Điều 9 Nghị định này.			
b	Trường hợp khảo nghiệm giai đoạn nuôi thương phẩm phải đáp ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Luật Thủy sản và Điều 19 Nghị định này			
3	Đáp ứng điều kiện về an toàn sinh học, bảo vệ môi trường: Khu nuôi khảo nghiệm có biện pháp ngăn cách với khu sản xuất giống, nuôi trồng thủy sản thương phẩm khác			
4	Bảo đảm an toàn sinh học, bảo vệ môi trường trong quá trình khảo nghiệm			

III. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA:

.....

IV. Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ SỞ:

.....

CHỦ CƠ SỞ ĐƯỢC KIỂM TRA

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

HƯỚNG DẪN KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN KHẢO NGHIỆM GIỒNG THỦY SẢN

A. NGUYÊN TẮC KIỂM TRA

1. Ghi biểu mẫu kiểm tra

- Ghi đầy đủ thông tin theo quy định trong biểu mẫu.
- Thăm tra, đánh giá và ghi thông tin chính xác.
- Nếu sửa chữa trên nội dung đã ghi trong Biên bản, phải có chữ ký xác nhận của Trưởng đoàn kiểm tra.

2. Nguyên tắc đánh giá

- Không được bổ sung hoặc bỏ bớt nội dung.
- Kết quả đánh giá của chỉ tiêu là “Đạt” hoặc “Không đạt”.
- Dùng ký hiệu X hoặc √ đánh dấu vào các vị trí mức đánh giá đã được xác định đối với mỗi chỉ tiêu.
- Phải diễn giải chi tiết chỉ tiêu đạt và không đạt; mỗi chỉ tiêu không đạt phải ghi cụ thể lỗi và xác định thời hạn cơ sở phải khắc phục lỗi đó; mỗi chỉ tiêu đạt phải nêu rõ nội dung, bằng chứng đạt yêu cầu.

3. Chỉ tiêu áp dụng:

- Đánh giá tất cả các chỉ tiêu nêu trong biên bản. Trong trường hợp không đánh giá phải nêu rõ lý do.
- Trường hợp cơ sở đã được kiểm tra chứng nhận cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản hoặc cơ sở nuôi trồng thủy sản còn thời hạn thì không phải đánh giá lại nếu không có dấu hiệu vi phạm. Ghi cụ thể trong biên bản.
- Trường hợp cơ sở chưa được kiểm tra chứng nhận cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản hoặc cơ sở nuôi trồng thủy sản. Thực hiện kiểm tra, đánh giá các điều kiện tương ứng theo hướng dẫn kiểm tra điều kiện sản xuất giống thủy sản.

4. Ngôn ngữ sử dụng trong tài liệu phục vụ kiểm tra, đánh giá phải thể hiện bằng tiếng Việt.

B. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ TỪNG CHỈ TIÊU

1. Có nhân viên kỹ thuật trình độ đại học trở lên về nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản hoặc sinh học

Yêu cầu: Có bằng cấp xác nhận được đào tạo về nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản, sinh học. Có hợp đồng lao động với nhân viên kỹ thuật.

Phương pháp đánh giá: Xem xét hợp đồng lao động, hồ sơ bằng cấp, chứng chỉ liên quan, phỏng vấn về sự am hiểu hoạt động kiểm soát cho sản phẩm.

2. Có cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phù hợp với loài thủy sản khảo nghiệm

a) Trường hợp khảo nghiệm trong giai đoạn sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản

Yêu cầu: Đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 Luật Thủy sản; khoản 1 Điều 9 Nghị định này.

Phương pháp đánh giá:

- Thừa nhận kết quả đánh giá nếu cơ sở đã được chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản.

- Thực hiện đánh giá nếu cơ sở chưa được chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản.

b) Trường hợp khảo nghiệm trong giai đoạn nuôi thương phẩm

Yêu cầu: Đáp ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Luật Thủy sản và Điều 19 Nghị định này

Phương pháp đánh giá:

- Thừa nhận kết quả đánh giá nếu cơ sở đã được chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản.

- Thực hiện đánh giá nếu cơ sở chưa được chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản.

3. Đáp ứng điều kiện về an toàn sinh học, bảo vệ môi trường

Yêu cầu: Khu nuôi khảo nghiệm có biện pháp ngăn cách với khu sản xuất giống, nuôi.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trường, kiểm tra hồ sơ

4. Điều kiện khác theo yêu cầu nêu trong đề cương khảo nghiệm

Yêu cầu: Ngoài các quy định tại mục 1, 2 và 3 nêu trên, nếu đề cương khảo nghiệm có yêu cầu khác, cơ sở phải đáp ứng theo đề cương khảo nghiệm.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trường, kiểm tra hồ sơ.

CƠ QUAN CẤP TRÊN
CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

Mẫu số 08.NT
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-....

....., ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề cương khảo nghiệm giống thủy sản

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số... ngày... tháng... năm... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Xét đơn đăng ký khảo nghiệm giống thủy sản của

Theo đề nghị của ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề cương khảo nghiệm giống (Kèm theo Đề cương khảo nghiệm). Cơ sở khảo nghiệm... và Công ty... thực hiện khảo nghiệm theo đề cương khảo nghiệm đã được phê duyệt.

Điều 2. Cho phép nhập khẩu giống thủy sản (nếu có nhập khẩu giống thủy sản để khảo nghiệm):

1. Tên tiếng Việt, tên tiếng Anh, tên khoa học:
2. Số lượng:.....
3. Kích cỡ:
4. Thời gian nhập khẩu:
5. Cửa khẩu nhập khẩu:

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. ...và Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để p/h);
- Tên tổ chức, cá nhân đề nghị khảo nghiệm;
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

CƠ QUAN CẤP TRÊN
CƠ QUAN CÔNG NHẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-.....

....., ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận giống thủy sản đã khảo nghiệm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÔNG NHẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số... ngày... tháng... năm... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Căn cứ.....;

Theo đề nghị của ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận giống thủy sản có tên tại danh sách kèm theo là giống thủy sản đã khảo nghiệm và được bổ sung vào Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. ...và Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để p/h);
- Tên tổ chức, cá nhân đề nghị khảo nghiệm;
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

TÊN CƠ SỞ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

Kính gửi:

1. Tên cơ sở:

- Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

- Địa chỉ trụ sở:

- Số điện thoại: Email:.....

2. Đề nghị kiểm tra, chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản:

a) Thức ăn thủy sản

TT	Loại sản phẩm	Dạng sản phẩm, công suất thiết kế	
		Dạng sản phẩm	Công suất thiết kế (tấn/năm hoặc m ³ /năm)
1	Thức ăn hỗn hợp		
-	Thức ăn hỗn hợp cho giáp xác		
-	Thức ăn hỗn hợp cho cá, ếch, ba ba, lươn...		
-	Thức ăn hỗn hợp cho động vật thủy sản làm cảnh		
-	Thức ăn hỗn hợp khác (thức ăn cho con giống và ấu trùng động vật thủy sản, thức ăn nuôi vỗ thủy sản bố mẹ, môi câu...)		
2	Thức ăn bổ sung (chất bổ sung)		
-	Chế phẩm sinh học, vi sinh vật		
-	Hỗn hợp khoáng, vitamin,...		
-	Thức ăn bổ sung khác		
3	Thức ăn tươi, sống		
4	Nguyên liệu (nêu cụ thể loại nguyên liệu)		

b) Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

TT	Loại sản phẩm	Dạng sản phẩm, công suất thiết kế	
		Dạng sản phẩm	Công suất thiết kế (tấn/năm hoặc $m^3/năm$)
1	Hóa chất		
2	Chế phẩm sinh học, vi sinh vật		
3	Chất xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (Khoáng tự nhiên, khoáng nhân tạo, hỗn hợp khoáng, vitamin,...)		
4	Sản phẩm khác		

c) Sản phẩm sử dụng cho cả 2 mục đích: Bổ sung thức ăn và xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

TT	Loại sản phẩm	Dạng sản phẩm, công suất thiết kế	
		Dạng sản phẩm	Công suất thiết kế (tấn/năm hoặc $m^3/năm$)
1	Chế phẩm sinh học, vi sinh vật.		
2	Hỗn hợp khoáng, vitamin, ...		

3. Hồ sơ và tài liệu kèm theo đơn này, gồm:

- Bản thuyết minh điều kiện cơ sở sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.

.....

4. Đăng ký cấp lần đầu (hoặc khi thay đổi, bổ sung điều kiện sản xuất): ☐

5. Đăng ký cấp lại: ☐

Lý do cấp lại:

Chúng tôi cam kết thực hiện các quy định về điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; duy trì và chấp hành việc kiểm tra duy trì điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản và nộp phí, lệ phí kiểm tra điều kiện và kiểm tra duy trì điều kiện theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Tại cơ sở.

..., ngày ... tháng ... năm...

CHỦ CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH
Điều kiện cơ sở sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý
môi trường nuôi trồng thủy sản

1. Tên cơ sở:.....

- Địa chỉ sản xuất:

- Số điện thoại: Email:

2. Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn (nếu có):

TT	Tên tiêu chuẩn được chứng nhận	Tên tổ chức chứng nhận	Hiệu lực của Giấy chứng nhận	Nội dung chứng nhận
1				
2				
3				

(Các hồ sơ liên quan được đánh giá thực tế tại cơ sở khi kiểm tra điều kiện)

3. Thuyết minh chi tiết điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

a) Địa điểm sản xuất, khu sản xuất *(mô tả diện tích, vị trí, hiện trạng môi trường xung quanh, biện pháp kiểm soát các yếu tố gây ô nhiễm từ bên ngoài):*

b) Nhà xưởng, trang thiết bị *(sơ đồ bố trí nhà xưởng, mô tả tóm tắt thiết bị, dây chuyền):*

c) Năng lực phân tích chất lượng trong quá trình sản xuất *(mô tả năng lực kiểm nghiệm, thử nghiệm để thực hiện kiểm soát chất lượng trong quá trình sản xuất):*

d) Hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học *(mô tả quá trình kiểm soát, tiêu chuẩn áp dụng: nước phục vụ sản xuất; nguyên liệu, bao bì, thành phẩm; quá trình sản xuất; tái chế; lưu mẫu; kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh thiết bị; kiểm soát động vật gây hại; vệ sinh nhà xưởng, thu gom và xử lý chất thải):*

đ) Nhân viên kỹ thuật *(mô tả số lượng, trình độ chuyên môn nhân viên kỹ thuật tham gia trực tiếp sản xuất, quản lý chất lượng):*

4. Danh sách tài liệu gửi kèm theo thuyết minh gồm:

- Danh sách hồ sơ, tài liệu của hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học *(tên tài liệu, mã số/ký hiệu, ngày tháng năm ban hành);*

- Danh sách nhân viên kỹ thuật (*họ và tên, chuyên môn đào tạo, bằng cấp, vị trí công việc*);

- Biên bản tự đánh giá của cơ sở để xác định sự phù hợp với các quy định điều kiện tương ứng (*nếu có*).

(Hồ sơ minh chứng cung cấp cho Đoàn đánh giá tại cơ sở)

5. Sản phẩm dự kiến sản xuất:

a) Sản phẩm:

- Thành phần:

- Đặc tính, công dụng:

- Hướng dẫn sử dụng:

- Đối tượng sử dụng (loài thủy sản):

b) Sản phẩm:

.....

Nơi nhận:

- ...;

- ...;

- Lưu: tại cơ sở.

....., ngày ... tháng ... năm

CHỦ CƠ SỞ

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CƠ QUAN CẤP TRÊN
CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Kiểm tra điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý
môi trường nuôi trồng thủy sản

Số:/BB-ĐKSX

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Căn cứ kiểm tra, ngày kiểm tra:

2. Tên cơ sở kiểm tra:

- Địa chỉ trụ sở:

- Số điện thoại:

- Email:

- Tên và số giấy đăng ký kinh doanh/giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập:

.....

- Tên cơ quan cấp:Ngày cấp:

3. Địa điểm kiểm tra:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Email:

4. Thành phần cơ sở được kiểm tra:

- Ông/bà:Chức vụ:

- Ông/bà:Chức vụ:

5. Thành phần Đoàn kiểm tra:

- Ông/bà:Chức vụ:

- Ông/bà:Chức vụ:

6. Sản phẩm sản xuất (nêu cụ thể loại sản phẩm, dạng sản phẩm, dây chuyền, công suất thiết kế khi chứng nhận lần đầu; nêu sản lượng sản xuất của từng loại sản phẩm, dạng sản phẩm trong thời gian duy trì):

.....
.....

7. Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn (nếu có):

TT	Tên tiêu chuẩn được chứng nhận	Tên tổ chức chứng nhận	Hiệu lực của Giấy chứng nhận	Nội dung chứng nhận
1				
2				
3				

II. NỘI DUNG KIỂM TRA

TT	Chỉ tiêu kiểm tra	Kết quả kiểm tra		Diễn giải kết quả kiểm tra; hành động khắc phục lỗi
		Đạt	Không đạt	
I	KIỂM TRA LẦN ĐẦU HOẶC CÓ THAY ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT			
1.	Địa điểm sản xuất nằm trong khu vực không bị ô nhiễm bởi chất thải nguy hại, hóa chất độc hại			
2.	Khu sản xuất có tường, rào ngăn cách với bên ngoài			
3.	Nhà xưởng, trang thiết bị phù hợp với từng loại sản phẩm			
a	Có nhà xưởng kết cấu vững chắc, nền không đọng nước, liên thông và một chiều từ nguyên liệu đến thành phẩm			
b	Tường, trần, vách ngăn, cửa bảo đảm yêu cầu về kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học			
c	Khu chứa trang thiết bị, nguyên liệu vật liệu, thành phẩm bảo đảm không nhiễm chéo lẫn nhau và bảo đảm theo yêu cầu bảo quản của nhà sản xuất, cung cấp			
d	Trang thiết bị tiếp xúc với nguyên liệu, thành phẩm bảo đảm yêu cầu về kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học			
đ	Thiết bị thu gom và xử lý chất thải không gây ô nhiễm môi trường khu vực sản xuất			
e	Trường hợp cơ sở sản xuất sinh khối vi sinh vật để sản xuất chế phẩm sinh học vi sinh vật phải có thiết bị tạo môi trường, lưu giữ và nuôi cấy vi sinh vật			

TT	Chỉ tiêu kiểm tra	Kết quả kiểm tra		Diễn giải kết quả kiểm tra; hành động khắc phục lỗi
		Đạt	Không đạt	
4	Xây dựng hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học			
a	Kiểm soát chất lượng nước phục vụ sản xuất			
b	Kiểm soát nguyên liệu			
c	Kiểm soát bao bì			
d	Kiểm soát thành phẩm			
đ	Kiểm soát quá trình sản xuất			
e	Kiểm soát tái chế			
g	Lưu mẫu thành phẩm			
h	Kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh thiết bị			
i	Kiểm soát động vật gây hại			
k	Vệ sinh nhà xưởng			
l	Thu gom và xử lý chất thải			
5	Nhân viên kỹ thuật được đào tạo về nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản, sinh học, hóa học hoặc công nghệ thực phẩm			
II	KIỂM TRA DUY TRÌ ĐIỀU KIỆN, NGOÀI CÁC CHỈ TIÊU TẠI MỤC I, PHẢI ĐÁNH GIÁ CÁC CHỈ TIÊU SAU			
6	Áp dụng hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học trong quá trình sản xuất			
a	Kiểm soát chất lượng nước phục vụ sản xuất			
b	Kiểm soát nguyên liệu			
c	Kiểm soát bao bì			
d	Kiểm soát thành phẩm			
đ	Kiểm soát quá trình sản xuất			
e	Kiểm soát tái chế			
g	Lưu mẫu thành phẩm			

TT	Chỉ tiêu kiểm tra	Kết quả kiểm tra		Diễn giải kết quả kiểm tra; hành động khắc phục lỗi
		Đạt	Không đạt	
h	Kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh thiết bị			
i	Kiểm soát động vật gây hại			
k	Vệ sinh nhà xưởng			
l	Thu gom và xử lý chất thải			
Số chỉ tiêu đánh giá thực tế				
Số chỉ tiêu đạt/không đạt				

III. LẤY MẪU

1. Thông tin về mẫu lấy (loại mẫu, số lượng mẫu; tình trạng bao gói, bảo quản mẫu,..)

.....

2. Chỉ định chỉ tiêu phân tích (Biên bản lấy mẫu kèm theo):

.....

IV. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA (nội dung cần khắc phục, thời gian khắc phục, báo cáo khắc phục, thời gian kiểm tra duy trì):

.....

V. Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ SỞ:

.....

CHỦ CƠ SỞ ĐƯỢC KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT THỨC ĂN THỦY SẢN, SẢN PHẨM XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

A. NGUYÊN TẮC KIỂM TRA

1. Ghi biểu mẫu kiểm tra

- Ghi đầy đủ thông tin theo quy định trong biểu mẫu.
- Thăm tra, đánh giá và ghi thông tin chính xác.
- Nếu sửa chữa trên nội dung đã ghi trong Biên bản, phải có chữ ký xác nhận của Trưởng đoàn kiểm tra.

2. Nguyên tắc đánh giá

- Không được bổ sung hoặc bỏ bớt nội dung.
- Kết quả đánh giá của chỉ tiêu là “Đạt” hoặc “Không đạt”.
- Dùng ký hiệu X hoặc √ đánh dấu vào các vị trí mức đánh giá đã được xác định đối với mỗi chỉ tiêu.
- Phải diễn giải chi tiết chỉ tiêu đạt và không đạt; mỗi chỉ tiêu không đạt phải ghi cụ thể nội dung không đạt và xác định thời hạn cơ sở phải khắc phục; mỗi chỉ tiêu đạt phải nêu rõ nội dung, bằng chứng đạt yêu cầu (mô tả cụ thể nội dung phù hợp, tên tài liệu, mã số/ký hiệu tài liệu, ...).

3. Chỉ tiêu áp dụng

- Các chỉ tiêu từ 01 đến 05 áp dụng đối với cơ sở sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đăng ký kiểm tra cấp Giấy chứng nhận lần đầu hoặc thay đổi điều kiện sản xuất.
- Các chỉ tiêu từ 01 đến 06 áp dụng đối với kiểm tra duy trì điều kiện cơ sở sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đã được Giấy chứng nhận.
- Đối với kiểm tra lần đầu hoặc có thay đổi điều kiện sản xuất, kiểm tra chỉ tiêu “Xây dựng hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học” là kiểm tra nội dung xây dựng hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học của cơ sở trong quá trình sản xuất.
- Đối với kiểm tra duy trì điều kiện sản xuất, kiểm tra chỉ tiêu “Áp dụng hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học trong quá trình sản xuất” là đánh giá việc áp dụng hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học của cơ sở trong quá trình sản xuất, duy trì điều kiện.

Đánh giá cụ thể từng nội dung kiểm soát gồm: *nước phục vụ sản xuất; nguyên liệu, bao bì, thành phẩm; quá trình sản xuất; tái chế; lưu mẫu; kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh thiết bị; kiểm soát động vật gây hại; vệ sinh nhà xưởng, thu gom và xử lý chất thải.*

4. Ngôn ngữ sử dụng trong tài liệu phục vụ kiểm tra, đánh giá phải thể hiện bằng tiếng Việt.

B. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ TỪNG CHỈ TIÊU

I. KIỂM TRA LẦN ĐẦU HOẶC CÓ THAY ĐỔI ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT

1. Địa điểm sản xuất nằm trong khu vực không bị ô nhiễm bởi chất thải nguy hại, hóa chất độc hại

Yêu cầu: Địa điểm sản xuất phải xây dựng trên địa điểm tránh bị ô nhiễm bởi chất thải nguy hại, hóa chất độc hại từ môi trường xung quanh như: nguồn chất thải từ bệnh viện, bãi rác, ngập nước, ... Trong trường hợp không thể thay thế vị trí thì phải thiết lập biện pháp kiểm soát nguồn ô nhiễm vào địa điểm sản xuất.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trường; xem xét hồ sơ, tài liệu về địa điểm để đánh giá mức độ ô nhiễm khi cần thiết như: Báo cáo đánh giá tác động môi trường; các kết quả kiểm nghiệm liên quan.

2. Khu sản xuất có tường, rào ngăn cách với bên ngoài

Yêu cầu: Xung quanh nhà xưởng có tường, rào để ngăn chặn sự di chuyển của động vật gây hại và các yếu tố chú ý phá hoại; có cổng để kiểm soát ra vào.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trường.

3. Nhà xưởng, trang thiết bị phù hợp với từng loại sản phẩm

a) Có nhà xưởng kết cấu vững chắc, nền không đọng nước, liên thông và một chiều từ nguyên liệu đến thành phẩm

Yêu cầu: Nhà xưởng có kết cấu vững chắc, đủ không gian làm việc, bố trí hướng di chuyển hợp lý cho nguyên liệu, sản phẩm, nhân viên. Nền nhà không thấm nước, không bong tróc, không có kẽ nứt, dễ dàng vệ sinh.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trạng nhà xưởng, sơ đồ nhà xưởng và tài liệu kiểm soát liên quan.

Ghi chú: Về việc xây dựng vững chắc là trần nhà, máng thoát nước không bị dột.

b) Tường, trần, vách ngăn, cửa bảo đảm yêu cầu về kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học

Yêu cầu: Trần không bị dột, tường, vách ngăn, sàn nhẵn, không bong tróc, dễ dàng làm sạch, thiết kế giảm bụi bám và đọng nước. Các cửa, quạt thông gió thông ra bên ngoài phải có biện pháp kiểm soát côn trùng và động vật gây hại.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trường.

c) Khu chứa trang thiết bị, nguyên liệu vật liệu, thành phẩm bảo đảm không nhiễm chéo lẫn nhau và bảo đảm theo yêu cầu bảo quản của nhà sản xuất, cung cấp.

Yêu cầu: Các khu chứa nguyên liệu cấu thành sản phẩm, bao bì, linh phụ kiện cho thiết bị, hóa chất hỗ trợ sản xuất (chất tẩy rửa, dầu mỡ bôi trơn, xăng dầu, hóa chất dạng hơi, ...) phải ngăn cách vật lý để tránh việc nhiễm chéo các dị vật, hóa chất vào nguyên liệu ảnh hưởng đến chất lượng và an toàn cho sản phẩm.

Đối với khu lưu trữ nguyên liệu bay hơi cần thiết kế thông thoáng và có thông gió. Đối với mỗi loại nguyên vật liệu cần đảm bảo điều kiện bảo quản đúng kỹ thuật theo yêu cầu bảo quản của nhà sản xuất, cung cấp, không ảnh hưởng đến chất lượng trong quá trình lưu trữ (Ví dụ: Nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, ...).

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trường về việc bố trí, phân bố các khu vực, kho chứa. Xem xét hồ sơ kỹ thuật của nguyên liệu, sản phẩm (tiêu chuẩn công bố áp dụng, nhãn hàng hóa, tài liệu đính kèm, ...) để xác định sự phù hợp.

Ghi chú: Ngăn cách vật lý là bao hàm việc sử dụng tường, vách ngăn hoặc là sự ngăn cách không gian đủ để ngăn ngừa nguy cơ nhiễm chéo.

d) Trang thiết bị tiếp xúc với nguyên liệu, thành phẩm bảo đảm yêu cầu về kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học

Yêu cầu: Bề mặt trang thiết bị tiếp xúc với nguyên liệu, thành phẩm được làm từ vật liệu phù hợp, chống thấm, không gỉ sét, không bị ăn mòn, có thể vệ sinh sạch sẽ, không có khả năng thôi nhiễm kim loại nặng vào nguyên liệu, sản phẩm. Trường hợp sử dụng cùng dây chuyền, thiết bị để sản xuất nhiều loại sản phẩm khác nhau phải thực hiện kiểm soát để đảm bảo ngăn ngừa nhiễm chéo giữa các nhóm sản phẩm khác nhau.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trường, xem xét tài liệu kỹ thuật liên quan đến bề mặt thiết bị, dụng cụ. Xem xét hồ sơ kiểm tra, vệ sinh.

đ) Thiết bị thu gom và xử lý chất thải không gây ô nhiễm môi trường khu vực sản xuất

Yêu cầu: Trang bị các loại thùng rác phù hợp để phân loại rác (rác thải sinh hoạt, tái chế và nguy hại), thùng chứa rác thải nguy hại phải có nắp đậy kín sau khi sử dụng. Nơi chứa rác thải tách biệt với khu vực sản xuất. Nơi chứa rác thải nguy hại phải được đậy riêng và có khóa.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trường; xem xét hồ sơ, tài liệu về nhận diện, phân loại rác thải.

e) Trường hợp cơ sở sản xuất sinh khối vi sinh vật để sản xuất chế phẩm sinh học vi sinh vật phải có thiết bị tạo môi trường, lưu giữ và nuôi cấy vi sinh vật.

Yêu cầu: Phải có thiết bị tạo môi trường, lưu giữ và nuôi cấy vi sinh vật phục vụ sản xuất như: Cân kỹ thuật, máy lắc, nồi hấp tiệt trùng, tủ ẩm, tủ sấy, máy lắc nhu động, lò vi sóng, tủ cấy vi sinh vật, tủ lạnh, nồi lên men hoặc thiết bị lên men.

Phương pháp đánh giá: Quan sát thực tế và xem xét các thông tin kỹ thuật, tình trạng của thiết bị để đánh giá sự phù hợp.

4. Xây dựng và áp dụng hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học

a) Kiểm soát chất lượng nước phục vụ sản xuất

Yêu cầu: Các yêu cầu về chất lượng nước phải đạt yêu cầu chất lượng, an toàn, phù hợp với sản phẩm. Chỉ tiêu chất lượng, tần suất và kế hoạch kiểm soát phải được cụ thể bằng văn bản, được người có thẩm quyền phê duyệt.

Phương pháp đánh giá: Xem xét các văn bản quy định, tài liệu về kiểm soát chất lượng nước.

Ghi chú: Người có thẩm quyền là chủ cơ sở hoặc người được chủ cơ sở phân công và chịu trách nhiệm phê duyệt.

b) Kiểm soát nguyên liệu

Yêu cầu: Các yêu cầu về kiểm soát nguyên liệu phải được cụ thể bằng văn bản và được người có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo các nội dung sau:

- Nguyên liệu không được chứa chất bị cấm.
- Chỉ tiêu chất lượng, an toàn của nguyên liệu và tần suất kiểm soát phải đạt yêu cầu chất lượng, an toàn, phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.
- Nguyên liệu không phù hợp với thông số kỹ thuật phải được kiểm soát tránh sử dụng sai mục đích.
- Phải có biện pháp kiểm soát phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng theo từng lô trong trường hợp nguyên liệu được cung cấp từ cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo quy định.
- Nguyên liệu nhập vào phải kiểm tra và xác nhận sự phù hợp về xuất xứ, chất lượng như: Hạn sử dụng, giấy tờ xuất xứ, chất lượng (CO, CA), cảm quan về chất lượng hoặc kiểm tra các chỉ tiêu độ ẩm hoặc tạp chất.

- Nguyên liệu phải sắp xếp cách ly với mặt đất, tường; có nhận diện từng lô đảm bảo có thể truy xuất; dễ dàng cho việc nhập trước xuất trước, nhập sau xuất sau.

Phương pháp đánh giá: Xem xét các văn bản quy định, tài liệu về kiểm soát nguyên liệu.

c) Kiểm soát bao bì

Yêu cầu: Các yêu cầu về kiểm soát bao bì phải được cụ thể bằng văn bản và được người có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo các nội dung sau:

- Chất liệu bao bì tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm phải phù hợp với đặc tính kỹ thuật của sản phẩm, không thôi nhiễm kim loại nặng hoặc các chất độc hại vào sản phẩm.

- Bao bì phải sắp xếp theo từng lô, loại bao bì và nhận diện rõ ràng.
- Bao bì không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật phải được kiểm soát để tránh sử dụng sai mục đích.

Phương pháp đánh giá: Xem xét các văn bản quy định, tài liệu về kiểm soát bao bì và quan sát hiện trường lưu trữ bao bì.

d) Kiểm soát thành phẩm

Yêu cầu: Các yêu cầu về kiểm soát thành phẩm phải được cụ thể bằng văn bản và được người có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo các nội dung:

- Thành phẩm được kiểm tra xác nhận chất lượng theo tiêu chuẩn công bố áp dụng trước khi thông qua, có hồ sơ kiểm tra, được ghi chép và phê duyệt của người có thẩm quyền.

- Thành phẩm được lưu trữ bảo quản trong kho tránh tác động môi trường ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm, sắp xếp theo từng lô hàng để dễ dàng cho việc truy xuất.

- Thành phẩm phải được kiểm tra trước khi xuất (Hạn sử dụng, cảm quan tình trạng bên ngoài như bụi rách, biến dạng, bẩn,...).

- Thành phẩm sắp xếp cách ly với mặt đất, tường; có nhận diện từng lô đảm bảo có thể truy xuất, dễ dàng cho việc nhập trước xuất trước, nhập sau xuất sau.

Phương pháp đánh giá: Kiểm tra hồ sơ cho các lô thành phẩm đã xuất đi và dữ liệu hàng hóa tồn kho.

đ) Kiểm soát quá trình sản xuất

Yêu cầu: Các yêu cầu và nội dung kiểm soát quá trình sản xuất phải được cụ thể bằng văn bản và được người có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo các nội dung sau:

- Các yêu cầu đầu vào cho hoạt động sản xuất phải đảm bảo bao gồm: Con người có năng lực, máy móc thiết bị luôn trong trạng thái phù hợp, phương pháp sản xuất hợp lý, nguyên liệu đầu vào đạt yêu cầu.

- Phải có sẵn các tiêu chuẩn kỹ thuật cần đạt được của sản phẩm cụ thể bằng văn bản. Các chỉ tiêu về an toàn theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

- Sẵn có thiết bị đo lường đã được kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh theo quy định.

- Phải có hồ sơ ghi chép từng công đoạn sản xuất về thời gian, số lượng, loại sản phẩm sản xuất, bao gồm cả việc nhập nguyên liệu cho sản xuất.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trường, kiểm tra hồ sơ lô, hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng.

e) Kiểm soát tái chế

Yêu cầu: Các yêu cầu và nội dung kiểm soát tái chế phải được cụ thể bằng văn bản và được người có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo các nội dung sau:

- Sản phẩm, bán thành phẩm tái chế phải được để khu riêng.

- Sản phẩm, bán thành phẩm tái chế vẫn còn hạn sử dụng, không chứa chất cấm, phải duy trì được sự an toàn, chất lượng, khả năng truy xuất.

- Phải có quy định tỷ lệ tái chế và có hồ sơ ghi nhận tỷ lệ hàng tái chế trong hồ sơ sản xuất cho lô sản phẩm.

- Các sản phẩm không thể tái chế phải được xử lý phù hợp với quy định của pháp luật như: Chuyển mục đích sử dụng, tiêu hủy, ...

- Trường hợp chuyển mục đích sử dụng: Phải có phương án chuyển mục đích sử dụng đáp ứng quy định của pháp luật về sản phẩm sau khi chuyển đổi, đảm bảo tránh sử dụng sai mục đích sau khi chuyển đổi.

Phương pháp đánh giá: Xem xét các hồ sơ ghi nhận liên quan đến hàng lỗi, cách thức xử lý hàng lỗi trong việc đem tái chế cho từng lô hàng. Quan sát hiện trường khu vực quy định để hàng tái chế. Hồ sơ, tài liệu liên quan khác.

g) Lưu mẫu thành phẩm

Yêu cầu: Các yêu cầu và nội dung kiểm soát lưu mẫu phải được cụ thể bằng văn bản và được người có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo các nội dung sau:

- Mỗi lô hàng cần lưu một lượng mẫu đủ để phân tích theo tiêu chuẩn kỹ thuật công bố áp dụng và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.

- Mẫu lưu được đóng gói để duy trì điều kiện bảo quản giống với hướng dẫn bảo quản sản phẩm khi lưu hành trên thị trường.

- Mẫu lưu phải có tem nhãn ghi rõ tên sản phẩm, lô (hoặc ngày sản xuất), hạn sử dụng để đảm bảo hoạt động truy xuất. Các sản phẩm lưu cần nhận diện rõ ràng, dễ tìm dễ kiểm tra.

- Thời gian lưu mẫu không thấp hơn hạn sử dụng của sản phẩm.

- Thực hiện theo dõi tình trạng mẫu lưu trong suốt quá trình lưu mẫu.

Phương pháp đánh giá: Quan sát khu sắp xếp lưu mẫu, tem nhãn nhận diện. Xem xét hồ sơ ghi chép về ngày lưu mẫu, thời gian hủy mẫu, đánh giá tình trạng trong suốt thời gian lưu.

h) Kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh thiết bị

Yêu cầu: Các yêu cầu và nội dung kiểm soát phải được cụ thể bằng văn bản và được người có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo các nội dung sau:

- Lập danh mục thiết bị và kế hoạch kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh định kỳ (nội bộ hoặc bên ngoài).

- Nhận diện trạng thái cho các thiết bị đo lường (Tem nhãn hiệu chuẩn, thiết bị hỏng).

- Kiểm soát thiết bị hỏng, chưa được kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh để tránh sử dụng sai mục đích.

Phương pháp đánh giá: Xem xét kế hoạch hiệu chuẩn, hiệu chỉnh định kỳ; Quan sát tem nhãn hiệu chuẩn được gắn lên thiết bị hoặc hồ sơ hiệu chuẩn đi kèm với thiết bị. Nếu thiết bị đo lường tự hiệu chuẩn nội bộ thì kiểm tra bộ chuẩn có được kiểm định hay không.

i) Kiểm soát động vật gây hại

Yêu cầu: Các yêu cầu và nội dung kiểm soát phải được cụ thể bằng văn bản và được người có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo các nội dung sau:

- Nhà xưởng, kho nguyên liệu, kho thành phẩm, khu vực sản xuất phải có biện pháp kiểm soát động vật gây hại (được lắp màn hình, lưới, bẫy chuột, đèn diệt côn trùng ...). Lập danh mục hóa chất diệt côn trùng và động vật gây hại sử dụng trong nhà xưởng; kiểm soát hóa chất cấm sử dụng có trong hóa chất diệt côn trùng và động vật gây hại.

Phương pháp đánh giá: Xem xét danh mục hóa chất diệt côn trùng; quan sát hiện trường về sự hiện diện có hay không côn trùng, động vật gây hại trong nhà xưởng, kho (có thể quan sát gián tiếp qua việc xuất hiện phân gián, phân chuột...)

k) Vệ sinh nhà xưởng

Yêu cầu: Các yêu cầu và nội dung kiểm soát phải được cụ thể bằng văn bản và được người có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo các nội dung sau:

- Quy định các phương pháp vệ sinh, tần suất, hóa chất vệ sinh (nếu có) cho từng khu vực, bề mặt tiếp xúc sản phẩm. Có danh mục hóa chất vệ sinh để kiểm soát hóa chất cấm sử dụng.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trường về tình trạng vệ sinh, xem xét tài liệu quy định vệ sinh (tần suất, phương pháp); danh sách hóa chất vệ sinh. Xem xét hồ sơ kiểm tra vệ sinh định kỳ.

l) Thu gom và xử lý chất thải

Yêu cầu: Các yêu cầu và nội dung kiểm soát phải được cụ thể bằng văn bản và được người có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo các nội dung sau:

- Có quy định khu vực thu gom rác; quy định tần suất di chuyển rác ra khỏi khu vực sản xuất, kho (tối thiểu theo ngày) về khu tập kết.

- Xử lý hoặc thuê cơ sở xử lý chất thải có năng lực theo quy định của pháp luật.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trường về bố trí chỗ để rác, phân loại rác, xác nhận thực tế về tần suất di chuyển rác khỏi nhà xưởng; xem xét các hồ sơ về xử lý rác thải.

5. Nhân viên kỹ thuật được đào tạo về nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản, sinh học, hóa học hoặc công nghệ thực phẩm

Yêu cầu: Có bằng cấp xác nhận được đào tạo về nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản, sinh học, hóa học hoặc công nghệ thực phẩm. Có hợp đồng lao động với nhân viên kỹ thuật.

Phương pháp đánh giá: Xem xét hợp đồng lao động, hồ sơ bằng cấp, chứng chỉ liên quan, phỏng vấn về sự am hiểu hoạt động kiểm soát cho sản phẩm.

II. KIỂM TRA DUY TRÌ ĐIỀU KIỆN, NGOÀI CÁC CHỈ TIÊU TẠI MỤC I, PHẢI ĐÁNH GIÁ CÁC CHỈ TIÊU SAU

6. Áp dụng hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học trong quá trình sản xuất

Yêu cầu: Các yêu cầu trong kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học trong quá trình sản xuất tại mục 4 được áp dụng và lưu trữ đầy đủ tại cơ sở sản xuất (gồm các sản phẩm tự công bố, các sản phẩm do cơ sở khác công bố nhưng được sản xuất tại cơ sở kiểm tra). Nội dung kiểm tra phải được ghi cụ thể theo từng chỉ tiêu trong biên bản kiểm tra theo hướng dẫn đánh giá đối với mục 4.

Trong thời gian duy trì, nếu cơ sở cập nhật, bổ sung hoặc sửa đổi quy trình kiểm soát phù hợp với hệ thống quản lý chất lượng như: ISO 9001, ISO 22000,... Quy trình kiểm soát phải phù hợp với các yêu cầu nêu tại mục 4.

Phương pháp đánh giá: Kiểm tra hồ sơ, tài liệu và kiểm tra hiện trường, cụ thể:

- Nội dung kiểm tra nêu cụ thể trong từng mục: Nước phục vụ sản xuất; nguyên liệu, bao bì, thành phẩm; quá trình sản xuất; tái chế; lưu mẫu; kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh thiết bị; kiểm soát động vật gây hại; vệ sinh nhà xưởng, thu gom và xử lý chất thải.

- Đối với hồ sơ, tài liệu có tần suất kiểm soát trên hoặc bằng 03 tháng/lần (Thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, xử lý chất thải,...) kiểm tra 100% hồ sơ trong thời gian duy trì.

- Đối với hồ sơ tài liệu có tần suất kiểm soát dưới 03 tháng/lần, hồ sơ lô, thực hiện kiểm tra như sau: Kiểm tra tối thiểu hồ sơ của 03 lô sản xuất đối với cơ sở có thời hạn duy trì 12 tháng; kiểm tra tối thiểu hồ sơ của 05 lô sản xuất (02 lô sản xuất cho 12 tháng trước và 03 lô sản xuất cho 12 tháng sau) đối với cơ sở có thời hạn duy trì 24 tháng.

- Trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm, có thể thực hiện kiểm tra hồ sơ của tất cả các lô hàng liên quan đến dấu hiệu vi phạm.

- Trong thời gian duy trì, nếu cơ sở cập nhật, bổ sung hoặc sửa đổi quy trình kiểm soát phù hợp với hệ thống quản lý chất lượng áp dụng. Phải xem xét, đánh giá sự phù hợp của nội dung cập nhật, bổ sung hoặc sửa đổi với yêu cầu nêu tại mục 4. Hồ sơ, tài liệu áp dụng phù hợp với thời điểm cập nhật, bổ sung, sửa đổi quy trình kiểm soát.

I. MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN:CƠ QUAN CẤP TRÊN
CƠ QUAN CẤP GIẤYCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**GIẤY CHỨNG NHẬN****Đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý
môi trường nuôi trồng thủy sản
Số: TSAABBBB⁽²⁾**

Tên cơ sở:

Địa chỉ trụ sở:

Số điện thoại:

Địa chỉ sản xuất:

Số điện thoại:

Được chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất⁽¹⁾:.....
.....

Hiệu lực Giấy chứng nhận đủ điều kiện: Không thời hạn

Cấp lần đầu ngày/...../.....; cấp
lại hoặc thay đổi lần
thứ ... ngày...../...../..... theo Quyết định
số...../.....-..... ngày/...../..... của (tên cơ
quan cấp)

....., ngày ... tháng năm

THỦ TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Ghi rõ điều kiện sản xuất theo từng nhóm, loại, dạng sản phẩm:

Thức ăn thủy sản

- Thức ăn hỗn hợp (ghi cụ thể nhóm sản phẩm theo loài thủy sản sử dụng)
- + Thức ăn hỗn hợp cho giáp xác (tôm, cua, ...).
- + Thức ăn hỗn hợp cho cá, ếch, lươn, ...
- + Thức ăn hỗn hợp cho động vật thủy sản làm cảnh.
- + Thức ăn hỗn hợp khác (thức ăn cho con giống và ấu trùng động vật thủy sản, thức ăn nuôi vỗ thủy sản bố mẹ, mỗi câu).
- Thức ăn bổ sung (ghi cụ thể nhóm, dạng sản phẩm):
- + Hỗn hợp khoáng, vitamin, ...
- + Chế phẩm sinh học, vi sinh vật.
- + Thức ăn bổ sung khác (ghi cụ thể loại (phụ gia, chất tạo màu, ...)).
- Thức ăn tươi, sống (ghi cụ thể tên loài sinh vật sử dụng làm thức ăn tươi sống, dạng sản phẩm).

- Nguyên liệu: ghi cụ thể nhóm, loại nguyên liệu.

Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

- Chế phẩm sinh học, vi sinh vật (ghi cụ thể dạng sản phẩm)
- Hóa chất (ghi cụ thể dạng sản phẩm)
- Chất xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (bao gồm: khoáng chất tự nhiên, khoáng nhân tạo, hỗn hợp khoáng, vitamin, ...) (ghi cụ thể loại, dạng sản phẩm).
- Sản phẩm khác (ghi cụ thể loại, dạng sản phẩm).

Sản phẩm sử dụng cho cả 2 mục đích: bổ sung thức ăn và xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (ghi cụ thể loại, dạng sản phẩm)

- Chế phẩm sinh học, vi sinh vật.
- Hỗn hợp khoáng, vitamin,...

(2) Quy định cấp số Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản:

- Mỗi số chỉ cấp duy nhất cho một cơ sở và cấp liên tiếp, lần lượt.
- Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất được thu hồi, số Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất không sử dụng để cấp cho cơ sở khác. Chỉ cấp lại cho cơ sở trước đó đã được cấp khi đủ điều kiện.
- Số Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất có cấu trúc như sau: **TSAABBBB**
- + “TS” thể hiện nhóm sản phẩm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.

+ “AA” gồm 2 chữ số la tinh thể hiện mã của cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, cụ thể như sau:

++ Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường có mã số 00

++ Các tỉnh, thành phố (theo Quyết định 19/2025/QĐ-TTg ngày 30/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam), cụ thể:

TT	Tên đơn vị hành chính	Mã số	TT	Tên đơn vị hành chính	Mã số
1	Thành phố Hà Nội	01	18	Tỉnh Hà Tĩnh	42
2	Tỉnh Cao Bằng	04	19	Tỉnh Quảng Trị	44
3	Tỉnh Tuyên Quang	08	20	Thành phố Huế	46
4	Tỉnh Điện Biên	11	21	Thành phố Đà Nẵng	48
5	Tỉnh Lai Châu	12	22	Tỉnh Quảng Ngãi	51

6	Tỉnh Sơn La	14	23	Tỉnh Gia Lai	52
7	Tỉnh Lào Cai	15	24	Tỉnh Khánh Hòa	56
8	Tỉnh Thái Nguyên	19	25	Tỉnh Đắk Lắk	66
9	Tỉnh Lạng Sơn	20	26	Tỉnh Lâm Đồng	68
10	Tỉnh Quảng Ninh	22	27	Tỉnh Đồng Nai	75
11	Tỉnh Bắc Ninh	24	28	Thành phố Hồ Chí Minh	79
12	Tỉnh Phú Thọ	25	29	Tỉnh Tây Ninh	80
13	Thành phố Hải Phòng	31	30	Tỉnh Đồng Tháp	82
14	Tỉnh Hưng Yên	33	31	Tỉnh Vĩnh Long	86
15	Tỉnh Ninh Bình	37	32	Tỉnh An Giang	91
16	Tỉnh Thanh Hóa	38	33	Thành phố Cần Thơ	92
17	Tỉnh Nghệ An	40	34	Tỉnh Cà Mau	96

+ “**BBBB**” gồm 4 chữ số từ 0001 đến 9999, là số thứ tự cơ sở được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất.

+ Các cơ sở thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất trước ngày 01/7/2025 giữ nguyên mã số Giấy chứng nhận trong suốt thời gian hoạt động của cơ sở (áp dụng với cả trường hợp cấp bổ sung, cấp lại). Từ ngày 01/7/2025 áp dụng theo mã số của tỉnh, thành phố.

II. MẪU QUYẾT ĐỊNH CẤP, CẤP LẠI HOẶC THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN:

CƠ QUAN CẤP TRÊN
CƠ QUAN CẤP GIẤY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Cấp, cấp lại (hoặc thu hồi)* giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH.....

Căn cứ Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của.....;

Căn cứ Nghị định số...../NĐ-CP ngày ... thángnăm của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

.....;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp, cấp lại (hoặc thu hồi)* giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản, cụ thể:

1. Tên cơ sở:

2. Địa chỉ sản xuất:

3. Đủ điều kiện sản xuất hoặc bổ sung, điều chỉnh (hoặc thu hồi Giấy chứng nhận số.... ngày...tháng... năm....)*: Chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3.; Thủ trưởng các đơn vị liên quan; Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- ...

- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG

Ghi chú: (*) Gạch bỏ nội dung không phù hợp với thực tế.

Phụ lục
NỘI DUNG CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT
THỨC ĂN THỦY SẢN, SẢN PHẨM XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG
NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ.... ngày ... tháng ... năm ... của)

1. Số Giấy chứng nhận:
2. Cấp lần đầu hoặc cấp lại (thay đổi, bổ sung):
3. Nội dung chứng nhận:

TT	Loại sản phẩm	Số dây chuyền, thiết bị (*)	Thời gian kiểm tra duy trì (tối thiểu 12 tháng/ 24 tháng)	Dạng sản phẩm, công suất thiết kế		Ghi chú (nội dung thay đổi, bổ sung)
				Dạng sản phẩm	Công suất thiết kế (tấn/năm hoặc m ³ /năm)	
1	Thức ăn hỗn hợp					
-						
-						
2	Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản					
-						
-						

* Trường hợp cùng một dây chuyền, thiết bị để sản xuất nhiều nhóm sản phẩm có cùng bản chất, dạng sản phẩm nêu cụ thể số lượng dây chuyền, thiết bị và công suất tối đa vào từng ô tương ứng với nhóm sản phẩm và ghi chú những dây chuyền sử dụng chung dưới Bảng này.

TÊN CƠ SỞ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

ĐƠN ĐĂNG KÝ KHẢO NGHIỆM**Thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản**

Kính gửi: (Tên cơ quan cấp phép).

1. Tên cơ sở đăng ký khảo nghiệm:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

2. Tên cơ sở thực hiện khảo nghiệm:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

**Đề nghị được khảo nghiệm thức ăn thủy sản,
sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản sau:**

Tên sản phẩm:

Thành phần:

Công dụng:

Nhà sản xuất:

3. Các hồ sơ và tài liệu kèm theo giấy này, gồm:.....
Chúng tôi cam kết chấp hành đúng các quy định của pháp luật về khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản......, ngày ... tháng... năm
ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐĂNG KÝ
(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG KHẢO NGHIỆM

Thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đăng ký khảo nghiệm:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

2. Tên cơ sở thực hiện khảo nghiệm:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

3. Sản phẩm yêu cầu khảo nghiệm

a) Tên sản phẩm, thành phần, công dụng, hạn sử dụng, cảnh báo (nếu có):

.....

b) Nhà sản xuất:

c) Các tài liệu khác liên quan đến sản phẩm:

4. Cơ sở khoa học và hiện trạng ứng dụng sản phẩm trong nước và trên thế giới
 (Mô tả thông tin khoa học của sản phẩm, thành phần của sản phẩm và hiện trạng, hiệu quả sử dụng trong nước và trên thế giới)

II. NỘI DUNG KHẢO NGHIỆM

1. Nội dung

a) Xác định thành phần công bố của sản phẩm

b) Đánh giá độ an toàn của sản phẩm

c) Đánh giá tác dụng/công dụng/đặc tính của sản phẩm.

d) Xác định tồn dư trong môi trường và dư lượng trong thủy sản nuôi.

2. Phương pháp nghiên cứu và cách bố trí thí nghiệm

a) Phương pháp nghiên cứu

b) Bố trí thí nghiệm.

3. Biện pháp kiểm soát an toàn sinh học, bảo vệ môi trường trong quá trình khảo nghiệm

4. Kế hoạch triển khai

5. Dự kiến kết quả đạt được

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ CÓ SẢN PHẨM **ĐẠI DIỆN CƠ SỞ KHẢO NGHIỆM**
KHẢO NGHIỆM

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
 dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
 dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ KHẢO NGHIỆM
Thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

1. Thông tin cơ sở:

Tên cơ sở:

Địa chỉ trụ sở:

Địa điểm khảo nghiệm:

Số điện thoại: Email:

2. Điều kiện cơ sở phục vụ khảo nghiệm

a) Đối với hệ thống nuôi thủy sản tập trung trong ao, đầm

b) Đối với hệ thống nuôi thủy sản tập trung trong lồng bè

c) Đối với hệ thống sản xuất giống thủy sản

3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ khảo nghiệm

a) Thiết bị, dụng cụ thu mẫu, bảo quản mẫu

b) Thiết bị, dụng cụ phân tích các yếu tố môi trường, dư lượng

c) Thiết bị, dụng cụ xác định các chỉ tiêu sinh trưởng động vật thủy sản

d) Các thiết bị khác theo yêu cầu của đề cương khảo nghiệm

4. Người phụ trách kỹ thuật, nhân lực thực hiện khảo nghiệm

5. Các điều kiện khác có liên quan

6. Các công trình, kết quả nghiên cứu khác có liên quan

....., ngày... tháng... năm

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ KHẢO NGHIỆM

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

CƠ QUAN CẤP TRÊN
CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Kiểm tra điều kiện cơ sở khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý
môi trường nuôi trồng thủy sản

Số:/BB-ĐKKN

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Căn cứ kiểm tra, ngày kiểm tra:

2. Tên cơ sở kiểm tra

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Email:

- Tên và số giấy đăng ký kinh doanh/giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập:

Tên cơ quan cấp: Ngày cấp:

3. Địa điểm kiểm tra:

- Địa chỉ:

- Số điện thoại: Email:

4. Thành phần cơ sở được kiểm tra:

- Ông/bà: Chức vụ:

- Ông/bà: Chức vụ:

- Ông/bà: Chức vụ:

5. Thành phần Đoàn kiểm tra:

- Ông/bà: Chức vụ:

- Ông/bà: Chức vụ:

- Ông/bà: Chức vụ:

6. Sản phẩm thực hiện khảo nghiệm:

.....

.....)

II. NỘI DUNG KIỂM TRA:

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra		Diễn giải kết quả kiểm tra; hành động khắc phục các lỗi
		Đạt	Không đạt	
1	Có nhân viên kỹ thuật trình độ đại học trở lên về nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản hoặc sinh học			

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra		Diễn giải kết quả kiểm tra; hành động khắc phục các lỗi
		Đạt	Không đạt	
2	Có cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phù hợp với việc khảo nghiệm thức ăn, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản			
a	Trường hợp khảo nghiệm trong giai đoạn sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản			
b	Trường hợp khảo nghiệm trong giai đoạn nuôi thương phẩm			
3	Đáp ứng điều kiện về an toàn sinh học, bảo vệ môi trường			
4	Điều kiện khác theo yêu cầu nêu trong đề cương khảo nghiệm			
Tổng số				
Số chỉ tiêu đánh giá thực tế				
Số chỉ tiêu không đạt				

III. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA:

.....

.....

IV. Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ SỞ:

.....

.....

CHỦ CƠ SỞ ĐƯỢC KIỂM TRA
(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA
(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

HƯỚNG DẪN KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN KHẢO NGHIỆM THỨC ĂN THỦY SẢN, SẢN PHẨM XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

A. NGUYÊN TẮC KIỂM TRA

1. Ghi biểu mẫu kiểm tra

- Ghi đầy đủ thông tin theo quy định trong biểu mẫu.
- Thăm tra, đánh giá và ghi thông tin chính xác.
- Nếu sửa chữa trên nội dung đã ghi trong Biên bản, phải có chữ ký xác nhận của Trưởng đoàn kiểm tra.

2. Nguyên tắc đánh giá

- Không được bổ sung hoặc bỏ bớt nội dung.
- Kết quả đánh giá của chỉ tiêu là “Đạt” hoặc “Không đạt”.
- Dùng ký hiệu X hoặc √ đánh dấu vào các vị trí mức đánh giá đã được xác định đối với mỗi chỉ tiêu.
- Phải diễn giải chi tiết chỉ tiêu đạt và không đạt; mỗi chỉ tiêu không đạt phải ghi cụ thể lỗi và xác định thời hạn cơ sở phải khắc phục lỗi đó; mỗi chỉ tiêu đạt phải nêu rõ nội dung, bằng chứng đạt yêu cầu.

3. Chỉ tiêu áp dụng:

- Đánh giá tất cả các chỉ tiêu nêu trong biên bản. Trong trường hợp không đánh giá phải nêu rõ lý do.
- Trường hợp cơ sở đã được kiểm tra chứng nhận cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản hoặc cơ sở nuôi trồng thủy sản còn thời hạn thì không phải đánh giá lại nếu không có dấu hiệu vi phạm. Ghi cụ thể trong biên bản.
- Trường hợp cơ sở chưa được kiểm tra chứng nhận cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản hoặc cơ sở nuôi trồng thủy sản. Thực hiện kiểm tra, đánh giá các điều kiện tương ứng theo hướng dẫn kiểm tra điều kiện sản xuất giống thủy sản.

4. Ngôn ngữ sử dụng trong tài liệu phục vụ kiểm tra, đánh giá phải thể hiện bằng tiếng Việt.

B. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ TỪNG CHỈ TIÊU

1. Có nhân viên kỹ thuật trình độ đại học trở lên về nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản hoặc sinh học

Yêu cầu: Có bằng cấp xác nhận được đào tạo về nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản, sinh học. Có hợp đồng lao động với nhân viên kỹ thuật.

Phương pháp đánh giá: Xem xét hợp đồng lao động, hồ sơ bằng cấp liên quan, phỏng vấn về sự am hiểu hoạt động kiểm soát hoạt động khảo nghiệm sản phẩm.

2. Có cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phù hợp với việc khảo nghiệm thức ăn, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

a) Trường hợp khảo nghiệm trong giai đoạn sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản.

Yêu cầu: Đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 Luật Thủy sản và khoản 1 Điều 9 Nghị định này.

Phương pháp đánh giá:

- Thừa nhận kết quả đánh giá nếu cơ sở đã được chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản.

- Thực hiện đánh giá nếu cơ sở chưa được chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản.

b) Trường hợp khảo nghiệm trong giai đoạn nuôi thương phẩm

Yêu cầu: Đáp ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Luật Thủy sản và khoản 1, khoản 2 Điều 19 Nghị định này.

Phương pháp đánh giá:

- Thừa nhận kết quả đánh giá nếu cơ sở đã được chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản.

- Thực hiện đánh giá nếu cơ sở chưa được chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản.

3. Đáp ứng điều kiện về an toàn sinh học, bảo vệ môi trường

Yêu cầu: Khu nuôi khảo nghiệm có biện pháp ngăn cách với các khu sản xuất giống, nuôi trồng thủy sản thương phẩm khác. Không để sản phẩm, bao bì của sản phẩm khảo nghiệm gây ô nhiễm môi trường.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trường, kiểm tra hồ sơ

4. Điều kiện khác theo yêu cầu nêu trong đề cương khảo nghiệm

Yêu cầu: Ngoài các quy định tại mục 1, 2 và 3 nêu trên, nếu đề cương khảo nghiệm có yêu cầu khác, cơ sở phải đáp ứng theo đề cương khảo nghiệm.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trường, kiểm tra hồ sơ.

CƠ QUAN CẤP TRÊN
CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-.....

....., ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt đề cương khảo nghiệm thức ăn thủy sản,
sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản**

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số... ngày... tháng... năm... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Xét đơn đăng ký khảo nghiệm của(đơn vị đề nghị nhập khẩu);

Theo đề nghị của ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề cương khảo nghiệm thức ăn thủy sản/sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản, cụ thể: sản phẩm của Công ty đăng ký (Đề cương khảo nghiệm kèm theo).

Điều 2. Cơ sở khảo nghiệm và Công ty thực hiện khảo nghiệm theo đề cương đã được (Tên cơ quan cấp phép) phê duyệt.

Điều 3. Công ty ... được phép sản xuất, nhập khẩu đủ số lượng sản phẩm theo đề cương khảo nghiệm đã được phê duyệt, cụ thể: tấn (lít).

Điều 4. ... và Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để p/h);
- Tên tổ chức, cá nhân đề nghị khảo nghiệm;
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

CƠ QUAN CẤP TRÊN
CƠ QUAN CÔNG NHẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-....

....., ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận thức ăn thủy sản/
sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đã khảo nghiệm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÔNG NHẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số... ngày... tháng... năm... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Theo đề nghị của ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận sản phẩm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản có tên tại danh sách kèm theo là thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đã khảo nghiệm và được phép sử dụng trong nuôi trồng thủy sản.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. ...và Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để p/h);
- Tên tổ chức, cá nhân đề nghị khảo nghiệm;
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN
NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Kính gửi: (Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh).

1. Tên tổ chức/cá nhân nuôi trồng thủy sản:

2. Địa chỉ trụ sở (nếu có):.....;

Điện thoại.....; Email.....

3. Địa điểm nuôi trồng thủy sản:

4. Đối tượng thủy sản nuôi trồng (*bao gồm tên tiếng Việt và tên khoa học*):

5. Số lượng ao/bể/lồng:

6. Tổng diện tích của cơ sở:

7. Tổng diện tích mặt nước (m^2 /hecta)/thể tích lồng bè/bể nuôi trồng (m^3):...

Đề nghị: ... (Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh) cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
*(Chữ ký hoặc chữ ký số của cá nhân/
 chữ ký hoặc chữ ký số của người có
 thẩm quyền và dấu của tổ chức)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH
Điều kiện cơ sở nuôi trồng thủy sản

1. Thông tin chung về cơ sở nuôi trồng thủy sản:

- Tên cơ sở:
- Tên chủ cơ sở:
- Địa chỉ cơ sở:
- Số điện thoại: Email:
- Số Giấy đăng ký kinh doanh/số Giấy phép đầu tư/số Quyết định thành lập (nếu có): Cơ quan cấp: Ngày cấp:
- Mã số cơ sở nuôi (nếu có):
- Địa chỉ nơi nuôi trồng thủy sản:
- Đối tượng thủy sản nuôi trồng (bao gồm tên tiếng Việt và tên khoa học: ...
.....)
- Số lượng ao/bể/lồng/bè:
- Tổng diện tích của khu nuôi (hoặc tổng thể tích lồng/bể):
- Tổng diện tích mặt nước (m²/hecta)/thể tích lồng bè/bể nuôi trồng (m³):
- Hình thức nuôi (Ao đất/bể xi măng/lồng bè/vùng nuôi biển công nghiệp/nuôi tuần hoàn/bể kính, bể cảnh, v.v.):
- Công suất thiết kế (ước tính sản lượng/năm):
- Thời điểm bắt đầu hoạt động:

2. Điều kiện về địa điểm và cơ sở vật chất:

a) Địa điểm nuôi:

- Vị trí địa lý: Mô tả vị trí (gần sông, biển, khu dân cư, khu công nghiệp, trung tâm thương mại, tòa nhà...).
- Khoảng cách an toàn:
 - + Khoảng cách từ cơ sở đến khu vực có nguy cơ ô nhiễm (nhà máy, bãi rác...): ... m
 - + Khoảng cách từ cơ sở đến khu vực bảo tồn: ... m
- Phù hợp quy hoạch nuôi trồng thủy sản của địa phương không?

☐ Có
☐ Không

(Nếu không thuộc quy hoạch, nêu rõ hình thức được phép hoạt động như bể cảnh, bể giải trí trong công trình xây dựng.)

b) Thiết kế và kết cấu hệ thống nuôi (ao/lồng/bè/bể)

- Số lượng ao/lồng/bè/bể: ...

- Kích thước trung bình (chiều dài x chiều rộng x chiều sâu/cao) : ...

- Vật liệu và kết cấu: (Ví dụ: Bờ ao đắp đất, lót bạt HDPE, lồng bè bằng lưới và khung thép/gỗ; bể xi măng; bể kính...)

- Bố trí hệ thống nuôi:

+ Ao lắng/ao xử lý: ☐ Có

☐ Không

+ Cống cấp - thoát nước: ☐ Chung

☐ Độc lập

+ Kho chứa vật tư, kho thức ăn: ☐ Có

☐ Không

c) Hệ thống cấp và thoát nước

- Nguồn nước cấp: (Nước sông/biển/giếng khoan/hồ chứa; đối với bể cảnh: hệ thống cấp nước sinh hoạt hoặc nước xử lý tuần hoàn).

- Cơ chế cấp nước: (Ví dụ: máy bơm/van điều tiết/hệ thống toàn hoàn.)

- Thoát nước và xử lý nước thải:

+ Mô tả quy trình thu gom và xử lý

+ Xả trực tiếp nước thải chưa xử lý ra môi trường: ☐ Có ☐ Không

+ Đối với cơ sở, bể cảnh/bể giải trí: mô tả hệ thống lọc nước, tách rác, UB, vi sinh...

-

d) Điều kiện vệ sinh

- Khu vực vệ sinh, thay đồ bảo hộ: ☐ Có

☐ Không

- Khu vực chứa rác, xác động vật, chất thải rắn và biện pháp xử lý.

- Biện pháp phòng ngừa lây nhiễm chéo (khử trùng dụng cụ, xử lý nước vào/ra...)

3. Điều kiện về chất lượng nước (nếu có)

a) Đánh giá chất lượng nước

- Kết quả phân tích nước (Đính kèm): Nêu tóm tắt lần phân tích gần nhất (Thời gian, cơ quan phân tích).

- Cam kết: Đảm bảo chất lượng nước phù hợp với đối tượng nuôi và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.

- Biện pháp kiểm soát: theo dõi pH, DO, nhiệt độ, độ mặn; sử dụng chế phẩm sinh học; thay nước; vệ sinh hệ thống lọc...

b) Kiểm soát ô nhiễm

- Biện pháp xử lý chất thải bùn, thay nước, vệ sinh đáy ao/bể.

- Quản lý thức ăn dư thừa: (Ví dụ: Quản lý thức ăn theo sổ nhật ký, sử dụng sàng ăn...).

4. Cơ sở vật chất phụ trợ và trang thiết bị:

a) Khu vực bảo quản vật tư, thiết bị (nếu có)

- Diện tích kho chứa.

- Điều kiện bảo quản: thức ăn, thuốc thú y thủy sản, hóa chất để riêng; khô ráo, không ẩm mốc; có giá kệ, nhãn nhận diện.

b) Trang thiết bị phục vụ nuôi trồng (nếu có)

Tên thiết bị	Số lượng	Tình trạng	Mục đích sử dụng
Máy quạt nước/Sục khí	...	☐ Tốt ☐ Trung bình	Cung cấp oxy
Máy bơm nước	...	☐ Tốt ☐ Trung bình	Cấp/Thoát nước
Bộ dụng cụ đo (pH, DO,...)	...	☐ Tốt ☐ Trung bình	Theo dõi môi trường
Thiết bị cảnh báo cho hoạt động giao thông thủy	...	☐ Tốt ☐ Trung bình	đảm bảo an toàn
Máy phát điện hoặc thiết bị khác	...	☐ Tốt ☐ Trung bình	Dự phòng/Khác

5. Danh mục tài liệu gửi kèm theo thuyết minh gồm:

- Sơ đồ khu vực nuôi hoặc vị trí đặt lồng/bè/bể.
- Giấy xác nhận nuôi đối tượng thủy sản chủ lực (áp dụng với đối tượng phải đăng ký)/Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè (đối với nuôi trồng thủy sản lồng, bè).
- Tài liệu chứng minh nguồn gốc loài thủy sản (đối với loài thủy sản thuộc Phụ lục CITES và loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm).
- Quyết định giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản (đối với nuôi trồng thủy sản trên biển).
- Giấy tờ về địa điểm phù hợp với từng loại hình (giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc giấy đăng ký kinh doanh/giấy xác nhận địa điểm đối với bể cảnh trong công trình).
- Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

(Hồ sơ minh chứng được cung cấp khi Đoàn đánh giá kiểm tra tại cơ sở)

....., ngày tháng năm

CHỦ CƠ SỞ

(Chữ ký hoặc chữ ký số của cá nhân/
chữ ký hoặc chữ ký số của người có
thẩm quyền và dấu của tổ chức)

CƠ QUAN CẤP TRÊN
CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày tháng năm....

BIÊN BẢN

Kiểm tra điều kiện cơ sở nuôi trồng thủy sản
Số:...../BB-ĐKNTTS

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Căn cứ kiểm tra, ngày kiểm tra:

2. Thành phần Đoàn kiểm tra:

- Ông/bà: Chức vụ:

- Ông/bà: Chức vụ:

3. Thông tin cơ sở kiểm tra:

- Tên tổ chức, cá nhân:

- Địa chỉ:

- Số điện thoại:..... Email:

- Số Giấy đăng ký kinh doanh/số Giấy phép đầu tư/số Quyết định thành lập
(nếu có): Cơ quan cấp: Ngày cấp:

- Đại diện của cơ sở: Chức vụ:

- Mã số cơ sở (nếu có):

4. Địa điểm kiểm tra:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:..... Email:

5. Đối tượng nuôi (nêu cụ thể từng loài thủy sản nuôi; diện tích/thể tích lồng
nuôi; hình thức nuôi):

II. NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Áp dụng đối với kiểm tra điều kiện cơ sở nuôi trồng thủy sản trong
ao (đầm/hàm), bể:

TT	Chỉ tiêu kiểm tra	Kết quả kiểm tra		Diễn giải kết quả kiểm tra; hành động và thời gian khắc phục lỗi
		Đạt	Không đạt	
1	Địa điểm của cơ sở nuôi trồng thủy sản			

TT	Chỉ tiêu kiểm tra	Kết quả kiểm tra		Diễn giải kết quả kiểm tra; hành động và thời gian khắc phục lỗi
		Đạt	Không đạt	
2	Đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường			
3	Đáp ứng quy định của pháp luật về thú y			
4	Đáp ứng quy định của pháp luật về an toàn lao động			
5	Đáp ứng quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm (không áp dụng đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản dùng làm cảnh, mỹ nghệ, giải trí)			
6	Trang thiết bị, dụng cụ sử dụng trong nuôi trồng thủy sản			
7	Bờ ao (đầm/hàm), bể			
8	Khu chứa trang thiết bị, dụng cụ, nguyên vật liệu (áp dụng đối với cơ sở có khu chứa trang thiết bị, dụng cụ, nguyên vật liệu)			
9	Nơi chứa chất thải; nơi chứa, xử lý thủy sản chết			
10	Khu sinh hoạt, vệ sinh của cơ sở			
11	Hệ thống xử lý nước cấp, nước thải (áp dụng đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản thâm canh, bán thâm canh)			
12	Nơi chứa bùn thải (áp dụng đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản thâm canh, bán thâm canh)			
13	Giấy xác nhận nuôi đối tượng thủy sản chủ lực (áp dụng với đối tượng phải đăng ký)			
14	Tài liệu chứng minh nguồn gốc hợp pháp (đối với loài thủy sản thuộc Phụ lục CITES, loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm)			
Số chỉ tiêu đánh giá thực tế				
Số chỉ tiêu đạt/không đạt				

2. Áp dụng đối với kiểm tra điều kiện cơ sở nuôi trồng thủy sản bằng lồng bè, đăng quang:

TT	Chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá		Diễn giải kết quả kiểm tra; hành động khắc phục lỗi
		Đạt	Không đạt	
1	Địa điểm của cơ sở nuôi trồng thủy sản			
2	Đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường			
3	Đáp ứng quy định của pháp luật về thú y			
4	Đáp ứng quy định của pháp luật về an toàn lao động			
5	Đáp ứng quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm (không áp dụng đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản làm cảnh, mỹ nghệ, giải trí)			
6	Trang thiết bị, dụng cụ sử dụng trong nuôi trồng thủy sản			
7	Khung lồng, phao, lưới, đăng quang, giá thể			
8	Thiết bị cảnh báo cho hoạt động giao thông thủy			
9	Khu chứa trang thiết bị, dụng cụ, nguyên vật liệu (áp dụng đối với cơ sở có khu chứa trang thiết bị, dụng cụ, nguyên vật liệu)			
10	Nơi chứa chất thải; nơi chứa, xử lý thủy sản chết			
11	Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè			
12	Quyết định giao khu vực biển (áp dụng đối với trường hợp phải giao khu vực biển).			
13	Tài liệu chứng minh nguồn gốc hợp pháp (đối với loài thủy sản thuộc Phụ lục CITES, loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm)			
Số chỉ tiêu đánh giá thực tế				
Số chỉ tiêu đạt/không đạt				

III. LẤY MẪU (*nếu cần*):

1. Thông tin về mẫu lấy (loại mẫu, số lượng mẫu, tình trạng bao gói, bảo quản mẫu,...)

2. Chỉ định chỉ tiêu phân tích (Biên bản lấy mẫu kèm theo):

IV. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA (*nội dung cần khắc phục, thời gian khắc phục, báo cáo khắc phục*):

.....

.....

V. Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

.....

.....

..., ngày ... tháng ... năm

CHỦ CƠ SỞ ĐƯỢC KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

..., ngày ... tháng ... năm

TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

A. NGUYÊN TẮC KIỂM TRA

1. Ghi biên bản kiểm tra

- Ghi đầy đủ thông tin theo quy định trong mẫu biên bản.
- Thăm tra, đánh giá và ghi thông tin chính xác. Nếu chỉnh sửa nội dung đã ghi trong Biên bản, phải có chữ ký xác nhận của Trưởng đoàn kiểm tra.

2. Nguyên tắc đánh giá

- Không được bỏ sung hoặc bỏ bớt nội dung, chỉ tiêu đánh giá. Nếu chỉ tiêu nào không đánh giá thì ghi rõ “Không đánh giá” và nêu rõ lý do.
- Kết quả đánh giá của chỉ tiêu là “Đạt” hoặc “Không đạt”.
- Dùng ký hiệu X hoặc ✓ đánh dấu vào ô “Đạt” hoặc “Không đạt” đối với mỗi chỉ tiêu.
- Phải diễn giải chi tiết chỉ tiêu đạt và không đạt; mỗi chỉ tiêu không đạt phải ghi cụ thể lỗi và xác định thời hạn cơ sở phải khắc phục lỗi đó; mỗi chỉ tiêu đạt phải nêu rõ nội dung, bằng chứng đạt yêu cầu.
- Ngôn ngữ sử dụng trong tài liệu phục vụ kiểm tra, đánh giá phải thể hiện bằng tiếng Việt.

B. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA

I. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TRONG AO (ĐÀM/HÀM), BỂ

1. Địa điểm của cơ sở nuôi trồng thủy sản

Yêu cầu: Có văn bản chứng minh địa điểm của cơ sở nuôi trồng thủy sản đáp ứng quy định của pháp luật về sử dụng đất/mặt nước để nuôi trồng thủy sản (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi được giao để nuôi trồng thủy sản; hoặc hợp đồng thuê quyền sử dụng đất/địa điểm/mặt nước để nuôi trồng thủy sản; hoặc quy hoạch hoặc kế hoạch hoặc đề án hoặc chương trình/dự án về phát triển nuôi trồng thủy sản tại địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hoặc văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền).

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại cơ sở hoặc tại cơ quan có thẩm quyền.

2. Đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

Yêu cầu: Cơ sở nuôi trồng thủy sản thực hiện kiểm tra, giám sát và ghi chép thông số môi trường ao nuôi; thu gom và xử lý chất thải, thủy sản chết theo quy định; có giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại cơ sở và kiểm tra thực tế hoạt động sản xuất.

3. Đáp ứng quy định của pháp luật về thú y

Yêu cầu: Xây dựng và triển khai kế hoạch phòng chống dịch bệnh theo hướng dẫn của cơ quan thú y.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại cơ sở và kiểm tra thực tế hoạt động sản xuất.

4. Đáp ứng quy định của pháp luật về an toàn lao động

Yêu cầu: Người làm việc tại cơ sở được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động theo quy định.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại cơ sở và kiểm tra thực tế tại cơ sở.

5. Đáp ứng quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm

Yêu cầu: Có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc Bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn theo quy định và được kiểm tra việc thực hiện cam kết.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại cơ sở; kiểm tra thực tế tại cơ sở (nếu cần).

6. Trang thiết bị, dụng cụ sử dụng trong nuôi trồng thủy sản

Yêu cầu: Sử dụng vật liệu dễ vệ sinh, không gây độc đối với thủy sản nuôi, không gây ô nhiễm môi trường.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra thực tế tại cơ sở.

7. Bờ ao (đầm/hầm), bể

Yêu cầu: Làm bằng vật liệu không gây ô nhiễm môi trường, không gây độc hại cho thủy sản nuôi, không rò rỉ nước.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra thực tế tại cơ sở.

8. Khu chứa trang thiết bị, dụng cụ, nguyên vật liệu (áp dụng đối với cơ sở có khu chứa trang thiết bị, dụng cụ, nguyên vật liệu)

Yêu cầu: Bảo đảm yêu cầu bảo quản của nhà sản xuất, nhà cung cấp.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra thực tế tại cơ sở.

9. Nơi chứa chất thải; nơi chứa, xử lý thủy sản chết

Yêu cầu: Nơi chứa chất thải phải riêng biệt với nơi chứa, nơi xử lý thủy sản chết và tách biệt với khu vực nuôi, không làm ảnh hưởng đến môi trường.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra thực tế tại cơ sở.

10. Khu sinh hoạt, vệ sinh của cơ sở

Yêu cầu: Nước thải, chất thải từ khu sinh hoạt, vệ sinh không làm ảnh hưởng đến khu vực nuôi.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra thực tế tại cơ sở.

11. Hệ thống xử lý nước cấp, nước thải (áp dụng đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản thâm canh, bán thâm canh)

Yêu cầu: Có hệ thống xử lý nước cấp, nước thải riêng biệt.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra thực tế tại cơ sở.

12. Nơi chứa bùn thải (áp dụng đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản thâm canh, bán thâm canh)

Yêu cầu: Nơi chứa bùn thải phù hợp và không làm ảnh hưởng đến môi trường.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra thực tế tại cơ sở.

13. Giấy xác nhận nuôi đối tượng thủy sản chủ lực (áp dụng với đối tượng phải đăng ký).

Yêu cầu: Có Giấy xác nhận nuôi đối tượng thủy sản chủ lực.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại cơ sở hoặc tại cơ quan có thẩm quyền.

14. Tài liệu chứng minh nguồn gốc hợp pháp (đối với loài thủy sản thuộc Phụ lục CITES, loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm).

Yêu cầu: Có tài liệu chứng minh nguồn gốc loài thủy sản (đối với loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm).

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại cơ sở hoặc tại cơ quan có thẩm quyền.

II. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN BẰNG LỒNG BÈ, ĐĂNG QUÀNG

1. Địa điểm của cơ sở nuôi trồng thủy sản

Yêu cầu: Có văn bản chứng minh địa điểm của cơ sở nuôi trồng thủy sản đáp ứng quy định của pháp luật về sử dụng đất/khu vực biển để nuôi trồng thủy sản (Quyết định giao khu vực biển hoặc Quyết định công nhận khu vực biển hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng khu vực biển hoặc hợp đồng thuê quyền sử dụng khu vực biển để nuôi trồng thủy sản hoặc Quy hoạch hoặc Kế hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản tại địa phương hoặc văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền).

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại cơ sở hoặc tại cơ quan có thẩm quyền.

2. Đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

Yêu cầu: Cơ sở nuôi trồng thủy sản thực hiện kiểm tra, giám sát và ghi chép thông số môi trường ao nuôi; thu gom và xử lý chất thải, thủy sản chết theo quy định; có giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại cơ sở và kiểm tra thực tế hoạt động sản xuất.

3. Đáp ứng quy định của pháp luật về thú y

Yêu cầu: Xây dựng và triển khai kế hoạch phòng chống dịch bệnh theo hướng dẫn của cơ quan thú y.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại cơ sở và kiểm tra thực tế hoạt động sản xuất.

4. Đáp ứng quy định của pháp luật về an toàn lao động

Yêu cầu: Người làm việc tại cơ sở được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động theo quy định.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ lưu trữ và kiểm tra thực tế tại cơ sở.

5. Đáp ứng quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm

Yêu cầu: Có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc Bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn theo quy định.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại cơ sở; kiểm tra thực tế tại cơ sở (nếu cần).

6. Trang thiết bị, dụng cụ sử dụng trong nuôi trồng thủy sản

Yêu cầu: sử dụng vật liệu dễ làm vệ sinh, không gây độc đối với thủy sản nuôi, không gây ô nhiễm môi trường.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra thực tế tại cơ sở.

7. Khung lồng, phao, lưới, đăng quảng, giá thể

Yêu cầu: Làm bằng vật liệu không gây ô nhiễm môi trường, không gây độc hại cho thủy sản nuôi và không để thủy sản nuôi thoát ra môi trường.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra thực tế tại cơ sở.

8. Thiết bị cảnh báo cho hoạt động giao thông thủy

Yêu cầu: Có thiết bị cảnh báo cho hoạt động giao thông thủy (như: phao tiêu hoặc đèn tín hiệu hoặc biển cảnh báo...)

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra thực tế tại cơ sở.

9. Khu chứa trang thiết bị, dụng cụ, nguyên vật liệu (áp dụng đối với cơ sở có khu chứa trang thiết bị, dụng cụ, nguyên vật liệu).

Yêu cầu: Bảo đảm yêu cầu bảo quản của nhà sản xuất, nhà cung cấp.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra thực tế tại cơ sở.

10. Nơi chứa chất thải; nơi chứa, xử lý thủy sản chết

Yêu cầu: Nơi chứa chất thải phải riêng biệt với nơi chứa, xử lý thủy sản chết, không làm ảnh hưởng đến môi trường.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra thực tế tại cơ sở.

11. Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè.

Yêu cầu: Có Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại cơ sở hoặc tại cơ quan có thẩm quyền.

12. Quyết định giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản (áp dụng với trường hợp nuôi trồng thủy sản trên biển)

Yêu cầu: Có Quyết định giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản do cơ quan thẩm quyền cấp.

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại cơ sở hoặc tại cơ quan có thẩm quyền.

13. Tài liệu chứng minh nguồn gốc hợp pháp (đối với loài thủy sản thuộc Phụ lục CITES, loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm).

Yêu cầu: Có tài liệu chứng minh nguồn gốc loài thủy sản (đối với loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm).

Phương pháp kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại cơ sở hoặc tại cơ quan có thẩm quyền.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom – Happiness**

**GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
..... (tên Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh cấp)
CERTIFICATE OF ELIGIBLE AQUACULTURE FACILITY
..... (Provincial fisheries authority issuing this certificate)**

1. Tên tổ chức/cá nhân/*Name of organization/individual*:
 2. Địa chỉ của cơ sở/*Address of the facility*:
 3. Điện thoại/*Telephone*.....; Email/*Email*.....
 4. Địa điểm nuôi/*Farming location*:
- Đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản/*Eligible for aquaculture farming*:
1. Đối tượng thủy sản nuôi trồng/*Aquaculture species farmed*:
 2. Số lượng ao (đầm/hầm)/bể/lồng/*Number of ponds/tanks/cages*:
 3. Tổng diện tích cơ sở/*Total facility area*:
 4. Diện tích mặt nước nuôi/*Aquaculture water surface area*:
- Số cấp: AA/20.../BB/CN-NTTS/*Issuance No.: AA/20.../BB/CN-NTTS*:
Có hiệu lực đến ngày ... tháng ... năm .../*Valid until: .../.../...*

....., ngày ... tháng ... năm ...
....., *date ... month ... year ...*
(Chữ ký/chữ ký số của Thủ trưởng,
đóng dấu của cơ quan cấp)
*Signature / Digital signature of the
Head of the issuing authority*

AA: Số thứ tự của cơ sở được kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện.
BB: của đơn vị hành chính cấp tỉnh.

Mẫu số 24.NT

CƠ QUAN CẤP TRÊN
CƠ QUAN CẤP GIẤYCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-.....

....., ngày tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản****THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH CẤP.....***Căn cứ Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của*;*Căn cứ Nghị định số/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;**Căn cứ ...**Theo đề nghị của***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản số AA/20.../BB/CN-NTTS, cụ thể:

1. Tên tổ chức, cá nhân:.....
2. Địa chỉ cơ sở:
3. Địa điểm nuôi:
4. Số điện thoại: Email.....
5. Lý do thu hồi

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.**Điều 3.**; Thủ trưởng các đơn vị liên quan; tổ chức/cá nhân ... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.*Nơi nhận:**- Như Điều 3;**-*;*- Lưu: VT,***THỦ TRƯỞNG***(Chữ ký/chữ ký số, đóng dấu của cơ quan cấp)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY XÁC NHẬN
NUÔI TRỒNG THỦY SẢN LỒNG BÈ/ĐỐI TƯỢNG
THỦY SẢN NUÔI CHỦ LỰC

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận).

1. Tên tổ chức/cá nhân:
2. Địa chỉ của cơ sở:
3. Điện thoại..... ; Email.....
4. Tổng diện tích của cơ sở (ha):
5. Diện tích/thể tích nuôi trồng thủy sản (ha/m³):
6. Hình thức nuôi¹:.....

Đề nghị(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận) xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè/đối tượng thủy sản nuôi chủ lực/nuôi trồng thủy sản cho cơ sở theo thông tin sau:

TT	Ao/bể/ lồng nuôi ²	Đối tượng thủy sản nuôi ³	Địa chỉ ao/bể/ lồng nuôi ⁴	Diện tích, thể tích ao/bể/lồng nuôi (m ² /m ³)
1				
2				
3				
...				

Tôi cam kết thực hiện đúng các quy định hiện hành của pháp luật về nuôi trồng thủy sản và pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: cơ sở.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

(Chữ ký hoặc chữ ký số của cá nhân/
 chữ ký hoặc chữ ký số của người có
 thẩm quyền và dấu của tổ chức)

¹ Hình thức: Thâm canh/Bán thâm canh/Khác (ghi rõ hình thức nuôi).

² Ghi rõ vị trí, địa điểm ao/bể nuôi đối tượng chủ lực/lồng nuôi theo sơ đồ khu nuôi.

³ Ghi rõ tên loài bằng tiếng Việt và tên khoa học.

⁴ Ghi cụ thể đến ấp/thôn, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY XÁC NHẬN
NUÔI TRỒNG THỦY SẢN LỒNG BÈ/ĐỐI TƯỢNG
THỦY SẢN NUÔI CHỦ LỰC

Kính gửi: Tên cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận.

1. Tên tổ chức, cá nhân:
2. Mã số doanh nghiệp:
3. Địa chỉ của cơ sở:
4. Điện thoại.....; Số Email
5. Đối tượng thủy sản nuôi:
6. Tổng diện tích của cơ sở (ha):
7. Tổng diện tích/thể tích nuôi (ha/m³):
8. Hình thức nuôi^(*):
9. Lý do đề nghị xác nhận lại:

a) Bị mất, rách: ☐

b) Thay đổi, bổ sung chủ cơ sở nuôi; diện tích ao nuôi; đối tượng nuôi; mục đích sử dụng: ☐ (Điền thông tin theo bảng ở dưới).

c) Di chuyển địa điểm nuôi từ địa phương này sang địa phương khác ☐

Đề nghị (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận)
 xác nhận lại nuôi trồng thủy sản lồng bè/đối tượng thủy sản nuôi
 chủ lực/nuôi trồng thủy sản theo thông tin sau:

TT	Mã số nhận diện ao/bể nuôi đã được cấp	Địa chỉ ao/bể nuôi ^(**)	Thay đổi đối tượng nuôi		Thay đổi mục đích sử dụng		Thay đổi diện tích ao nuôi (m ²)		Thay đổi chủ cơ sở	
			Cũ	Mới	Cũ	Mới	Cũ	Mới	Cũ	Mới
1										
...										

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về các thông tin đã kê khai./.

CHỦ CƠ SỞ

(Chữ ký hoặc chữ ký số của cá nhân/chữ ký hoặc chữ ký số
 của người có thẩm quyền và dấu của tổ chức)

^(*) Hình thức: Thâm canh/Bán thâm canh/Khác (ghi rõ hình thức nuôi).

^(**) Ghi cụ thể đến ấp, thôn, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố.

Mẫu số 27.NT

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN (nếu có)
TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
(bao gồm cả tên tiếng Việt và tiếng Anh)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

....., ngày..... tháng..... năm.....
....., date ... month ... year ...

GIẤY XÁC NHẬN/CERTIFICATE

nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực/
for cage aquaculture, key aquaculture species

(Lần:, ngày ... tháng ... năm .../Edition: ..., dated ... day ... month ... year ...)

Số:/20.../No:/20...

1. Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual:
2. Mã số doanh nghiệp/Citizen ID/Business Registration No:
3. Địa chỉ cơ sở/Facility address:
4. Số điện thoại/Telephone:
5. Email (nếu có)/Email (if any):
6. Mã số cơ sở nuôi (AA-Mã số cơ quan cấp-BBBBBB-C-DDDD) có mã số nhận diện từng ao/bể/lồng nuôi.

Facility code (AA-Issuing authority code-BBBBBB-C-DDDD) with individual IDs for each pond/tank/cage:

TT No.	Mã số nhận diện ao/bể/lồng nuôi ⁽¹⁾ Pond/Tank/Cage ID	Ao/bể/lồng nuôi ⁽²⁾ Pond/Tank/Cage	Diện tích ao/bể/ lồng nuôi (m ²) Area of pond /tank/cage (m ²)	Địa chỉ ao/bể/ lồng nuôi ⁽³⁾ Address of pond/tank/cage
1	AA-Mã số cơ quan cấp- BBBBBB-C-DDDD-EEE			

(Giấy xác nhận này thay thế Giấy xác nhận số cấp ngày tháng năm)⁽⁴⁾

(This Certificate replaces the Certificate No. issued on ... day ... month ... year ...)⁽⁴⁾

....., ngày..... tháng..... năm.....
....., date month year

TRƯỞNG CƠ QUAN
CẤP GIẤY XÁC NHẬN/ HEAD OF THE
CERTIFICATE-ISSUING AUTHORITY

(Chữ ký/chữ ký số, đóng dấu của cơ quan cấp)/ Signature /
Digital signature of the Head of the issuing authority

Ghi chú:

- (1): Mã số ao/bể/lồng nuôi được cấp cho cơ sở theo từng ao/bể/lồng nuôi.
 (2): Ghi rõ ký hiệu hoặc tên ao/bể/lồng nuôi theo sơ đồ mặt bằng vị trí ao/bể/lồng nuôi.
 (3): Ghi cụ thể đến ấp, thôn, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố.
 (4): Ghi trong trường hợp Giấy xác nhận được cấp lại.

Mã số nhận diện ao/bể/lồng nuôi có cấu trúc: AA-Mã số cơ quan cấp-BBBBBB-C-DDDD-EEE

Trong đó:

Thành phần	Giải thích	Độ dài	Ghi chú
AA	Mã số hành chính cấp tỉnh/Mã định danh điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2 ký tự	Theo Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam (Ví dụ: 01 - Thành phố Hà Nội; 96 - Tỉnh Cà Mau) Mã định danh điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường là G10
Mã số cơ quan cấp	Mã số hành chính cấp xã - áp dụng trong trường hợp UBND cấp xã cấp Giấy xác nhận	5 ký tự	Theo Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam (Ví dụ: 09661 - xã Minh Châu, Thành phố Hà Nội)
	Mã số Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh (mã định danh điện tử) - áp dụng trong trường hợp Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh Giấy xác nhận		Theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố. Ví dụ: Chi cục Biển, Hải đảo và Thủy sản, Kiểm ngư tỉnh Quảng Ninh có mã số là H49.22.4
BBBBBB	Số thứ tự cơ sở nuôi	6 ký tự	Đánh số từ 000001 đến 999999, theo thứ tự đăng ký của từng xã
C	Phương thức nuôi	1 ký tự	0: Lồng bè; 1: Ao; 2: Bể
DDDD	Mã số đối tượng nuôi	4 ký tự	Theo Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam (Phụ lục của Nghị định/Thông tư liên quan). Mã gộp: ký tự nhóm + số thứ tự đối tượng (VD: I284)
EEE	Số thứ tự ao/bể/lồng	3 ký tự	Đánh số từ 001-999 trong cùng cơ sở

Ví dụ: Ủy ban nhân dân phường Châu Đốc, tỉnh An Giang cấp mã số nhận diện cho cá tra (số thứ tự 284 mục I) nuôi trong ao cho cơ sở nuôi có 03 ao và có số thứ tự là 000001, mã số nhận diện các ao là:

- Ao số 1: 91-30316-000001-1-I284-001;
- Ao số 2: 91-30316-000001-1-I284-002;
- Ao số 3: 91-30316-000001-1-I284-003.

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN (nếu có)
TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

....., ngày..... tháng..... năm...../.....,
date ... month ... year ...

QUYẾT ĐỊNH/DECISION

Về việc thu hồi Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè,
đối tượng thủy sản nuôi chủ lực/ *On the Revocation of the Certificate of cage
aquaculture, key aquaculture species*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

*Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung
bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và
môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;/ Pursuant to the Law on Fisheries dated
November 21, 2017, as amended and supplemented by the Law on Amendments
to certain articles of 15 laws in the fields of agriculture and environment dated
December 11, 2025;*

Căn cứ Nghị định /Pursuant to Decree

Theo đề nghị của ... /Upon the request of...

QUYẾT ĐỊNH/DECIDES:

Điều 1. Thu hồi Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy
sản nuôi chủ lực (gọi tắt là Giấy xác nhận) số ngày ... tháng ... năm... đã
cấp cho...../ *Article 1. To revoke the Certificate of cage aquaculture, key
aquaculture species (hereinafter referred to as the "Certificate") No. dated
.../.../... issued to*

Lý do thu hồi/Reason for revocation:

Điều 2. Giao phối hợp với các đơn vị liên quan thông
báo cho tổ chức/cá nhân nuôi trồng thủy sản có tên trong Giấy xác nhận ở trên
nộp lại Giấy xác nhận/ *Article 2. The Division shall coordinate
with relevant units to notify the aquaculture organization/individual named in the
above-mentioned Certificate to return the Certificate.*

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Giấy xác nhận số
...../20... cấp ngày .../.../... hết giá trị kể từ ngày Quyết định này có hiệu
lực/ *Article 3. This Decision shall take effect from the date of signing. Certificate
No. /20... issued on .../.../... shall cease to be valid as from the effective date
of this Decision.*

Điều 4. Trưởng đơn vị ..., các đơn vị có liên quan và tổ chức/cá nhân nuôi trồng thủy sản có tên trong Giấy xác nhận tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này/*Article 4. The Heads of ... Divisions, relevant units, and the aquaculture organization/individual named in the Certificate under Article 1 shall be responsible for the implementation of this Decision./*

Nơi nhận/Recipients:

- Như Điều 4/*As in Article;*
-;
- Lưu: VT,/*Archived: Office...*

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY
XÁC NHẬN**

(Chữ ký/chữ ký số, đóng dấu của cơ quan cấp)
*Signature / Digital signature of the Head of
the issuing authority*

TÊN CƠ SỞ
_____**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP XUẤT KHẨU LOÀI THỦY SẢN
_____Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường
(Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tên cơ sở

Địa chỉ.....

Số điện thoại:

Đề nghị được phép xuất khẩu giống thủy sản sau:

1. Tên thương mại:

2. Tên khoa học:

3. Số lượng: Khối lượng

4. Quy cách bao gói

5. Tên, địa chỉ cơ sở nhập khẩu:

6. Thời gian xuất khẩu:

7. Địa điểm xuất khẩu:

8. Mục đích xuất khẩu:

Cam kết thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, cấp phép.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ(Chữ ký hoặc chữ ký số của cá nhân/ chữ ký
hoặc chữ ký số của người có thẩm quyền và
dấu của tổ chức)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../GP-BNNMT...

Hà Nội, ngày tháng năm ...

GIẤY PHÉP XUẤT KHẨU LOÀI THỦY SẢN

Căn cứ Nghị định số .../...../NĐ-CP ngày của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ.....của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số/20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 20... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Xét đơn đăng ký xuất khẩu số ngày tháng..... năm.... của (cơ sở)và hồ sơ đăng ký xuất khẩu.

Căn cứ kết quả kiểm tra ...

Bộ Nông nghiệp và Môi trường đồng ý cấp phép xuất khẩu loài/giống thủy sản:

Tên cơ sở

Địa chỉ.....

Số điện thoại:

Được phép xuất khẩu loài/giống thủy sản:

1. Tên thương mại:

2. Tên khoa học:

3. Số lượng: Khối lượng

4. Quy cách bao gói:

5. Tên, địa chỉ cơ sở nhập khẩu:

6. Thời gian xuất khẩu:

7. Địa điểm xuất khẩu:

8. Mục đích xuất khẩu:

Giấy phép này có giá trị đến hết ngày:

Cơ sở phải thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Nơi nhận:

- Cơ sở đăng ký;
-
- Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh;
- Lưu: VT, cơ quan tham mưu trình VB.

Hà Nội, ngày.....thángnăm ...

BỘ TRƯỞNG

(Họ và tên, chữ ký và đóng dấu)



Phụ lục II

CÁC BIỂU MẪU TRONG LĨNH VỰC KHAI THÁC THỦY SẢN

(Kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP
ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

TT	Tên biểu mẫu	Ký hiệu
1.	Thông báo về việc chuyển hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản vùng khơi	Mẫu số 01.KT
2.	Phiếu khai báo thông tin lắp đặt và kích hoạt dịch vụ thiết bị giám sát hành trình tàu cá	Mẫu số 02.KT
3.	Biên bản tháo gỡ thiết bị giám sát hành trình tàu cá/thay thế kẹp chì	Mẫu số 03.KT
4.	Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác thủy sản	Mẫu số 04.KT
5.	Đơn đề nghị cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	Mẫu số 05.KT
6.	Giấy phép khai thác thủy sản	Mẫu số 06.KT
7.	Quyết định thu hồi Giấy phép khai thác thủy sản	Mẫu số 07.KT
8.	Đơn đề nghị cấp văn bản chấp thuận cho tàu cá khai thác thủy sản tại vùng biển của quốc gia, vùng lãnh thổ khác	Mẫu số 08.KT
9.	Đơn đề nghị cấp giấy phép cho tàu cá khai thác thủy sản tại vùng biển thuộc quyền quản lý của Tổ chức nghề cá khu vực	Mẫu số 09.KT
10.	Văn bản chấp thuận cho tàu cá đi khai thác thủy sản tại vùng biển của quốc gia, vùng lãnh thổ khác	Mẫu số 10.KT
11.	Giấy phép cho tàu cá đi khai thác thủy sản tại vùng biển thuộc quyền quản lý của Tổ chức nghề cá khu vực	Mẫu số 11.KT
12.	Danh sách thuyền viên và người làm việc trên tàu cá	Mẫu số 12.KT
13.	Thông báo về việc cấp giấy chấp thuận cho tàu cá khai thác thủy sản tại vùng biển của quốc gia, vùng lãnh thổ khác hoặc cấp phép cho tàu cá khai thác thủy sản tại vùng biển thuộc quyền quản lý của Tổ chức nghề cá khu vực	Mẫu số 13.KT
14.	Đơn đề nghị cấp phép hoạt động thủy sản cho tàu nước ngoài trong vùng biển Việt Nam kèm theo danh sách thuyền viên, người làm việc trên tàu cá	Mẫu số 14.KT
15.	Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động thủy sản cho tàu nước ngoài trong vùng biển Việt Nam	Mẫu số 15.KT
16.	Đơn đề nghị gia hạn giấy phép hoạt động thủy sản cho tàu nước ngoài trong vùng biển Việt Nam	Mẫu số 16.KT
17.	Giấy phép hoạt động thủy sản của tàu nước ngoài trong vùng biển Việt Nam	Mẫu số 17.KT

18.	Gia hạn giấy phép hoạt động thủy sản của tàu nước ngoài trong vùng biển Việt Nam	Mẫu số 18.KT
19.	Thông báo về việc cấp/cấp lại/gia hạn Giấy phép hoạt động thủy sản của tàu nước ngoài trong vùng biển Việt Nam	Mẫu số 19.KT
20.	Mẫu Thông báo cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước khi tàu vào cảng	Mẫu số 20.KT
21.	Thông báo về việc chấp thuận/từ chối cho tàu vào cảng/chấp thuận/từ chối cho tàu sử dụng dịch vụ cảng theo PSMA	Mẫu số 21.KT
22.	Mẫu khai báo thủy sản, sản phẩm thủy sản nhập khẩu từ các tàu công ten nơ vào Việt Nam để thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản không vi phạm quy định về khai thác bất hợp pháp	Mẫu số 22.KT
23.	Thông báo kết quả thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản nhập khẩu không vi phạm quy định về khai thác bất hợp pháp	Mẫu số 23.KT
24.	Biên bản kiểm tra đối với hàng công ten nơ	Mẫu số 24.KT
25.	Biên bản kiểm tra	Mẫu số 25.KT

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CẤP TRÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /....

..., ngày ... tháng ... năm

THÔNG BÁO (*)

Về việc chuyển hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản vùng khơi

Kính gửi:(**).....

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số... ngày... tháng... năm... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Căn cứ hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản và tiêu chí phát triển nghề cá của tỉnh/thành phố:;

Xét đề nghị của ông/bà,.....(*)..... thông báo việc chuyển hạn ngạch Giấy phép khai thác thủy sản vùng khơi như sau:

1. Thông tin Giấy phép khai thác thủy sản:

Giấy phép khai thác thủy sản số:, cấp ngày ...tháng ...năm ...;

Nghề khai thác chính:

Tàu cá số đăng ký:

Chủ tàu: ông/bà

Mã định danh: (***) Loại giấy tờ: Cơ quan cấp:
ngày cấp:

Địa chỉ thường trú:

2. Địa phương tiếp nhận hạn ngạch:

Chuyển đến tỉnh/thành phố:.....

3. Thông tin bên nhận chuyển quyền sở hữu tàu cá:

Ông/bà:

Mã định danh: (***) Loại giấy tờ: Cơ quan cấp:
ngày cấp:

Địa chỉ thường trú:

4. Thông số kỹ thuật chính của tàu cá:

Kích thước chính ($L_{\max} \times B_{\max} \times D$), m: $\times$ $\times$

Vật liệu vỏ:

Tổng công suất máy chính (kW):

Nghề khai thác thủy sản:

Nơi nhận:

- ...
- Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc
Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Lưu: VT...

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN

(Ký và đóng dấu)

Ghi chú:

(*) Không áp dụng đối với trường hợp mua, bán tàu cá trong tỉnh, thành phố.

(**) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản tại địa phương có tổ chức, cá nhân nhận chuyển quyền sở hữu tàu cá.

(***) Đối với cá nhân: Số định danh cá nhân; đối với tổ chức: Ghi mã định danh điện tử của tổ chức hoặc mã số thuế hoặc số quyết định thành lập (trường hợp chưa có mã định danh điện tử hoặc mã số thuế).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm....

**PHIẾU KHAI BÁO THÔNG TIN LẮP ĐẶT VÀ KÍCH HOẠT DỊCH VỤ
 THIẾT BỊ GIÁM SÁT HÀNH TRÌNH TÀU CÁ**

Kính gửi: Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản tỉnh/thành phố...

I. THÔNG TIN TÀU CÁ

1	Số đăng ký tàu cá	
2	Nghề chính (theo Giấy phép khai thác thủy sản đã được cấp)	
3	Chiều dài lớn nhất (tại thời điểm lắp đặt thiết bị giám sát hành trình)	

II. THÔNG TIN VỀ CHỦ TÀU

1	Họ và tên	
2	Số căn cước công dân/Số căn cước/Mã số định danh cá nhân	
3	Số điện thoại di động	

III. THÔNG TIN THIẾT BỊ GIÁM SÁT HÀNH TRÌNH THỨ NHẤT

1	Đơn vị cung cấp thiết bị	
2	Mã nhận dạng	
3	Đơn vị cung cấp dịch vụ vệ tinh	
4	Thời gian kích hoạt dịch vụ (giờ, ngày, tháng)	
5	Mã số kẹp chì tại thời điểm lắp đặt	

**IV. THÔNG TIN THIẾT BỊ GIÁM SÁT HÀNH TRÌNH THỨ HAI
 (NẾU CÓ)**

1	Đơn vị cung cấp thiết bị	
2	Mã nhận dạng	
3	Đơn vị cung cấp dịch vụ vệ tinh	
4	Thời gian kích hoạt dịch vụ (giờ, ngày, tháng)	
5	Mã số kẹp chì tại thời điểm lắp đặt	

Những thông tin trên hoàn toàn sự thật, tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật đối với các thông tin đã khai báo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình tàu cá
(để lưu hồ sơ lắp đặt);
-;
- Lưu.

.....ngàytháng...năm....

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
**THÁO GỠ THIẾT BỊ GIÁM SÁT HÀNH TRÌNH TÀU CÁ/
 THAY THẾ KẸP CHÌ**

Hôm nay, vào... giờ... phút, ngày... tháng... năm

Tại...

Chúng tôi gồm:

1. Chủ tàu cá/Thuyền trưởng:

- Họ và tên:

Mã định danh: (*) Loại giấy tờ: ... Cơ quan cấp: ngày cấp:

- Số điện thoại:

2. Đại diện đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình tàu cá:

- Họ và tên:

- Chức vụ:

Mã định danh: (*) Loại giấy tờ: Cơ quan cấp: ... ngày cấp:

- Số điện thoại:

3. Đại diện cơ quan quản lý nơi tiến hành hoạt động tháo gỡ:

- Họ và tên:

- Số điện thoại:

- Tên cơ quan, chức vụ:

Tiến hành tháo gỡ thiết bị giám sát hành trình tàu cá/thay thế kẹp chì đã được lắp đặt trên tàu cá có số đăng ký:... cụ thể như sau:

1	Đơn vị cung cấp thiết bị	
2	Mã nhận dạng	
3	Đơn vị cung cấp dịch vụ vệ tinh	
4	Mã số kẹp chì đang sử dụng	
5	Lý do tháo gỡ/thay thế	
6	Tình trạng thiết bị/kẹp chì trước khi tháo gỡ/thay thế	
7	Mã số kẹp chì thay thế (nếu thay thế kẹp chì)	

Chúng tôi cam kết các nội dung nêu trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Biên bản này được lập thành 04 bản (chủ tàu/thuyền trưởng 01 bản; đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình 01 bản; cơ quan quản lý nơi tiến hành hoạt động tháo gỡ/thay thế 01 bản; cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản nơi tàu cá đăng ký 01 bản).

**Đại diện đơn vị cung cấp thiết
bị giám sát hành trình**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Đại diện cơ quan quản lý
nơi tiến hành hoạt động tháo gỡ**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ tàu/Thuyền trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: (*) Đối với cá nhân: Số định danh cá nhân; đối với tổ chức: Ghi mã định danh điện tử của tổ chức hoặc mã số thuế hoặc số quyết định thành lập (trường hợp chưa có mã định danh điện tử hoặc mã số thuế).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng.....năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC THỦY SẢN

Kính gửi: (*).....

Họ, tên chủ tàuĐiện thoại:

Mã định danh: (**) Loại giấy tờ: Cơ quan cấp: ngày cấp: ...

Nơi thường trú:

Đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản tỉnh, thành phố cấp Giấy phép khai thác thủy sản với nội dung như sau:

- Số đăng ký tàu/Số Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá:.....
- Số Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá:
- Trang thiết bị thông tin liên lạc:.....
- Loại thiết bị, mã nhận dạng thiết bị giám sát hành trình tàu cá (đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên):.....
- Nghề khai thác chính:Nghề phụ:

Tôi/chúng tôi xin cam đoan thông tin trên là đúng sự thật; sử dụng tàu để đánh bắt nguồn lợi thủy sản/hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản đúng nội dung theo Giấy phép, duy trì hoạt động liên tục của thiết bị giám sát hành trình tàu cá và chấp hành đúng các quy định của pháp luật./.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(*) Tên cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh;

(**) Đối với cá nhân: Số định danh cá nhân; đối với tổ chức: Ghi mã định danh điện tử của tổ chức hoặc mã số thuế hoặc số quyết định thành lập (trường hợp chưa có mã định danh điện tử hoặc mã số thuế).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC THỦY SẢN

Kính gửi: (*).....

Tên chủ tàu:.....Điện thoại:.....

Nơi thường trú:

Mã định danh: (**) Loại giấy tờ: Cơ quan cấp: ngày cấp:

Tôi đã được cấp Giấy phép khai thác thủy sản số:...../20.../AA-GPKTTS; cấp ngày. tháng năm; hết thời hạn ngày tháng năm

Đề nghị cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản với lý do (nêu rõ lý do đề nghị cấp lại và gửi kèm theo các giấy tờ chứng minh sự thay đổi thông tin):

☐ Giấy phép bị mất.

☐ Giấy phép bị hư hỏng.

☐ Thay đổi thông tin của tổ chức, cá nhân trong giấy phép; cảng cá đăng ký.

☐ Giấy phép hết hạn.

Đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản để tôi tiếp tục hoạt động khai thác thủy sản.

Tôi/chúng tôi cam đoan thông tin trên là đúng sự thật; tàu cá không thuộc danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp do Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố và sử dụng tàu hoạt động khai thác thủy sản đúng nội dung được ghi trong giấy phép và chấp hành đúng các quy định của pháp luật./.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(*) Tên cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh;

(**) Đối với cá nhân: Số định danh cá nhân; đối với tổ chức: Ghi mã định danh điện tử của tổ chức hoặc mã số thuế hoặc số quyết định thành lập (trường hợp chưa có mã định danh điện tử hoặc mã số thuế).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



**GIẤY PHÉP
KHAI THÁC THỦY SẢN**

Số:/20.../AA(*)-GPKTTS

Tên tàu (nếu có):

Số đăng ký:

Mặt trước của giấy phép

**CƠ QUAN CẤP TRÊN TRỰC TIẾP
CƠ QUAN CẤP PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC THỦY SẢN
Số:...../20.../AA(*)-GPKTTS**

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số... ngày... tháng... năm... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

Tên chủ tàu:

Mã định danh: (**) Loại giấy tờ: Cơ quan cấp: ngày cấp:

Điện thoại (nếu có):

Số đăng ký tàu cá:

Sản lượng được phép khai thác: tấn/năm (nếu có).

Được phép đánh bắt nguồn lợi thủy sản/hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản(*):**

Nghề chính:.....Vùng hoạt động:.....

Nghề phụ:.....Vùng hoạt động:.....

Thời hạn của Giấy phép đến hết ngày tháng năm

....., ngày tháng năm ...
NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(*) Là 2 chữ cái đầu của tên tỉnh, thành phố.

(**) Đối với cá nhân: Số định danh cá nhân; đối với tổ chức: Ghi mã định danh điện tử của tổ chức hoặc mã số thuế hoặc số quyết định thành lập (trường hợp chưa có mã định danh điện tử hoặc mã số thuế).

(***) Trường hợp cấp phép cho tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản thì xóa bỏ nội dung hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản; trường hợp cấp phép cho tàu hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản thì xóa bỏ nội dung đánh bắt nguồn lợi thủy sản.

**CƠ QUAN CẤP TRÊN TRỰC TIẾP
CƠ QUAN CẤP PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ- ...

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
V/v thu hồi Giấy phép khai thác thủy sản

CHỨC VỤ NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số... ngày... tháng... năm... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Xét đề nghị của...()...*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi Giấy phép khai thác thủy sản số:, do cấp ngày ... tháng ... năm ..., đối với:

Tên chủ tàu:

Số đăng ký tàu cá:

Lý do thu hồi:

Điều 2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan

1. Chủ tàu cá có tên tại Điều 1 có trách nhiệm nộp lại bản gốc Giấy phép khai thác thủy sản cho ... (tên cơ quan) trong thời hạn ... ngày kể từ ngày ký Quyết định; chấp hành các quy định của pháp luật khác có liên quan sau khi Giấy phép bị thu hồi.

2. ...(*)... có trách nhiệm cập nhật thông tin tại Quyết định này vào phần mềm cơ sở dữ liệu chuyên ngành thủy sản.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Các đơn vị: ... (liệt kê), chủ tàu ... và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ NN&MT (để b/c);
- Sở NN&MT (để b/c);
- Bộ đội Biên phòng (để phối hợp quản lý);
- Cảnh sát biển Việt Nam (để phối hợp quản lý);
- Các tổ chức quản lý cảng cá ... (để phối hợp quản lý);
- UBND xã/phường ... (để biết);
- Lưu: VT, ...

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (*) Tên đơn vị chuyên môn của cơ quan cấp Giấy phép khai thác thủy sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP VĂN BẢN CHẤP THUẬN
cho tàu cá khai thác thủy sản tại vùng biển
của quốc gia, vùng lãnh thổ khác

Kính gửi:(*)

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Địa chỉ:

Mã định danh: (**) Loại giấy tờ: Cơ quan cấp: ngày
cấp:

Điện thoại:..... Email:.....

Là chủ tàu mang số đăng ký:....., Tổng công suất (kW):

Mã số của Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO) (nếu có):.....

Hồ hiệu của tàu:.....

Làm nghề:..... đi khai thác thủy sản tại vùng biển của quốc gia, vùng
lãnh thổ khác theo hình thức:

Đề nghị ...(*)... cấp văn bản chấp thuận và các loại giấy tờ theo quy định./.

Ngày tháng năm.....

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(*) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

(**) Đối với cá nhân: Số định danh cá nhân; đối với tổ chức: Ghi mã định danh điện tử của tổ chức hoặc mã số thuế hoặc số quyết định thành lập (trường hợp chưa có mã định danh điện tử hoặc mã số thuế).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP
Cho tàu cá khai thác thủy sản tại vùng biển
thuộc quyền quản lý của tổ chức nghề cá khu vực

Kính gửi: ...(*)...

Tôi tên là:.....
 Địa chỉ:
 Mã định danh: (**) Loại giấy tờ: Cơ quan cấp: ngày
 cấp:
 Điện thoại:..... Email:.....
 Mã số của Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO) (nếu có):.....
 Hô hiệu của tàu:.....
 Số đăng ký tàu:....., Tổng công suất (kW):
 Làm nghề:..... đi khai thác thủy sản tại vùng biển thuộc
 quyền quản lý của tổ chức nghề cá khu vực.
 Đề nghị ...(*) ... cấp phép và các loại giấy tờ theo quy định./.

Ngày tháng năm.....

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(*) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

(**) Đối với cá nhân: Số định danh cá nhân; đối với tổ chức: Ghi mã định danh điện tử của tổ chức hoặc mã số thuế hoặc số quyết định thành lập (trường hợp chưa có mã định danh điện tử hoặc mã số thuế).

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
MINISTRY OF AGRICULTURE
AND ENVIRONMENT
...(*)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số/Number:



**VĂN BẢN CHẤP THUẬN CHO TÀU CÁ ĐI KHAI THÁC THỦY SẢN
TẠI VÙNG BIỂN CỦA QUỐC GIA, VÙNG LÃNH THỔ KHÁC
APPROVAL FOR FISHING VESSELS OPERATING IN THE WATERS
OF ANOTHER NATION AND TERRITORY**

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Pursuant to the Law on Fisheries dated November 21, 2017, as amended and supplemented by the Law on Amendments to certain articles of 15 laws in the fields of agriculture and environment dated December 11, 2025;

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày .../.../... của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Pursuant to Decree No. .../.../ND-CP dated on... by the Government of the Socialist Republic of Vietnam;

Căn cứ Hiệp định hợp tác khai thác thủy sản giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với

Pursuant to Fishing Agreement between the Socialist Republic of Vietnam;

Căn cứ Hợp đồng số: giữavới được cơ quan có thẩm quyền quốc gia có biển chấp thuận;

Pursuant to Contract No....between ...andand certified by competent authority of a coastal state;

Theo đề nghị của chủ tàu (tổ chức, cá nhân),

Upon proposal by vessel's owner,

**CỤC TRƯỞNG ...(*) ... CẤP VĂN BẢN CHẤP THUẬN:
DIRECTOR GENERAL OF ... (*) ... GRANTS APPROVAL:**

Chủ tàu (Vessel's owner):

Mã định danh: (**) Loại giấy tờ: Cơ quan cấp: ngày
cấp:

Địa chỉ thường trú (Resident address):

Điện thoại (Tel):

Tên tàu (Name of vessel):.....

Số đăng ký (Registration number):

Nghề khai thác (Fishing gear):

Được chấp thuận đi khai thác thủy sản tại vùng biển quốc gia, vùng lãnh thổ:

.....

Thời gian: từ ngày tháng..... năm..... đến ngày..... tháng
..... năm

Validity period from date month year to date: month
..... year

Hà Nội, ngày tháng năm.....

Issued in Hanoi on.....

CỤC TRƯỞNG

DIRECTOR GENERAL

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature and seal)

Ghi chú:

(*) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

(**) Đối với cá nhân: Số định danh cá nhân; đối với tổ chức: Ghi mã định danh điện tử của tổ chức hoặc mã số thuế hoặc số quyết định thành lập (trường hợp chưa có mã định danh điện tử hoặc mã số thuế).

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
MINISTRY OF AGRICULTURE
AND ENVIRONMENT

...(*)...

Mẫu số 11.KT
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số/Number:



**GIẤY PHÉP
CHO TÀU CÁ ĐI KHAI THÁC THỦY SẢN TẠI VÙNG BIỂN THUỘC
QUYỀN QUẢN LÝ CỦA TỔ CHỨC NGHỀ CÁ KHU VỰC
LICENSES
FOR FISHING VESSELS OPERATING IN WATERS UNDER THE
JURISDICTION OF REGIONAL FISHERIES ORGANIZATIONS**

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Pursuant to the Law on Fisheries dated November 21, 2017, as amended and supplemented by the Law on Amendments to certain articles of 15 laws in the fields of agriculture and environment dated December 11, 2025;

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ../.../... của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Pursuant to Decree No. .../.../ND-CP dated on... by the Government of the Socialist Republic of Vietnam;

Căn cứ Hiệp định hợp tác khai thác thủy sản giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với

Pursuant to Fishing Agreement between the Socialist Republic of Vietnam and ...;

Theo đề nghị của chủ tàu (tổ chức, cá nhân),

Upon proposal by vessel's owner,

**CỤC TRƯỞNG ...(*)... CẤP PHÉP:
DIRECTOR GENERAL OF ... (*) ... PERMITS:**

Chủ tàu (Vessel's owner):

Mã định danh: (**) Loại giấy tờ: Cơ quan cấp: ngày
cấp:

Địa chỉ thường trú (Resident address):

Điện thoại (Tel):.....

Tên tàu (Name of vessel):... Số đăng ký (Registration number):

Cảng cá đăng ký (Registered Fishing Port):.....

Nghề khai thác (Fishing gear): ...

Được đi khai thác thủy sản tại vùng biển thuộc quyền quản lý của tổ chức nghề cá

The holder to engage in fishing operations within marine areas under the jurisdiction of the designated fisheries organization

Thời gian: từ ngày tháng.... nămđến ngày tháng năm

Validated period from date month year.... to date: month... year

Sản lượng được phép khai thác: tấn/năm

Total Allowable Catch: Tons/Year

Hà Nội, ngày tháng năm.....

Issued in Hanoi on.....

CỤC TRƯỞNG

DIRECTOR GENERAL

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature and seal)

Ghi chú:

(*) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

(**) Đối với cá nhân: Số định danh cá nhân; đối với tổ chức: Ghi mã định danh điện tử của tổ chức hoặc mã số thuế hoặc số quyết định thành lập (trường hợp chưa có mã định danh điện tử hoặc mã số thuế).

Mẫu số 12.KT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
MINISTRY OF AGRICULTURE
AND ENVIRONMENT
 ...(*)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số/Number:



DANH SÁCH THUYỀN VIÊN VÀ NGƯỜI LÀM VIỆC TRÊN TÀU CÁ
CREW MEMBER LIST AND FISHERS WORKING ON BOARD

Những người có tên trong danh sách sau là thuyền viên làm việc trên tàu cá mang số đăng ký....., quốc tịch Việt Nam.

List of following crew members are currently working on vessel with number....., Vietnamese nationality.

TT	Họ và tên Full name	Năm sinh Date of birth	Quốc tịch Nationality	Số hộ chiếu Passport No	Địa chỉ thường trú Resident address	Chức danh Position
...						

Hà Nội, ngày tháng năm.....

Issued in Hanoi on.....

CỤC TRƯỞNG
DIRECTOR GENERAL

(Ký tên, đóng dấu)
 (Signature and seal)

Ghi chú: () Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.*

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
...(*)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-...

Hà Nội, ngày tháng ... năm ...

THÔNG BÁO

Về việc cấp giấy chấp thuận cho tàu cá khai thác thủy sản tại vùng biển của quốc gia, vùng lãnh thổ khác hoặc cấp phép cho tàu cá khai thác thủy sản tại vùng biển thuộc quyền quản lý của tổ chức nghề cá khu vực

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số... ngày... tháng... năm... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Căn cứ hồ sơ xin cấp giấy chấp thuận/Giấy phép của

Sau khi xem xét hồ sơ và đối chiếu với các quy định pháp luật hiện hành, ...
(*) ... đã xem xét, cấp giấy chấp thuận đối với tàu khai thác thủy sản tại vùng biển của quốc gia, vùng lãnh thổ khác (hoặc cấp phép đối với khai thác thủy sản tại vùng biển thuộc quyền quản lý của tổ chức nghề cá khu vực), cụ thể như sau:

1. Thông tin tàu cá

- Số đăng ký tàu cá:
- Chủ tàu: Ông/Bà
- Mã định danh: (**) Loại giấy tờ: Cơ quan cấp: ngày cấp:
- Địa chỉ:

2. Đơn vị đại diện đề nghị cấp Giấy chấp thuận/Giấy phép

- Tên đơn vị:
- Địa chỉ:
- Mã định danh: (**) Loại giấy tờ: Cơ quan cấp: ngày cấp:
- Điện thoại:

3. Hình thức và phạm vi cấp phép

- Hình thức cấp: ☐ Giấy chấp thuận ☐ Giấy phép
- Số Giấy chấp thuận/Giấy phép:

- Phạm vi hoạt động:

☐ Khai thác thủy sản tại vùng biển của quốc gia, vùng lãnh thổ khác:

☐ Khai thác thủy sản tại vùng biển thuộc quyền quản lý của tổ chức nghề cá khu vực:

4. Thời hạn hiệu lực

Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm

... (*) ... thông báo tới các đơn vị biết để phối hợp theo dõi và quản lý./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo bộ phụ trách (để b/c);
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố có tàu cá được cấp phép (để biết);
- Các Bộ: Quốc phòng, Công an, Ngoại giao (để biết);
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(*) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

(**) Đối với cá nhân: Số định danh cá nhân; đối với tổ chức: Ghi mã định danh điện tử của tổ chức hoặc mã số thuế hoặc số quyết định thành lập (trường hợp chưa có mã định danh điện tử hoặc mã số thuế).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG THỦY SẢN
CHO TÀU NƯỚC NGOÀI TRONG VÙNG BIỂN VIỆT NAM
LICENSE APPLICATION FORM FOR FISHERIES OPERATION
IN VIETNAM SEAS

1. Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép/Applicant:.....
 - Họ tên cá nhân, tổ chức/Name of person or organization:.....
 - Địa chỉ cá nhân hoặc nơi đặt đại diện tại Việt Nam (Nếu có):
 Address of representative/representative office in Vietnam (if available)
2. Tàu đăng ký hoạt động tại Việt Nam/Vessel conducting fisheries activities in Vietnam:
 - Tên tàu (nếu có)..... - Màu sơn (nếu có).....
 - Name of vessel (if available):..... Color (if available):.....
 - Mô tả đặc điểm/Description:.....
 - Số đăng ký/ Registration number:
 - Nơi đăng ký/Registration place:.....
 - Tổng số người làm việc trên tàu/Number of people working on board:
 - Trong đó/Including:
 - Người nước ngoài/Foreigner:.....
 - Người Việt Nam (nếu có)/Vietnamese (if any):
(Danh sách gửi kèm theo đơn này/List attached to this Application Form)
 - Hồ hiệu máy thông tin:..... - Tần số làm việc
 - Mã số của Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO) (nếu có):
 Calling out information of vessel:..... Radio frequency.....
 - Tổng công suất máy chính/Power of main engine:.....
3. thuyền trưởng hoặc người quản lý tàu/Captain or vessel manager:
 - Họ và tên/Full name:

- Quốc tịch/Nationality:

- Số hộ chiếu/Passport Number:

- Sinh ngày..... tháng năm..... Nơi sinh:

Date of birth:..... Place of birth:

- Địa chỉ thường trú/Residence:.....

4. Đăng ký hoạt động trong lĩnh vực:.....

Field of activity.....

5. Địa điểm và thời gian xin phép/Area and duration for activities:

- Địa điểm, khu vực hoạt động/Area of operations:

Thời gian hoạt động từ..... đến.....

Period of operation from..... to.....

6. Cam kết/Commitment:

Khi hoạt động trong vùng biển của Việt Nam chúng tôi sẽ nghiêm chỉnh thực hiện các quy định của pháp luật Việt Nam; các quy định ghi trong Giấy phép hoạt động thủy sản; các điều khoản cam kết trong dự án, hợp đồng đã ký kết.

While operating in Vietnam seas the fisheries vessel shall comply with Vietnamese laws and regulations and fulfill all provisions stated in the licenses, signed projects and contracts.

Ngày.....tháng.....năm.....

Done in

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

Signature

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

**DANH SÁCH THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÀM VIỆC TRÊN TÀU NƯỚC
NGOÀI HOẠT ĐỘNG TRONG VÙNG BIỂN VIỆT NAM
CREW MEMBER LIST AND FISHERS WORKING ON BOARD**

Những người có tên trong danh sách sau là thuyền viên làm việc trên tàu cá mang số đăng ký....., quốc tịch....

List of following crew members are currently working on vessel with number....., nationality.....

TT	Họ và tên Full name	Năm sinh Date of birth	Quốc tịch Nationality	Thông tin hộ chiếu		Địa chỉ thường trú Resident address	Chức danh Position
				Số hộ chiếu Passport Number	Ngày cấp/ Nơi cấp Date of Issue/ Place of Issue		

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG THỦY SẢN
CHO TÀU NƯỚC NGOÀI TRONG VÙNG BIỂN VIỆT NAM
RE-APPLICATION FORM FOR FISHING OPERATIONS LICENSE
VIETNAM SEAS

1. Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép/Applicant:
 - Họ tên cá nhân, tổ chức/Name of person or organization:.....
 - Địa chỉ cá nhân hoặc nơi đặt trụ sở chính của tổ chức:
 Address of person or organization
 - Địa chỉ người đại diện/nơi đặt đại diện tại Việt Nam (nếu có)
 Address of representative/representative office in Vietnam (if available)
2. Thông tin về tàu đề nghị cấp lại hoạt động tại Việt Nam/Information on the vessel applying for re-issuance of permission to operate in Viet Nam:
 - Tên tàu (nếu có)/Name of vessel (if available):.....
 - Quốc tịch/Nationality:.....
 - Số đăng ký/Registration number:.....
 - Nơi đăng ký/Registration place:.....
3. Số giấy phép hoạt động thủy sản đã được cấp:
 Number of issued fisheries license:.....
4. Đề nghị hoạt động trong lĩnh vực:.....
 Activities requested for extension.....
5. Địa điểm và thời gian đề nghị tiếp tục hoạt động:
 Area and duration for extension orperations
 - Địa điểm, khu vực hoạt động/Area of orperations:.....
 - Thời gian hoạt động từ..... đến.....
 Period of extension operation from..... to.....
6. Lý do đề nghị cấp lại Giấy phép (nêu rõ lý do, kèm theo các giấy tờ để chứng minh nội dung và các thông tin thay đổi):.....

7. Cam kết/Commitment:

Khi hoạt động trong vùng biển của Việt Nam chúng tôi sẽ nghiêm chỉnh thực hiện các quy định của pháp luật Việt Nam; các quy định ghi trong giấy phép hoạt động thủy sản đã được cấp; các điều khoản cam kết trong dự án, hợp đồng đã ký kết.

While operating in Vietnam seas the fisheries vessel shall comply with Vietnamese laws and regulation and fulfill all provisions stated in the licenses, signed projects and contracts.

Ngày.....tháng.....năm.....

Done in

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

Signature

Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG THỦY SẢN
CHO TÀU NƯỚC NGOÀI TRONG VÙNG BIỂN VIỆT NAM
APPLICATION FOR RENEWAL OF LICENSE FISHERIES
OPERATIONS IN VIETNAM SEAS

1. Tổ chức/cá nhân đăng ký cấp phép/Applicant:
 - Họ tên cá nhân, tổ chức/Name of person or organization:.....
 - Địa chỉ cá nhân hoặc nơi đặt trụ sở chính của tổ chức:
 Address of person or organization
 - Địa chỉ người đại diện/nơi đặt đại diện tại Việt Nam (nếu có).....
 Address of representative/representative office in Vietnam (is available)
2. Thông tin về tàu đề nghị gia hạn hoạt động tại Việt Nam/Information on the vessel requesting an extension of operation in Viet Nam:
 - Tên tàu (nếu có)/Name of vessel (if available):.....
 - Quốc tịch/Nationality:.....
 - Số đăng ký/Registration number:.....
 - Nơi đăng ký/Registration place:.....
3. Số giấy phép hoạt động thủy sản đã được cấp:.....
 Number of issued fisheries license:.....
4. Cam kết/Commitment:

Khi hoạt động trong vùng biển của Việt Nam chúng tôi sẽ nghiêm chỉnh thực hiện các quy định của pháp luật Việt Nam; các quy định ghi trong giấy phép hoạt động thủy sản đã được cấp; các điều khoản cam kết trong dự án, hợp đồng đã ký kết.

While operating in Vietnam seas the fisheries vessel shall comply with Vietnamese laws and regulation and fulfill all provisions stated in the licenses, signed projects and contracts.

Ngày.....tháng.....năm.....

Done in

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

Signature

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
MINISTRY OF AGRICULTURE
AND ENVIRONMENT
...(*)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số/Number:



**GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG THỦY SẢN
CỦA TÀU NƯỚC NGOÀI TRONG VÙNG BIỂN VIỆT NAM
LICENSE FOR FISHING OPERATIONS
OF FOREIGN SHIPS IN THE VIETNAM SEA**

**CỤC TRƯỞNG ...(*)... CẤP PHÉP:
DIRECTOR GENERAL OF ...(*)... ALLOWS:**

Tên tàu/Name of vessel:		Quốc tịch/Nationality:	
Số đăng ký/Registration number:		Nơi đăng ký/Registry place:	
Chiều dài Length overall	L_{max} (m):	Chiều rộng Width	B_{max} (m):
		Chiều chìm Depth	$H(m)$:
Tổng trọng tải Total tonnage	 Tấn/Ton	Công suất máy chính Main engine power	 Mã lực/Hp
		Ký hiệu máy chính: Main engine model	
Chủ tàu: Vessel owner:		Số thuyền viên: Number of crew:	
Tần số liên lạc: Frequency work:		Hồ hiệu: Radio call:	
Đại diện phía Việt Nam: Representative of foreign in Vietnam:			
Địa chỉ/ Address:			
Được hoạt động thủy sản trong vùng biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các điều kiện sau: To carry out fishing operations in the sea water of the Socialist Republic of Vietnam subject to the following conditions			

1. Tàu được sử dụng vào mục đích The vessel will be used for the purpose	
2. Nghề hoạt động Kind of Fishery	
3. Vùng hoạt động Operation area	
4. Địa điểm tập kết làm thủ tục xuất nhập cảnh Place for doing entry visa procedure Cảng đăng ký/Port registered	
5. Giấy phép có giá trị đến hết ngày The validity of the license will be expire on	
CÁC HOẠT ĐỘNG KHÔNG ĐƯỢC PHÉP/PROHIBITED OPERATIONS	
1. Loài thủy sản cấm khai thác Marine species not allowed to catch	
2. Cấm sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác hải sản The use of explosives, electromagnets and toxic substance for fishing is prohibited	
3. Gây ô nhiễm môi trường/Cause environmental pollution	
4. Bán hoặc tiêu thụ hải sản trên biển dưới mọi hình thức/ Fish sales/trading at sea, in any form	

Hà Nội, ngày tháng năm
 Issued in Hanoi on

CỤC TRƯỞNG
DIRECTOR GENERAL
 (Ký tên, đóng dấu)
 (Signature and seal)

Ghi chú: (*) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

MỘT SỐ QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI TÀU ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP SOME STIPULATIONS FOR LICENSE VESSEL

1. Tiến hành các hoạt động theo đúng nghề, khai thác đúng đối tượng, đúng khu vực và thời gian ghi trong giấy phép.

Carry out fishing operation in accordance with the registered fishery and exploit marine species in sea areas and within the duration which have been defined in the license.

2. Tàu phải có dấu hiệu nhận biết và đúng như thông báo với phía Việt Nam và có đủ giấy tờ theo quy định.

The vessel has to bear clear signs just as they have been notified to the Vietnamese authority and all necessary papers requested to be available on vessel:

- Giấy chứng nhận hoạt động thủy sản do cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp;

The license for fishing operations is issued by the fisheries management authority under the Ministry of Agriculture and Environment.

- Giấy đăng ký tàu cá;

Fishing Vessel Registration Certificate;

- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá

Fishing Vessel Safety Certificate;

- Giấy tờ tùy thân của sĩ quan và thuyền viên đi trên tàu;

Identity papers of fishing vessels officers and crew members.

- Các giấy tờ khác đã được quy định trong Bộ luật Hàng hải Việt Nam và các giấy tờ liên quan đến hoạt động thủy sản trên vùng biển Việt Nam.

Other papers as defined in the navigation law of Vietnam as well as papers relating to fishing operations in the sea water of Vietnam.

3. Tiếp nhận giám sát viên Việt Nam lên tàu theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường và đảm bảo điều kiện làm việc, sinh hoạt cho giám sát viên theo tiêu chuẩn sĩ quan trên tàu.

Receive Vietnamese observers on board in accordance with the decision of the State authority for fisheries management under the Ministry of Agriculture and Environment, and ensure working and living conditions for the observers in compliance with officer-level standards on board the vessel.

4. Chấp hành báo cáo theo quy định/Make in due time periodical report.

5. Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đồng thời tuân theo và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các nhà chức trách Việt Nam kiểm tra, kiểm soát.

Strictly observe the Law of Socialist Republic Of Vietnam and create favourable conditions for Vietnam Authorities to execute their controlling and inspecting duties.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
MINISTRY OF AGRICULTURE
AND ENVIRONMENT
...(*)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số/Number:



**GIA HẠN GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG THỦY SẢN
CỦA TÀU NƯỚC NGOÀI TRONG VÙNG BIỂN VIỆT NAM
EXTENSION OF LICENSE FOR FISHERIES OPERATIONS
OF FOREIGN SHIPS IN THE VIETNAM SEA**

**CỤC TRƯỞNG ...(*)... CẤP PHÉP:
DIRECTOR GENERAL OF ...(*)... ALLOWS:**

Tên tàu/Name of vessel	
Quốc tịch/Nationality	
Số giấy phép/License number	
Số đăng ký/Registration number of vessel	
Nơi đăng ký tàu: (Registry place of vessel)	

Được tiếp tục hoạt động trong vùng biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho đến ngày..... theo các nội dung ghi trong giấy phép.

To continue operating in the sea waters of the Socialist Republic of Vietnam untilIn accordance with stipulations defined in the license./.

Ngày.....tháng.....năm.....
CỤC TRƯỞNG/DIRECTOR GENERAL
(Ký tên, đóng dấu)/(Signature and seal)

Ghi chú: (*) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
...(*)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-...

Hà Nội, ngày tháng ... năm ...

THÔNG BÁO

Về việc cấp/cấp lại/gia hạn Giấy phép hoạt động thủy sản của tàu nước ngoài trong vùng biển Việt Nam

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số... ngày... tháng... năm... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Căn cứ hồ sơ xin cấp giấy phép hoạt động thủy sản trong vùng biển Việt Nam của

Căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố về việc phê duyệt dự án cho tàu thu mua, vận chuyển hàng thủy sản tươi sống xuất khẩutại cảng cho

Sau khi xem xét hồ sơ và đối chiếu với các quy định pháp luật hiện hành, ... (*) ... đã xem xét, chấp thuận và cấp Giấy phép hoạt động thủy sản, cụ thể như sau:

1. Thông tin về Giấy phép hoạt động thủy sản

Hình thức: ☐ Cấp ☐ Cấp lại ☐ Gia hạn

Số Giấy phép:

Ngày cấp/gia hạn:/...../.....

Thời hạn hiệu lực: từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....

2. Thông tin tàu cá nước ngoài

- Tên tàu:

- Quốc tịch tàu:

- Số đăng ký/nhận dạng:

- Chủ tàu/Tổ chức quản lý tàu:

3. Nội dung hoạt động được phép

- Vùng biển hoạt động tại Việt Nam:

- Nghề/hoạt động thủy sản:

- Thời gian dự kiến hoạt động:

- Cảng cá được phép cập cảng: Tàu cá nước ngoài chỉ được phép cập cảng tại cảng cá, thuộc địa bàn tỉnh/thành phố, để thực hiện hoạt động thu mua, bốc dỡ, vận chuyển thủy sản theo nội dung Giấy phép được cấp.

... (*) ... thông báo để các cơ quan, đơn vị nêu trên biết, phối hợp theo dõi, kiểm tra, giám sát và quản lý hoạt động của tàu nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo bộ phụ trách (để b/c);
- Sở NN&MT tỉnh, thành phố có tàu cá được cấp phép (để biết);
- Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (*) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
NAME OF AGENCY **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
ORGANIZATION **SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

Independence - Freedom - Happiness

Số/No:.....

THÔNG BÁO
CHO BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỚC KHI TÀU VÀO CẢNG
NOTIFICATION
TO MINISTRY OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT BEFORE
VESSEL ENTERING THE PORT

1. Cảng dự định vào/*Intended port of call*:.....
2. Quốc gia cảng/*Port State*:.....
3. Ngày/*Date* ... tháng/*month* ... năm/*year* ...; Giờ vào cảng dự kiến/*Estimated time of arrival*: giờ/*hour* phút/*minute*
4. Mục đích vào cảng/*Purpose (s)*.....
5. Nơi và ngày rời cảng liền trước đó/*Port and date of last port call*:
.....
6. Tên tàu biển/*Name of the vessel*:
7. Quốc gia mà tàu mang cờ/*Flag State*:
8. Loại tàu biển/*Type of vessel*:
9. Hô hiệu quốc tế/*International radio call sign*:
10. Thông tin liên lạc của tàu/*Vessel contact information*:
11. (Các) chủ tàu/*Vessel owner(s)*:
12. Chứng nhận đăng ký số/*Certificate of Registry ID*:
13. Số hiệu tàu IMO (nếu có)/*IMO¹ ship ID (If available)*:
14. Số hiệu bên ngoài (nếu có)/*External ID (If available)*:
15. Số hiệu RFMO (nếu có)/*RFMO² ID (if applicable)*:
16. VMS³: Không có/*No*; Có/*Yes*: Quốc gia/*National*; Có/*Yes*: RFMO;
Loại/*Type*:.....
17. Kích thước tàu/*Vessel Dimension*: Chiều dài/*length* mét/*m*; Chiều rộng/*Beam*..... mét/*m*; Mớn nước/*Draft* mét/*m*.
18. Họ tên thuyền trưởng/*Vessel master name*:.....; quốc tịch/*Nationality*:.....
19. Các giấy phép khai thác được cấp/*Relevant fishing authorization (s)*: Số/*Identifier*.....

Cơ quan cấp/*Issuing by*:..... Có giá trị đến/*Validity* ngày/*Date* tháng/month ... năm/year.....

Khu vực được phép khai thác/*Fishing area*:

Đối tượng được phép khai thác/*Species*.....

Ngư cụ/*Gear*.....

20. Các giấy phép chuyển tải có liên quan/*Relevant transshipment authorization (s)*:

- Số/*Identifier*:.....; Có giá trị đến/*Validity*:.....

Cơ quan cấp/*Issuing by*

- Số/*Identifier*:.....; Có giá trị đến/*Validity* :.....

Cơ quan cấp/*Issuing by*

21. Thông tin chuyển tải liên quan đến tàu chuyển tải/*Transshipment information concerning donor vessel*:

Ngày/*Date*.....tháng/month.....năm/year.....; Địa điểm/*Location* :.....

Tên tàu/*Name of vessel*:.....

Quốc gia mà tàu treo cờ/*Flag State*:

Mã số/*ID Number*:..... Đối tượng khai thác/*Species*:.....

Hình thức/*Product form*:.....Khu vực đánh bắt/*Catch area*:.....

Khối lượng/*Quantity*:.....kg

22. Tổng lượng cá đã đánh bắt có trên tàu/*Total catch onboard*:

Đối tượng khai thác/*Fishing Species*:.....

Hình thức sản phẩm/*Product form*:.....

Khu vực khai thác/*Catch area*:.....Khối lượng/*Quantity*:..... kg.

23. Tổng sản lượng cá sẽ được bốc dỡ/*Catch to be offloaded*:..... kg

TT/No.	Người nhập khẩu/ importer	Loài/species	Khối lượng/ volume (kg)	Tổng/Total
....				
....				
.....				

**NGƯỜI KHAI BÁO/
DECLARER**

(Ký tên/*Signature*)

¹: Tổ chức Hàng hải quốc tế/*International Maritime Organization*.

²: Tổ chức Quản lý nghề cá khu vực/*Regional Fisheries Management Organization*.

³: Hệ thống giám sát tàu thuyền/*Vessel monitoring system*.

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
NAME OF AGENCY
ORGANIZATION

Số/No:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Ngày/date ... tháng/month ... năm/year ...

THÔNG BÁO/NOTIFICATION

Về việc chấp thuận/từ chối cho tàu vào cảng/chấp thuận/từ chối cho tàu sử dụng dịch vụ cảng theo PSMA/authorize/deny port entry/ authorize/deny use of the port according to PSMA

Cơ quan có thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường chấp thuận/từ chối/*Competent Authority of Ministry of Agriculture and Environment authorize/deny*

Tên tàu/*Vessel name*:,

Chủ tàu/*Vessel owner*:

Loại tàu/*Vessel type*.....

Quốc gia treo cờ/*Flag state*:.....,

Hồ hiệu quốc tế/*Call sign*:

Số IMO/*IMO number*:

vào cảng/sử dụng dịch vụ cảng/*entry to the port/use of the port* (*)

Nơi nhận/Recipients:

- Cơ quan quản lý cảng biển/*Port authorities*;
- Cơ quan hải quan/*Customs authorities*;
- Chủ hàng/*Importer(s)*;
- Lưu/*Archived*.

**NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN/
COMPETENT AUTHORITY**

(Ký và đóng dấu/*signature and seal*)

Ghi chú: (*) Ghi rõ lý do nếu từ chối cho tàu cập cảng hoặc từ chối cho tàu sử dụng cảng/*provide reason for deny entry to the port or use*.

Số/No:.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Kính gửi/To: ...(*)...

Tên cơ sở nhập khẩu/*Importer*:.....

Dia chi/Address:.....

Người đại diện/Representative:.....

Số điện thoại/Tel:.....

Chúng tôi khai báo thủy sản, sản phẩm thủy sản nhập khẩu từ các tàu công ten nơ vào Việt Nam như sau/*We hereby declare the imported fish and fisheries products from container as follows:*

1. Thủy sản, sản phẩm thủy sản nhập khẩu/*Imported catch products*

- Tổng sản lượng cá sẽ được bốc dỡ/*Catch to be offloaded*:..... kg

TT/No.	Loài/Species	Mã HS sản phẩm/ Product HS Code	Tên khoa học/ Scientific name	Kích cỡ (nếu áp dụng)/ Size (if applicable)	Khối lượng/ Quantity (kg)	Nước xuất xứ/ Country of Origin
....						
....						
.....						

- Thời gian dự kiến bốc dỡ/*Offloading Time*:

- Địa điểm bốc dỡ: *Offloading Venue*.....

- ## 2. Thông tin về tàu đánh bắt/*Fishing Vessel(s) information*

[illegible]

3. Thông tin chuyển tải liên quan (Nếu có)/*Transshipment information (If applicable)*

TT/No.	Tên tàu khai thác/ <i>Name of fishing</i>	Thời gian chuyển tải (ngày, tháng, năm)/ <i>Transshipment time (day, month, year)</i>	Tên tàu nhận chuyển tải/ <i>Name of receiving vessel</i>	Quốc gia treo cờ của tàu nhận chuyển tải/ <i>Flag State</i>	Số tàu nhận chuyển tải (Số IMO/Hồ hiệu/Số đăng kí của RFMO (nếu có)/ <i>Identifier (IMO/International Radio Call Sign/RFMO Registration Number (if applicable))</i>			Loài chuyển tải/ <i>Species</i>	Khối lượng/ <i>Quantity (kg)</i>
					Số IMO	Hồ hiệu	Số đăng ký RFMO		
1									
2									
...									

4. Các giấy phép chuyển tải có liên quan/*Relevant transshipment authorization(s)*:

TT/No.	Tên tàu chuyển tải/ <i>Name of transshipment vessel</i>	Số IMO/ <i>IMO number</i>	Số giấy phép chuyển tải/ <i>Transshipment license number</i>	Cơ quan cấp/ <i>Issuing by</i>	Có giá trị đến ngày/ <i>Validity date</i>
1					
2					
...					

5. Thông tin về sản lượng khai thác cập bến/*Landing information*

TT	Tên tàu	Số IMO	Cảng nơi sản lượng khai thác lần đầu cập cảng/ <i>Port where the catches were first landed</i>	Ngày sản lượng khai thác lần đầu tiên cập bến/ <i>Date of first landing:</i>	Khối lượng lên bến (kg)
1					
2					
...					

6. Thông tin về công ten nơ

TT	Số công ten nơ/ <i>Number of container</i>	Số seal/Seal number	Số vận đơn/ <i>Bill of Lading number</i>	Tên tàu chở công ten nơ/ <i>Name of the vessel carrying the container</i>	số IMO tàu chở công ten nơ/ <i>IMO number of the vessel carrying the container</i>	Nước xuất/ <i>Exporting country</i>	Cảng xuất/ <i>Exporting</i>	Địa chỉ kho kéo hàng về/ <i>Place of storage</i>
1								
2								
...								

Chúng tôi cam kết: Lô hàng có thông tin nêu trên không vi phạm IUU và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp lô hàng vi phạm IUU; các số liệu khai báo trên là đúng sự thật, các hồ sơ tài liệu gửi kèm là hợp pháp, nếu sai chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*We undertake that the consignment, including the above information, does not contain IUU products and shall assume full responsibility before the law for any IUU violations found; The above declared information is accurate, the attached documents and materials are lawful and valid, if it is shown to be inaccurate, we will be fully responsible before the law./*

CHỦ CƠ SỞ NHẬP KHẨU/IMPORTER
(Ký tên và đóng dấu/Signed and sealed)

Ghi chú/Note:

(*) Cơ quan được giao nhiệm vụ kiểm soát thủy sản nhập khẩu theo PSMA/*Agency tasked with controlling imported fish and fisheries products under PSMA.*

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
NAME OF AGENCY
ORGANIZATION

Số/No:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Ngày/date ... tháng/month ... năm/year ...

THÔNG BÁO /NOTIFICATION

Kết quả thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản, sản phẩm thủy sản khai thác nhập khẩu từ các tàu công ten nơ vào Việt Nam không vi phạm quy định về khai thác bất hợp pháp^(*)/Verification Results on the chain of custody of fish and fisheries products imported to Vietnam by containers to counter illegal, unreported, and unregulated fishing

Cơ quan có thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo kết quả thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản nhập khẩu không vi phạm quy định về khai thác bất hợp pháp như sau/*Department of Fisheries and Surveillance of the Ministry of Agriculture and Environment notifies the verification results on the chain of custody of the imported catch as follows:*

Tên tàu chở công ten nơ/*Name of the vessel carrying the container:*

Số IMO của tàu chở công ten nơ/*IMO number of the vessel carrying the container:*

Quốc gia treo cờ/*Flag state:*

Số công ten nơ/*Number of container:*

Số seal/seal number:

Số vận đơn/*bill of lading number:*

Chủ hàng/*Importer:*

☐ Không phát hiện vi phạm tại thời điểm kiểm tra và khuyến nghị cho thông quan hàng hóa theo quy định/*No violations found at the time of the verification/inspection and recommended for customs clearance*

☐ Không đáp ứng yêu cầu và đề nghị không cho thông quan hàng hóa/*Requirements not met and not recommended for customs clearance*

(Cơ quan có thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tích dấu X vào ô thích hợp/*Competent Authority of the Ministry of Agriculture and Environment tick the appropriate box*).

Nơi nhận/Recipients:

- Cơ quan quản lý cảng biển/*Port authorities;*
- Cơ quan hải quan/*Customs authorities;*
- Chủ hàng/*Importer(s);*

...

- Lưu/*Archived:*

**NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN/
 COMPETENT AUTHORITY**

(Ký và đóng dấu/*Signed and sealed*)

Ghi chú: (*) Áp dụng đối với lô hàng cá cờ kiếm (*Xiphias gladius*), lô hàng cá ngừ vây ngực dài (*Thunnus alalunga*) và các loài thuộc đối tượng kiểm tra theo Kế hoạch kiểm tra, kiểm soát thủy sản, sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam bằng tàu công ten nơ do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành. / *Applies to swordfish (Xiphias gladius), Applies to Albacore (Thunnus alalunga) and targeted species under the program issued by the Ministry of Agriculture and Environment on the verification, inspection, and auditing of fish and fisheries products imported, temporarily imported for re-exportation, transshipped, and transited to/through the territory of Vietnam by containers.*

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
NAME OF AGENCY
ORGANIZATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No:.....

BIÊN BẢN KIỂM TRA ĐỐI VỚI HÀNG THỦY SẢN, SẢN PHẨM THỦY SẢN NHẬP KHẨU VÀO VIỆT NAM BẰNG ĐƯỜNG CÔNG TEN NƠ/
INSPECTION REPORT FOR FISH AND FISH PRODUCTION FROM CONTAINER(S)

I. THÔNG TIN CHUNG/GENERAL INFORMATION

1. Quốc gia cảng/Port State:
2. Cơ quan tiến hành kiểm tra/Inspecting Authority:
3. Họ tên trưởng đoàn kiểm tra/Name of Principal Inspector:
4. Số công ten nơ /Number of container:
5. Số vận đơn/Bill of Lading number:
6. Số seal/Seal number:
7. Chủ hàng/Importer:

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA HỒ SƠ/DOCUMENTARY VERIFICATION RESULTS

1. Thông tin về tàu khai thác/ Fishing vessel(s) information:

Số hiệu tàu trong RFMO (Tên, số IMO, Hô hiệu)/ RFMO Vessel Identifier (Name, IMO number, International radio call sign)	Thuộc tổ chức quản lý nghề cá khu vực nào/ RFMO	Hiện trạng pháp lý của quốc gia mà tàu mang cờ/ Flag State status	Tàu thuộc danh lục tàu được cấp phép/Vessel on authorized vessel list	Tàu thuộc danh lục tàu IUU/ Vessel on IUU vessel list
			Có/Yes Không/No	Có/Yes Không/No
			Có/Yes Không/No	Có/Yes Không/No

2. Thông tin về giấy phép khai thác/fishing license(s) information

Số/ Identifier	Cơ quan cấp/ Issuing by	Có giá trị đến/ Validity	(Các) khu vực được phép khai thác/ Fishing areas	Đối tượng khai thác (ghi rõ tên khoa học)/ Fish species (Scientific names)	Ngư cụ/ Fishing gear	Khối lượng/ Catch quantity

3. Thông tin về các giấy phép chuyển tải có liên quan/*Transshipment license(s) information*

Số/Identifier		Cơ quan cấp/ <i>Issuing by</i>		Có giá trị đến/ <i>Validity</i>	
Số/Identifier		Cơ quan cấp/ <i>Issuing by</i>		Có giá trị đến/ <i>Validity</i>	

4. Kết luận kiểm tra hồ sơ/*Documentary Verification Results:*

☐ Không phát hiện vi phạm tại thời điểm kiểm tra và khuyến nghị cho thông quan hàng hóa theo quy định/*No violations found at the time of the verification and recommended for customs clearance*

☐ Thông tin khai báo hồ sơ chưa đạt yêu cầu hoặc lô hàng thủy sản có dấu hiệu được khai thác, chuyển tải bất hợp pháp, và khuyến nghị không cho thông quan/*Requirements not met or indicators of illegal, unreported, and unregulated fishing or transshipment found, and not recommended for customs clearance*

III. KIỂM TRA THỰC TẾ^(*)/*Container Physical Inspection*

1. Cảng nơi tiến hành kiểm tra/ <i>Port of Inspection</i>					
2. Thời gian bắt đầu kiểm tra/ <i>Commencement of Inspection</i>		Năm/ <i>Year</i>	Tháng/ <i>Month</i>	Ngày/ <i>Day</i>	Giờ/ <i>Hour</i>
3. Thời gian kết thúc kiểm tra/ <i>Completion of Inspection</i>		Năm/ <i>Year</i>	Tháng/ <i>Month</i>	Ngày/ <i>Day</i>	Giờ/ <i>Hour</i>
4. Đánh giá về loài khai thác và khối lượng được ước tính sau khi mở công ten nơ kiểm tra/ <i>Evaluation of offloaded catch (quantity)</i>					
Người nhập khẩu/ <i>Importers</i>	Loài khai thác được khai báo (ghi rõ tên khoa học) / <i>Species, scientific name</i>	Loài thực tế trong công ten nơ (ghi rõ tên khoa học) / <i>Product form</i>	(Các) khu vực đánh bắt/ <i>Catch areas</i>	Khối lượng khai báo/ <i>Declared quantity</i>	Khối lượng ước tính sau khi mở công ten nơ để kiểm tra/ <i>Estimated quantity after opening the container</i>
.....					

5. Những phát hiện khác của kiểm tra viên (nếu có)/*Other findings by the inspector(s) (if any):*.....

6. Kết luận kiểm tra/*Inspection Results*

☐ Không phát hiện vi phạm tại thời điểm kiểm tra/*No violations found at the time of the inspection*

☐ Lô hàng được xác định là bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định khi thuộc một trong các trường hợp sau đây/*Fish and fisheries products are determined to be illegal, unreported and unregulated when it falls into one of the following cases:*

- Thủy sản, sản phẩm thủy sản được khai thác bằng tàu không có giấy phép hoặc giấy phép không hợp lệ hoặc không có giá trị theo quy định của quốc gia mà tàu đó mang cờ hoặc của quốc gia ven biển có thẩm quyền/*Fish and fisheries products are fished by vessels without licenses or with invalid licenses according to the regulations of the Flag State of the vessel or the competent coastal State;*

- Thủy sản, sản phẩm thủy sản được vận chuyển, chuyển tải bằng tàu không có giấy phép hoặc giấy phép không hợp lệ hoặc không có giá trị theo quy định của quốc gia mà tàu đó mang cờ hoặc của quốc gia ven biển có thẩm quyền/*Fish and fisheries products are transported or transshipped by vessels without licenses or with invalid licenses according to the regulations of the Flag State of the vessel or the competent coastal State;*

- Thủy sản, sản phẩm thủy sản được khai thác bằng tàu không có giấy phép hoặc giấy phép không hợp lệ hoặc không có giá trị trong vùng nước thẩm quyền của tổ chức quản lý nghề cá khu vực/*Fish and fisheries products are fished by vessels without licenses or with invalid licenses within the competent waters area of the regional fisheries management organization;*

- Thủy sản, sản phẩm thủy sản được vận chuyển, chuyển tải bằng tàu không có giấy phép hoặc giấy phép không hợp lệ hoặc không có giá trị trong vùng nước thẩm quyền của tổ chức quản lý nghề cá khu vực/*Fish and fisheries products are transported or transshipped by vessels without licenses or with invalid licenses within the competent waters area of the regional fisheries management organization;*

- Có chứng cứ thủy sản, sản phẩm thủy sản trên tàu được khai thác vượt quá hạn ngạch cho phép của quốc gia ven biển có thẩm quyền hoặc của tổ chức quản lý nghề cá khu vực/*There is evidence that fish and fisheries products on board are exploited in excess of the quota allowed by the competent coastal State or the regional fisheries management organization;*

- Có chứng cứ thủy sản, sản phẩm thủy sản trên tàu được khai thác trái với quy định của quốc gia ven biển có thẩm quyền hoặc trái với quy định về biện pháp quản lý và bảo tồn trong vùng nước thẩm quyền của tổ chức quản lý nghề cá khu vực hoặc có chứng cứ xác định tàu thực hiện hoặc hỗ trợ khai thác thủy sản bất hợp pháp theo quy định tại Điều 60 Luật Thủy sản/*There is evidence that fish and fisheries products on board are exploited contrary to the regulations of the competent coastal State or contrary to regulations on conservation and management measures in the competent area of the regional fisheries management organization or there is evidence that the vessel conducted or supported illegal fishing as prescribed in Article 60 of the Fisheries Law;*

- Thủy sản, sản phẩm thủy sản được khai thác bằng tàu nằm trong danh sách IUU của quốc gia mà tàu đó mang cờ hoặc của quốc gia ven biển có thẩm quyền hoặc của tổ chức quản lý nghề cá khu vực/*Fish and fisheries products exploited by vessels on the IUU list of the Flag State or of the competent coastal State or of the regional fisheries management organization.*

7. Kiến nghị của người kiểm tra/*Recommendations of Inspector(s)*

Đề nghị cơ quan có thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường/*Competent agencies of the Ministry of Agriculture and Environment are requested to:*

☐ Thông báo chủ hàng, cơ quan Hải quan để tiến hành thủ tục thông quan lô hàng nhập khẩu theo quy định nếu kết quả kiểm tra thực tế đạt yêu cầu/*Notify the importer and the Customs authority to proceed with customs clearance procedures for the imported fish and fisheries products according to regulations if the actual inspection results meet the requirements.*

☐ Thông báo tới chủ hàng, cơ quan Hải quan cửa khẩu và các cơ quan liên quan không thông quan lô hàng đồng thời tiến hành xử lý lô hàng theo quy định của pháp luật nếu lô hàng được xác định là bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định/*Notify the importer, Customs Authority and relevant agencies not to implement custom clearance of the fish and fisheries products and handle the consignment according to the provisions of law and regulations if the fish and fisheries products are determined to be illegal, unreported and unregulated.*

Biên bản được lập thành..... bên.....giữ.....bản, bên giữ ... bản, có giá trị pháp lý như nhau/

..... on hold..... copies, parties... keep..... copies, have the same legal value.

....., ngày/date tháng/month ... năm/year

CHỦ HÀNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

IMPORTER

(Signature, full name, seal (If any))

....., ngày/date tháng/month ... năm/year

NGƯỜI KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

INSPECTOR

(signature, full name, seal (if any))

Ghi chú: (*) Nội dung này chỉ thực hiện đối với trường hợp có dấu hiệu lô thủy sản nhập khẩu được khai thác, chuyển tải bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định theo thông tin, hồ sơ khai báo khi nhập khẩu.

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
NAME OF AGENCY
ORGANIZATION

Số/No:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

BIÊN BẢN KIỂM TRA
INSPECTION REPORT

1. Biên bản kiểm tra số/ <i>Inspection Report no:</i>		2. Quốc gia cảng/Port State: VIỆT NAM			
3. Cơ quan tiến hành kiểm tra/ <i>Inspecting Authority</i>					
4. Họ tên trưởng đoàn kiểm tra/ <i>Name of Principal Inspector</i>				Số hiệu/ <i>ID</i>	
5. Cảng nơi tiến hành kiểm tra/ <i>Port of Inspection</i>					
6. Thời gian bắt đầu kiểm tra/ <i>Commencement of Inspection</i>		Năm/ <i>Year</i>	Tháng/ <i>Month</i>	Ngày/ <i>Day</i>	Giờ/ <i>Hour</i>
7. Thời gian kết thúc kiểm tra/ <i>Completion of Inspection</i>		Năm/ <i>Year</i>	Tháng/ <i>Month</i>	Ngày/ <i>Day</i>	Giờ/ <i>Hour</i>
8. Có nhận được thông báo trước đó hay không/ <i>Advanced Notification received</i>		Có/ <i>Yes</i>		Không/ <i>No</i> ☐	
9. Mục đích/ <i>Purpose (s)</i>	Sản phẩm thủy sản lên bờ/ <i>Landing</i>	Chuyển tải sản phẩm thủy sản/ <i>Transshipment</i>	Nạp nhiên liệu, lấy nước, thay thủy thủ, nhận lương thực/ <i>Provision</i>	Khác (nêu rõ)/ <i>Others</i> (to specify)	
10. Tên cảng, quốc gia và ngày rời cảng liền trước đó/ <i>Port and State and date of last port call</i>			Năm/ <i>Year</i>	Tháng/ <i>Month</i>	Ngày/ <i>Day</i>
11. Tên tàu/ <i>Vessel name</i>					
12. Quốc gia mà tàu treo cờ/ <i>Flag State</i>					
13. Loại tàu/ <i>Type of vessel</i>					
14. Hồ hiệu quốc tế/ <i>International Radio Call Sign</i>					
15. Chứng nhận đăng ký số/ <i>Certificate of Registry ID</i>					
16. Số hiệu tàu IMO (nếu có)/ <i>IMO' ship ID (If available)</i>					
17. Số hiệu bên ngoài (nếu có)/ <i>External ID (If available)</i>					
18. Cảng đăng ký/ <i>Port of registry</i>					
19. (Các) chủ tàu/ <i>Vessel owner (s)</i>					

20. Người được hưởng lợi từ tàu (nếu xác định được, nhưng không phải là chủ tàu)/ <i>Vessel beneficial owner (s) (if known and different from vessel owner)</i>			
21. Người điều khiển tàu (nếu không phải là chủ tàu)/ <i>Vessel operator (s) (if different from vessel owner)</i>			
22. Họ tên và quốc tịch thuyền trưởng/ <i>Vessel master name and nationality</i>			
23. Họ tên và quốc tịch người chỉ huy khai thác/ <i>Fishing master name and nationality</i>			
24. Đại lý tàu/ <i>Vessel Agent</i>			
25. VMS:			
☐ Không/No	☐ Có: Quốc gia/ <i>National</i>	☐ Có: Tổ chức quản lý nghề cá khu vực/ <i>RFMO</i>	Loại (Số seri)/ <i>Type (Serial number):</i>
26. Hiện trạng pháp lý trong các khu vực RFMO nơi việc khai thác hoặc các hoạt động liên quan đến khai thác đã diễn ra, trong đó có danh mục tàu IUU/ <i>Status in RFMO areas where fishing or fishing related activities have been undertaken, including any IUU vessel listing</i>			
Số hiệu tàu trong RFMO (Tên, số IMO, Hô hiệu) <i>/RFMO Vessel Identifier</i> (Name, IMO number, International radio call sign)	Thuộc tổ chức quản lý nghề cá khu vực nào/ RFMO	Hiện trạng pháp lý của quốc gia mà tàu mang cờ/ Flag State status	Tàu thuộc danh mục tàu được cấp phép/ Vessel on authorized vessel list
			Yes No Yes No
			Yes No Yes No
			Yes No Yes No
27. Các giấy phép khai thác được cấp/ <i>Relevant fishing authorization (s)</i>			
Số/Identifier	Cơ quan cấp/ Issuing by	Có giá trị đến/ Validity	(Các) khu vực được phép khai thác/ Fishing Areas
			Đối tượng khai thác/ Fishing species
			Ngư cụ/ Fishing gear
28. Các giấy phép chuyển tải có liên quan/ <i>Relevant transshipment authorization</i>			
Số/Identifier		Cơ quan cấp/ Issuing by	Có giá trị đến/ Validity
Số/Identifier		Cơ quan cấp/ Issuing by	Có giá trị đến/ Validity

29. Thông tin về việc nhận chuyển tải từ tàu khai thác/ <i>Transshipment information concerning donor vessel</i>								
Ngày/ <i>Date</i>	Địa điểm/ <i>Location</i>	Tên/ <i>Name</i>	Quốc gia mà tàu treo cờ/ <i>Flag State</i>	Mã số/ <i>ID No.</i>	Đối tượng khai thác/ <i>Species</i>	Hình thức sản phẩm/ <i>Product form</i>	(Các) khu vực đánh bắt/ <i>Catch areas</i>	Khối lượng/ <i>Quantity</i>
30. Đánh giá về khối lượng khai thác được bốc dỡ/ <i>Evaluation of offloaded catch (quantity)</i>								
Người nhập khẩu/ <i>Importer(s)</i>	Đối tượng khai thác, tên khoa học/ <i>Species, scientific name</i>	Hình thức sản phẩm/ <i>Product form</i>	(Các) khu vực đánh bắt/ <i>Catch areas</i>	Khối lượng khai báo/ <i>Quantity declared</i>	Khối lượng bốc dỡ/ <i>quantity offloaded</i>			
.....								
.....								
31. Lượng đánh bắt được giữ lại trên tàu								
Đối tượng khai thác/ <i>Species</i>	Hình thức sản phẩm/ <i>Product form</i>	(Các) khu vực đánh bắt/ <i>Catch areas</i>	Khối lượng khai báo/ <i>Quantity declared</i>	Khối lượng được giữ lại trên tàu/ <i>Quantity retained</i>	Chênh lệch giữa khối lượng khai báo và khối lượng đã xác định (nếu có) / <i>Difference between quantity declared and quantity determined (if any)</i>			
32. Việc kiểm tra sổ ghi chép và các tài liệu khác/ <i>Examination of logbook (s) and other documentations</i>				Có/ <i>Yes</i>	Không/ <i>No</i>	Nhận xét/ <i>Comments</i>		
33. Việc tuân thủ chính sách hiện hành về việc lưu trữ tài liệu liên quan đến khai thác/ <i>Compliance with applicable catch documentation scheme (s)</i>				Có/ <i>Yes</i>	Không/ <i>No</i>	Nhận xét/ <i>Comments</i>		
34. Việc tuân thủ chính sách hiện hành về thông tin thương mại/ <i>Compliance with applicable trade information scheme (s)</i>				Có/ <i>Yes</i>	Không/ <i>No</i>	Nhận xét/ <i>Comments</i>		
35. Loại ngư cụ đã sử dụng/ <i>Type of gear used</i>								

36. Đã tiến hành kiểm tra ngư cụ theo mục (e) Phụ lục B/ <i>Gears examined in accordance with paragraph e) of Annex B</i>	Có/Yes	Không/No	Nhận xét/ <i>Comments</i>
37. Những phát hiện của kiểm tra viên/ <i>Findings by the inspector (s)</i>			
38. Những vi phạm rõ ràng đối với các văn bản quy phạm pháp luật đã phát hiện được/ <i>Apparent infringement (s) noted including reference to relevant legal instrument (s):</i>			
39. Ý kiến của thuyền trưởng/ <i>Comments by master</i>			
40. Hành động được thực hiện/ <i>Action taken</i>			
41. Kết quả thanh tra cảng/<i>Port Inspection Results</i> ☐ Cho vào để lên cá/<i>Use of port authorized for offloading</i> ☐ Từ chối cho lên cá, lý do/<i>Offload denied for the following reasons:</i> ☐ Tàu nằm trong danh sách IUU/<i>Vessel on IUU list</i> ☐ Thủy sản/sản phẩm thủy sản được khai thác bằng tàu không có giấy phép hoặc giấy phép không hợp lệ hoặc không có giá trị theo quy định của quốc gia mà tàu đó mang cờ hoặc của quốc gia ven biển có thẩm quyền/<i>Fish and fisheries products are fished by vessels without licenses or with invalid licenses according to the regulations of the Flag State of the vessel or the competent coastal State;</i> ☐ Thủy sản, sản phẩm thủy sản được vận chuyển, chuyển tải bằng tàu không có giấy phép hoặc giấy phép không hợp lệ hoặc không có giá trị theo quy định của quốc gia mà tàu đó mang cờ hoặc của quốc gia ven biển có thẩm quyền/<i>Fish and fisheries products are transported or transshipped by vessels without licenses or with invalid licenses according to the regulations of the Flag State of the vessel or the competent coastal State;</i> ☐ Thủy sản, sản phẩm thủy sản được khai thác bằng tàu không có giấy phép hoặc giấy phép không hợp lệ hoặc không có giá trị trong vùng nước thẩm quyền của tổ chức quản lý nghề cá khu vực/<i>Fish and fisheries products are fished by vessels without licenses or with invalid licenses within the competent waters area of the regional fisheries management organization;</i> ☐ Thủy sản, sản phẩm thủy sản được vận chuyển, chuyển tải bằng tàu không có giấy phép hoặc giấy phép không hợp lệ hoặc không có giá trị trong vùng nước thẩm quyền của tổ chức quản lý nghề cá khu vực/<i>Fish and fisheries products are transported or transshipped by vessels without licenses or with invalid licenses within the competent waters area of the regional fisheries management organization;</i> ☐ Có chứng cứ thủy sản, sản phẩm thủy sản trên tàu được khai thác vượt quá hạn ngạch cho phép của quốc gia ven biển có thẩm quyền hoặc của tổ chức quản lý nghề cá khu vực/<i>There is evidence that Fish and fisheries products on board are exploited in excess of the quota allowed by the competent coastal State or the regional fisheries management organization;</i>			

☐ Có chứng cứ thủy sản, sản phẩm thủy sản trên tàu được khai thác trái với quy định của quốc gia ven biển có thẩm quyền hoặc trái với quy định về biện pháp quản lý và bảo tồn trong vùng nước thẩm quyền của tổ chức quản lý nghề cá khu vực/ <i>There is evidence that Fish and fisheries products on board are exploited contrary to the regulations of the competent coastal State or contrary to regulations on conservation and management measures in the competent area of the regional fisheries management organization;</i> ☐ Có chứng cứ xác định tàu thực hiện hoặc hỗ trợ khai thác thủy sản bất hợp pháp theo quy định tại Điều 60 Luật Thủy sản/ <i>There is evidence that the vessel conducted or supported illegal fishing as prescribed in Article 60 of the Fisheries Law.</i>

Biên bản được lập thànhbên....giữ....bản, bên giữ ... bản, có giá trị pháp lý như nhau/

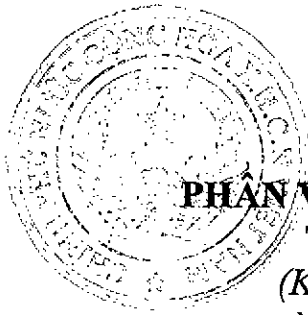
..... on hold..... copies, parties... keep..... copies, have the same legal value.

.....,ngày/date..... tháng/month.....năm/year..... CHỦ TÀU/THUYỀN TRƯỞNG <i>(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)</i> VESSEL'S OWNER/MASTER <i>(Signature, full name, seal (If any))</i>	, ngày/datetháng/month. ...năm/year.... NGƯỜI KIỂM TRA <i>(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)</i> INSPECTOR <i>(signature, full name, seal (if any))</i>

42. Đánh giá về khối lượng khai thác được bốc dỡ sau khi phân loại tại doanh nghiệp/*Evaluation of offloaded catch (quantity) after sorting*

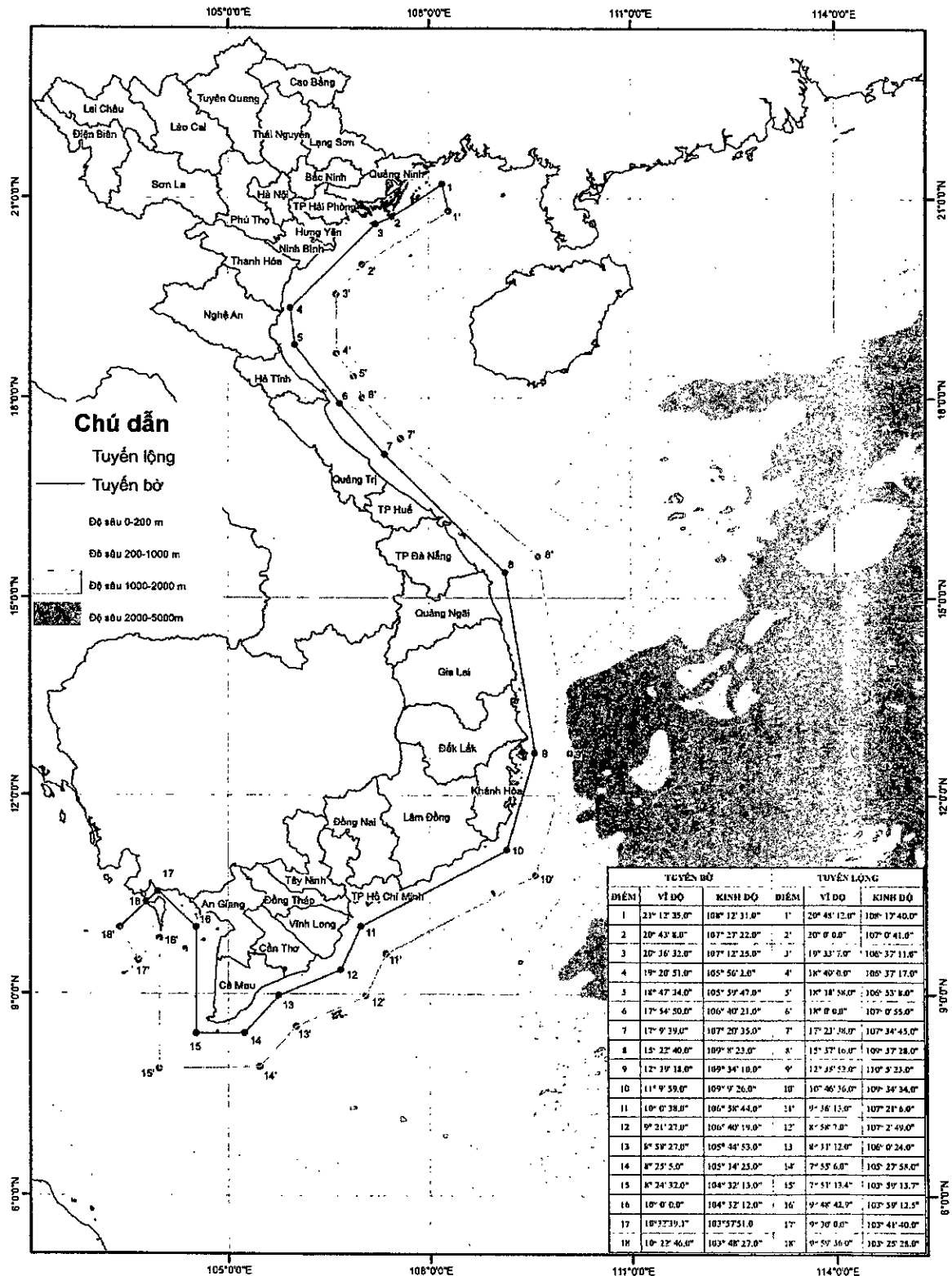
Người nhập khẩu/ <i>Importers</i>	Đối tượng khai thác, tên khoa học <i>/Species, scientific name</i>	Hình thức sản phẩm/ <i>Product form</i>	(Các) khu vực đánh bắt/ <i>Catch areas</i>	Khối lượng khai báo/ <i>Quantity declared</i>	Khối lượng sau khi phân loại/ <i>quantity offloaded after sorting</i>

....., ngày/datetháng/month. ...năm/year.... NGƯỜI KIỂM TRA <i>(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)</i> INSPECTOR <i>(signature, full name, seal (if any))</i>



Phụ lục III
PHÂN VÙNG, TUYẾN KHAI THÁC THỦY SẢN
TRONG VÙNG BIỂN VIỆT NAM

(Kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP
ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)





Phụ lục IV

**CÁC BIỂU MẪU TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ TÀU CÁ, TÀU CÔNG VỤ,
CÁ, KHU NEO ĐẬU TRÁNH TRÚ BẢO CHO TÀU CÁ**

*(Kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP
ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)*

TT	Tên biểu mẫu	Ký hiệu
1.	Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	Mẫu số 01.TC
2.	Thuyết minh điều kiện cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá	Mẫu số 02.TC
3.	Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	Mẫu số 03.TC
4.	Biên bản kiểm tra điều kiện cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá	Mẫu số 04.TC
5.	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	Mẫu số 05.TC
6.	Thông báo tham gia hoạt động đào tạo/bồi dưỡng, cấp chứng chỉ thuyền viên tàu cá	Mẫu số 06.TC
7.	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá	Mẫu số 07.TC
8.	Biên bản kiểm tra cơ sở đăng kiểm tàu cá	Mẫu số 08.TC
9.	Quyết định về việc cấp/cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá kèm Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá	Mẫu số 09.TC
10.	Dấu, ấn chỉ nghiệp vụ đăng kiểm tàu cá và nguyên tắc sử dụng	Mẫu số 10.TC
11.	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá	Mẫu số 11.TC
12.	Tờ khai về việc chấp thuận đóng mới/cải hoán/thuê, mua tàu cá	Mẫu số 12.TC
13.	Quyết định chấp thuận đóng mới/cải hoán/thuê/mua tàu cá	Mẫu số 13.TC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN
 ĐÓNG MỚI, CẢI HOÁN TÀU CÁ**

Kính gửi:.....

Cá nhân/Tổ chức đề nghị:

Mã định danh: (*) Loại giấy tờ: Cơ quan cấp: ngày
 cấp:

Địa chỉ:.....

Đề nghị kiểm tra, đánh giá và cấp giấy chứng
 nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá loại..., vật liệu vỏ... được nêu
 dưới đây:

1. Tên cơ sở:

2. Địa chỉ:

3. Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

4. Điện thoại:..... Email:

5. Hồ sơ gửi kèm, gồm:

.....

Chúng tôi/tôi cam kết chấp hành các quy định về đóng mới, cải hoán tàu cá,
 đảm bảo các yêu cầu về chất lượng, an toàn kỹ thuật tàu cá và vệ sinh môi trường
 theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú: (*) Đối với cá nhân: Số định danh cá nhân; đối với tổ chức: Ghi mã định danh
 điện tử của tổ chức hoặc mã số thuế hoặc số quyết định thành lập (trường hợp chưa có mã định
 danh điện tử hoặc mã số thuế).

TÊN CƠ SỞ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng..... năm.....

**THUYẾT MINH
ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ ĐÓNG MỚI, CẢI HOÁN TÀU CÁ****1. Thông tin chung về cơ sở:**

Tên, địa chỉ, số điện thoại, email (bao gồm văn phòng và địa điểm đóng mới, cải hoán tàu cá), người đại diện theo pháp luật, số giấy phép kinh doanh, các đơn vị trực thuộc.

2. Cơ sở vật chất, đội ngũ lao động:

a) Mô tả cơ sở vật chất cần thiết liên quan đến sản xuất (sơ đồ cơ sở chế tạo, văn phòng làm việc, nhà xưởng, nhà kho, các trang thiết bị sản xuất, các thiết bị đo và kiểm tra);

b) Mô tả quy trình thu gom và xử lý rác, chất thải, bảo vệ môi trường;

c) Mô tả hệ thống quản lý chất lượng, quy trình công nghệ đáp ứng yêu cầu theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu cá;

d) Danh sách các nhân viên kỹ thuật, giám sát và người lao động (trình độ chuyên môn nghiệp vụ, chương trình đào tạo đã tham gia, các chứng chỉ đã được cấp).

3. Phương án sản xuất, kinh doanh:

a) Đối tượng tàu cá đóng mới, cải hoán cơ sở đăng ký thực hiện và cơ sở vật chất đảm bảo yêu cầu thi công của cơ sở;

b) Số lượng tàu cá cơ sở có khả năng đóng mới, cải hoán, sửa chữa hàng năm;

c) Phương án đảm bảo chất lượng trong triển khai đóng mới, cải hoán;

d) Các công việc dự kiến do nhà thầu phụ thực hiện.

....., ngày... tháng.... năm....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN
ĐÓNG MỚI, CẢI HOÁN TÀU CÁ

Kính gửi:.....

Cá nhân/Tổ chức đề nghị:

Mã định danh: (*) Loại giấy tờ: Cơ quan cấp: ngày
cấp:

Địa chỉ:.....

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán đã được cấp mang
số:..... được cấp ngày tháng năm.....;

Giấy chứng nhận nêu trên đã bị (nêu rõ lý do đề nghị cấp lại).

.....

.....

Đề nghị cơ quan thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện
đóng mới, cải hoán.

Chúng tôi xin cam đoan các nội dung nêu trên là đúng sự thật và chịu trách
nhiệm trước pháp luật về các nội dung trong đơn này./.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (*) Đối với cá nhân: Số định danh cá nhân; đối với tổ chức: Ghi mã định danh điện
tử của tổ chức hoặc mã số thuế hoặc số quyết định thành lập (trường hợp chưa có mã định danh
điện tử hoặc mã số thuế).

CƠ QUAN CẤP TRÊN
CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Kiểm tra điều kiện cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá

Số:/BB-ĐKCS

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Căn cứ kiểm tra:.....

2. Ngày kiểm tra:

3. Tên cơ sở kiểm tra:

- Địa chỉ trụ sở:

- Số điện thoại:Email:

- Số giấy đăng ký kinh doanh:.....

- Tên cơ quan cấp: Ngày cấp:

4. Địa điểm kiểm tra:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Email:

5. Thành phần Đoàn kiểm tra (Ghi đầy đủ họ tên, chức vụ, số điện thoại của từng thành viên):...

6. Thành phần cơ sở được kiểm tra (Ghi đầy đủ họ tên, chức vụ, số điện thoại của từng thành viên):...

7. Loại vỏ tàu cơ sở đóng mới, cải hoán:

8. Đăng ký là cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá Loại:.....

9. Giấy chứng nhận hệ thống phù hợp tiêu chuẩn (nếu có):

TT	Tên tiêu chuẩn được chứng nhận	Tên tổ chức chứng nhận	Hiệu lực của Giấy chứng nhận	Nội dung chứng nhận
1				
2				
n				

II. NỘI DUNG KIỂM TRA

TT	Chỉ tiêu kiểm tra	Kết quả kiểm tra		Diễn giải kết quả kiểm tra; hành động khắc phục lỗi
		Đạt	Không đạt	
I	Có cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp; có phương án tổ chức sản xuất, kinh doanh phù hợp với chủng loại, kích cỡ tàu cá được đóng mới, cải hoán			
	Áp dụng đối với cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá vỏ thép ^(*) :			
1	Diện tích mặt bằng			
2	Ụ nổi (ụ khô) hoặc đường triền nâng, hạ tàu (có hệ thống tời kéo và xe triền) hoặc hệ thống hạ thủy bằng túi khí phù hợp với trọng lượng tàu			
3	Xưởng vỏ			
4	Xưởng cơ khí - máy - điện			
5	Các trang thiết bị đo và dụng cụ tháo lắp			
a	Thiết bị đo, kiểm tra (đồng hồ số, panme, thước cặp, thước lá, bộ lá căn, đồng hồ đo áp suất, nhiệt độ, bút thử điện, vôn kế, ampe kế, ampe kìm, điện trở kế)			
b	Dụng cụ tháo, lắp, sửa chữa (kìm, cơ lê, mỏ lết, êtô, thiết bị tháo chân vịt, bàn mài, thiết bị đo áp lực vòi phun)			
c	Thiết bị thử kín nước, thử thủy lực, thử áp lực			
d	Dụng cụ đo bước xoắn và cân bằng tĩnh chân vịt			
6	Thiết bị nâng, hạ			
	Cầu trục đôi hoặc cầu trục đơn có tổng trọng tải tối thiểu 25 tấn			

	Áp dụng đối với cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá vỏ gỗ^(*):			
1	Diện tích mặt bằng			
2	Trang thiết bị để hạ thủy tàu phù hợp với trọng lượng tàu đóng			
3	Xưởng vỏ			
4	Xưởng cơ khí máy điện			
5	Các trang thiết bị đo và dụng cụ tháo lắp			
a	Thiết bị đo, kiểm tra (đồng hồ số, panme, thước cặp, thước lá, bộ lá căn, đồng hồ đo áp suất, nhiệt độ, vôn kế, ampe kế, ampe kim, điện trở kế, thiết bị đo độ ẩm gỗ)			
b	Dụng cụ tháo, lắp, sửa chữa (kìm, cơ lê, mỏ lết, êtô, thiết bị tháo chân vịt)			
c	Thiết bị thử kín nước, thử thủy lực, thử áp lực			
d	Dụng cụ đo bước xoắn và cân bằng tĩnh chân vịt			
	Áp dụng đối với cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá vỏ vật liệu mới^(*):			
1	Diện tích mặt bằng			
2	Trang thiết bị để hạ thủy tàu phù hợp với trọng lượng tàu đóng			
3	Diện tích xưởng chế tạo vỏ (xưởng dát)			
4	Các trang thiết bị cần thiết phục vụ công việc dát vỏ tàu			
5	Kho chứa nguyên liệu			
6	Xưởng cơ khí máy điện			
7	Các trang thiết bị đo và dụng cụ tháo lắp			

a	Thiết bị đo, kiểm tra (đồng hồ so, panme, thước cặp, thước lá, bộ lá căn, đồng hồ đo áp suất, nhiệt độ, vôn kế, ampe kế, ampe kìm, điện trở kế)			
b	Dụng cụ tháo, lắp, sửa chữa (kìm, cơ lê, mỏ lết, êtô, thiết bị tháo chân vít)			
c	Thiết bị thử kín nước, thử thủy lực, thử áp lực			
d	Dụng cụ đo bước xoắn và cân bằng tĩnh chân vít			
8	Thiết bị nâng, hạ			
	Cầu trục đôi hoặc cầu trục đơn có tổng trọng tải tối thiểu 15 tấn			
II	Nhân lực, bộ phận giám sát, quản lý chất lượng để bảo đảm sản phẩm đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định			
	Áp dụng đối với cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá vỏ thép^(*):			
1	Bộ phận giám sát, quản lý chất lượng thuộc các chuyên ngành kỹ thuật liên quan			
a	Vỏ tàu thủy			
b	Máy tàu thủy hoặc cơ khí tàu thuyền			
2	Bộ phận kỹ thuật thuộc các chuyên ngành kỹ thuật liên quan			
a	Vỏ tàu thủy			
b	Máy tàu thủy			
c	Điện tàu thủy hoặc điện lạnh			
d	Cơ khí tàu thuyền			
3	Công nhân kỹ thuật			
a	Thợ cơ khí			

b	Thợ điện			
c	Thợ hàn kim loại			
	Áp dụng đối với cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá vỏ gỗ^(*):			
1	Bộ phận giám sát, quản lý chất lượng thuộc các chuyên ngành kỹ thuật liên quan			
a	Vỏ tàu thủy			
b	Máy tàu thủy hoặc cơ khí tàu thuyền			
2	Bộ phận kỹ thuật thuộc các chuyên ngành kỹ thuật liên quan			
a	Vỏ tàu thủy			
b	Máy tàu thủy hoặc cơ khí tàu thuyền			
3	Công nhân kỹ thuật			
a	Thợ cơ khí			
b	Thợ điện			
c	Thợ hàn kim loại			
	Áp dụng đối với cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá vỏ vật liệu mới^(*):			
1	Bộ phận giám sát, quản lý chất lượng thuộc các chuyên ngành kỹ thuật liên quan			
a	Vỏ tàu thủy			
b	Máy tàu thủy hoặc cơ khí tàu thuyền			
2	Bộ phận kỹ thuật thuộc các chuyên ngành kỹ thuật liên quan			
a	Vỏ tàu thủy			
b	Máy tàu thủy hoặc cơ khí tàu thuyền			
3	Công nhân kỹ thuật			
a	Thợ cơ khí			

b	Thợ điện			
c	Thợ làm khuôn và dát vỏ tàu			
III	Thu gom và xử lý rác, chất thải			
IV	Hệ thống quản lý chất lượng, quy trình công nghệ đáp ứng yêu cầu			
1	Xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng			
a	Kiểm soát vật liệu, máy móc			
b	Kiểm soát quá trình đóng mới, cải hoán			
c	Kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh thiết bị			
d	Vệ sinh cơ sở, nhà xưởng			
đ	Thu gom và xử lý chất thải, rác thải			
2	Có quy trình công nghệ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu cá			
a	Quy trình đóng mới tàu cá			
b	Quy trình cải hoán tàu cá			
	Số chỉ tiêu đạt/không đạt			

III. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA (nội dung cần khắc phục, thời gian khắc phục, báo cáo khắc phục):

.....

IV. Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ SỞ:

.....

CHỦ CƠ SỞ ĐƯỢC KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: (*) Trường hợp cơ sở chỉ đóng tàu bằng một loại vật liệu vỏ thì giữ lại nội dung điều kiện tương ứng với cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá loại vỏ đó, bỏ các nội dung không thuộc loại vật liệu vỏ còn lại.

HƯỚNG DẪN KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ ĐÓNG MỚI, CẢI HOÁN TÀU CÁ

A. NGUYÊN TẮC KIỂM TRA

1. Ghi biểu mẫu kiểm tra

- Ghi đầy đủ thông tin theo quy định trong biểu mẫu.
- Thăm tra, đánh giá và ghi thông tin chính xác.
- Nếu sửa chữa trên nội dung đã ghi trong Biên bản, phải có chữ ký xác nhận của Trưởng đoàn kiểm tra.

2. Nguyên tắc đánh giá

- Kết quả đánh giá của chỉ tiêu là “Đạt” hoặc “Không đạt”.
- Dùng ký hiệu X hoặc ✓ đánh dấu vào các vị trí mức đánh giá đã được xác định đối với mỗi chỉ tiêu.
- Phải diễn giải chi tiết chỉ tiêu đạt và không đạt; mỗi chỉ tiêu không đạt phải ghi cụ thể lỗi và xác định thời hạn cơ sở phải khắc phục lỗi đó; mỗi chỉ tiêu đạt phải nêu rõ nội dung, bằng chứng đạt yêu cầu.

3. Chỉ chứng nhận đủ điều kiện khi cơ sở đáp ứng toàn bộ các chỉ tiêu.

4. Ngôn ngữ sử dụng trong tài liệu phục vụ kiểm tra, đánh giá phải thể hiện bằng tiếng Việt.

B. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ TỪNG CHỈ TIÊU

1. Có cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp; có phương án tổ chức sản xuất, kinh doanh phù hợp với chủng loại, kích cỡ tàu cá được đóng mới, cải hoán.

Yêu cầu: Đáp ứng cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương án tổ chức sản xuất, kinh doanh phù hợp với chủng loại, kích cỡ, vật liệu vỏ tàu cá được đóng mới, cải hoán theo Luật Thủy sản và Nghị định hướng dẫn và các quy định có liên quan.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trường; kiểm tra tình trạng hoạt động của thiết bị khi cần thiết; xem xét hồ sơ, tài liệu.

2. Nhân lực, bộ phận giám sát, quản lý chất lượng để bảo đảm sản phẩm đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

Yêu cầu: Đáp ứng nhân lực, bộ phận giám sát, quản lý chất lượng phù hợp với chủng loại, kích cỡ, vật liệu vỏ tàu cá được đóng mới, cải hoán theo Luật Thủy sản và Nghị định hướng dẫn và các quy định có liên quan.

Phương pháp đánh giá: Xem xét hồ sơ, văn bằng chứng chỉ, tài liệu.

3. Thiết bị thu gom và xử lý rác, chất thải

Yêu cầu: Trang bị thùng rác phù hợp để phân loại rác (rác thải sinh hoạt, tái chế và nguy hại), thùng chứa rác thải nguy hại cần có nắp đậy kín. Nơi chứa rác, chất thải tách biệt với khu vực sản xuất và nơi sinh hoạt. Nơi chứa rác, chất thải nguy hại phải được để riêng và có khóa.

Phương pháp đánh giá: Quan sát hiện trường; xem xét hồ sơ, tài liệu về nhận diện, phân loại rác, chất thải.

4. Hệ thống quản lý chất lượng, quy trình công nghệ đáp ứng yêu cầu

- Có giấy chứng nhận, quy trình công nghệ tương ứng với từng loại cơ sở.

- Kiểm tra điều kiện, các bước thực hiện theo giấy chứng nhận; quy trình công nghệ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu cá tương ứng với từng loại cơ sở.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐÓNG MỚI, CẢI HOÁN TÀU CÁ

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
CHỨNG NHẬN:

Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/giấy chứng nhận đầu tư: ...

Đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá loại..., vật liệu vỏ... theo quy định.

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN
(Ký tên/ký số và đóng dấu)

Số: /GCN

(Đã cấp lần 1 ngày:

Cấp lần 2 ngày:)

Mẫu số 06.TC

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN (nếu có)
TÊN CƠ SỞ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

..., ngày tháng năm

V/v thông báo tham gia đào tạo/bồi dưỡng,
cấp chứng chỉ thuyền viên tàu cá

Kính gửi: (Tên cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản
thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

- Tên cơ sở đào tạo/bồi dưỡng:
- Địa chỉ:
- Số điện thoại: Email:
- Mã định danh: (*) Loại giấy tờ: Cơ quan cấp: ngày cấp:
- Người đại diện pháp luật: Chức vụ:

Căn cứ Luật Thủy sản và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

Nhận thấy cơ sở của chúng tôi có đủ điều kiện tham gia đào tạo/bồi dưỡng cấp chứng chỉ thuyền viên tàu cá, thời gian tiến hành đào tạo/bồi dưỡng từ ngày.....thángnăm

Xin gửi kèm theo văn bản này:

- (1) Văn bản thành lập cơ sở (bản chụp);
- (2) Bản mô tả thể hiện cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định (bản chính có đóng dấu của cơ sở);
- (3) Danh sách giảng viên (họ tên, năm sinh, chức danh, chuyên môn,...);
- (4) Giáo trình đào tạo/bồi dưỡng.

Bằng văn bản này, chúng tôi trân trọng thông báo đến quý cơ quan và cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động đào tạo/bồi dưỡng cấp chứng chỉ thuyền viên tàu cá theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường...;
- Lưu:...

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: (*) Mã định danh điện tử của tổ chức hoặc mã số thuế hoặc số quyết định thành lập (trường hợp chưa có mã định danh điện tử hoặc mã số thuế).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Kính gửi: (Tên cơ quan cấp phép).

Tên cơ sở đề nghị:.....

Địa chỉ:.....

Mã định danh: (*) Loại giấy tờ: Cơ quan cấp: ngày
cấp:

Số điện thoại:..... ; Email:.....

1. Danh sách đăng kiểm viên:

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số Căn cước/ căn cước công dân	Chuyên môn, chuyên ngành đào tạo	Hạng thẻ đăng kiểm viên	Thời hạn thẻ	Ghi chú
1							
2							
3							

2. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật:

TT	Tên thiết bị, dụng cụ	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1					
2					
....					

Đề nghị quý cơ quan tiến hành kiểm tra và công nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá loại

CHỦ CƠ SỞ

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Ghi chú: (*) Mã định danh điện tử của tổ chức hoặc mã số thuế hoặc số quyết định thành lập (trường hợp chưa có mã định danh điện tử hoặc mã số thuế).

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

BIÊN BẢN
Kiểm tra cơ sở đăng kiểm tàu cá

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở được kiểm tra:.....

- Địa chỉ:

- Số điện thoại:..... Email:.....

- Mã định danh: (*) Loại giấy tờ: Cơ quan cấp: ngày cấp:.....

- Người đại diện của cơ sở: Chức vụ:

- Mã định danh: (*) Loại giấy tờ: Cơ quan cấp: ngày cấp:

Đề nghị kiểm tra, công nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá loại...theo Đơn đề nghị (**) số.....ngày.....tháng.....năm.....

2. Thành phần Đoàn kiểm tra (Ghi đầy đủ họ tên, chức vụ, số điện thoại của từng thành viên).

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

TT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra		Diễn giải kết quả kiểm tra, hành động và thời gian khắc phục lỗi
		Đạt	Không đạt	
I	KIỂM TRA LẦN ĐẦU/KIỂM TRA DUY TRÌ			
1	Văn bản thành lập:			
2	Trang thiết bị và đường truyền dữ liệu để nhập và lưu trữ dữ liệu			
3	Dụng cụ, trang thiết bị phục vụ kiểm tra kỹ thuật (có danh sách kèm theo)			
4	Thực hiện niêm yết công khai quy trình thẩm định hồ sơ thiết kế tàu cá, quy trình cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá; biểu giá, phí liên quan đến công tác đăng kiểm tàu cá.			
5	Đội ngũ Đăng kiểm viên:			
5a	Số ĐKV hạng I (theo chuyên môn):			
5b	Số ĐKV hạng II (theo chuyên môn):			

5c	Số ĐKV hạng III (theo chuyên môn):			
6	Thiết lập và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương hoặc quy trình thẩm định hồ sơ thiết kế tàu cá, quy trình cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá			

III. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

.....

.....

.....

IV. Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

.....

.....

.....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC KIỂM TRA

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

Ghi chú:

(*) Đối với cá nhân: Số định danh cá nhân; đối với tổ chức: Ghi mã định danh điện tử của tổ chức hoặc mã số thuế hoặc số quyết định thành lập (trường hợp chưa có mã định danh điện tử hoặc mã số thuế).

(**) Áp dụng đối với trường hợp đề nghị kiểm tra lần đầu.

HƯỚNG DẪN

GHI BIÊN BẢN KIỂM TRA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

A. NGUYÊN TẮC KIỂM TRA

1. Không bỏ sung hoặc bỏ bớt các chỉ tiêu đã được quy định.
2. Ghi đầy đủ thông tin theo quy định trong biểu mẫu.
3. Nếu sửa chữa trên nội dung đã ghi trong Biên bản, phải có ký xác nhận của Trưởng đoàn kiểm tra.
4. Đánh dấu vào các vị trí mức đánh giá đã được xác định đối với mỗi chỉ tiêu.
5. Diễn giải cụ thể đối với chỉ tiêu đạt và không đạt; mỗi chỉ tiêu không đạt phải xác định thời hạn để cơ sở khắc phục.

B. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ TỪNG CHỈ TIÊU

1. Văn bản thành lập:
 - a) Yêu cầu: Có văn bản thành lập trong đó có hoạt động/chức năng, nhiệm vụ thực hiện đăng kiểm tàu cá.
 - b) Phương pháp: Kiểm tra hồ sơ của cơ sở.
2. Trang thiết bị và đường truyền dữ liệu để nhập và lưu trữ dữ liệu
 - a) Yêu cầu: Có thiết bị (máy tính, thiết bị tương tự máy tính và có thiết bị lưu trữ dữ liệu) để nhập, lưu trữ dữ liệu; có mạng internet để kết nối, truyền dữ liệu. Khi kiểm tra sẽ kiểm tra, xem xét việc cơ sở có nhập, lưu trữ, truyền dữ liệu.
 - b) Phương pháp: Kiểm tra thực tế các thiết bị và xem dữ liệu, hồ sơ của cơ sở.
3. Dụng cụ, trang thiết bị phục vụ kiểm tra kỹ thuật
 - a) Yêu cầu: Có đầy đủ tại cơ sở các dụng cụ, trang thiết bị phục vụ kiểm tra kỹ thuật theo quy định. Các dụng cụ, trang thiết bị phục vụ kiểm tra kỹ thuật phải bảo đảm còn sử dụng được theo tính năng kỹ thuật. Một số trang thiết bị phải được hiệu chỉnh, kiểm định theo quy định
 - b) Phương pháp: Kiểm tra thực tế các dụng cụ, trang thiết bị tại cơ sở.
4. Đội ngũ Đăng kiểm viên:
 - a) Yêu cầu: Có đủ số lượng theo các hạng đăng kiểm viên, chuyên môn, có thẻ đăng kiểm viên; có tên trong bảng lương của cơ sở hoặc hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng theo quy định.
 - b) Phương pháp: Kiểm tra hồ sơ, dữ liệu tại cơ sở.
5. Thiết lập và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương hoặc quy trình thâm định hồ sơ thiết kế tàu cá, quy trình cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá.
 - a) Yêu cầu: Phải bao gồm các nội dung cơ bản sau: Quyết định ban hành, trình tự thực hiện, nội dung, thời gian kiểm soát, người thực hiện, lưu trữ, biểu mẫu kèm theo, phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu cá theo quy định, tuân thủ theo quy trình thực hiện thủ tục hành chính đã được quy định tại văn bản hướng dẫn Luật Thủy sản. Hồ sơ, tài liệu phải được người có thẩm quyền của cơ sở ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu, bảo đảm tính pháp lý.
 - b) Phương pháp: Kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế tại cơ sở./.

Mẫu số 09.TC

**MẪU QUYẾT ĐỊNH CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ**

**CƠ QUAN CẤP TRÊN
CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-...

....., ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp/cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

Căn cứ ... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (Tên cơ quan cấp phép);

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số... ngày... tháng... năm... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Căn cứ Biên bản kiểm tra của (Tên cơ quan cấp phép) ngày.....tháng năm...;

Theo đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá Loại...đối với:.....(ghi tên cơ sở) tại địa chỉ:.....do..... làm chủ cơ sở.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Cơ sở đăng kiểm tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm:

1. Liên hệ cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường để đăng ký tài khoản trên hệ thống Cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia (Vnfishbase) để thực hiện trách nhiệm cập nhật kết quả cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá.

2. Thực hiện các chế độ báo cáo định kỳ theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Chánh Văn phòng ..., , (tên cơ sở đăng kiểm tàu cá) và cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

-
- Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP
CHỨNG NHẬN:

Tên cơ sở:.....
Mã định danh: (*) Loại giấy tờ: Cơ quan cấp: ngày
cấp:
Địa chỉ:.....
Điện thoại:.....Email:.....
Người đại diện pháp luật (ông/bà):.....
Chức vụ:
Mã định danh: (*) Loại giấy tờ: Cơ quan cấp: ngày
cấp:
Là Cơ sở đăng kiểm tàu cá loại.....
Giấy chứng nhận có hiệu lực từ ngày.....

..., ngày..... tháng.....năm...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP
*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

Số: /20... /GCN-... ban hành kèm theo Quyết định số.....
(Đã cấp lần ngày:)

Ghi chú: (*) Đối với cá nhân: Số định danh cá nhân; đối với tổ chức: Ghi mã định danh điện tử của tổ chức hoặc mã số thuế hoặc số quyết định thành lập (trường hợp chưa có mã định danh điện tử hoặc mã số thuế).

MẪU DẤU, ÁN CHỈ NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ VÀ NGUYÊN TẮC SỬ DỤNG

I. MẪU DẤU NGHIỆP VỤ

1. Mẫu dấu 1A: Dấu đóng trên hồ sơ thiết kế kỹ thuật được thẩm định

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ THIẾT KẾ KỸ THUẬT ĐƯỢC THẨM ĐỊNH
SỐ : NGÀY THẨM ĐỊNH:

Quy cách: Dấu hình chữ nhật, có 02 hình chữ nhật: hình chữ nhật 1 có kích thước 30mm x 55mm, bề dày 0,2 mm; hình chữ nhật 2 cách hình chữ nhật 1 (về phía bên trong) bằng 0,5 mm, bề dày 0,1 mm. Bên trong hình chữ nhật, phía trên có 2 hàng chữ (hàng chữ 1 “ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ” phông chữ Times New Roman cỡ 12, hàng chữ thứ 2 “THIẾT KẾ KỸ THUẬT ĐƯỢC THẨM ĐỊNH”, phông chữ Times New Roman cỡ 9). Phía dưới có 2 hàng chữ (hàng chữ 1 “SỐ” hàng chữ thứ 2 “NGÀY THẨM ĐỊNH”) phông chữ Times New Roman cỡ 8).

2. Mẫu dấu 1B: Dấu đóng trên hồ sơ kỹ thuật (đối với trường hợp đóng mới không có giám sát của Đăng kiểm tàu cá hoặc tổ chức đăng kiểm khác được đăng kiểm tàu cá ủy quyền).

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ HỒ SƠ KỸ THUẬT ĐƯỢC THẨM ĐỊNH
SỐ: NGÀY THẨM ĐỊNH:

Quy cách: Dấu hình chữ nhật, có 02 hình chữ nhật: hình chữ nhật 1 có kích thước 30mm x 55mm, bề dày 0,2 mm; hình chữ nhật 2 cách hình chữ nhật 1 (về phía bên trong) bằng 0,5 mm, bề dày 0,1 mm. Bên trong hình chữ nhật, phía trên có 2 hàng chữ (hàng chữ 1 “ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ” phông chữ Times New Roman cỡ 12, hàng chữ thứ 2 “HỒ SƠ KỸ THUẬT ĐƯỢC THẨM ĐỊNH”, phông chữ Times New Roman cỡ 9). Phía dưới có 2 hàng chữ (hàng chữ 1 “SỐ” hàng chữ thứ 2 “NGÀY THẨM ĐỊNH”) phông chữ Times New Roman cỡ 8.

3. Mẫu dấu 1C: Dấu đóng trên hồ sơ hoàn công (đối với trường hợp sau khi đóng mới có thay đổi với hồ sơ thiết kế đóng mới được thẩm định).

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ
HỒ SƠ HOÀN CÔNG ĐƯỢC THẨM ĐỊNH
SỐ:.....
NGÀY THẨM ĐỊNH:.....

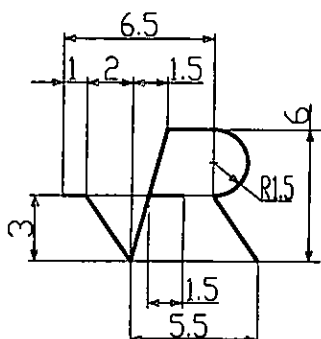
Quy cách: Dấu hình chữ nhật, có 02 hình chữ nhật: hình chữ nhật 1 có kích thước 30mm x 55mm, bề dày 0,2 mm; hình chữ nhật 2 cách hình chữ nhật 1 (về phía bên trong) bằng 0,5 mm, bề dày 0,1 mm. Bên trong hình chữ nhật, phía trên có 2 hàng chữ (hàng chữ 1 “ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ” phong chữ Times New Roman cỡ 12, hàng chữ thứ 2 “HỒ SƠ HOÀN CÔNG ĐƯỢC THẨM ĐỊNH”, phong chữ Times New Roman cỡ 9). Phía dưới có 2 hàng chữ (hàng chữ 1 “SỐ” hàng chữ thứ 2 “NGÀY THẨM ĐỊNH”) phong chữ Times New Roman cỡ 8.

4. Mẫu dấu 1D: Dấu đóng trên hồ sơ sao duyệt (đối với trường hợp sao duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật đã được thẩm định).

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ
SAO DUYỆT HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT
SỐ SAO DUYỆT:.....
NGÀY SAO DUYỆT:.....

Quy cách: Dấu hình chữ nhật, có 02 hình chữ nhật: hình chữ nhật 1 có kích thước 30mm x 55mm, bề dày 0,2 mm; hình chữ nhật 2 cách hình chữ nhật 1 (về phía bên trong) bằng 0,5 mm, bề dày 0,1 mm. Bên trong hình chữ nhật, phía trên có 2 hàng chữ (hàng chữ 1 “ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ” phong chữ Times New Roman cỡ 12, hàng chữ thứ 2 “SAO DUYỆT HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT”, phong chữ Times New Roman cỡ 9). Phía dưới có 3 hàng chữ (hàng chữ 1 “SỐ SAO DUYỆT”, hàng chữ thứ 2 “NGÀY SAO DUYỆT”, hàng thứ 3 “THIẾT KẾ ĐƯỢC SAO DUYỆT”) phong chữ Times New Roman cỡ 8.

II. MẪU ẤN CHỈ VÀ BỘ SỐ

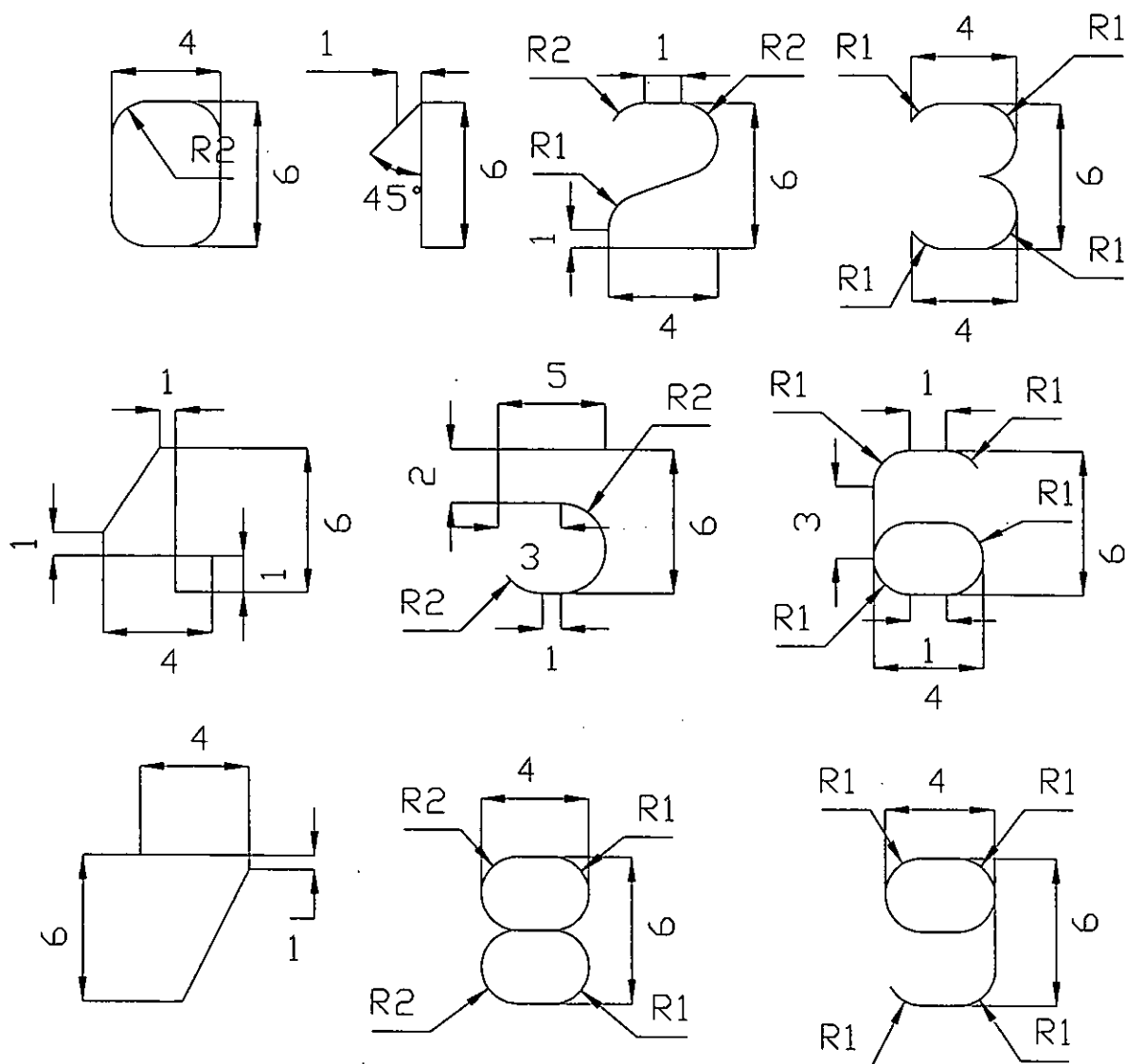


1. Mẫu ấn chỉ: Đóng chìm trên vật liệu, máy móc, các trang thiết bị chế tạo, lắp đặt trên tàu cá được đăng kiểm kiểm tra

Quy cách: Ấn chỉ là biểu tượng cách điệu các chữ cái VFR (Việt Nam Fishing vessel Register) có kích thước như hình bên.

2. Bộ số

Số đóng chìm trên vật liệu, máy móc, các trang thiết bị chế tạo, lắp đặt trên tàu nhằm đánh dấu số lượng, chủng loại máy móc, vật liệu, các trang thiết bị được đăng kiểm kiểm tra.



Quy cách: Bộ số gồm 10 chữ số từ số 0 đến số 9, có kích thước như hình trên.

III. NGUYÊN TẮC SỬ DỤNG DẤU, ÁN CHỈ NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

1. Dấu nghiệp vụ được sử dụng cùng với dấu của cơ sở đăng kiểm tàu cá trong công tác thẩm định hồ sơ thiết kế tàu cá, tàu công vụ thủy sản. Dấu phải được đóng đúng chiều, ngay ngắn, rõ ràng.

2. Ấn chỉ nghiệp vụ được sử dụng trong kiểm tra vật liệu, kiểm tra các trang thiết bị chế tạo, lắp đặt, sử dụng trên tàu cá.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Kính gửi: Cơ quan cấp phép.

Tên cơ sở đề nghị:.....

Địa chỉ:.....

Mã định danh: (*) Loại giấy tờ: Cơ quan cấp: ngày
cấp:

Giấy chứng nhận đã được cấp số:.....ngày.....

Lý do đề nghị cấp lại:

Bị mất ☐

Hư hỏng ☐

Thay đổi thông tin ☐

Các thông tin thay đổi (nếu có).....

Hồ sơ gửi kèm, gồm:.....

.....

.....

Đề nghị cơ quan thẩm quyền kiểm tra, đánh giá và cấp lại Giấy chứng nhận
cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá loại.....

CƠ SỞ ĐỀ NGHỊ.

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Ghi chú: (*) Ghi mã định danh điện tử của tổ chức hoặc mã số thuế hoặc số quyết định thành
lập (trường hợp chưa có mã định danh điện tử hoặc mã số thuế).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ KHAI

Về việc chấp thuận đóng mới/cải hoán tàu cá
(hoặc: Tờ khai về việc chấp thuận thuê, mua tàu cá))**

Kính gửi :.....

Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức:

Địa chỉ thường trú/Địa chỉ đăng ký (đối với tổ chức):.....

Mã định danh:(*) ... Loại giấy tờ: ... Cơ quan cấp: ngày cấp:

Trường hợp đóng mới tàu cá:

Đề nghị được đóng mới/cải hoán tàu cá với các đặc điểm chính như sau:

- Vật liệu vỏ:.....

- Nghề khai thác thủy sản:

- Vùng hoạt động:

Trường hợp cải hoán/thuê/mua tàu cá():**

Đề nghị được thuê/mua tàu cá với các đặc điểm chính như sau:

- Kích thước chính: $L_{\max} \times B_{\max} \times D$ (m); Chiều chìm: d.....(m).

- Vật liệu vỏ:..... Công suất (kW):.....

- Nghề khai thác thủy sản:

- Vùng hoạt động:

- Nội dung đề nghị cải hoán(***).....

Tôi cam đoan đóng mới/cải hoán tàu cá (hoặc thuê, mua tàu cá) theo đúng nội dung đã đề nghị ở trên và chấp hành đầy đủ các quy định về đóng mới, cải hoán (hoặc mua, bán), đăng ký, đăng kiểm, cấp giấy phép khai thác thủy sản.

CHỦ CƠ SỞ/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Ghi chú:

(*) Đối với cá nhân: Số định danh cá nhân; đối với tổ chức: Ghi mã định danh điện tử của tổ chức hoặc mã số thuế hoặc số quyết định thành lập (trường hợp chưa có mã định danh điện tử hoặc mã số thuế).

(**) Bỏ cụm từ không phù hợp, để phù hợp với từng trường hợp đóng mới hoặc cải hoán hoặc thuê hoặc mua tàu cá.

(***) Ghi chi tiết nội dung đề nghị cải hoán.

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

..., ngày...tháng...năm...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấp thuận đóng mới/cải hoán/thuê/mua tàu cá(**)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số... ngày... tháng... năm... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Căn cứ Quyết định số... quy định chức năng nhiệm vụ thẩm quyền của.....;

Căn cứ hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản và tiêu chí phát triển nghề cá của.....;

Xét đề nghị của; địa chỉ.....; tại đơn đề nghị.....

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận cho (tên tổ chức/cá nhân)

Mã định danh:(*) ... Loại giấy tờ: ... Cơ quan cấp: ngày cấp:

Địa chỉ thường trú/Địa chỉ đăng ký (đối với tổ chức):.....

Được phép đóng mới/cải hoán/thuê/mua (**) tàu cá với đặc điểm chính như sau:

1. Chiều dài lớn nhất (L_{max}):.....

2. Vật liệu vỏ:..... Công suất (kW):.....

3. Nghề khai thác thủy sản:

4. Vùng hoạt động:

5.....(nội dung khác - nếu có).....

Điều 2. Thời hạn hoàn thành thủ tục đăng ký(***):

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. vàcó trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- ...

- Tên cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);

- Lưu: VT,...

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN

(Chữ ký/chữ ký số và đóng dấu)

Ghi chú:

(*) Đối với cá nhân: Số định danh cá nhân; đối với tổ chức: Ghi mã định danh điện tử của tổ chức hoặc mã số thuế hoặc số quyết định thành lập (trường hợp chưa có mã định danh điện tử hoặc mã số thuế).

(**): Gạch hoặc xóa bỏ cụm từ không phù hợp, để phù hợp với từng trường hợp đóng mới, cải hoán hoặc thuê, mua tàu cá. Trên 01 văn bản chấp thuận không cấp đồng thời 02 trường hợp mua và cải hoán tàu.

(***): 06 tháng đối với trường hợp cải hoán, thuê, mua hoặc trong thời hạn 12 tháng đối với trường hợp đóng mới kể từ ngày văn bản chấp thuận có hiệu lực.



Phụ lục V
YÊU CẦU ĐỐI VỚI CƠ SỞ ĐÓNG MỚI, CẢI HOÁN TÀU CÁ
(Kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP
ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

1. Yêu cầu về nhà xưởng, trang thiết bị, nhân lực tối thiểu đối với cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá vỏ thép:

a) Yêu cầu về nhà xưởng, trang thiết bị

TT	NỘI DUNG	ĐVT	LOẠI CƠ SỞ ĐÓNG TÀU		
			LOẠI III	LOẠI II	LOẠI I
1	Diện tích mặt bằng	m ²	2.000	3.000	5.000
2	Ụ nổi (ụ khô) hoặc đường triền nâng, hạ tàu (có hệ thống tời kéo và xe triền) hoặc hệ thống hạ thủy bằng túi khí phù hợp với trọng lượng tàu	hệ thống	01	01	01
3	Xưởng vỏ	Xưởng	01	01	01
4	Xưởng cơ khí - máy - điện	Xưởng	01	01	01
5	Các trang thiết bị đo và dụng cụ tháo lắp				
a	Thiết bị đo, kiểm tra (đồng hồ so, panme, thước cặp, thước lá, bộ lá căn, đồng hồ đo áp suất, nhiệt độ, vôn kế, ampe kế, ampe kim, điện trở kế)	Bộ	01	01	01
b	Dụng cụ tháo, lắp, sửa chữa (kim, cơ lê, mỏ lết, êtô, thiết bị tháo chân vịt, bàn máp, thiết bị đo áp lực vòi phun)	Bộ	01	01	01
c	Thiết bị thử kín nước, thử thủy lực, thử áp lực	Bộ	-	01	01
d	Dụng cụ đo bước xoắn và cân bằng tĩnh chân vịt	Bộ	01	01	01
6	Thiết bị nâng, hạ				
a	Cầu trục đôi hoặc cầu trục đơn có tổng trọng tải tối thiểu 25 tấn	Chiếc	-	01	01



b) Yêu cầu về nhân lực

TT	Tên bộ phận và chuyên môn của cán bộ, công nhân kỹ thuật	Số lượng/trình độ chuyên môn		
		Cơ sở loại I	Cơ sở loại II	Cơ sở loại III
I	Bộ phận giám sát, quản lý chất lượng thuộc các chuyên ngành kỹ thuật liên quan	Tốt nghiệp đại học trở lên		Tốt nghiệp cao đẳng trở lên
1	Vỏ tàu thủy, máy tàu thủy hoặc cơ khí tàu thuyền	01	01	01
II	Bộ phận kỹ thuật thuộc các chuyên ngành kỹ thuật liên quan	Tốt nghiệp đại học trở lên		Tốt nghiệp trung cấp trở lên
1	Vỏ tàu thủy	01	01	01
2	Máy tàu thủy, hoặc cơ khí tàu thuyền	01		
3	Điện tàu thủy hoặc điện lạnh	01	01	01
III	Công nhân kỹ thuật	Trình độ trung cấp trở lên		Trình độ sơ cấp trở lên
1	Thợ cơ khí	02	02	02
2	Thợ điện	02	02	01
3	Thợ hàn kim loại	02	02	01

2. Yêu cầu về nhà xưởng, trang thiết bị, nhân lực tối thiểu đối với cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá vỏ gỗ:

a) Yêu cầu về nhà xưởng, trang thiết bị

TT	NỘI DUNG	ĐVT	LOẠI CƠ SỞ ĐÓNG TÀU		
			LOẠI III	LOẠI II	LOẠI I
1	Diện tích mặt bằng	m ²	1.000	1.500	3.000
2	Trang thiết bị để hạ thủy tàu phù hợp với trọng lượng tàu đóng	Bộ	01	01	01
3	Xưởng vỏ	Xưởng	01	01	01

4	Xưởng cơ khí máy điện	Xưởng	01	01	01
5	Các trang thiết bị đo và dụng cụ tháo lắp				
a	Thiết bị đo, kiểm tra (thước cặp, thước lá, bộ lá căn, đồng hồ đo áp suất, nhiệt độ, vôn kế, ampe kế, điện trở kế, thiết bị đo độ ẩm gỗ)	Bộ	01	01	01
b	Dụng cụ tháo, lắp, sửa chữa (kìm, cơ lê, mỏ lết, êtô, thiết bị tháo chân vít)	Bộ	01	01	01
c	Thiết bị thử kín nước, thử thủy lực, thử áp lực	Bộ	-	01	01
d	Dụng cụ đo bước xoắn và cân bằng tĩnh chân vít	Bộ	-	-	01

b) Yêu cầu về nhân lực

TT	Tên bộ phận và chuyên môn của cán bộ, công nhân kỹ thuật	Số lượng/trình độ chuyên môn		
		Cơ sở loại I	Cơ sở loại II	Cơ sở loại III
I	Bộ phận giám sát, quản lý chất lượng thuộc các chuyên ngành kỹ thuật liên quan	Tốt nghiệp đại học trở lên	Tốt nghiệp cao đẳng trở lên	
1	Vỏ tàu thủy, máy tàu thủy hoặc cơ khí tàu thuyền	01	-	-
II	Bộ phận kỹ thuật thuộc các chuyên ngành kỹ thuật liên quan	Tốt nghiệp đại học trở lên	Tốt nghiệp cao đẳng trở lên	
1	Vỏ tàu thủy, máy tàu thủy hoặc cơ khí tàu thuyền	01	01	01
III	Công nhân kỹ thuật	Trình độ trung cấp trở lên	Trình độ sơ cấp trở lên	
1	Thợ cơ khí	01	01	01
2	Thợ điện	01	01	-
3	Thợ hàn kim loại	01	-	-

3. Yêu cầu về nhà xưởng, trang thiết bị, nhân lực tối thiểu đối với cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá vỏ vật liệu mới:

a) Yêu cầu về nhà xưởng, trang thiết bị

TT	NỘI DUNG	ĐVT	LOẠI CƠ SỞ ĐÓNG TÀU		
			LOẠI III	LOẠI II	LOẠI I
1	Diện tích mặt bằng	m	1.000	2.000	3.000
2	Trang thiết bị để hạ thủy tàu phù hợp với trọng lượng tàu đóng		01	01	01
3	Diện tích xưởng chế tạo vỏ (xưởng dát)	m ²	300	500	800
4	Các trang thiết bị cần thiết phục vụ công việc dát vỏ tàu	Bộ	01	02	02
5	Kho chứa nguyên liệu	Kho	01	01	01
6	Xưởng cơ khí máy điện	Xưởng	01	01	01
7	Các trang thiết bị đo và dụng cụ tháo lắp				
a	Thiết bị đo, kiểm tra (đồng hồ so, panme, thước cặp, thước lá, bộ lá căn, đồng hồ đo áp suất, nhiệt độ, vôn kế, ampe kế, điện trở kế)	Bộ	01	01	01
b	Dụng cụ tháo, lắp, sửa chữa (kìm, cơ lê, mỏ lết, êtô, thiết bị tháo chân vịt)	Bộ	01	01	01
c	Thiết bị thử kín nước, thử thủy lực, thử áp lực	Bộ	01	01	01
d	Dụng cụ đo bước xoắn và cân bằng tĩnh chân vịt	Bộ	-	01	01
8	Thiết bị nâng, hạ				
	Cầu trục đôi hoặc cầu trục đơn có tổng trọng tải tối thiểu 15 tấn	Chiếc	-	01	01

b) Yêu cầu về nhân lực

TT	Tên bộ phận và chuyên môn của cán bộ, công nhân kỹ thuật	Số lượng/trình độ chuyên môn		
		Cơ sở loại I	Cơ sở loại II	Cơ sở loại III
I	Bộ phận giám sát, quản lý chất lượng thuộc các chuyên ngành kỹ thuật liên quan	Tốt nghiệp đại học trở lên		Tốt nghiệp cao đẳng trở lên
1	Vỏ tàu thủy, máy tàu thủy hoặc cơ khí tàu thuyền	01	01	01
II	Bộ phận kỹ thuật thuộc các chuyên ngành kỹ thuật liên quan	Tốt nghiệp đại học trở lên		Tốt nghiệp cao đẳng trở lên
1	Vỏ tàu thủy	01	01	01
2	Máy tàu thủy hoặc cơ khí tàu thuyền	01	01	01
III	Công nhân kỹ thuật	Trình độ trung cấp trở lên		Trình độ sơ cấp trở lên
1	Thợ cơ khí	02	01	01
2	Thợ điện	02	01	-
3	Thợ làm khuôn và dát vỏ tàu	02	01	01



Phụ lục VI
BAN NIÊM MỤC CƠ SỞ VẬT CHẤT, GIÁO VIÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO,
BỒI DƯỠNG THUYỀN VIÊN TÀU CÁ
(Kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP
ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

I. YÊU CẦU CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ TỐI THIỂU (*)

TT	Tên trang bị, dụng cụ, thiết bị	Quy cách	Số lượng
1	Đào tạo thuyền trưởng		
a	Thiết bị hàng hải, báo hiệu hàng hải	Định vị vệ tinh GPS, ra đa, đo sâu, hải đồ; các thiết bị báo hiệu hàng hải, la bàn từ	01 bộ
b	Thiết bị thông tin liên lạc, thiết bị giám sát hành trình tàu cá	Thiết bị thông tin liên lạc HF, VHF; thiết bị giám sát hành trình tàu cá (VMS)	01 bộ
c	Trang thiết bị và ngư cụ khai thác	Có trang thiết bị và ngư cụ khai thác các nghề vây, rê, câu, chụp, lưới kéo, lồng bẫy hoặc mô hình mô phỏng	01 bộ
d	Tàu cá	Có chiều dài lớn nhất tương ứng hạng thuyền trưởng, máy trưởng đào tạo	01 tàu
2	Đào tạo máy trưởng, thợ máy		
a	Máy thủy, hệ động lực tàu thủy	Có hệ động lực tàu thủy hoặc mô hình mô phỏng	01 bộ
b	Trang thiết bị khai thác	Có trang thiết bị khai thác các nghề vây, rê, câu, chụp, lưới kéo, lồng bẫy hoặc mô hình mô phỏng	01 bộ
c	Thiết bị điện tàu cá	Có hệ thống thiết bị điện tàu cá hoặc mô hình mô phỏng	01 bộ
d	Tàu cá	Có chiều dài lớn nhất tương ứng hạng thuyền trưởng, máy trưởng đào tạo	01 tàu

* Các trang thiết bị, tàu cá có thể thuê hoặc mượn (có hợp đồng thuê/mượn).

II. YÊU CẦU SỐ LƯỢNG, TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN

1. Điều kiện chung

a) Giảng viên dạy lý thuyết: Có trình độ đại học trở lên các chuyên ngành tương ứng với nội dung đào tạo hoặc bồi dưỡng.

b) Giảng viên hướng dẫn thực hành: Có trình độ trung cấp nghề trở lên các chuyên ngành tương ứng với nội dung hướng dẫn và có kinh nghiệm làm việc thực tế trên tàu cá, tàu biển hoặc cơ sở đóng sửa tàu, sửa chữa máy tàu hoặc công tác quản lý tàu cá, giảng dạy từ 03 năm trở lên.

2. Yêu cầu cụ thể

TT	Chuyên môn	Số lượng tối thiểu ^(*)
I	Đào tạo thuyền trưởng	
1	Khai thác thủy sản	02
2	Đảm bảo an toàn tàu cá hoặc hàng hải	01
II	Đào tạo máy trưởng	
1	Máy tàu hoặc cơ khí tàu thuyền	02
2	Điện	01

Ghi chú:

(*) Giảng viên phải có hợp đồng lao động với cơ sở đào tạo bồi dưỡng từ 12 tháng trở lên theo quy định của Bộ luật Lao động.

Ngoài giảng viên đáp ứng các tiêu chuẩn trên, cơ sở bồi dưỡng thuyền viên tàu cá được thuê các chuyên gia trong và ngoài ngành, có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên liên quan đến lĩnh vực bồi dưỡng và có kinh nghiệm công tác từ 60 tháng trở lên tham gia giảng dạy, hướng dẫn các chuyên đề.



Phụ lục VII
YÊU CẦU ĐỐI VỚI THIẾT BỊ GIÁM SÁT HÀNH TRÌNH
LẮP ĐẶT TRÊN TÀU CÁ
(Kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP
ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

1. Phải được kết nối, đồng bộ dữ liệu với phần mềm giám sát hành trình tàu cá của đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình tàu cá.

2. Tối thiểu có kết nối truyền dữ liệu thông qua vệ tinh; thiết bị có thể tích hợp thêm tính năng truyền dữ liệu qua thông tin di động GSM, hệ thống thông tin sóng mặt đất sử dụng các băng tần MF, HF, VHF; truyền dữ liệu tối thiểu 12 vị trí/ngày với tần suất 02 giờ/lần các thông tin: vị trí tàu (kinh độ, vĩ độ) theo thời gian thực, thời gian (phút/giờ/ngày/tháng/năm - giờ Việt Nam); tốc độ tàu; mã nhận dạng thiết bị; trạng thái của thiết bị; có khả năng cảnh báo sớm tối thiểu 01 hải lý trước khi vượt qua ranh giới vùng được phép khai thác thủy sản trên biển bằng âm thanh hoặc đèn, thiết bị dừng cảnh báo khi tàu quay lại vùng được phép khai thác thủy sản trên biển.

3. Sai số tọa độ vị trí tàu cá nhận từ hệ thống định vị toàn cầu GPS hiển thị trên thiết bị giám sát hành trình tàu cá không quá 500 mét, độ tin cậy 99%.

4. Mỗi thiết bị phải có một mã nhận dạng độc lập.

5. Phải đảm bảo hoạt động bình thường trong môi trường hoạt động trên biển theo tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Việt Nam:

a) Đáp ứng các thử nghiệm môi trường như: Điều kiện hoạt động trong môi trường biển thử theo mức khắc nghiệt 3 theo TCVN 7699-2-52:2007. Một chu kỳ thử nghiệm bao gồm: bốn giai đoạn phun, mỗi giai đoạn 2 giờ, cùng với giai đoạn lưu giữ ở điều kiện ẩm từ 20 giờ đến 22 giờ sau mỗi giai đoạn phun; sau đó một giai đoạn bảo quản là ba ngày trong điều kiện khí quyển tiêu chuẩn để thử nghiệm ở $(23 \pm 2)^{\circ}\text{C}$ và độ ẩm từ 45% đến 55%; điều kiện hoạt động trong môi trường rung theo TCVN 7699-2-6:2009. Thiết bị phải đáp ứng được các yêu cầu của phép kiểm tra đặc tính; thiết bị đặt trong ca bin tàu cá tối thiểu đạt IP66, ăng ten và các cấu phần của thiết bị đặt bên ngoài tối thiểu đạt IP67. Phương pháp thử theo TCVN 4255:2008 (IEC 60529:2001).

b) Phải thỏa mãn các quy chuẩn tương thích điện từ QCVN 18:2022/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tương thích điện từ đối với thiết bị thông tin vô tuyến điện; QCVN 47:2015/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Phổ tần số và bức xạ vô tuyến điện áp dụng cho các thiết bị thu phát vô tuyến điện; QCVN 117:2023/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất GSM, W-CDMA, E-UTRA - Phần truy nhập vô tuyến.

6. Thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá phải có các thành phần, bộ phận như sau:

a) Bộ nhớ để lưu trữ các dữ liệu hành trình theo quy định. Thời gian lưu trữ 01 tháng gần nhất đối với dữ liệu mất sóng chưa gửi được, 06 tháng với dữ liệu lưu nội tại trong bộ nhớ thiết bị. Trường hợp thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá mất kết nối máy chủ thời gian dài, chỉ gửi lại 01 tháng gần nhất khi có sóng. Có khả năng ghi nhận và lưu vào bộ nhớ nội dung các thông tin tối thiểu trong vòng 6 tháng gần nhất, đảm bảo tối thiểu 15 phút ghi nhận 1 lần. Thông tin đảm bảo không bị thay đổi, mất trong quá trình hoạt động.

b) Bộ phận thông báo về tình trạng hoạt động bằng màn hình hoặc LED trạng thái. Các trạng thái phải thông báo được gồm có: nguồn chính, nguồn phụ (pin dự phòng), tình trạng định vị vị trí, tình trạng kết nối vệ tinh, tình trạng hoạt động bình thường hay có lỗi của thiết bị. Phải có nhãn hướng dẫn phân biệt các trạng thái này và các trạng thái cảnh báo khác.

c) Tối thiểu một nút bấm khẩn cấp ở vị trí dễ thao tác. Kết cấu của nút bấm phải có bảo vệ để tránh khả năng bấm nhầm.

d) Cổng trích xuất dữ liệu để đọc thông tin từ bộ nhớ của thiết bị. Đơn vị cung cấp thiết bị có trách nhiệm bàn giao và hướng dẫn sử dụng cho cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường và người sử dụng thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá. Các tùy chọn mở rộng cho phép thêm các chuẩn giao tiếp không dây khác như bluetooth, wifi.

đ) Có nguồn phụ (pin dự phòng) với dung lượng đảm bảo cho thiết bị hoạt động liên tục trong vòng ít nhất 24 giờ kể từ khi mất nguồn chính.

7. Nguồn điện sử dụng cho thiết bị giám sát hành trình được lấy từ điện ắc quy trên tàu. Cho phép sử dụng nguồn điện năng lượng mặt trời và phải đảm bảo sự liên tục trong việc cung cấp điện. Mức điện áp sử dụng của thiết bị phải phù hợp với mức điện áp danh định của tàu cá và có khả năng chịu cảm ngược cực theo quy định như sau: Điện áp danh định 12 (V), điện áp thử nghiệm cảm ngược cực $14 \pm 0,1$ (V); điện áp danh định 24 (V), điện áp thử nghiệm cảm ngược cực $28 \pm 0,2$ (V); điện áp danh định 36 (V), điện áp thử nghiệm cảm ngược cực $42 \pm 0,2$ (V).



Phụ lục VIII

**LIỆT KÊ CÁC TỒN THIỂU ĐƯỢC PHÉP KHAI THÁC CỦA CÁC LOÀI
THỦY SẢN SỐNG TRONG VÙNG NƯỚC TỰ NHIÊN**

(Kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP
Ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

1. Cá biển:

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Chiều dài đo	Chiều dài nhỏ nhất được phép khai thác (mm)
1	Cá trích xương	<i>Sardinella jussieu</i>	FL	80
2	Cá cơm mõm nhọn	<i>Encrasicholina heteroloba</i>	FL	50
	Cá cơm sọc xanh	<i>Encrasicholina puntifer</i>		50
3	Cá nục sò	<i>Decapterus maruadsi</i>	FL	190
4	Cá chỉ vàng	<i>Selaroides leptolepis</i>	FL	100
5	Cá chim đen	<i>Parastromateus niger</i>	FL	140
6	Cá chim trắng	<i>Pampus argenteus</i>	FL	200
7	Cá thu chấm	<i>Scomberomorus guttatus</i>	FL	320
8	Cá thu nhật	<i>Scomber japonicus</i>	FL	200
9	Cá thu vạch	<i>Scomberomorus commerson</i>	FL	730
10	Cá úc	<i>Arius sp</i>	FL	250
11	Cá ngừ chù ^(*)	<i>Auxis thazard</i>	FL	200
12	Cá ngừ chấm ^(*)	<i>Euthynnus affinis</i>	FL	360
13	Cá bạc má	<i>Rastrelliger kanagurta</i>	FL	180
14	Cá chuồn	<i>Cypselurus sp</i> <i>Panulirus</i>	FL	120
15	Cá hổ ^(*)	<i>Trichiurus lepturus</i>	AL	170
16	Cá hồng đỏ	<i>Lutjanus erythropterus</i>	FL	260
17	Cá mối thường	<i>Saurida tumbil</i>	FL	170
	Cá mối vạch	<i>Saurida undosquamis</i>		170
18	Cá sù	<i>Miichthys miiuy</i>	TL	330
19	Cá nhụ	<i>Eleutheronema tetradactylum</i>	FL	820
20	Cá gộc	<i>Polydactylus plebejus</i>	FL	200

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Chiều dài đo	Chiều dài nhỏ nhất được phép khai thác (mm)
21	Cá lạt (dưa)	<i>Muraenesox cinereus</i>	TL	900
22	Cá cam	<i>Seriolina nigrofasciata</i>	FL	300
23	Cá cam sọc	<i>Seriola dumerili</i>	FL	560
24	Cá lượng vàng	<i>Dentex tumifrons</i>	FL	150
25	Cá hè xám	<i>Gymnocranius griseus</i>	FL	150
26	Cá đế	<i>Ilisha elongata</i>	FL	180
27	Cá bẹ ấn độ	<i>Ilisha melastoma</i>	FL	120
28	Cá lè ké	<i>Alepes kleinii</i>	FL	120
29	Cá ngân	<i>Atule mate</i>	FL	180
30	Cá cơm đê vi	<i>Encrasicholina devisi</i>	FL	60
31	Cá vạng mỡ	<i>Lactarius lactarius</i>	FL	120
32	Cá sòng gió	<i>Megalaspis cordyla</i>	FL	210
33	Cá chim gai	<i>Psenopsis anomala</i>	FL	170
34	Cá ba thú	<i>Rastrelliger brachysoma</i>	FL	140
35	Cá trích lằm	<i>Sardinella aurita</i>	FL	150
36	Cá trích xương ^(*)	<i>Sardinella gibbosa</i>	FL	110
37	Cá tráo mắt to	<i>Selar crumenophthalmus</i>	FL	160
38	Cá cơm thường	<i>Stolephorus commersonii</i>	FL	70
39	Cá cơm ấn độ	<i>Stolephorus indicus</i>	FL	100
40	Cá sòng nhật	<i>Trachurus japonicus</i>	FL	190
41	Cá đu ru xen	<i>Dendrophysa russelii</i>	TL	120
42	Cá bánh đường	<i>Evynnis cardinalis</i>	FL	110
43	Cá khoai	<i>Harpadon nehereus</i>	TL	200
44	Cá đu uốp bê lăng	<i>Johnius belangerii</i>	TL	130
45	Cá đu uốp	<i>Johnius borneensis</i>	TL	110

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Chiều dài đo	Chiều dài nhỏ nhất được phép khai thác (mm)
46	Cá đối xám	<i>Moolgarda perusii</i>	FL	150
47	Cá phèn dải vàng	<i>Mulloidichthys vanicolensis</i>	FL	100
48	Cá lượng sâu	<i>Nemipterus bathybius</i>	FL	170
49	Cá lượng mê sô	<i>Nemipterus mesoprion</i>	FL	120
50	Cá lượng phu cô	<i>Nemipterus furcosus</i>	FL	150
51	Cá lượng nhật	<i>Nemipterus japonicus</i>	FL	160
52	Cá lượng đuôi dài	<i>Nemipterus virgatus</i>	FL	160
53	Cá đù đuôi bằng	<i>Pennahia anea</i>	TL	150
54	Cá đù đầu to	<i>Pennahia macrocephalus</i>	TL	170
55	Cá trác ngắn	<i>Priacanthus macracanthus</i>	TL	180
56	Cá mối ngắn	<i>Saurida elongata</i>	FL	210
57	Cá lượng doi	<i>Scolopsis taeniopterus</i>	FL	130
58	Cá đục bạc	<i>Sillago sihama</i>	FL	120
59	Cá mối hoa	<i>Trachinocephalus myops</i>	FL	140
60	Cá phèn khoai	<i>Upeneus japonicus</i>	FL	110
61	Cá phèn dải nâu	<i>Upeneus subvittatus</i>	FL	90
62	Cá phèn 2 sọc	<i>Upeneus sulphureus</i>	FL	120
63	Cá ngừ ô ^(*)	<i>Auxis rochei</i>	FL	210
64	Cá ngừ vây vàng ^(*)	<i>Thunnus albacares</i>	FL	1130
65	Cá ngừ mắt to ^(*)	<i>Thunnus obesus</i>	FL	1140
66	Cá ngừ vằn ^(*)	<i>Katsuwonus pelamis</i>	FL	500

2. Tôm biển: (tính từ hô mắt đến cuối đốt đuôi)

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Chiều dài nhỏ nhất cho phép khai thác (mm)
1	Tôm rảo	<i>Metapenaeus ensis</i>	85
2	Tôm bộp (chì)	<i>Metapenaeus affinis</i>	100
3	Tôm vàng	<i>Metapenaeus joyneri</i>	70
4	Tôm đuôi xanh	<i>Metapenaeus intermedius</i>	95
5	Tôm bạc nghê	<i>Metapenaeus tenuipes</i>	85
6	Tôm nghê	<i>Metapenaeus brevicornis</i>	90
7	Tôm choán	<i>Metapenaeopsis barbata</i>	80
8	Tôm he mùa	<i>Penaeus merguensis</i>	130
9	Tôm sú	<i>Penaeus monodon</i>	140
10	Tôm he ấn độ	<i>Penaeus indicus</i>	120
11	Tôm he rắn	<i>Penaeus semisulcatus</i>	120
12	Tôm he nhật	<i>Penaeus japonicus</i>	120
13	Tôm hùm ma	<i>Panulirus penicillatus</i>	200
14	Tôm hùm lông	<i>Panulirus stimpsoni</i>	160
15	Tôm sắt cứng ^(*)	<i>Parapenaeopsis hardwickii</i>	70
16	Tôm sắt rắn	<i>Parapenaeopsis sculptitis</i>	110
17	Tôm tit nepa	<i>Miyakaea nepa</i>	110
18	Tôm tit	<i>Harpiosquilla harpax</i>	160

3. Tôm nước ngọt: (Tính từ hốc mắt đến cuối đốt đuôi)

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Chiều dài nhỏ nhất cho phép khai thác (mm)
1	Tôm càng xanh	<i>Macrobrachium rosenbergii</i>	100

4. Các loài thủy sản biển:

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Chiều dài đo	Chiều dài nhỏ nhất cho phép khai thác (mm)
1	Mực ống ^(*)	<i>Loligo edulis</i> <i>Loligo chinensis</i>	ML	80 170
2	Mực ống beka	<i>Loligo beka</i>	ML	60
3	Mực lá	<i>Sepioteuthis lessoniana</i>	ML	120
4	Mực nang vân hổ	<i>Sepia pharaonis</i>	ML	100
5	Mực nang lỗ	<i>Sepiella inermis</i>	ML	50
6	Bào ngư	<i>Haliotis diversicolor</i>	L	70
7	Sò huyết	<i>Arca granosa</i>	L	30
8	Điệp tròn	<i>Placuna placenta</i>	L	75
9	Điệp quạt	<i>Mimachlamys crassicostata</i>	L	60
10	Hải sâm	<i>Holothuria leucospilota</i>	L	170
11	Cua	<i>Scylla serrata</i> <i>Scylla paramamosaim</i>	CW	100
12	Sá sùng	<i>Sipunculus nudus</i>	L	100
13	Ngao	<i>Meretrix lusoria</i>	L	50
14	Cầu gai sọ dừa	<i>Tripneustes gratilla</i>	L	50
15	Sò lông	<i>Anadara antiquata</i>	L	55

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Chiều dài đo	Chiều dài nhỏ nhất cho phép khai thác (mm)
16	Dòm nâu	<i>Modiolus philippinarum</i>	L	120
17	Ốc hương	<i>Babylonia areolata</i>	L	55
18	Nghêu bển tre	<i>Meretrix lyrata</i>	L	30
19	Ghẹ xanh	<i>Portunus pelagicus</i>	CW	100
20	Ghẹ ba chấm	<i>Portunus sanguinolentus</i>	CW	80
21	Nghêu lụa	<i>Paphia textile</i> hoặc <i>Paphia Undulata</i>	L	30

5. Cá nước ngọt:

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Chiều dài đo	Chiều dài nhỏ nhất cho phép khai thác (mm)
1	Cá chép	<i>Cyprinus carpio</i>	FL	150
2	Cá hoả	<i>Labeo tonkinensis</i>	FL	430
3	Cá trôi	<i>Cirrhina molitorella</i>	FL	220
4	Cá trắm đen	<i>Mylopharyngodon piceus</i>	FL	400
5	Cá trắm cỏ	<i>Ctenopharyngodon idellus</i>	FL	450
6	Cá mè trắng	<i>Hypophthalmichthys molitrix</i>	FL	300
7	Lươn	<i>Monopterus albus</i>	TL	360
8	Cá Tra	<i>Pangasianodon hypophthalmus</i>	FL	300
9	Cá bông (cá lóc)	<i>Channa micropeltes</i>	TL	380
10	Cá trê vàng	<i>Clarias macrocephalus</i>	TL	200
11	Cá sắt rần	<i>Trichogaster pectoralis</i>	TL	100
12	Cá cóc	<i>Cyclocheilichthys enoplos</i>	FL	200
13	Cá dầy	<i>Cyprinus centralus</i>	FL	160
14	Cá chát trắng	<i>Acrossocheilus krempfi</i>	FL	200

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Chiều dài đo	Chiều dài nhỏ nhất cho phép khai thác (mm)
15	Cá ngỗng gù	<i>Erythroculter recurvirostris</i>	FL	260
16	Cá chày mắt đỏ	<i>Squaliobalbus curriculum</i>	FL	170
17	Cá rô đồng	<i>Anabas testudineus</i>	TL	80
18	Cá chạch sông	<i>Mastacembelus armatus</i>	TL	200
19	Cá lóc (cá quả)	<i>Channa striata</i>	TL	220
20	Cá linh ông	<i>Cirrhinus siamensis</i>	FL	50
21	Cá mè vinh	<i>Barbonymus gonionotus</i>	FL	100
22	Cá bóng tượng	<i>Oxyeleotris marmorata</i>	TL	200
23	Cá thát lát	<i>Notopterus notopterus</i>	TL	200
24	Cá chài	<i>Leptobarbus hoevenii</i>	FL	200
25	Cá nhưng	<i>Carassioides cantonensis</i>	FL	150

Ghi chú:

- (*): Tạm ngưng hiệu lực thi hành cho đến khi sửa đổi các quy định đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, chủ trương của Đảng, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Tỷ lệ cho phép lẫn các đối tượng nhỏ hơn kích thước quy định không quá 15% sản lượng thủy sản khai thác được (lấy tối thiểu 3 mẫu ngẫu nhiên để tính tỷ lệ bình quân).

- FL: chiều dài tính từ đầu mõm đến chẻ vây đuôi.

- TL: chiều dài tính từ đầu mõm đến mép cuối vây đuôi.

- AL: chiều dài tính từ đầu mõm đến lỗ hậu môn.

- ML: chiều dài tính từ mép trên áo đến điểm cuối của thân.

- CW: chiều rộng lớn nhất của mai.

- L: chiều dài (chiều rộng hoặc đường kính) lớn nhất.